



ĐẠ HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM



DUTY, HONOR, SACRIFICE

IT IS SOMETIMES SAID THAT HEROES ARE HARD TO FIND.
PEOPLE WHO UNDERSTAND THE MEANING OF DUTY, HONOR
AND COUNTRY NEED TO LOOK NO FURTHER
THAN THOSE WHO FIGHT FOR
FREEDOM AND DEMOCRACY.

TỔ QUỐC - DANH DỰ - TRÁCH NHIỆM

NGƯỜI TA THƯỜNG NÓI KHI MÀ TÌM RA CÁC VỊ ANH
HÙNG, HÙNG DẠ HIỆU QUỐC Y NGHĨA CỦA TỔ
QUỐC, DANH DỰ VÀ TRÁCH NHIỆM. THÌ KHÔNG CẦN
TÌM ĐAU XA HƠN NHIỀU NGƯỜI ĐÃ VÀ ĐANG CHIẾN
ĐẤU CHO TỰ DO VÀ DÂN CHỦ.

116

“ANH HÙNG TỬ, KHÍ HÙNG NÀO TỬ”

(Viết cho người nằm xuống)

Tường Thúy, K20/1

Bây giờ là cuối tháng Tư, Tucson sắp vào Hạ, cái nắng không quá gay gắt vì những ngọn gió hiu hiu lạnh của những cơn mưa Xuân còn rơi rớt đâu đây, mang lại cho thành phố một cảm giác vừa gần gũi, vừa xa lạ. Tôi yêu thành phố này, nhưng tôi vẫn không bao giờ quên Sài Gòn thân yêu, mà tôi từng sống ở đó. Nhất là, tôi không bao giờ quên những ngày tháng Tư đau buồn ở quê hương tôi, miền Nam VN, nơi những người thân của chúng tôi, những bạn bè của chúng tôi đã vĩnh viễn nằm xuống vì lý tưởng Tự Do, “*vì thanh bình cho đất nước và vì an lạc cho dân lành*”, như nguyện ước của cố Thiếu Tá Tôn Thất Trân đã viết trong cuốn lưu niệm K20/TVBQGVN mà tôi đã được đọc.

Tôn Thất Trân anh là ai? Thật tình mà nói, tôi chưa bao giờ được gặp gỡ, quen biết anh ngoài đời, mà chỉ được biết anh qua những đặc san của Binh Chung TQLC, Đa Hiệu, Hậu Nghĩa, qua lời kể của chồng tôi, Hà Mạnh Sơn/K20; hay những bạn bè cùng khóa, cùng trường Võ Bị QGVN của anh, hoặc những bạn đồng ngũ, bạn chiến đấu của anh mà thôi.

Thế nhưng, đã không hiểu sao tôi chợt cảm thấy lòng mình có một cảm giác xúc động khó tả, một niềm tiếc thương, một lòng kính phục đang trào dâng trong tôi, khi nghe, khi đọc

những điều về anh. Ngày hôm nay, tôi ngồi đây viết những dòng chữ này, như một nén hương muôn màng, như một vòng hoa tươi chân thành, xin kính dâng hương hồn người anh hùng của Khóa 20/ TVBQGVN, cố Thiếu Tá Tôn Thất Trân.



SVSQ Tôn Thất Trận, 1965

Anh không chỉ là anh hùng của riêng Khóa 20, mà anh còn là một anh hùng vì quốc vong thân của toàn dân Việt Nam, khi anh đã nằm xuống cho chính nghĩa “...vì *thanh bình cho đất nước và vì an lạc cho dân lành.*” Tổ quốc ghi ơn anh, lịch sử ghi công anh. Chúng tôi những người con dân của miền Nam VN cũng luôn luôn nhớ và ghi ơn anh, cũng như nhớ và ghi ơn những anh hùng tử sĩ của VNCH đã nằm xuống để bảo vệ quê hương, để chúng tôi được sống còn đến ngày hôm nay:

*...Bao năm qua rồi anh biết không
Từ ngày áo chiến đẫm máu hồng
Người lính một thời cao ngạo ấy
Đã trả xong rồi, nợ núi sông
Anh đã nằm đây, đã ở đây
Hình hài che lấp dưới cỏ cây
Tên anh muôn thuở luôn sống mãi
Hùng khí còn đây, vẫn thật đây...*

(Thương Tiếc - Tường Thúy)

Anh còn nhớ gì không anh? Nhớ ngày nào anh cũng như bao chàng trai đất Việt, khi Tổ Quốc lên tiếng gọi, đã sẵn sàng hy sinh tuổi trẻ, gia nhập quân đội để bảo vệ đất nước, bảo vệ dân lành bằng một bầu nhiệt huyết, một ý chí hào hùng, quyết diệt bọn Cộng Sản tàn bạo vô lương:

Chàng trẻ tuổi vốn dòng hào kiệt

*Xếp bút nghiên theo việc đao cung
Thành liền mong tiến bộ rông
Thuốc gươm đã quyết chẳng dong giặc trời...*

(Chinh Phụ Ngâm- Đoàn Thị Điểm)

Năm 1963, anh đã tình nguyện ghi tên vào học Khóa 20 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại Đà Lạt, một quân trường đào tạo các cấp sĩ quan chỉ huy nổi tiếng của vùng Đông Nam Á lúc bấy giờ, với thời gian là hai năm rèn luyện.

Nếu nói Đà Lạt là vùng “địa linh, nhân kiệt” thì cũng không sai. Nơi đây là một vùng đồi núi chập chùng, suối ngàn, thác bạc nên thơ, với những rừng thông thơm ngát hương nhựa thông xanh, với những mặt hồ lung linh soi bóng mây trời, với những dòng thác bạc hùng vĩ, với những kỳ hoa dị thảo nở khắp bốn mùa. Hơn nữa nơi đây còn có một quân trường nổi tiếng, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, đã đào tạo, hun đúc không biết bao nhiêu là nhân tài cho đất nước, những người sĩ quan chỉ huy, trí dũng song toàn, những người lính quả cảm, can trường và bất khuất, mà trong đó có một người mang tên Tôn Thất Trân/ K20

Anh có còn nhớ không, những ngày xưa thân ái đó, nơi anh đã cùng các bạn trải qua những tuần đầu sơ khởi nhọc nhằn của người tân khóa sinh, để nếm mùi “*Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu*”? Từng bước các anh đã làm quen với đời sống quân phong, quân kỷ, với những bữa ăn “vuông góc”, bật dậy theo tiếng kèn báo thức... Rồi dần dần, những đêm dạ hành, những phiên gác đêm, những lần được ra phố gặp gỡ bạn bè, và nhất là những giây phút êm đềm bên người con gái anh quen, dưới rặng thông xanh hay bên dòng thác bạc, đã cho anh cái cảm giác thấy mình trưởng thành hơn, chín chắn hơn và oai vệ hơn trong bộ jaspé hay worsted. Phải thế không anh?

Thời gian hai năm trôi qua rất nhanh, dù với một khuôn mặt rất trẻ cùng cái lon thiếu úy trên vai, nhưng bầu nhiệt huyết

của người lính lúc nào cũng như sục sôi trong người, và, Thủy Quân Lục Chiến là binh chủng đầu tiên được anh chọn để gia nhập sau khi ra trường, đây cũng là một trong những binh chủng nổi danh thiện chiến của Quân Lực VNCH. Dù là em ruột của Đại Tá Tôn Thất Soạn người hùng của binh chủng TQLC, nhưng anh cũng không mong ở lại hậu tuyến mà chỉ xin được chiến đấu ngoài mặt trận. Cuộc đời binh nghiệp của anh bắt đầu từ bây giờ, người chiến sĩ này rày đây, mai đó đã đi theo đơn vị trong những cuộc hành quân ở khắp mọi miền đất nước:

*Người trai trẻ khoác áo xanh rừng núi
Anh mang danh người lính chiến Cộng Hòa
Yêu quê hương anh chẳng ngại xông pha
Nơi chiến tuyến đối đầu ngăn bước giặc*

*Người lính đó, dù gió mưa cũng mặc
Quyết giữ yên bình cho xứ sở quê hương
Chiến thắng lẫy lừng vang dội bốn phương
Nào Tổng Lê Chân, Hạ Lào, Đức Huệ*

*Nào Cổ Thành, nào Bình Giả, Đức Cơ
Nơi anh đi mầu khói súng phủ mờ
Những người lính của bốn vùng chiến thuật...*

(Vĩ Anh Là Lính - Tường Thủy)

Bước chân của người lính trẻ Tôn Thất Trân đã cùng với những đơn vị ĐĐ1/TĐ1/ TQLC, ĐĐ2/TĐ7 /TQLC, TĐP/TĐ7/ TQLC, TP3/LĐ147/ TQLC của mình, chiến đấu, mãi miết hành quân qua bốn vùng chiến thuật như: Thung lũng Việt An, Quảng Tín - Rạch Cái Thià Định Tường - Tết Mậu Thân 1968, Gò Vấp, Gia Định - Tết Mậu Thân Huế - U Minh Thượng, U Minh Hạ, Cà Mau - Vượt Biên Campuchia - Hạ Lào - Lam Sơn 719, Quảng Trị - Mùa Hè Đỏ Lửa, Trận Đánh Cầu Bến Đá, Mỹ Chánh, Quảng Trị - Đổ Bộ Bờ Biển Mỹ Thủy, Quảng Trị - Chợ Sãi, Triệu Phong, Quảng Trị - Và sau cùng anh về Hậu nghĩa với cuộc hành quân An Ninh Lãnh Thổ Đức Hòa,

Tiểu Khu Hậu Nghĩa, với chức vụ TĐT/TĐ327/ĐPQ/TK Hậu Nghĩa.

(Lê Tấn Tài, K20).

Không nơi nào là không hằn dấu chân anh. Với những trận đánh oai hùng tiêu diệt giặc Cộng, những lần nằm gai nếm mật cùng với bạn bè, với đồng đội, những lần truy đuổi kẻ thù trong đêm tối hay trong mật khu của địch, hấn anh đã thỏa mãn được trí tang bồng hồ thi của người trai thời chiến, đứng



Thủy Quân Lục Chiến cắm cờ trên cổ thành Quảng Trị, 1972 như ý nguyện của mình:

“... Thích cuộc sống hào hùng, đầy nguy hiểm và thử thách trong tương lai.”

(Tôn Thất Trân – Lưu Niệm K20).

Có phải như vậy không anh? Rồi nhất là trong trận đánh tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, một trận chiến oanh liệt khét tiếng trong lịch sử chiến đấu của QLVNCH, mà báo chí ngoại quốc không ngớt lời khen tặng các quân binh chủng đã tham chiến. Anh đã được vinh dự nhận Đệ Ngũ Đảng Bảo Quốc Huân Chương kèm Anh Dũng Bội Tinh với Nhànch Dương Liễu, khi đã anh dũng cùng các đồng đội, cùng các binh chủng

khắc của QLVNCH, đánh bật giặc thù, chiếm lại Cổ Thành và
cắm lên đó lá Cờ Vàng bất diệt của Tổ quốc Việt Nam.

*Cờ ngạo nghễ bay, Cổ Thành ghi dấu
Chiến tích oai hùng Quân Lực Việt Nam
Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù chiến đấu
Bên Biệt Động Quân anh dũng vô vàn*

Tường Thủy

Ngày 1/11/1971, anh được thăng cấp Đại Úy thực thụ, đầu năm 1974 anh lại được thăng cấp Thiếu Tá. Và cấp bậc cuối cùng của anh, trước khi bị thủ tiêu vì hận thù của những tên giặc dê hèn Cộng Sản, là Thiếu Tá/TĐT/TĐ327/ ĐPQ/ Tiểu Khu Hậu Nghĩa.

Nói về cái Hùng trong cuộc đời binh nghiệp, cũng như con người của người anh hùng Tôn Thất Trân, các bạn chiến đấu, bạn đồng ngũ, qua những bài viết, đã nhận xét về anh:

“... Là một người trai thời loạn, mang trong mình bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, dù đã được phân phối về TTHL/ TQLC, Rừng Cấm, Thủ Đức, nhưng anh đã tình nguyện xin đi chiến đấu vì anh nghĩ chiến đấu mới là đất dụng võ, chiến đấu mới là nơi anh có thể phát huy được tất cả những khả năng của một vị sĩ quan chỉ huy và anh đã được chuyển về TĐ1/TQLC. Từ đây bước chân quân hành cũng như những chiến công gặt hái được của người lính chiến này đã trải qua khắp bốn vùng đất nước, lần lượt qua các chức vụ Trung Đội Trưởng, Đại Đội Trưởng, Tiểu Đoàn Phó, v...v...”

(MX Quái Điều Lê Văn Châm)

... Riêng tôi muốn nhắc nhớ đến một người hiếu thảo với gia đình, một chiến sĩ xả thân vì đất nước, một người bạn chân tình với mọi người... Anh là Tôn Thất Trân, tính tình vui vẻ, điềm đạm, cương trực, không nịnh hót, không chèn ép bạn bè hay thuộc cấp.

...Năm 1972, anh bị thương lúc đụng độ ác liệt với quân

CSBV trong trận chiến Mùa Hè Đỏ Lửa tại Quảng Trị. Anh không chịu tổn thương. Đến khi bị thương lần thứ hai, anh đành phải rời vùng lửa đạn. Nhiệm vụ nào anh cũng hoàn thành xuất sắc, ai cũng kính mến và thương yêu anh...”

(MX Thần Tiên Lưu Văn Phúc - Chuyện Cũ Ghi Lại - H107)

“...Một lần đại đội bảo vệ pháo đội TQLC gần quốc lộ (hình như pháo đội của Tiểu Đoàn 1 pháo binh TQLC) thì pháo 130 ly VC bắn đến, đạn nổ bên kia đường lộ, cách vị trí khoảng 500m. Khi trái thứ hai rớt gần lại, Đại Úy Trân la lên;

- Mọi người xuống hố, VC đang điều chỉnh pháo.

Trái thứ ba rớt cách tuyến chỉ còn non 100m và tiếp theo một loạt nổ vang trời ngay giữa tuyến. Đang nằm nấp dưới hố, tôi nghe những tiếng la to:

- Chạy mau không thôi thì chết.

Ngóc đầu lên nhìn thì thấy vài người lính pháo binh bỏ chạy ra khỏi tuyến, nhiều người trong chúng tôi cũng nhón mình lên, tính chạy theo lính pháo binh. Bất chợt một tiếng hét to:

- Đại Đội 3 nằm yên không ai được chạy.

Nhìn thấy trong đám khói bụi chưa tan, Đại Úy Trân đứng sừng sững tay cầm khẩu P38 la lớn:

- Đại Đội 3 nằm yên, không ai được chạy. Đơn vị bạn họ muốn chạy thì kệ họ, chúng ta giữ vị trí này phải ở lại đây. Ai mà tự động bỏ chạy, khi không có lệnh của tôi, thì coi chừng tôi đó, tôi sẽ bắn người đó liền.

Nhìn tướng ông đứng sừng sững mặc dầu pháo vẫn rơi. Núp dưới hố, tôi ngưỡng phục sự gan dạ của Đại Úy Trân. Tôi nói với Hạ Sĩ Tài:

- Sao ông thấy ngon lành quá vậy, bình thường trông ông hiền lành, nói nghe yếu xiu mà bây giờ trông oai phong ra phết.

Hạ sĩ Tài trả lời:

- Đại Đội 3 nhờ gương anh dũng chiến đấu của ông từ Campuchia đến Hạ Lào, nếu không thì Đại Đội 3 sẽ chịu nhiều thương vong.”

(Những Ngày Đầu Cuộc Chiến - MX Nguyễn Tín)

....Ngày 2/5/1972, một ngày nắng gắt, Đại Úy Trân ra lệnh gài mìn chống xe tăng địch. Chiều tối có tiếng xe tăng của địch đang di chuyển từ hướng Bắc xuống, Đ/Ư Trân lệnh cho toán M72 sẵn sàng. Một loạt M72 nổ, hai T54 và một PT76 bị bắn cháy ngay giữa cầu Bến Đá. Thành phần thiết giáp còn lại giật lùi trốn chạy trong các xóm làng bờ Bắc con sông. Tiếng Đại Úy Trân vang trong máy truyền tin với Thượng Sĩ 1 Thái Công Lựu, Trung Đội Phó Trung Đội 3/ĐĐ3:

- “Thằng 3 đánh một trận diệt tăng địch để đời, ráng chăm sóc anh em, đợi Lê Lai về. (Thiếu úy Lai bị thương đang nằm bệnh viện.)

Tiếng nói người anh cả của Đại Đội (Đ/Úy Trân) làm tôi thấy ấm lòng khi nhớ đến lời trấn an lúc tôi bị thương ở Hạ Lào.”

(MX Hùm Xám Nguyễn Tín -
Chuyện Cũ Ghi Lại –Đa Hiệu 107)

Sự chiến đấu gan dạ, hào hùng, quả cảm của anh, người hùng Tôn Thất Trân, đã được đánh dấu bằng những tấm huy chương đỏ rực trên ngực áo, nào là Đệ Ngũ Đảng Bảo Quốc Huân Chương với Nhành Dương Liễu, nào Chiến Thương Bội Tinh, rồi năm Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu, hai Anh Dũng Bội Tinh Ngôi Sao Vàng, một Anh Dũng Bội Tinh Ngôi Sao Bạc. Tất cả đã làm nức lòng những người bạn, những thuộc cấp của anh. Anh đã truyền thêm dũng khí cho họ, và cũng như lối sống, tư cách, tính tình của anh, đã khiến cho anh được nể vì. Trong lòng mọi người, sự kính phục và yêu mến anh không bao giờ phai nhạt. Anh có biết không?

Riêng với tôi, tôi không thể viết về người anh hùng Tôn Thất Trân như những gì các bạn anh đã viết, nhưng cái hào khí hơn người của anh, cái tâm, cái trách nhiệm của một người chỉ huy đối với những binh sĩ dưới quyền, đã không màng đến tính mạng mình, khi bị thương anh đã không chịu về hậu tuyến để chữa trị:

- *“Tôi biết hết các nguyên tắc về lãnh đạo chỉ huy ở cấp Đại đội, nhưng mấy ngày nay tôi đã nắm vững địa thế, địa hình cũng như tình hình địch. Nếu đưa người khác vào đây, họ phải làm lại từ đầu, có khi còn gây thêm tổn thất cho binh sĩ chứ không phải tôi say máu ngà đâu.”*

(MX Đỗ Phú Ngọc – Hùng Khí Tôn Thất Trân)

Cũng như sự bất khuất, cao ngạo và kiên cường của anh trước kẻ thù, anh vẫn không chịu buông vũ khí, anh thà chết vinh chứ không chịu sống nhục.

Thiếu Tá Tôn Thất Trân đã khẳng khái trước mặt quân thù dù cho đã bị “gãy súng”. Cái Dũng của anh đã được thể hiện rất rõ ràng qua hành động, qua những lời đối đáp của mình với giặc:

- *“Tôi là Thiếu Tá Tiểu đoàn trưởng 327, theo lệnh thượng cấp dẫn đơn vị về đây để bàn giao chứ không phải để các anh tước vũ khí và đầu hàng.”*

(MX Đỗ Phú Ngọc – Hùng Khí Tôn Thất Trân)

Theo lời kể của Thiếu Tá Tô Công Thất, Cựu Quận Trưởng Đức Hòa, trong “Chuyện cũ ghi lại”, ông đã gặp Thiếu Tá Tôn Thất Trân khi bọn VC đưa ông vào lò gạch, ông sợ cái “Thần Khí” bất khuất của Thiếu Tá Trân nên: *“...đã buông lời khuyên Thiếu Tá Trân nên nhẫn nhục để mong giữ lại tính mạng, còn về với gia đình. Nhưng Trân không trả lời, chỉ bước tới bước lui, nét mặt tái đi, mắt long lên, môi mím lại. Tôi cảm thấy như đã lỡ lời với Trân, lời khuyên ấy không có giá trị gì hèn quá. Trân đã chọn thái độ riêng cho Trân...”*

Và đây là cuộc đối thoại của Thiếu Tá Trần với đám CS, theo lời kể của Thiếu Tá Tô Công Thất:

“Mới vào gian phòng này, ba bốn tên nhào tới đè vật em xuống, tước khẩu K54 và cái lưỡi lê AK (chiến lợi phẩm Trần luôn luôn mang bên mình), giựt lon của em, móc túi lấy giấy tờ và tờ nghị định Đề Ngũ Đảng BQHC của em, rồi chúng lôi em đứng dậy. Tên không mang vũ khí không nói gì về việc bàn giao mà quát to:

- “Với khẩu súng và lưỡi lê này, mày đã giết bao nhiêu cách mạng?”

Em cũng to tiếng cốt để anh em bên ngoài nghe tiếng:

- “Đó là chiến lợi phẩm của đơn vị, tôi giữ làm kỷ niệm chiến trường. Tự tay tôi chưa bắn giết ai cả!”

- “Thế tại sao mày được Mỹ Ngụy cho cấp thiếu tá?”

- “Tôi lên cấp là thành tích của đơn vị do tôi chỉ huy chứ không phải bắn một vài người mà lên cấp.

Tên này lập luận hồ đồ, rất yếu, mở miệng là em quạt liền. Nó cứng họng không hỏi nữa, nó lấy giấy tờ ra đọc, đến tờ nghị định, vừa đọc mặt nó đỏ lên trở lại, vò tờ giấy vứt mạnh xuống đất, không nói gì cả. Em cúi xuống lượm lên, vuốt lại, xếp làm tư, bỏ vào túi áo bên trái, Trần diễn tả cử chỉ này. Em biết nó tức lắm, muốn bắn em cho hả dạ, Em cũng mong nó bắn em đi, nếu không còn bị chúng làm nhục em nữa....”

Có lẽ, dù biết tờ Nghị Định BQHC có những dòng chữ “*Ấn thưởng Đề Ngũ Đảng Bảo Quốc Huân Chương kèm theo Anh Dũng Bội Tinh Với Nhànch Dương Liễu. Thành tích: Tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, Đại Đội đã diệt 300 Cộng Sản Bắc Việt*” cùng với lời lẽ khẳng khái bất khuất trước quân giặc, đã định đoạt số phận của mình, nhưng người anh hùng Tôn Thất Trần không vì thế mà chịu khuất phục trước thế thượng phong của giặc.

Và Thiếu Tá Tô Công Thất đã phải tự nhận: “...*Nhìn thấy*

khuôn mặt Trân rất rạng rỡ và hạnh phúc đến độ tôi không mở được lời. Lời nào bây giờ của tôi cũng Hèn trước Trân, một sĩ quan đàn em cách tôi bốn khóa...”

- Trân thật hiền ngang, thật anh hùng, tôi không bằng Trân. Tôi hèn có lẽ trời cho tôi sống để nói lên cái anh hùng, cái hiền ngang của Thiếu Tá Trân cho TTĐ327/ĐPQ, cho bà con Đức Hòa, gia đình anh chị Trân cũng như anh Soạn, vừa là cấp chỉ huy, vừa là bào huynh, của Trân biết.”

Tất cả những điều đó đã thật sự làm tôi xúc động, đã cho tôi cái cảm xúc để viết về anh, để vinh danh anh. Thật đáng nể làm sao, giữa một bầy lang sói hung hãn như thế mà anh không hề biết khiếp sợ là gì. Tiếng nói hào hùng của anh dường như còn văng vẳng đâu đây. Tôi đã tưởng tượng ra dáng vẻ hiền ngang và ngạo nghễ của anh khi đối đáp với quân thù. Anh quả không hổ danh là một Tiểu Đoàn Trưởng, sĩ quan chỉ huy của Tiểu Đoàn 327/ĐPQ và nhất là không thẹn với danh xưng của một người cựu sinh viên sĩ quan xuất thân từ một quân trường nổi tiếng, TVBQGVN.

Sự kính phục và ngưỡng mộ anh sẽ luôn luôn còn mãi trong tôi, trong lòng những người bạn bè quen biết và quý mến anh: Người anh hùng Tôn Thất Trân.

“Rừng lá xanh xanh lối mòn chạy quanh, đời lính quen yêu gian khổ quân hành, nghe từ ngày thơ tiếng súng triền miên, đánh giặc lâu bền cho non nước bình yên...”

(Rừng Lá Thấp - Trần Thiện Thanh)

“Đánh giặc lâu bền cho non nước bình yên” đó là ước nguyện của những người lính VNCH, trong đó có anh. Anh đã chẳng từng viết: *“Thích cuộc sống hào hùng, đầy nguy hiểm và thử thách trong tương lai. Nguyện dâng thân để nối gót các bậc đàn anh, góp phần đem lại thanh bình cho đất nước, và an lạc cho dân lành”* hay sao?

Sự can trường, bất khuất, của cố Thiếu Tá Tôn Thất Trân làm tôi lại nhớ đến biết bao câu chuyện tôi đã được đọc, được

nghe kể về những người sĩ quan, những người lính của một quân đội kiêu hùng như “Ngũ Hổ Tướng Quân của Quân Lực VNCH,” các vị Tướng tiết tháo đó là: Cố Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, cố Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, cố Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, cố Chuẩn tướng Trần Văn Hai, cố Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, đã tự sát theo tinh thần Phan Thanh Giản, thành mất tuân tiết theo thành, để không lọt vào tay giặc.

Ngoài ra còn biết bao nhiêu những anh hùng vô danh



*SVSQ Huỳnh Túy Viên,
1965*

khác, thuộc đủ mọi binh chủng, mọi cấp bậc, từ người lính đến những người sĩ quan, giống như anh Tôn Thất Trân. Các vị ấy cũng đã từng anh dũng chiến đấu, đã từng hiên ngang không chịu khuất phục đầu hàng bọn Cộng Sản, nên cuối cùng phải tuân tiết hoặc bị chúng hạ sát như cố Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, cố Trung Tá Cảnh Sát Nguyễn Văn Long v...v... để bảo vệ màu cờ, sắc áo của quân đội mình. Riêng

về K20, những người bạn đồng khóa của cố Thiếu Tá Tôn Thất Trân, chúng ta phải kể đến cố Thiếu Tá Huỳnh Túy Viên dù bị bắt trong tay giặc anh quyết không đầu hàng. Chúng hành hạ thân xác anh thật dã man trong ba ngày và cuối cùng anh đã bị chúng xử bắn tại sân vận động Cà Mau. Còn cố Đại Úy Hoàng Đình Đạt, hai lần được lệnh rút lui, nhưng anh không bỏ đồng đội, tuy đã bị thương anh vẫn cố tử thủ cùng binh sĩ dù biết giặc đang tấn công bằng chiến thuật biển người, và kết quả anh đã hy sinh trong tay giặc ngày 15/4/1975.

Chị Hoàng Đình Đạt đã kể cho tôi nghe về chồng mình trong dòng nước mắt đau thương, nhớ nhung người chồng đã khuất. Nếu như vợ của những người lính khi chồng họ đã nằm

xuống, đã hy sinh vì chính nghĩa, vì Tự Do của dân tộc, họ luôn hãnh diện về chồng mình, thì chị cũng như họ, trong sự thương đau chất ngất của mình, lòng tâm sự ghen ngào ấy cũng luôn ẩn chứa một niềm kiêu hãnh về anh, về người lính Võ Bị/ K20 của Trung Đoàn 52, Sư Đoàn 18 Bộ Binh,

Chị luôn biết ơn những người bạn đồng khóa, đồng trường với Tình Tự Võ Bị ngày ấy, đã giúp chị tìm được xác chồng mình, còn bây giờ... chị không nói tiếp chỉ nhìn tôi bằng cặp mắt đầy lệ và thờ dài. Tôi cũng đưa tay gạt nhẹ những giọt nước mắt, mà qua câu chuyện kể của chị, đã rơi xuống còn đọng trên má mình. Tôi cũng ngầm đồng ý với chị về những điều mình thấy, nhưng tôi cũng chỉ được phép ghi nhận trong ý nghĩ, chỉ được buồn, mà không có quyền nói về cái Tình Tự Võ Bị, niềm kiêu hãnh của chồng mình.



*Đại Úy Hoàng Đình Đạt,
1970*

Dù không phải là người trong quân đội, nhưng là vợ của một người lính, tôi cũng hiểu được một phần nào sự gian khổ cùng cực của những người lính chiến đấu, thuộc mọi quân binh chủng của Quân Lực VNCH, bằng chính những cảm nghĩ, những tâm tư của mình, hay qua lời kể của những người thân, những người bạn trong quân đội, hoặc qua báo chí. Hơn nữa tôi cũng đã từng xem những phóng sự chiến trường trên truyền hình, cũng đã từng có những hồi hộp, những lo lắng khi theo dõi bước chân của các anh trong những trận chiến khốc liệt, dù rằng những lo lắng này, những hồi hộp này chỉ là một phần vụn, phần triệu những gì thật sự mà các anh đang phải đối mặt.

Hình ảnh người lính trùm poncho nằm dưới cơn mưa tầm tã, hình ảnh đoàn quân đang lội một cách khó khăn trong những

vũng lầy, nước ngập ngang lưng với khẩu súng dơ lên cao để bảo vệ vũ khí của mình, hay hình ảnh anh lính công người bạn bị thương trên lưng, đã làm lòng tôi xót xa, tê tái. Có nhìn thấy những làn đạn pháo kích, sáng rực trong đêm thay cho những đốm hỏa châu trong thành phố, hay hình ảnh các anh với quân trang, quân dụng đeo trên người, đứng dưới cái nắng gay gắt, để chờ chuyển trực thăng đổ bộ ra mặt trận, mới thấy sự hy sinh to lớn của các anh như thế nào, mới biết thương và cảm phục các anh như thế nào. Và trong đám người ấy biết đâu chẳng có người thân, có bạn bè của chúng tôi và biết đâu nữa đã chẳng có anh, anh Tôn Thất Trân. Rồi sau những chuyến trực thăng vận ra chiến trường ấy, hay sau những chuyến hành quân băng rừng, lội suối, đụng độ với quân thù, bất kể ngày hay đêm, ai sẽ là người còn, ai sẽ là kẻ mất, hay may mắn hơn, sẽ chỉ để lại một phần thân thể mình trên mảnh đất quê hương khôn khổ, đau thương vì chiến tranh này:

“Hồi người chiến sĩ đã để lại cái nón sắt bên bờ lau sậy này. Bây giờ anh ở đâu? Bây giờ anh ở đâu? Còn trên đời này, đang xông pha đèo cao dốc thẳm, hay đã về, về bên kia phương trời miền viễn chiêm bao...”

(Người Tình Không Chân Dung – Hoàng Trọng)

Có ai không cảm thấy đau xót, không cảm thấy nao lòng?

Rồi khi các anh đang xông pha trên chiến địa, chiến đấu vì sự tồn vong của đất nước, vì sự an bình cho người dân, thì những người ở lại chỉ còn biết tự hỏi những câu hỏi xót xa đắng lòng:

“Giờ này anh ở đâu Không quân vỗ cánh đại bàng? Giờ này anh ở đâu Thủy Quân Lục Chiến kiêu hùng? Giờ này anh ở đâu vượt đường xa Thiết Giáp anh tung hoành? Anh ở đâu? Anh ở đâu?”

(Giờ Này Anh Ở Đâu? Khánh Bằng)

Và sẽ có mấy ai biết được câu trả lời là gì? Tất cả những người ở hậu phương chỉ có một ước nguyện nho nhỏ là nếu

khi các anh đã nằm xuống, trong cuốn lịch sử của quân binh chúng mình, xin có một tờ dành riêng để đưa hình ảnh các anh dưới tiêu đề “Anh Hùng Tử Sĩ” hay “Vị Quốc Vong Thân” với một hàng chữ be bé, như trên tấm mộ bia: Tên... Cấp bậc... Đơn vị... Tử trận: ngày... tháng... năm... tại... Đơn giản thế thôi, để người thân các anh được an ủi rằng các anh cũng có mộ bia, không là “chiến sĩ vô danh”.

Xin đừng để người đã nằm xuống vì Tổ Quốc, vì Quê Hương, vì Dân Tộc, phải tủi vong linh khi đã là người khuất mặt, khuất mắt rồi nay lại phải khuất cả tên nữa. Mọi người rồi sẽ không còn nhớ đến các anh là ai, tên các anh sẽ bị mai một và ơn của các anh sẽ bị vùi lấp trong lãng quên. Có buồn lắm không? Thử hỏi trong chúng ta, có ai muốn mình trở thành kẻ vong ơn bội nghĩa với những người tử sĩ, đã hy sinh mạng sống của mình để cho dân chúng được sống an lành, cho quê hương được mãi mãi yên bình không????

Nhớ lại những ngày xa xôi ấy, đã có những lần tôi không ngủ được khi nghe trong đêm, tiếng bánh xe nhà binh chuyển quân chạy ngang thành phố. Tôi bước ra lan can, ngồi xuống thềm đá lạnh, nhìn những đoàn xe đi qua và cũng đã từng tự hỏi: Sau chuyến hành quân này, ai sẽ là người được trở về và ai sẽ vĩnh viễn ra đi bỏ lại sau lưng mình tất cả những thương yêu, những ràng buộc, những trách nhiệm, bỏ lại tất cả những ước mơ tươi đẹp, những khát vọng về một tương lai rực sáng.

*Những cuộc chia lìa khởi sự đây
Cây đàn xum họp đứt từng giây
Sao nhà ga ấy, sân ga ấy
Chỉ để cho lòng đau biệt ly
Những đôi mắt ướt nhìn đôi mắt
Buồn ở đâu hơn ở chốn này.*

(Bóng Người Trên Sân Ga - Nguyễn Bính)

Các anh có biết rằng ngày tiễn các anh ra đơn vị chiến đấu để bảo vệ quê hương, những người thân yêu của các anh đã

đặt vào các anh niềm tin tuyệt đối, các anh sẽ chiến thắng và sẽ trở về. Họ hy vọng, họ đợi chờ ngày các anh trở về trong vòng tay thương yêu, triu mến của người cha già, mẹ yếu, người vợ trung trinh, cũng như của mọi người trong gia đình. Lúc đó, họ sẽ lắng nghe các anh kể về những trận đánh oai hùng của anh có tiếng đạn nổ, bom rơi, họ sẽ vui mừng khi các anh thoát được cái chết cận kề, cũng như họ sẽ xót xa, lo



*Ông Hà Quốc Ân, Phó Tỉnh
Trưởng Nội An Tỉnh Quảng
Ngãi, 1961.*

lắng về những vất vả, khổ sở, những hiểm nguy mà lúc nào cũng bủa vây, kề cận các anh.

Thế nhưng niềm hy vọng này, niềm tin này còn được bao nhiêu, hay chỉ còn lại những đau thương khi những vành khăn tang trắng được chít vội lên đầu họ, vì sự hận thù, sự khát máu, vô nhân của loài quỷ đỏ phương Bắc và... tôi đã buồn, đã khóc. Tôi khóc cho thân phận những người lính còn quá trẻ, trong đó có bạn bè, người thân của chúng

tôi.

Tôi đã nhớ đến bố chồng của tôi, cô Đại Úy Hà Quốc Ân, Phó Tỉnh Trưởng Nội An, tỉnh Quảng Ngãi. Bố tôi cũng đã anh dũng hy sinh vào ngày 11/10/1961, trong một cuộc hành quân giải tỏa đồn Gia Vực, quận Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, khi tình nguyện chỉ huy thay thế cho vị Quận Trưởng bị bệnh bất ngờ. Bố đã được truy tặng Bảo Quốc Huân Chương Đệ Ngũ Đảng kèm Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu. Lúc đó Bố tôi cũng còn rất trẻ và việc ra đi của Bố đã để lại bao thương tiếc, đớn đau cho cha già, mẹ yếu, cho người vợ trẻ và đàn con thơ, một mất mát to lớn mà không gì có thể bù đắp nổi, không gì có thể thay thế nổi.

Cái tham vọng nông cuồng vô nhân tính của loài quỷ đỏ CS Bắc Việt muốn thôn tính miền Nam theo lệnh Nga Sô, Trung Cộng, đã gieo không biết bao nhiêu là tang tóc thê lương cho người dân của miền Nam, và ngày 30/4/1975 đã trở thành một nỗi đau thương vô bờ bến của toàn dân miền Nam Việt Nam.

Sau ngày 30/4 /1975 khi miền Nam hoàn toàn bị cưỡng chiếm, CSBV đã tắm máu người dân bằng những thủ đoạn đê hèn, tàn ác. Biết bao gia đình đã tan nát, đau thương bởi sự trả thù khốc nạn của bè lũ Cộng Sản khát máu, vô lương. Những đứa trẻ thơ vô tội đã phải mất cha, những người vợ trẻ đã phải mất chồng, cha mẹ già mất con, và gia đình cố Thiếu Tá Tôn Thất Trân cũng là một trong những gia đình phải chịu sự đau đớn, tang tóc này. Anh Tôn Thất Trân đã nằm xuống bởi sự hận thù hèn hạ của lũ giặc khát máu CS:

“Giặc đã không dám công khai giết anh tại chiến trường, mà lén lút dẫn anh vào khu rừng dừa nước rậm rạp để hạ sát anh tại Bình Chánh, Gia Định ngày 1/5/1975. Mãi đến 32 năm sau gia đình mới tìm được xác “Anh hùng vị quốc vong thân”

(MX Tô Văn Cấp, K19/ TVBQGVN)

Anh Tôn Thất Trân, anh đã đi rồi, đi xa rồi, linh hồn anh bây giờ đang ở đâu, ở nơi vùng trời miền viễn xa xôi nào, anh có hay sự ra đi của mình đã làm tan nát trái tim người vợ trẻ, ngày đêm hằng mong ngóng bóng dáng anh trở về, và đứa con thơ, cháu Tôn Nữ Thanh Tâm mới được sáu tháng chưa một lần biết bập bẹ tiếng gọi cha, đã phải chịu quần vội trên đầu một mảnh khăn tang trắng, anh có nghe thấy tiếng khóc của họ không anh? Còn cha, còn mẹ, còn anh chị em, những người thân yêu của anh, họ đã phải đau đớn biết bao nhiêu về sự mất mát to lớn này, anh có hay gì không anh? Gia đình anh luôn luôn sẽ còn nhớ đến anh, nhớ tiếng cười, giọng nói, nhớ hình, nhớ dáng của anh, làm sao quên được đây? Bao giờ quên được đây?

Bài thơ làm bằng máu lệ tự con tim của người chị khóc em mình, còn xót xa nào bằng:

*Tháng năm ngày giỗ chú Trân
Linh hồn của chú quỳên cùng nước non
Ra đi khắp bốn phương trời
Miệng cười thỏa mãn, chí trai vẹn toàn*

Anh hùng vị quốc vong thân
Đầy bầu nhiệt huyết không hàng địch quân
Đạn bay kết liễu tấm thân
Chú đành ngã gục, bãi bùn chôn thân

*Thịt xương bón đất quê hương
Cỏ cây xanh tốt máu đào nuôi thân
Thương cho chú tuổi còn son
Mới ngoài ba chục hy sinh cuộc đời*

Thắp hương ghi tạc tấm lòng
Gia đình nhớ chú người em trai hiền
Khói hương bay tỏa khắp phòng.
Hồn thiêng chú hãy hiện về thăm anh.

(Khóc Em - Chị Bầu Trai)

Mất anh, gia đình anh mất đi một người con hiếu thảo, một người em thân yêu, một người chồng yêu dấu, một người cha gương mẫu, bạn bè anh đã mất đi một người bạn hiền ngang, bất khuất và tổ quốc mất đi một cánh tay bảo vệ đất nước, quả cảm, can trường như anh.

Biết nói gì đây khi anh đã ra đi rồi, vâng nay anh đã xa rồi, đã ngàn thu vĩnh biệt với trần gian, bây giờ những gì thuộc về anh trên cõi đời này, những chiến công, những huy chương, những yêu, thương, giận, ghét, anh đã rũ bỏ để thành thời về miền vĩnh phúc, với anh tất cả chỉ là phù du, ảo ảnh mà thôi. Có còn lại chẳng chỉ còn là những ký ức, những kỷ niệm, ở trong tận cùng tâm hồn của mọi người, về anh, về một hình bóng thân yêu ngày nào, mà không bao giờ xóa mờ được. Anh sẽ sống mãi trong lòng những người yêu mến anh, bạn bè của

anh. Tên của anh luôn được ghi nhớ, sẽ chẳng bao giờ trôi vào trong lãng quên đâu anh, người anh hùng Tôn Thất Trăn.

Nhưng rồi thanh sử thêm trang nữa

Anh đã ra đi giữa núi đồi

Bao kẻ tiếc thương người tử sĩ

Em về đau đớn mãi không vui

Thôi hãy ngủ yên dưới mộ phần

Chiều nay chợt dậy nổi băng khuâng

Tóc tang ngày ấy chưa mờ xóa

Em gọi tên anh mấy vạn lần

(Gửi Người Dưới Mộ - ViVân)

Xin cho một lần được nói lời vĩnh biệt cùng anh, dù có hơi muộn màng. Ngoài những người thân, bạn bè của anh, chúng tôi, những người được biết anh vào thời khắc này, cũng sẽ không bao giờ quên tên anh, cố Thiếu Tá Tôn Thất Trăn, người anh hùng của toàn dân VN. Anh xứng đáng nhận được sự trân quý này của mọi người, sự tiếc thương này của mọi người. Xin hãy an nghỉ và xin nguyện cầu cho anh linh của anh được thanh thản nơi cõi Thiên Đường thanh thang.

Tiếng hát của người ca sĩ vang lên từ một đĩa nhạc, nghe thật buồn, để lòng tôi chợt thấy như chùng xuống:

“ ...Anh nằm xuống cho hận thù vào lãng quên, tiễn đưa nhau trong một ngày buồn, đất ôm anh đưa về cội nguồn, rồi từ đó, trong trời rộng đã vắng anh, như cánh chim bỏ rừng, như trái tim bỏ tình, nơi đây một lần, nhìn anh đến những xót xa đành nói cùng hư không....”

Thôi xin đành khép lại ở đây, vì nếu tiếp tục, tôi sẽ khóc mất... Ngoài trời hình như sắp mưa, và có thể cơn mưa này sẽ dai dẳng.

Tucson – AZ - 2016

Sau Gần Nửa Thế Kỷ Rút Khỏi Việt Nam **MỸ VẪN CHƯA THAY ĐỔI CHIẾN THUẬT**

Nguyễn Đạt Thịnh, K6

Chiến thuật cần thay đổi -đề tài của bài báo này- là chiến thuật chống du kích; trong những năm 1960, Mỹ vụng về như thế nào trên chiến trường Việt Nam, thì suốt 60 năm sau, trên chiến trường Trung Đông họ cũng lúng túng như vậy trước chiến thuật du kích của người Hồi Giáo.

Hôm thứ Hai 21 tháng Giêng 2019, quân Taliban tấn công một Trung Tâm Huấn Luyện tình báo của A Phú Hãn tại tỉnh Wardak. Trận tấn công diễn ra vào thời khắc quân đội Mỹ đang co rút lại, và chuẩn bị rút ra khỏi nhiều chiến trường ngoại biên như A Phú Hãn và Syria.

Quân tấn công sử dụng chiến thuật đánh xe bom; mở đầu cho đoàn xe bom là một chiếc quân xa Humvee của quân đội Mỹ -chứa đầy thuốc nổ chạy thật nhanh vào Trung Tâm Huấn Luyện tình báo Wardak.

Ông Mohammad Sardar Bakhtyari -Phó Chủ Tịch Hội Đồng thành phố Wardak, ước lượng quân trấn thủ tổn thất khoảng 50 người trong tổng số 150 binh sĩ của một đơn vị mới được gửi tới tăng cường lực lượng đồn trú.

Sức nổ của khối thuốc súng chất đầy trên chiếc Humvee, phá vỡ pháo đài phòng thủ của căn cứ Wardak CreditCreditJawad

Lực lượng tấn công chỉ có 4 người -tên lái chiếc Humvee đã chết cùng với chiếc xe bom hấn lái; 3 tên còn lại ngồi trên một chiếc Toyota sơn trắng chạy theo chiếc Humvee; sau khi chiếc Humvee nổ tung, gây tổn thất nặng cho quân đồn trú, 3 tên ngồi trên chiếc Toyota mở cửa xe nhảy xuống dùng AK47 thanh toán những thương binh nằm rải rác trên sân cò. Những người này bắn trả lại và giết toàn bộ toán đặc công 4 người của Taliban.

Thị trường thành phố Wardak, ông Sardar Bakhtyari nói, “cuộc đột kích diễn ra như một tiếng sét -tàn bạo, nhưng thần tốc và nhanh chóng chấm dứt; không có những tiếng súng truy kích dây dưa; không còn những tên khủng bố tìm đường thoát thân.”

Một viên chức dân sự khác -ông Sharifullah Hotak- mô tả trận đột kích chớp nhoáng, “tiếng nổ chiếc Humvee gây ra lớn khiếp đảm, vì nó chở nhiều thuốc nổ lắm. Nổ lớn như tiếng bom; nhiều căn nhà cất gần trại huấn luyện cũng rung chuyển, hư hại.”

Chiếc quân xa Humvee có thể là một phương tiện vận tải của lực lượng Mỹ, bỏ lại bên đường sau khi bị trúng mìn, hoặc bị bắn hư hại, được quân Taliban kéo về sửa chữa để sử dụng như một chiếc xe bom với lợi thế nguy trang - gây hiểu lầm cho dân địa phương, tưởng là một quân xa Mỹ.

Một sơ hở không thể tha thứ của lực lượng quân sự trú phòng trong trại huấn luyện Wardak là để cổng trại mở toang khiến 2 chiếc xe khủng bố chạy hết tốc độ vào trong trại được.

Những sai lầm đó nhỏ, và dễ sửa chữa; chỉ cần chỉ thị cho các trại quân sự sử dụng hình thức những con ngựa sắt (Chevaux de frise) làm bằng cây dài có quần giày kẽm gai chung quanh làm chướng ngại vật không cho xe chạy thẳng tuốt vào trong trại; để giải quyết nạn quân khủng bố sử dụng quân xa Mỹ chở bom, chỉ cần một huấn lệnh bắt các đơn vị

Mỹ phải phá tan những chiếc quân xa bỏ lại, phá đến mức không thể sửa chữa và tái sử dụng nữa.

Bên cạnh hai lỗi lầm nhỏ của trại Wardak như vừa kể, sai lầm lớn của các chiến lược gia Mỹ là họ vẫn bắt quân đội A Phú Hãn đóng đồn, như nửa thế kỷ trước họ bắt quân đội VNCH đóng đồn. Tướng lãnh Mỹ chỉ đạo chiến tranh VN, chưa người nào có kinh nghiệm phản du kích chiến; do đó mà



Binh sĩ Hoa Kỳ đang huấn luyện binh sĩ Afghanistan

tướng Westmoreland, với 500,000 quân Mỹ + thêm 1,000,000 quân VN, đánh suốt hơn 4 năm trời (từ 1964 đến 1968) với 300,000 lính VC mà vẫn không thắng.

Lỗi lầm chiến lược lớn nhất của họ là quan niệm phòng thủ diện địa. Bên mỗi cây cầu, mỗi ấp, mỗi xã họ xây một cái đồn, hoặc một cái lô cốt để bảo vệ đường lưu thông, hoặc bảo vệ dân làng.

Trên thực tế, hệ thống đồn bót đó không bảo vệ được gì cả; VC ở ngay trong làng, uy hiếp dân làng, thu lúa gạo, thu thuế, và sử dụng nhân lực dân làng vào những nhu cầu chiến tranh, như cắt đường, đắp mô, gài mìn.

Chúng thường xuyên tấn công hệ thống đồn bót của Nam

Việt, khiến lực lượng chính quy của quân đội VNCH phải can thiệp. Đến giai đoạn đó, chúng áp dụng chiến thuật công đồn dã viện, gây tổn thất cho chính những đơn vị được gửi đến giải tỏa những đồn, những ấp bị chúng tấn công với mục đích bắt quân chính quy VNCH sa lầy vào nhiệm vụ bảo vệ diện địa.

LỰC LƯỢNG PHÒNG THỦ NAM VIỆT gồm 3 tổ chức: Nghĩa Quân, Địa Phương Quân và Chủ Lực Quân. Nghĩa Quân là lực lượng quan trọng nhất vì các đơn vị này mang trọng trách bảo vệ nông dân, bảo vệ làng thôn.

Các chiến lược gia Pháp và Mỹ đã sai lầm, nhốt người Nghĩa Quân trong đồn, bót, chia cách họ với đối tượng họ có trọng trách bảo vệ; một cái ấp với 1,000 nông dân được bảo vệ bởi một tiểu đội 12 Nghĩa Quân.

Đêm về, 2 tên VC với 2 khẩu súng nhỏ, xâm nhập ấp bắt ông trưởng ấp, ông hương sư, và cô giáo làng, đưa vào rừng ‘*giáo huấn*’; 997 người nông dân còn lại sợ xanh mặt, tiểu đội nghĩa quân, báo cáo lên xã, lên quận. Quận đưa Địa Phương Quân vào một cuộc hành quân kéo dài một, hai tuần lễ, lính Địa Phương Quân đi tìm trên đường mòn, trong lúc 3 viên chức ấp bị VC nhốt dưới hầm, hầm cách đường mòn chỉ mười, 15 thước, nhưng lính ĐPQ không biết chỗ nào để chặt cây, phát chòi vào giải thoát 3 viên chức bị bắt.

Cuộc hành quân đến ngày thứ 10, thì một Nghĩa Quân đạp trúng một quả lựu đạn gài bẫy, anh này chết tại chỗ, 2 anh khác đi gần đó bị thương.

Quận chấm dứt hành quân, đưa anh Địa Phương Quân tử trận về chôn cất, và gửi 2 anh bị thương vào bệnh viện chữa trị.

Hai tên VC đã xâm nhập ấp 2 tuần trước, trở lại ấp. Biết hay không biết việc chúng tập hợp toàn dân ấp ra đình làng, nghe chúng tuyên truyền, tiểu đội Nghĩa Quân có nhiệm vụ bảo vệ ấp vẫn phải nằm trong đồn, vì họ chỉ có một lối thoát: công đồn, nơi mà VC đã gài sẵn một hai quả lựu đạn.

Thêm một tuần nữa, VC phóng thích 3 người bị chúng bắt -viên trưởng ấp, ông hương sư, và cô giáo làng; cả 3 đều phải nhận lời làm việc cho chúng.

Kể từ đó toàn dân ấp không dám trái lệnh VC nữa, và tiểu đội Nghĩa Quân đành nằm im trong đồn trong thế tê liệt.

Ấp bị liệt vào tình trạng mất an ninh, như vài ngàn ấp khác, nằm bên vài ngàn cái đồn vô dụng không còn khả năng bảo vệ



Một binh sĩ đang gác từ bên trong mộ Ấp Chiến Lược nông dân nữa.

Ông Ngô Đình Nhu nhìn thấy nhược điểm đó- và canh cải lại bằng hệ thống Ấp Chiến Lược; đồn Nghĩa Quân được đem vào bên trong ấp, nhưng ông vẫn chưa bỏ được cái đồn. Ông dựng thêm một lớp hàng rào quanh ấp- nói cách khác cái đồn nhỏ được làm lớn hơn, và lực lượng phòng thủ là toàn dân ấp + tiểu đội Nghĩa Quân.

Tuy chưa toàn hảo, nhưng hàng rào quanh ấp chiến lược vẫn tạo được ngăn cách giữa khạp gạo của người nông dân với hàng trăm ngàn cái miệng đói cơm của tên du kích VC, do đó tạo nhu cầu tiếp vận cho kẻ chủ chiến Hà Nội.

Võ Nguyên Giáp không đủ sức đưa về mỗi ấp mỗi tháng 1 bao gạo nên ông tướng đó phải đi đến quyết định giết 84,000

du kích quân bằng cách ném họ vào cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân, mượn súng miền Nam giết lính của ông ta.

Westmoreland mắc kế nghi binh của Giáp, đem quân Mỹ ra chờ đánh VC tại Khe Sanh, trong lúc 84,000 lính VC đánh Sài Gòn, tấn công Huế, Pleiku và trên 100 thị trấn, tỉnh lỵ, quận lỵ, và bị giết.

Westmoreland không hiểu đến cả việc trên 100 cuộc tấn công liều mạng đó chỉ là diễn hình cho 100 chiếc xe bom sau này; ông xin thêm 200,000 quân nữa, khiến Hoa Thịnh Đốn phải triệu hồi ông về Mỹ.

NẾU người lính Nghĩa Quân đừng bị nhốt trong đồn, để được sống trong ấp hòa hợp theo cuộc sống của toàn dân miền Nam mà họ có trọng trách bảo vệ, và nếu họ áp dụng chiến thuật du kích để bảo toàn lực lượng, mỗi khi ấp bị VC tấn công, thì Nam Việt vẫn còn, dù không có sự trợ chiến của nửa triệu lính Mỹ.

Đó là điều kiện tất yếu để quân chính quy Nam Việt không sa lầy trong công tác bảo vệ lãnh thổ, rồi chủ động tấn công địch, tiêu diệt chúng, tái lập hòa bình.

Cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Taliban cũng đã dài trên 17 năm rồi, mà các chiến lược gia Mỹ chưa học xong bài *‘đồn bót không có tác dụng bảo vệ lãnh thổ’* ư?

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

**Các Niên Trưởng, Các Sĩ Quan Quân Sự Vụ và Văn Hoá
Vụ, CSVSQ, quý phu nhân, các anh chị Thanh Thiếu
Niên Đa Hiệu, các Chiến Hữu, Thân Hữu, các Mạnh
Thường Quân, đã đóng góp bài vở, tài chánh, và công sức
để thực hiện**

TẬP SAN ĐA HIỆU 116

Phát Hành Tháng 5 Năm 2019.

QUAN NIỆM VÀ QUY ĐỊNH CỦA ĐA HIỆU

* * *

A. QUAN NIỆM:

Đa Hiệu là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN, là gạch nối giữa các cựu SVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương, giữa thế hệ đi trước cha anh và những thế hệ kế thừa, đại diện là các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, trên toàn thế giới. Đa Hiệu cũng là nơi để mọi người cùng chiến tuyến chia sẻ quan điểm, lập trường chống Cộng đến các chiến hữu, thân hữu, các độc giả cùng chung lý tưởng.

B. QUY ĐỊNH:

Để thực hiện được mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mỗi sẽ nhận được bài vở, như các bút ký, thơ văn qua nhiều đề tài, đặc biệt liên quan đến chiến trường xưa, đến Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số quy định cụ thể, như sau:

1. Không nhận bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chế độ và chủ thuyết Cộng Sản, đặc biệt là Cộng Sản VN.

2. Không nhận các bài viết có nội dung đả kích hay bôi nhọ cá nhân trong hay ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do rất đặc biệt. Những bài này cần chính xác và có tài liệu dẫn chứng.

3. Xin ghi rõ bút hiệu, tên thật, địa chỉ email, số phone,... để toà soạn khi cần có thể liên lạc.

4. Khi gửi các sáng tác cho toà soạn, có thể đính kèm qua email, qua bưu điện, hoặc qua CD. Có thể dùng các nhu liệu tiếng Việt như: VNI, UNIKEY, hay các nhu liệu dùng Unicode. Có thể đánh máy không dấu, hoặc viết tay.

5. Ban Biên Tập xin được phép cắt bỏ hay sửa chữa các bài viết, miễn không làm thay đổi nội dung.

6. Ban Biên Tập sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở báo khác, hay trên các trang web.

TỔNG HỘI CỨU SINH VIÊN SĨ QUAN TVBQGVN
TẬP SAN ĐA HIỆU
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN



TỔNG HỘI TRƯỞNG, KIỂM CHỦ NHIỆM
CSVSQ NGUYỄN VĂN THIẾT, K18
Email: nguyenvthiet@aol.com

* * *

CHỦ BÚT:
CSVSQ ĐỖ MẠNH TRƯỜNG, K23

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ, KIỂM THỦ QUỸ:
CSVSQ TRẦN TRÍ QUỐC, K27
tran27147@yahoo.com

* * *

PHÁT HÀNH:
Hội CSVSQ TVBQGVN Nam California, Hoa Kỳ.
Hội Trưởng: CSVSQ NGUYỄN PHƯỚC ÁI ĐÌNH, K26

* * *

ĐỊA CHỈ TOÀ SOẠN:
DA HIEU MAGAZINE
P.O. Box 8628
Fountain Valley, CA 92728
E-mail Tòa Soạn Đa Hiệu: dahieu2016@gmail.com

* * *

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

<http://tvbqgvn.org>
<https://tapsandahieu.cf/>

Group Vô Bị Việt Nam:
vobivietnam@yahoogroups.com

Mục Lục

STT	Đề Tựa	Tác Giả	Trang
1	Phản Đầu		
2	Thư Tổng Hội Trưởng	Nguyễn Văn Thiệt	6
3	Thơ Ngũ Hồ Tướng	Nguyễn Minh Thanh	10
4	“Anh Hùng Tử,...”	Tường Thúy	17
5	Mỹ Vần Chưa Thay Đổi	Nguyễn Đạt Thịnh	36
6	Vĩnh Biệt Pleiku.	Lê Quốc Toàn	42
7	Vui Buồn Đời 81	Phan Anh Tuấn	49
8	Thơ Giác Mơ Trâu Ngựa	Phạm Kim Khôi	60
9	Đêm Lâm Viên Washington	TeaLan	61
10	Cờ Vàng Phủ Lầy Giá Gương	Võ Ý	65
11	Biển Cô Lịch Sử VNCH	Đặng Kim Thu	76
12	Đại Tá Nguyễn Hữu Thông	Nguyễn Đức Thu	93
13	Ngày Tháng Sau Cùng...	Tô Văn Cấp	103
14	Thơ Không Đề	Đặng Đức Ý	114
15	Hai Chuyến Xe Sớm Mai	Võ Công Tiên	115
16	Sao Mùa Xuân Lá Vắn Rơi?	Thu Nga	117
17	Trận Đánh Cuối Cùng	Trần Ngọc Toàn	130
18	Thơ Tắm Áo Ngâm Ngùi	Nguyễn Thị Sáng Trăng	135
19	Ký Ức Còn Nhớ Mãi.	Võ Minh Hòa	136
20	Ngắn Gọn Về TVBQGVN	Đặng Đình Liêu	149
21	Lặng Lẽ Bên Đồi	Song Vũ	157
22	Mẹ Tôi	Cao Xuân Thanh Ngọc	170
23	Thơ Tâm Tình...	Nguyễn Trần	178
24	Ngày 30-4 lần thứ 44	Trần Kim Bảng	181
25	Tuổi Thơ và Ước Vọng	Trần Văn Hồ	190
26	Quyết Đấu Tranh	Minh Nguyệt	199
27	Mừng Xuân	Đỗ Nguyễn Nhật Khai	204
28	Những Người Lính Già	Hạ Bá Chung	207
29	Những Tâm Tình Góp Nhặt	Lê Văn Điền	217
30	Nén Hương Lòng	Nguyễn Diễm Nga	225

31	Phước Long...	Lê Đắc Lực	231
32	Thơ Người Trai Biệt Động	Nguyễn T Huyền Nga	247
33	Giờ Thứ 25	Trần Châu Giang	249
34	“Through Our Eyes...”	Phạm Văn Hòa	258
35	Trận Ấp Bắc	Tổ Quyên	266
36	Chiều Buồn Biên Giới	Vì Vân	280
37	Trường Võ Bị Thân Yêu...	Trần Xuân Hiện	299
38	Anh Niên Trưởng Đáng Nhớ.	Trần Văn Trữ	308
39	Thơ Những Ngày Vui Xưa	Hữu Hiền	312
40	Thư Mời Dự Đại Hội Khóa 26	Nguyễn P. Ái Đình	314
41	Bạn Hữu Đọc “Nửa Đường” của Tô Văn Cấp		317
42	“Cây Mùa Xuân 2019”	Hoàng Như Cầu	324
43	Báo Cáo Tài Chánh	Trần Trí Quốc	326
44	Trả Lời Thư Tín	Đỗ Mạnh Trường	334
45	Phân Ưu		339



ĐA HIỆU SỐ 116

Phát Hành Tháng 5 - 2019

TƯỜNG NIỆM THÁNG TƯ ĐEN

Đa Hiệu phát hành định kỳ, mỗi năm 3 số, vào các tháng 1, 5, 9. Đa Hiệu số 116 đã được phát hành vào tháng 5, 2019.

Rất mong quý vị cộng tác viên đóng góp bài vở cho

Đa Hiệu số 117, trước ngày 1 tháng 8 năm 2019.



LÁ THƯ TỔNG HỘI

Garden Grove, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Kính thưa quý Niên Trưởng,
Kính thưa quý Phụ Nhân, quý chị Phụ nữ Lâm Viên,
Thưa quý bạn Đồng môn Cựu SVSQ/ TVBQGVN và các
cháu Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu,

Hàng năm, cứ đến mùa Xuân, không ai trong chúng ta lại có thể quên năm Mậu Thân 1968 ở Huế. Ai cũng biết đã có hàng ngàn dân vô tội bị thảm sát. Nghe, đọc, nhìn thấy hình ảnh dù có thể thảm đến đâu cũng không thể cảm thấy được cái đau của người trong cuộc. Có buồn, có thương cũng không thể nếm được cái chua xót, cái khùng khiếp của người bị trói tay, bị xô xuống hố, bị chôn sống. Lòng tin nào có thể giải đáp được nỗi kinh ngạc của một người sinh viên khi thăng bạn vừa uống cà phê với mình hôm qua, hôm nay mang băng đỏ chĩa súng vào ngực mình bóp cò. Tính cách man rợ của Cộng Sản đã làm chai đá tình người, và sinh mạng của người đồng loại đã trở thành đồ chơi cho kẻ tin vào dối trá.

Bảy năm sau, tháng 3 năm 1975, Quân Đội miền Nam, tuy bị Đồng Minh cắt đứt mọi viện trợ, vẫn giữ được những cứ điểm then chốt để bảo vệ cho người dân trong nhiệm vụ Bảo Quốc An Dân. Nhưng rồi như một định mệnh oan nghiệt đổ ập xuống Quê Hương đầy khổ nạn, cơn sóng cuối cùng của ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã dập nát tất cả. Trong cơn hoảng loạn, con người không còn đủ sáng suốt để phân biệt hay lựa chọn giữa đúng và sai, giữa phải và trái, sống và chết... Người ra đi thì lưu lạc khắp nơi, người ở lại thì bị tù đầy hay làm nô lệ cho một giai cấp thống trị mới. Chúng ta đã mất tất cả, không chỉ là Quân Đội, không chỉ là Chế Độ, mà là cả Quốc Gia, cả Đạo

Lý, Tình Cảm, Văn Hoá. Những bản kịch đối trá được dựng lên khắp nơi làm xói mòn niềm tin, luân lý, đạo đức. Không còn ai tin ai kể cả cha mẹ với con cái, anh em trong gia đình, hay thân tộc đối với nhau.

Trong cái vô cùng đau đớn ấy, một góc cạnh hào hùng của các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc chiến vô vọng vào những ngày cuối cùng của miền Nam được tỏ hiện. Đã có những cấp chỉ huy, khi đơn vị đã đến được khu an toàn, đã quay lại tìm những đứa con thất lạc của mình, để rồi cùng chết với đồng đội hay bị bắt làm tù binh. Đã có những đơn vị trưởng từ chối di tản khi thuộc cấp của họ không được an toàn di tản trước. Hành động của họ được trả giá bằng hàng chục năm lao tù trong các trại tập trung “cải tạo”.

Đã có những cấp chỉ huy, công chức, cảnh sát, quân nhân các cấp, tự sát, cá nhân hay tập thể, hoặc với cả gia đình để chứng tỏ khí tiết của mình khi bất lực không bảo vệ được Đất Nước. Họ không cứu nổi đơn vị, không cứu nổi quê hương, nhưng tinh thần trách nhiệm, tinh đồng đội của họ là những viên ngọc, là chất men, là hạt giống. Tất cả, dù đã rơi vãi trong hoang tàn và đổ nát, vẫn được trân trọng giữ gìn trong tâm tưởng của những người lính, người dân miền Nam còn giữ được căn tính của mình. Những hạt giống, chất men đó được truyền đạt lại và đang nảy mầm, phát triển trong tim óc của các thế hệ nối tiếp ở trong nước, hay khắp nơi ở hải ngoại dù các thế lực đối trá đang cố gắng hết sức để tiêu diệt...

Hoàn cảnh dân Việt Nam cũng giống như hoàn cảnh dân Do Thái ở thập niên 60 sau Công Nguyên, khi Đế Quốc La Mã chiếm hết Đất Hứa và người Do Thái không còn quê hương. Số người ở lại thì bị bắt làm nô lệ, số vượt thoát được thì phân tán tản mác khắp nơi

Năm 1949, sau 2,000 năm lưu lạc, dân Do Thái đã trở về lại quê cũ của mình. Còn giữ được căn tính của dân tộc thì còn Đất Hứa.

Cá hồi phải bỏ nơi sinh ra vì nơi đó quá cạn không thể phát triển được, nhưng nó trở về chôn cũ vì nó còn biết cội nguồn.

Chim én phải rời tổ ấm vì mùa Đông khắc nghiệt, nhưng khi mùa Xuân đến, nó trở về nơi ở cũ vì nó không quên nó là con chim én.

Còn chúng ta thì sao?

Chúng ta bị chia cắt, phân tán, bị bối lự, bị nhục mạ, sống lưu vong khắp nơi, mất tất cả, nhưng không ai lấy được của chúng ta lòng tin, danh dự, và lòng tự trọng. Nếu chúng ta biết thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của anh em để không phê phán, chê trách những quyết định hành vi anh em mình trong hoàn cảnh khó khăn, trong tuyệt vọng, mở rộng vòng tay để yêu thương và tha thứ thì hạnh phúc đang ở trong tầm tay của chúng ta. Nếu chúng ta dừng tiếp tay phổ biến những tin tức sai lạc, những bản kịch cố ý bôi xấu anh em, bôi xấu dân tộc mình thì chúng ta chưa mất hy vọng.

Ở tuổi “Bảy Mươi xưa nay hiếm người có được” (Thất Thập Cổ Lai Hy), chúng ta là những chiếc lá của mùa Thu đang lung lay trước gió. Chỉ trong thời gian ngắn ngủi 8 tháng vừa qua, đàn chim Võ Bị đã tiễn đưa hơn sáu mươi CÁNH CHIM LÌA ĐÀN. Sự mất mát đó không có gì thay thế được, trừ Tinh Thần Võ Bị sẽ được lưu truyền qua các thế hệ kế tiếp.

Thời gian có ngắn, có dài, nhưng người Do Thái không quên ngày Lễ Vượt Qua nên đã chiếm lại được Đất Hứa. Con cá hồi vẫn quay về bến nước cũ vì nó không quên cội nguồn. Con chim én trở lại mái hiên xưa, dù có nhỏ hẹp nó cũng không tranh dành, vì nó biết con chim làm tổ bên cạnh nó cũng là con chim én. Chúng ta không để mất truyền thống, tình tự, lòng tự trọng, và danh dự của mình để biết yêu thương và tôn trọng nhau thì đó là niềm hy vọng và hạnh phúc không bao giờ mất.

Mỗi năm, ngày 30 tháng 4 đến, có nên chăng, mỗi chúng ta dành một khoảng thời gian ngắn để nhớ lại niềm đau cũ,

niềm đau của tình người đã mất, niềm đau của chai đá, của tranh giành xâu xé nhau, niềm đau của tuyệt vọng khi mất Quê Hương? Tưởng nhớ chuyện cũ, không phải để trách cứ ai hay trách cứ quá khứ đau thương của Dân Tộc, nhưng cũng để đừng bị quan; vì bên cạnh những đau thương đó chúng ta vẫn có những gương sáng đáng tự hào, những sức sống mãnh liệt vươn lên từ đổ nát và luôn hy vọng để đừng làm mất đi những gì chúng ta đang có. Niềm tin, tình yêu, danh dự, và lòng tự trọng, những thứ mà không ai có thể lấy được của chúng ta.

Xin chúc bình an và niềm vui đến với mọi tâm hồn thiện chí.

Trân trọng kính chào quý Niên Trưởng, quý Chị, quý anh em Đồng Môn CSVSQ/ TVBQGVN, và các cháu Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội
Tổng Hội Trưởng TH/CSVSQ/ TVBQGVN
kiêm Chủ Nhiệm Tập San Đa Hiệu

A red circular official stamp of the National Council of Vietnamese Students Overseas (CSVSQ). The outer ring contains the text "COUNCIL OF VIETNAMESE STUDENTS OVERSEAS" and "TỔNG HỘI TRƯỞNG VỐ BI QUỐC". The inner circle contains the text "CSVSQ" and "TỔNG HỘI". A signature in black ink is written across the stamp.

CSVSQ Nguyễn Văn Thiệt, Khoá 18

TỜ QUỐC GHI ƠN



VIỆT NAM CỘNG HOÀ
Ngủ Hồ Tướng,
Nước Mất, Mất Theo Nước!!

Nguyễn Minh Thanh, K22, căn tác,

* * * *

Thiếu Tướng NGUYỄN KHOA NAM
(Tư Lệnh Quân Đoàn IV - Quân Khu 4)

Vận nước nổi trôi đến bước cùng
Tướng Quân thà chết với non sông
Tang bồng xếp lại... hoa dù đỏ
Khí tiết vang theo... tiếng súng đồng

*Đất Việt xót thương cây rũ lá... !
Sông Hương tiếc nhớ nước khô dòng...!
Nghiêm mình kính cẩn trang trung liệt
Gương sáng muôn đời... sóng Cửu Long...!*

Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam (1927-1975), sanh tại Đà Nẵng, nguyên quán ở làng An Cựu Tây, Hương Thủy, Thừa Thiên, con ông Nguyễn Khoa Túc và bà Tôn Nữ Ngọc Cẩn.

Ông theo học khóa 3 Đồng Đa tại trường Sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức, khai giảng ngày 1 tháng 4 năm 1953. Ngày 1 tháng 12 cùng năm, ông tốt nghiệp với cấp bậc thiếu úy.

Gia nhập binh chủng Nhảy Dù, ông được cử làm một trung đội trưởng thuộc Đại Đội 1, Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù, và tiến dần lên đến Tư Lệnh Phó Sư Đoàn Nhảy Dù. Chuyển qua Bộ Binh, ông làm Tư Lệnh SĐ7 BB. Chức vụ sau cùng của ông là Tư Lệnh Quân Đoàn IV - Quân Khu 4, tại Cần Thơ.

Sáng ngày 1 tháng 5, Ông vận quân phục đại lễ của quân đội bước vào phòng làm việc. Khoảng 6 giờ 30 sáng, ông đã dùng súng Browning bắn vào mào tang tự sát tại chiếc ghế làm việc trong tư dinh.

Tro cốt của Ông được thờ ở Chùa Quảng Hương Già Lam, đường Lê Quang Định số 498/11 Phường 1, Gò Vấp, Sài Gòn.

* * *

Thiếu Tướng PHẠM VĂN PHÚ (Tư Lệnh Quân Đoàn II - Quân Khu 2)

Người xứ Hà Đông gốc Nhảy Dù
Dấu chân dày dạn các quân khu
Điện Biên kịch chiến rừng xơ xác
Lào Hạ giao tranh khói mịt mù

*Tây Huế bảo toàn an một thuở
Ban Mê thất thủ hận... nghìn thu...!
Nghiêng bầu độc được... hồn bay bổng
Mây trắng trời xanh... biệt Cánh Dù...!!*

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú (1928-1975), sanh tại Hà Đông, gốc Nhảy dù. Ông xuất thân từ trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt khoá 8, giữa năm 1952

Tại chiến trường Điện Biên Phủ vô cùng sôi động, ở cấp bậc trung úy ông đã chỉ huy một đại đội của Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù. Sau hơn một hơn tháng giao tranh ác liệt với Việt Minh,

ngày 16 tháng 4 Ông được thăng cấp đại úy tại mặt trận khi vừa đúng 25 tuổi.

Ngày 7/5/1954, Điện Biên Phủ thất thủ, ông bị địch quân bắt giam. Sau 20/7/1954 (Hiệp định Genève), Ông được trao trả và tiếp tục ở trong quân lực VNCH.

Ông trải qua nhiều đơn vị chiến đấu. Chức vụ sau cùng của ông là Tư Lệnh Quân Đoàn II - Quân Khu 2, đồn trú tại Pleiku.

Sáng ngày 29 tháng 4 tại tư dinh ở Sài Gòn, Ông tự sát bằng một liều Choloroquine cực mạnh. Bị hôn mê đến 11 giờ 15 trưa ngày 30 tháng 4, Ông tỉnh lại thều thào hỏi phu nhân về hiện tình chiến cuộc. Khi được biết Dương Văn Minh đã ra lệnh cho toàn thể Quân lực Việt Nam Cộng Hòa buông súng đầu hàng, Ông liền nhắm mắt từ trần!!

* * *

Chuẩn Tướng LÊ VĂN HƯNG (Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV - Quân Khu 4)

Núi sông nghiêng ngửa phận làm trai
Quân ngũ tòng chinh chí miệt mài
Dũng lược U - Minh xung trận địa
Kiên cường An - Lộc phá trùng vây

*Cờ tàn... sông núi ngùi ly biệt
Vận mạt... anh hùng ngậm đắng cay
Phòng ngủ... kinh hoàng vang tiếng súng
Ngoài trời đêm quạnh... ánh sao bay...*

Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng (1933 - 1975), người Hóc Môn, Gia Định, mồ côi cha. Ông theo học khóa 5 Sĩ Quan tại trường Sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức năm 1954, tốt nghiệp cấp bậc thiếu úy.

Ra trường Ông giữ những chức vụ tác chiến. Có lúc ông chuyển sang hành chánh: Trưởng ty Cảnh Sát, rồi quận trưởng,

tỉnh trưởng... Sau, ông được chuyển qua Bộ Binh làm Tư Lệnh SD5/ BB, căn cứ Lai Khê, Bình Dương. Tháng 3 năm 1972, Ông được thăng cấp chuẩn tướng.

Sau cuộc chiến “Mùa Hè Đỏ Lửa” 1972, Ông được thăng thưởng tại mặt trận Đệ Tam Đảng Bảo Quốc Huân Chương kèm Anh Dũng Bội Tinh với nhành dương liễu, và Huy Chương Đặc Biệt “Bình Long Anh dũng”.

Chức vụ sau cùng của Ông là Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV - Quân Khu 4 tại Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Ông tự sát bằng súng lục bắn vào tim lúc 20 giờ 45. Trước khi tự sát, Ông nói:

- ”Tôi bằng lòng chọn cái chết. Tướng mà không giữ được nước, không bảo vệ được thành, thì phải chết theo thành.”

* * *

Chuẩn Tướng TRẦN VĂN HAI (Tư Lệnh Sư Đoàn 7 BB)

Hải đăng toả sáng giữa sương mù
Liên chính kiêu hùng dũng trí mưu
Tỉnh Trưởng Phú Yên nhiều mến mộ
Chỉ Huy Cảnh Sát lúc cương nhu

*Khe Sanh tuyến lửa: - thăm binh sĩ**

Trận địa Chư Pao: - diệt giặc thù

Nước mắt ngậm ngùi... khai... độc được

Phương danh trắng chiếu... rạng ngàn thu...!!

Chuẩn Tướng Trần Văn Hai (1925-1975) là người Gò Công trong gia đình điền chủ. Ông theo học khóa 7 Ngô Quyền tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, khai giảng ngày 1 tháng 5 năm 1952

Trong đời binh nghiệp, ông đã nắm giữ những chức vụ tiểu đoàn trưởng, Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện

Biệt động Quân Dục Mỹ, Tỉnh Trưởng tỉnh Phú Yên. Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương, Tổng Giám Đốc Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia..., Tư Lệnh Phó Quân Đoàn II. Chức vụ sau cùng của ông là Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh, tại căn cứ Đồng Tâm Mỹ Tho.

Trước ngày 30 tháng 4 khoảng hơn một tuần, đích thân Tổng Thống Thiệu cho máy bay riêng xuống đón Ông di tản, nhưng Ông từ chối. Đặc biệt, Ông đã nhờ người đem tiền về cho Mẹ và báo tin dữ rồi mới tự sát...!!

Nửa đêm về sáng ngày 1 tháng 5, Ông dùng thuốc Optalidon nguyên ống 20 viên tuân tiết tại phòng làm việc!!

*Căn cứ Khe Sanh (Quảng Trị) năm 1968, ngoài đại đơn vị Mỹ, còn có Tiểu Đoàn 37 BĐQ/ VN do Đ/Úy Hoàng Phổ làm TĐT. BĐQ bố trí vòng ngoài quân đội Mỹ, hướng Đông nguy hiểm nhất. VC tấn công tuyến BĐQ nhiều lần nhưng chúng đều thất bại.

Bất chấp hiểm nguy, Đại Tá Trần Văn Hai đã tới thăm anh em tận tuyến đầu lửa đạn!!

* * *

Chuẩn Tướng LÊ NGUYỄN VỸ (Tư Lệnh Sư Đoàn 5 BB)

Chiều nghiêng thành quách đã điêu tàn
Thương tiếc anh hùng thuở dọc ngang
Cương trực thanh liêm không vị nể
Kiên trì nguy hiểm chẳng từ nan

*Can trường An - Lộc: - chờ Tank đến
Bất khuất Lai - Khê: - gác chuyện hàng
Tiếng súng sau cùng vang... vọng mãi...
Ngàn năm hương khói tưởng... linh nhan.*

Chuẩn Tướng Lê Nguyễn Vỹ (1933-1975) người Sơn Tây, thuộc gia tộc “Lê Nguyễn” danh giá. Theo học khóa 2 Lê Lợi

tại trường Võ Bị Địa Phương Trung Việt ở Huế, khai giảng năm 1951, tốt nghiệp Chuẩn úy hiện dịch.

Ông đã từng phục vụ tại đơn vị Nhảy Dù; Quận Trưởng Quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương; tiểu đoàn trưởng, trung đoàn trưởng, Tư lệnh Phó Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

Ngày Quốc khánh Đệ Nhị Cộng hòa 1 tháng 11 năm 1974, ông được thăng cấp Chuẩn Tướng. Ngày 7 tháng 11 cùng năm, Ông được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, tại Lai Khê, Bình Dương.

Ông là người hạ chiếc Xe Tăng đầu tiên của VC trong trận An Lộc 1972. Ông tổ chức “Tiểu Tổ Diệt Tăng” sẵn sàng nghinh địch và sẵn xe thiết giáp của CSBV.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi nghe Dương Văn Minh kêu gọi đầu hàng, Ông ra lệnh cho binh sĩ treo cờ trắng trước căn cứ và cho thuộc cấp giải tán. Sau đó ông dùng khẩu Beretta 6.35 bắn vào đầu tự sát tại Bộ Tư lệnh Lai Khê!!

Người nhà đã đem tro cốt của Ông về thờ trong Phủ Thờ Gia Tộc “Lê Nguyên” tại Sơn Tây.

Lời phụ Bàn:

1 - Nỗi Đau Của Người Chiến Bại:

Thế Chiến II chấm dứt với sự đầu hàng vô điều kiện của Nhật Bản. Tương truyền có rất nhiều chiến sĩ Nhật đã dùng liệt tuần tiết trong lúc ấy.

Quý Tướng Quân đã “Vũ trụ trường khang tiết nghĩa lưu”.

Đã để lại cho Quân Lực VNCH nói riêng, cho dân tộc VN nói chung nỗi niềm hãnh diện và tiếc thương vô biên, cho hậu thế ánh trăng rằm rạng rỡ thiên thu...

Quý Ngài đã theo gương:

Quý Bà Trưng, Bà Triệu... Nước mắt, mắt theo Nước...!!

Quý Ông Võ Tánh, Ngô Tùng Châu, Nguyễn Tri Phương,

Hoàng Diệu,... Thành mất, mất theo Thành....!!

Ngoài quý Tướng Quân ra,, trong sự kiện Quốc Hận 30 - 4 - 1975 còn nhiều, rất nhiều những chiến sĩ: sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ... đã “Nước mất, mất theo Nước”.

Nay, Tổ Quốc đang cơn Vận Bĩ, mong ngày Thái Dương tỏ rạng, hầu sưu tầm đầy đủ tất cả những anh em phi thường ấy. Những người đã oanh liệt hoặc âm thầm lẫm liệt tuần tiết... để lập đàn tưởng niệm tôn vinh!! Mong thay....!!

Hỡi những người của lịch sử của thiên thu, xin nghiêm mình kính cẩn chào quý Anh Linh... Nguyên cầu quý Anh Linh an lạc nơi cõi vĩnh hằng.

Và xin mượn câu nói người xưa: “Nhân cố hữu tử, tử hoặc trọng ư thái sơn, hoặc khinh ư hồng mao”, để thay lời kết.

Ôi, Quý Liệt Vị đã xem cái chết nhẹ tựa lông chim hồng. Phương danh Quý Liệt Vị “trường khang tiết nghĩa lưu”. Anh Linh Quý Liệt Vị đã chan hoà vào...

- Những dãy núi: Trường Sơn, Thất Sơn, Bà Đen...

- Những dòng sông: Cửu Long, Đà Rằng, Dabla, Hương Giang, Mỹ Chánh, Thạch Hãn, Bến Hải...

Và trên những dãy núi ấy..., những dòng sông ấy...

Ngàn năm mây trắng vẫn còn bay... lững lơ... ngơ ngẩn... ngậm ngùi...tiếc thương...Quý Liệt Vị...!! Ôi, cao cả thay, cao quý thay!!

Bây giờ, đêm tối dần tan, bình minh đang lộ dạng:

“Ngoài trời hừng sáng ban mai...

Trong lòng mơ bóng cờ bay... trập trùng...”

Georgia, 2019 - Mùa Quốc Hận!!

Tham khảo các trang Web:

- NKN, PVP, LVH, TVH, LNV...

- Thủ Khoa Huân...

Sáng Cuối Cùng Vĩnh Biệt Pleiku.

Bút ký của Lê Quốc Toàn, K20

*Viết để tưởng nhớ năm thứ bốn mươi tư mất
Phố Núi Pleiku.*

Đêm 15 tháng 3 năm 1975 là đêm cuối cùng tôi ngủ tại Pleiku. Tôi không ngờ đó là lần cuối cùng, vì chẳng bao giờ tôi có cơ hội trở lại nơi đây một lần nữa. Trong đêm, không riêng gì tôi mà cả anh em trong Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn



Trại Pleime. Pleiku

II, đều trần trọc thao thức, vì buổi chiều cùng ngày chúng tôi nhận được lệnh thay đổi nhiệm vụ. Kể từ nay, các ban tham mưu của các phòng, ban trong Bộ Tư Lệnh được phân chia

làm hai. Thành phần ở lại là Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II chính. Nửa kia là Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II Hành Quân, sẽ được không vận về Nha Trang vào sáng hôm sau, có nhiệm vụ chỉ huy và phối hợp các đơn vị của Quân Đoàn hành quân chiếm lại Buôn Mê Thuột đang bị Cộng Sản Bắc Việt chiếm đóng.

Đêm nay là đêm cuối cùng chúng tôi còn được ôm Pleiku vào lòng để ngủ. Biết đến bao giờ chúng tôi còn gặp lại Pleiku thân yêu? Lòng tôi thật xót xa khi chợt nhớ đến một câu hát trong bản nhạc nào đó, “*Đêm cuối cùng buồn lắm em ơi.*”

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm lái xe ra phố Pleiku, tôi phải chào nơi đây lần cuối. Trời có sương nhưng rớm nắng, cảnh vật vẫn bình yên như mọi ngày. Nhưng trong cái bình yên ấy, tôi cảm thấy như có mầm chết chóc đang rình rập đâu đây, một không khí bình yên giả tạo trước khi cơn cuồng phong ập tới. Tôi lái xe băng qua chiếc cầu sắt ngang qua phi trường, nơi có Sư Đoàn 6 Không Quân trú đóng, chạy ngang trường Nữ Trung Học Pleime, rồi ghé cư xá sĩ quan Trần Quý Cáp thân yêu. Nơi đây, tôi đã chia ngọt bùi với gia đình nhỏ của tôi hơn bảy năm qua.

Một trời kỷ niệm bỗng hiện ra trước mắt, tôi bước vào nhà. Các con tôi sinh ra đã lớn lên trong căn nhà này. Mọi vật vẫn nguyên vẹn, vẫn sạch sẽ như thể vợ và các con thân yêu của tôi vẫn đang sinh sống ở đây. Tôi nhìn di ảnh của cha mẹ, nhìn ảnh các con. Tôi thấy chiếc xe đạp nhỏ, mấy cái cặp học trò, và nhiều nữa vẫn còn nguyên vẹn để đúng vị trí cũ. Khoảng năm phút sau tôi khóa cửa ra đi, mơ hồ nghĩ rằng biết đâu ngày sau tôi sẽ có cơ hội trở về lại chốn cũ.

Còn ít thời gian, tôi ra xe và cố gắng đi một vòng thành phố. Bây giờ là sáu giờ sáng, tôi còn khoảng một giờ để nhìn lại những cảnh cũ của phố núi. Đây là Niệm Phật Đường với tượng Đức Quan Thế Âm. *Hôm nay trông Người như không vui, mà buồn. Có phải chăng Đức Từ Bi nhận ra vận nước điêu linh, thế gian sẽ khốn nguy vì cơn binh lửa?* Đây là tư

dinh của Tướng Tư Lệnh Phó Lam Sơn, mà đôi khi chiều về Ông hay ra ngồi trước cửa với chai rượu trên tay, uống để quên đời. Đây đây là dinh của Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II. *Sao nó đã mất hết vẻ uy nghiêm của một thời vang bóng?*

Tôi lái vòng lên tư dinh của vua Bảo Đại ngày xưa, trông buồn hiu như một kỷ vật xa xưa. Tôi chạy thẳng lên khu Chợ Mới, mà mỗi sáng Chủ Nhật tôi đưa vợ và các con đi mua thực



Một cảnh của phố núi ngày xưa.

phẩm về chế biến các món ăn ưa thích. Sẵn đường tôi chạy vội lên nhà thờ Phao-Lồ, nhìn thoáng qua ngôi trường, nơi đưa con đầu lòng của tôi đã đi học ngày đầu tiên. Cuối cùng, tôi lái xe vòng qua đường Hoàng Diệu, Phan Bội Châu và đến Diệp Kính, trung tâm của Phố Núi. Thế là hết, tôi đã đi thăm toàn thành phố.

Pleiku nhỏ hẹp, như đã được diễn tả trong câu hát của một bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc, *“đi năm phút đã về chốn cũ”*; nhưng đối với tôi, Pleiku là tất cả. Tôi quen thuộc với hình ảnh những người lính đi lang thang trên đường phố, không chủ đích, trong các bộ quân phục đủ loại, đôi khi xác sơ của những người mới từ mặt trận trở về. Họ là những hình ảnh quen thuộc, thường xuất hiện trong thành phố cao nguyên này.

Tôi đã quen hình ảnh của những đoàn xe nhà binh nối dài, chờ các binh đoàn ra mặt trận, tham dự các trận đánh ác liệt tại Tây Nguyên như Ben-Het, Dakto, Tân Cảnh, Tam Biên... Nơi đây đã là nơi hội tụ của các đơn vị lừng danh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa mỗi khi chiến trường Tây Nguyên cần đến. Nào là binh chủng Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Biệt Kích... Họ đến rồi đi như bao lần trước.

Qua nhiều chiến dịch, tôi có dịp gặp lại những bạn đồng Khóa 20 Võ Bị của tôi như *Lê Trực, Vương Mộng Long*,... Trong các buổi trò chuyện tâm đắc, chúng tôi vẫn cho rằng Phố Núi Pleiku là phố của lính và tình yêu. Ai muốn gặp người mình thương thì hãy lên Phố Núi. Chưa kể Phố Núi cao pho pho đầy sương, rất lãng mạn cho những cuộc tình của các cô gái và các chàng trai lính chiến xa nhà!

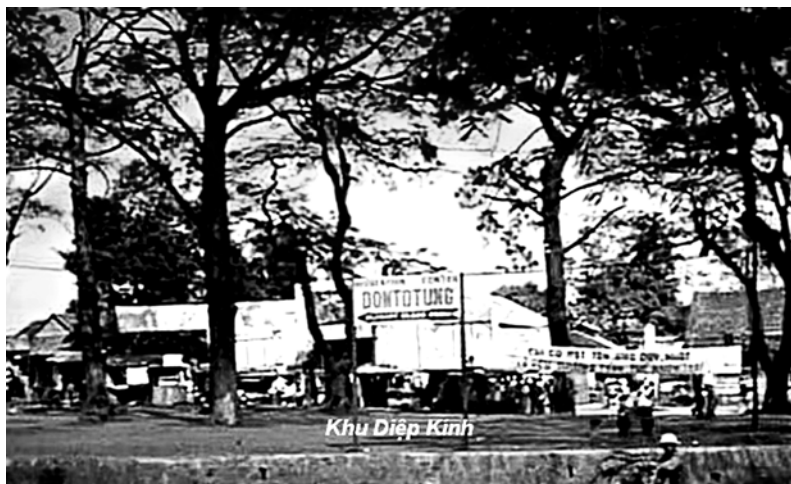
Người dân địa phương ở nơi đây là những người thuộc sắc tộc thiểu số, sống trong các bản làng heo hút, trong các khu vực đồi núi xa xôi; trong khi đa số người Kinh tập trung trong thành phố. Họ từ mọi vùng của đất nước, theo bước chân của những người lính chiến lên đây làm ăn, xây dựng sự nghiệp, và đã thành công theo ước nguyện. Đồng cảnh ngộ là những người từ tứ xứ về đây, họ sống với nhau rất hòa đồng và thân thiện. Đặc biệt, hầu như mọi người đều xem Pleiku là quê hương thứ hai thân yêu của họ. Chính tôi cũng vậy, đi đâu tôi cũng nhớ về Pleiku!

Giờ đây, tôi muốn ôm cả cỏ cây, hoa lá Pleiku vào lòng trong giây phút chia ly này. Pleiku của tôi có gió núi mây mùa, có cả quanh năm mùa Đông. Ai đã có dịp dừng gót lãng tử về với phố núi Pleiku, thì khi đi xa cho tới tận sơn lâm cùng cốc, hay phiêu bạt nơi xứ người, ai cũng đều ngậm ngùi khi nhắc đến xứ núi Pleiku. Nếu bạn không tin thì hãy hỏi bất cứ ai đã có thời gian sống ở đây. Họ sẽ giải bày tình cảm của họ về phố núi cho bạn nghe, với bao nhiêu bùi ngùi nhớ thương.

Tôi yêu Pleiku nhiều hơn nơi tôi sinh trưởng. Tôi coi nơi

đây đã là quê hương thứ hai, cũng như chưa bao giờ tôi nghĩ sẽ phải rời xa.

Năm 1974, tôi đỗ thủ khoa Khóa 2 Tiếp Vận cao cấp. Tại buổi lễ bế giảng, Trung Tướng Đồng Văn Khuyên, và một số cơ quan truyền thông quân đội “tác nghiệp” (chuyên nghiệp) hiện diện. Sau lễ trao văn bằng tốt nghiệp cho các học viên, vị Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Điện Toán Tiếp Vận (TT/ĐTTV) trình xin Trung Tướng Khuyên rút tôi về TT/ ĐTTV. Tôi đã khẩn khoản xin ông cho tôi trở về phục vụ đơn vị cũ ở Pleiku,



Khu Diệt Kính Pleiku, năm 1969.

bởi tôi không quen chốn phồn hoa, mà vốn dĩ chỉ quen với Tây Nguyên chân tình, nơi cư trú của những người lính chiến phong trần, nhưng giản dị, của cư dân tứ xứ hiền hòa họp lại.

Có người cho rằng Pleiku là nơi tập trung của lính “ba gai” và của những sĩ quan ngang tàng, bất mãn, không tuân theo kỷ luật. Nói vậy là tội cho Pleiku. Ở đây tôi có nhiều bạn thân, như thi sĩ Kim Tuấn, du ca Miên Đức Thắng, Trung Tá Đệ, Trung Tá Lý, Thiếu Tá Bảo Đồng,... phục vụ trong Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II. Họ xiết bao thân thiện, dễ mến và cùng yêu mến Pleiku, cũng như tôi.

Bây giờ khoảng 6 giờ 45 phút sáng ngày 6 tháng 3 năm

1975, tôi đang ở vườn hoa Diệp Kính, trung tâm Phố Núi. Tôi chỉ còn ở lại đây được thêm dăm ba phút nữa trước khi trở lại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, để được không vận về Nha Trang, làm nhiệm vụ mới. Tôi vội ghé tiệm giặt ủi lấy bộ quần áo nhà binh. Trong không khí im lặng, tĩnh mịch bất thường, tôi nghe tiếng hát của một cô bé đang nằm đong đưa trên võng, hát bài “Còn Chút Gì Để Nhớ” của Thi sĩ Vũ Hữu Định.

“Phố núi cao phố núi đầy sương, phố núi cây xanh trời đất thật buồn/ Anh khách lạ đi lên đi xuống, may mà có em đời còn dễ thương/ Em Pleiku má đỏ môi hồng, ở đây buổi chiều quanh năm mùa Đông...”

Tôi đã nghe bài hát này nhiều lần, nhưng hôm nay tôi thấy bài hát này sao buồn lạ. *Tiếng hát của em buồn, hay chính lòng người trộm nghe em hát đang có tâm sự buồn vì nỗi chia ly?* Em có biết đâu đại họa sắp giáng lên em và cả dân tộc. Bất giác, tôi nhớ đến hai câu thơ khóc nhệch mắt nước của nhà thơ Đỗ Mục thời nhà Đường bên Trung Hoa:

*“Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xứng hậu đình hoa.”*

Tạm dịch:

*“Cô gái nước Thương không biết nhệch mắt nước,
còn vui chi mà hát khúc Hậu Đình Hoa”*

Lòng man mác buồn, tôi lái xe trở về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn. Nhìn về phía Tây là giải Trường Sơn hùng vĩ, có đèo hình yên ngựa, khiến lòng của tôi băng khuâng khi nghĩ đến chuyện xưa. Chỉ cách đây mấy năm, cố Đại Tá Nguyễn Đình Bảo cùng biết bao quân nhân của Tiểu Đoàn 11 Dù đã anh dũng nằm xuống vì đại cuộc. Chéch một chút về tay phải của ngọn núi là nơi một năm trước đây Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB, cùng các quân nhân thuộc cấp đã anh dũng hy sinh cho Tổ Quốc tại căn cứ Tân Cảnh.

Cũng mới đây thôi biết bao quân nhân của Sư Đoàn 22BB, SD23BB, Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân, Thiết Đoàn 3 Kỵ

Binh, cùng với lực lượng Địa Phương Quân, Nghĩa Quân của Tiểu Khu Kontum, đã anh dũng chiến đấu cho đến giây phút cuối cùng. Họ đã đem máu xương của mình bảo vệ đồng bào, tranh giữ từng tấc đất yêu dấu của Tây Nguyên. Chẳng lẽ tất cả sự hy sinh trời biển của họ trở thành vô nghĩa hay sao, khi ta đang tâm bỏ Tây Nguyên và bỏ cả Pleiku mà ra đi?

Về tới Bộ Tư Lệnh, tôi vội nhập vào nhóm quân nhân thuộc Bộ Tư Lệnh Hành Quân nhẹ như đã phân chia. Chúng tôi hướng về phi trường Cù Hanh, nơi Bộ Chỉ Huy của Sư Đoàn 6 Không Quân đang đóng, để được không vận về Nha Trang, với nhiệm vụ phối hợp và chỉ huy các đơn vị tái chiếm Buôn Mê Thuật đang bị Cộng Quân chiếm đóng.

Khoảng 8 giờ 45 phút sáng ngày 16 tháng 3 năm 1975, chiếc C130 cất cánh rời phi trường. Ngồi trên máy bay, tôi nhìn Pleiku lần cuối. Tôi nhận ra rằng tôi đã thực sự mất Pleiku. *Bất giác tôi cảm thấy như có giọt nước mắt đang lăn trên má.*

Sau nửa giờ bay, chúng tôi nhận được tin từ dưới đất thông báo: Cộng Quân đã tấn công Pleiku, sau khi pháo kích hỏa tiễn 122 ly dữ dội vào phi trường Cù Hanh. Quân và dân chúng Pleiku đã tan tác ừa chạy về hướng Cheo Reo, Phú Bổn để theo đại quân, bám tỉnh lộ 7B rút về Tuy Hòa. Thật vô cùng chua xót! Tình hình chuyển biến nhanh quá, ngoài dự định của chúng tôi. Khi máy bay đáp xuống phi trường Nha Trang cũng là lúc chúng tôi nhận được tin chính thức, Pleiku đã mất vào tay Cộng Sản Bắc Việt. Ai nấy đều ngậm ngùi thương cảm cho Pleiku yêu dấu một thời. Tôi tự nhủ thầm,

“Mọi người, kể cả tôi, cả chúng ta đều có tội với Pleiku vì đã để mất nơi này.”

Portland, Oregon, ngày 24 tháng Giêng năm 2019



Vui Buồn Đời 81.

Phan Anh Tuấn, K26

Thật ra, đời 81 của tôi, trừ nỗi đau buồn nhất của chúng ta là ngày 30/4/1975 gây gánh tan hàng, còn lại là buồn ít vui nhiều. Xin ghi lại để nhớ những ngày “Màu Áo Hoa Rừng”.

Trong số gần 180 tân thiếu úy tốt nghiệp của Khóa 26 Võ Bị, có khoảng 20 về Nhảy Dù, 3 về Nha Kỹ Thuật, và 2 về Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù. Tôi kể như thế để quý vị hiểu được việc chọn lựa về đơn vị này khó như thế nào.

Ngày đầu tiên về Liên Đoàn, tôi được bổ xung về Đại Đội 3/ BCND. Tôi rất thích thú khi được Trung Tá Nguyễn Văn Lâm, Chỉ Huy Phó, “bốc” từ hậu cứ trại Bắc Tiến, ngã tư An Sương về căn cứ hành quân tại Suối Máu, Biên Hòa. Căn cứ này nằm về hướng Đông Nam phi trường Biên Hòa, cạnh bên kho đạn. Nơi đây là mục tiêu của Việt Cộng nên thường được hừng pháo kích quấy rối của địch.

Đại Đội 3/ BCND là một trong những đại đội xuất sắc của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, do Đại Úy Nguyễn Phước Hải làm đại đội trưởng, Trung Úy Nguyễn Văn Sang làm đại đội phó... Các “đại bàng” của đại đội này thứ tự là Trung Tá Nguyễn Văn Lâm, Thiếu Tá Phạm Châu Tài; các Trung Úy Nguyễn Ngọc Dũng, Dương Thường Ngô...

Căn cứ vào bảng tên đeo trên ngực, mọi người có thể phân biệt các đại đội, như sau: Đại Đội 3 mang chữ đen trên nền màu tím, Đại Đội Thám Sát nền đen chữ vàng, Đại Đội 1 nền màu xanh lục, Đại Đội 2 nền màu nâu, Đại Đội 4 nền màu đỏ.

Vì bảng tên màu tím với nón bê rê xanh đen, nên có lần tôi từ Biên Hòa đón xe lam về Thủ Đức, có mấy anh chàng Thủy Quân Lục Chiến, cũng nón xanh, vừa lên xe đã vỗ lấy vai tôi:

- Trâu Điền về Sài Gòn hả?

Tôi biết các anh nhìn lầm vì Tiểu Đoàn 2 Trâu Điền cũng mang bảng tên trên nền màu tím nên cười cười đáp:

- 81, chứ không phải Trâu Điền.

Mấy anh chàng cũng chột nhận ra mai đen trên cổ áo của tôi nên chững lại:

- Xin lỗi Thiếu Úy nha!

- Không có chi. Đại Đội của tôi cũng mang bảng tím giống như của Tiểu Đoàn Trâu Điền.

Đại Đội 3 Xung Kích, cũng như các đại đội khác, có 4 trung đội. Tôi được chỉ định về Trung Đội 2, dưới quyền Trung Úy Nguyễn Khoa Thạch đang làm Trung Đội Trưởng. Tính tình của ông điềm đạm, vui vẻ, và bình dị đối với anh em binh sĩ. Tôi đã học hỏi được từ ông nhiều điều. Sau đó, tôi được Thiếu Úy Lâu Lý Pốc dẫn đi nhảy toán, “thử gió” vài lần. Lại một lần nữa tôi được rèn luyện, được trao cho những kinh nghiệm chiến đấu thực sự trong rừng rậm.

Qua những mùa học Quân Sự tại trường Võ Bị, tôi đã học một khóa Nhảy Dù, ba tuần Rừng Núi Sinh Lầy, một tuần học Viễn Thám. Nhưng học tại quân trường là một chuyện, ngoài thực tế thì khác xa. Một lần tôi đi toán theo chỉ định của đại đội, sau mấy ngày bò trườn, lom khom dưới khu rừng tre dày đặc, tôi không còn biết mình ở đâu nữa. Không có suối, không đồi, không có điểm đặc biệt thì làm sao định được điểm đứng? Làm sao định vị tọa độ? Dù phi cơ L19 bay trên vùng, nhưng

toán dưới đất không làm sau chiếu kính để xin chấm tọa độ giúp. Vì thế, tôi phải gọi Đại Bàng để chỉ dẫn. Qua âm thoại, tôi vẫn dùng mã số. Tuy nhiên để dễ hiểu, tôi dùng cách nói bình thường để các độc giả tiện theo dõi:

- Tôi bị lạc rồi, đại bàng cho tôi một quả pháo chỉ điểm đi.
- Không được! Chỉ điểm sẽ lộ tọa độ của các toán khác.

Nhưng đại bàng cũng cho bùa:

- Đi về hướng Đông thì trước sau gì anh cũng gặp con sông. Đi dọc theo sông về hướng Bắc, gặp ngã ba là biết tọa độ ngay. Tôi làm theo chỉ dẫn của Đại Bàng thì đúng y chang. Tới lúc triệt xuất, tôi báo cho trực thăng C&C biết tọa độ. Tuyệt vời! Không trật một mét. Sĩ quan BCD bay hôm đó chắc chịu tôi lắm. Ông ta đâu biết tôi có “bùa”.

Tôi về đơn vị được hơn một tháng thì một tai nạn xảy ra cho Trung Đội 2. Một anh lính trẻ không biết vì bất cẩn, hay thù oán cá nhân, hay bị địch vận làm nổ một trái lựu đạn M26 trong đêm sau phiên gác. Hậu quả là một phần ba trung đội được tải thương ra bệnh viện Tiểu Khu Biên Hòa vào lúc nửa đêm, trong đó có một viên thiếu úy trẻ, là tôi.

Ở bệnh viện, lính 81 cũng được các thương bệnh binh thương mến lắm. Tôi được một ông trung úy trước ở Lực Lượng Đặc Biệt tặng cho một mũ Green Beret chánh hiệu, rất đẹp. Các cô y tá rất dễ thương, nhưng chích Penicillin đau thấu trời xanh nên tôi thương không nổi.

Vậy mà, sau ngày 30 tháng 4 đi ở tù 6 năm, khi trở về, tôi lại gặp một cô y tá ở bệnh viện Nguyễn Trãi. (Bệnh viện Phước Kiến ngày trước). Cô y tá trẻ đẹp lại mến mộ người lính Cộng Hòa, thương kẻ bại trận, đồng ý trao duyên, gởi phận. Đúng là ở hiền gặp lành. Cám ơn em, người vợ chung thủy của tôi!

Trở lại đơn vị sau hai tuần lễ dưỡng thương, tôi được chỉ định làm Trung Đội Trưởng Trung Đội 2 vì Trung Úy Thạch được tăng phái cho đại đội khác.

Giống như chuyện “Tái Ông Thất Mã” (Tái Ông Mất Ngựa), trong lúc rảnh rỗi, tôi vô tình xin đi bay theo một chuyến cho vui. Cùng đi với tôi có Trung Úy Đạt. Chúng tôi đã bắt sống được một tù binh Bắc Việt. Khi chúng tôi dẫn tên tù binh xuống bãi đáp căn cứ hành quân, hàng chục quân nhân BCD reo hò, túa ra xem và bắt tay tội tôi. Tên tù binh muốn xui vì tưởng sắp bị hành quyết. Chúng tôi giao tù binh cho an ninh Liên Đoàn. Tôi thấy ở đó có hai vị hình như an ninh của Quân Đoàn vừa được cử qua. Tội tôi bèn lên câu lạc bộ hành quân để làm một tô mì gói, và một ly cà phê. Về đến đơn vị, tôi được Đại Úy Hải kêu lên, đưa:



- “Không lo trực trung đội! Nếu không có vụ bắt từ binh là ông có chuyện với tôi.”

Tác giả (bên phải) trong lần hội ngộ “Một Thời Chinh Chiến” tại Houston Texas, năm 2017

Cũng may có Trung Úy Sang đỡ lời, vì trước khi đi bay tôi có xin phép Trung Úy Sang.

Liên Đoàn 81 BCND do Đại Tá Phan Văn Huân làm Chỉ Huy Trưởng, Trung Tá Nguyễn Văn Lân làm Chỉ Huy Phó. Liên Đoàn có một đại đội Thám Sát và bốn đại đội Xung Kích.

Nhiệm vụ của Đại Đội Thám Sát là “tung” các toán Thám Sát. Mỗi toán có khoảng sáu người do một sĩ quan làm trưởng toán. Toán Thám Sát xâm nhập vào mật khu của địch, mình gọi là “vùng oanh kích tự do”, để thu thập tin tức, bắt sống tù binh, quấy rối, phá hoại cơ sở của VC, hoặc chỉ điểm cho pháo binh “đập”, hay cho phi cơ oanh tạc.

Các đại đội Xung Kích, với lực lượng đông mạnh hơn, có

nhệm vụ yểm trợ các toán khai thác mục tiêu. Các đại đội cũng có các toán, nhưng thường các toán Thám Sát hoạt động ở những khu vực xa hơn và nguy hiểm hơn.

Người lính 81 BKND, mà tiền thân là Lực Lượng Đặc Biệt, rất thiện nghệ trong chiến đấu; vì thứ nhất là tình nguyện, thứ hai là được huấn luyện kỹ càng, và đa số thường là tuổi trẻ độc thân. *“Các anh đi vào cõi chết như chuyện bình thường.”* Những người bạn phi công trực thăng thường tâm sự với chúng tôi như vậy, trong các dịp hội ngộ sau này.

Có đưa các anh đi mới thấy phục các anh. Sau khi bay, chúng tôi trở về căn cứ Không Quân đầy đủ tiện nghi. Ngược lại, với mặt lạnh như tiền, các anh nhảy vào vùng và “tan biến” trong rừng thẳm. *“Rất ngẫu!”*

Đại Đội 3 có các hạ sĩ quan như các Trung Sĩ Quỳnh, Thân, Tú, Đông, Thượng Sĩ Tiên. Họ là những quân nhân dày dạn kinh nghiệm chiến trường, đã giúp cho tôi rất nhiều trong những ngày tôi ở đơn vị.

Vui nhất sau những ngày xâm nhập là ngày triệt xuất! Tiếng động cơ phản phát của trực thăng từ xa bay đến, sau lần chiếu kính, phát “pa nô”, là những âm thanh tuyệt vời đối với lính 81 BCND. Những người bạn chiến đấu Không Quân đã giúp chúng tôi bay vào vùng đất địch, giờ đây họ là những Thiên Thần bốc chúng tôi rời vùng hành quân trở về với mái ấm gia đình, sau khi hoàn tất nhiệm vụ. Hết sức cảm tạ các người bạn Không Quân, nhất là các phi công trực thăng bay cho 81 vào Phước Long, những tháng cuối của trận chiến 75.

Mỗi lần triệt xuất về căn cứ nghỉ ngơi, tôi và các bạn, đa số là các hạ sĩ quan thuộc Đại Đội 3 dẫn nhau ra Biên Hùng vui chơi. Đối với một thiếu úy trẻ như tôi thì chuyện *“cắm nhử”* (nhả Võ Bị) để lấy tiền nhậu là chuyện hàng tháng vì lương lính đâu nhiều. Đôi khi cũng có chuyện trực trặc nhỏ, vui buồn tùy người đối diện.

Một buổi chiều, tôi ké xe Honda của Trung Úy Nguyễn

Ngọc Dũng. (Ông thường hay bao tôi xem ci nê và uống cà phê.) Sau khi ghé Biên Hùng và trở về, đi ngang cà phê Thảo, tôi thấy hai xe Quân Cảnh bao quanh một xe của 81 BCND (có cần antenna), có Thiếu Tá VXT nhà mình ngồi. Tôi nói với Trung Úy Dũng:

- Để tôi gặp Thiếu Tá T. xem có chuyện gì.

Tôi rẽ mấy anh Quân Cảnh đứng xung quanh và trình diện theo quân cách:

- Trình diện Thiếu Tá, tôi Phan Anh Tuấn, Đại Đội 3 BCND chờ lệnh.

Thiếu Tá VXT (sau này lên trung tá), đang mặc võ phục VOVINAM ngồi trên xe, gằn giọng cố tình cho Quân Cảnh nghe:

- Cậu về đơn vị nói với Đại Úy Thọ (sau lên thiếu tá), lấy giấy tờ tùy thân cho tôi. Toán Quân Cảnh đang hỏi tôi, dù tôi ra vào hợp thường xuyên ở Quân Đoàn, ai cũng biết mặt.

Tôi quay lại nói với viên chỉ huy Quân Cảnh, là một đại úy. (Có lẽ ông có cảm tình với cô chủ quán cà phê Thảo?)

- Đây là Thiếu Tá BCND. Tôi sẽ về đơn vị lấy giấy tờ cho quý vị.

Thấy tôi mặc quân phục BCND chỉnh tề, lon lá hàng hoàng, ngoài kia lại có một trung úy với hai mai đen đang chờ nên mấy anh Quân Cảnh không hỏi gì. Nếu họ hỏi giấy ra trại thì tôi cũng gặp rắc rối luôn.

Chúng tôi chưa về tới trại thì đã có một xe Jeep và một GMC chở đầy lính 81 đem quân đi giải cứu cấp chỉ huy. Dân hai bên phố đang đứng xem một màn hành quân trong thành phố, mà không nổ súng. Quân Cảnh cũng xanh mặt, không nổ súng là may rồi. Chuyện đâu cũng vào đấy, mọi chuyện cũng xong. Giờ đây, mỗi lần gặp nhau hội ngộ, các đơn vị bạn thường kết luận:

- Chỗ nào có Quân Cảnh là mất vui. Nhưng cũng cảm ơn

các anh Quân Cảnh nhắc nhở giúp chúng tôi tuân theo quân kỷ một cách tốt hơn.

Về Đại Đội Thám Sát chuyên môn nhảy toán, đôi khi tùy theo nhu cầu của Liên Đoàn, cũng tăng cường các toán. Toán Thám Sát của Chuẩn Úy Vinh khám phá một kho tàng với hàng chục hầm dự trữ súng đạn của Việt Cộng, đủ trang bị cho cả trung đoàn. Liên Đoàn đã tung Đại Đội 3 và 4 cùng vào để khai thác mục tiêu.

Suốt chiều hôm đó, hai đại đội phối hợp vừa tiêu diệt các toán Việt Cộng đang bảo vệ, một mặt di chuyển các vũ khí gồm: thượng liên, trung liên, v.v... ra bãi trực thăng để chở về Quân Đoàn. Đã có một số anh em Đại Đội 4 bị tử thương vì một hầm thuốc nổ bị kích hỏa.

Các đại đội được lệnh triệt xuất khi chiều xuống. Số chiến lợi phần còn lại sẽ bị phá hủy. Đại Đội 4 được lệnh rút đầu, Đại Đội 3 đoạn hậu. Trung đội của tôi được lệnh đi sau cùng. Tôi và một thiếu úy Công Binh đặt những khối thuốc nổ và dây chuyền nổ. Công nhận mỗi binh chủng có những chuyên môn riêng, viên thiếu úy và một hạ sĩ quan Công Binh đã cột những khối TNT và dây chuyền nổ rất thiên nghệ và nhanh chóng. Tôi vội bảo anh ta:

- Thiếu Úy đừng lo, có nguyên một trung đội BCND đang bảo vệ thiếu úy đây.

Sau khi cài xong, thiếu úy Công Binh cho tôi biết đã hoàn tất, tôi ra lệnh rút quân và cho kích hỏa dây cháy chậm. Chúng tôi chạy như điên theo dấu mòn của Đại Đội vừa di chuyển qua. Chạy một hồi tôi thắc mắc:

- Sao không nghe tiếng nổ gì cả???

Vừa nghĩ đến câu hỏi đó thì hàng chục tiếng nổ rít xé gió của đạn pháo binh bay qua chúng tôi. T.O.T., pháo tập trung bắn vào vùng chúng tôi mới vừa rút. Trời ạ! Lúc đó, trung đội của tôi chạy bắt kẻ gai góc, càng xa càng tốt. Tôi đã nghe tiếng nổ phụ từ vùng mình vừa thoát ra. Di chuyển suốt đêm,

Đại Đội ra lệnh cho tôi gài thêm mấy trái mìn cóc trên đường rút lui.

Trời tối như mực, giờ bàn tay không thấy. Tôi lại được lệnh lấy lá cây mực sáng như lân tinh gài trên ba lô người đi trước. Cả đoàn quân trở thành đoàn đóm đóm chập chờn. Đến sáng, chúng tôi đến bãi đầm nước sâu tới lưng và được bốc về căn cứ.

Sau vụ khám phá kho tàng lớn lao đó, như được mùa, Liên Đoàn nhảy vào chỗ nào cũng vớ được những kho tàng, kho gạo. Một số thì ta tịch thu, còn lại thì phá hủy tại chỗ. Đó là những ngày tháng cuối năm 1974.

Trận Phước Long.

Liên Đoàn 81 thả vào trận địa hai đại đội. Hai đại đội còn lại sẵn sàng cho đợt hai. Lúc đó, Đại Đội 3 đang hành quân ở phía Nam Tân Uyên, thành Đại Nam thì được lệnh tập trung chuẩn bị về căn cứ hành quân để vào Phước Long, đợt hai. Chiều hôm đó, ở Đại An, Tân Uyên, tôi đã chứng kiến hợp đoàn trực thăng, vài chục chiếc bay ngợp trời chuyển Biệt Cách Dù vào Phước Long.

Về căn cứ hành quân Suối Máu, hai đại đội sẵn sàng xuất trận thì vài ngày sau có lệnh hủy bỏ kế hoạch hành quân và chuyển sang kế hoạch rescue (cứu cấp), vì Phước Long đã bị mất. Trước đó, hai đại đội BCD nhảy vào Phước Long đã cùng với quân trú phòng đại chiến kịch liệt với quân Bắc Cộng, nhưng “mãnh hổ nan địch quần hồ”, với một chọi mười, tình này đã bị VC tràn ngập. Một lần nữa với kinh nghiệm thoát hiểm trong rừng, dù chỉ còn 1/3 quân số, BCD vẫn thoát được. Họ còn dẫn dắt thêm một số đơn vị bạn và thường dân ra tới ven rừng ngoài Phước Long và đã được trực thăng tiếp cứu ”bốc” về.

Như những nhận định quốc tế, trận Phước Long được coi như một ván bài để Cộng Sản Bắc Việt thăm dò phản ứng của Hoa Kỳ, để mở trận tổng tấn công năm 1975.

Sau trận Phước Long, Liên Đoàn 81 BCND được tổ chức lại. Các đại đội biến đổi thành các Biệt Đội. Một Biệt Đội, như một liên đoàn thu nhỏ, gồm một trung đội Thám Sát, và bốn trung đội Xung Kích. Đại Đội 3 thành Biệt Đội 813, do Trung Úy Lại Đình Hợi, Khóa 25 Võ Bị và cũng là một Thiếu Sinh Quân, làm Biệt Đội Trưởng. Dĩ nhiên, ông rất nghiêm chỉnh và kỷ luật. Biệt Đội có các thiếu úy Việt, Ánh, Chuyên, Tuấn, Ngọc, v.v...

Lúc này tình hình các mặt trận rất căng thẳng nên Liên Đoàn được lệnh di chuyển lên Tây Ninh vì nghi ngờ Bắc Cộng từ bên Miên sẽ chiếm Tây Ninh làm bàn đạp tiến về Saigon. Các toán được thả dọc theo biên giới Miên Việt, mặt khu Mỏ Vẹt. Tôi đã dẫn một toán lên đường theo kế hoạch.

Buổi chiều, trực thăng bay rất cao đưa toán vào rừng. Khi đến nơi, trực thăng xoay vòng như chiếc lá rơi. Hợp đoàn trực thăng đã bay thật thấp trên rặng rừng tre và bắt đầu xạ kích. Lúc đó chiếc trực thăng chở toán bay tách ra thả các toán ở vị trí khác, cách khu vực xạ kích cỡ cây số. Đây là một cách nghi binh của hợp đoàn trực thăng đánh lừa địch. “Dương Đông Kích Tây.” Trong nháy mắt, vừa chạm chân xuống đất toán đã lủi nhanh vào rừng sâu. Như thường lệ, toán luôn luôn được thả vào buổi chiều để có đủ thời gian tan biến vào rừng, khi màn đêm buông xuống. Đêm đó, tụi tôi nằm trong rừng sâu và nghe tiếng chó sủa, tiếng báo hiệu canh chừng của Việt Cộng đi sẵn lòng Biệt Kích ở khoảng xa, nơi hướng trực thăng xạ kích hồi chiều.

Sau mấy ngày đêm lần theo dấu địch để thu thập tin tức, gần sáng thì trở lại rừng và luôn thay đổi vị trí quan sát, chúng tôi khám phá ra tiếng xe tăng gầm rú khi chiều xuống. Chúng tôi áp sát mục tiêu thì thật ra là do tiếng máy cày, xe be kéo theo mấy thùng phi không, nguy trang xe tăng. Với tin tức thu thập cùng các báo cáo của các toán khác, Quân Đoàn nhận định Cộng Sản Bắc Việt không có xe tăng đánh vào hướng Tây Ninh, chủ lực quân của địch không có ở mặt trận

này nên rút toàn bộ Liên Đoàn 81 về Biên Hòa.

Những ngày cuối tháng 4, trước đây Biệt Đội 813 trấn thủ ở Xóm Chàm, nay di chuyển về tăng cường Tòa Tỉnh Trường Tây Ninh. Vào những ngày tháng cuối, Biệt Đội 813 mất liên lạc với Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn. Vì thế, sáng 30 tháng 4, Biệt Đội 813 cùng Trung Đoàn 49 của Sư Đoàn 25 Bộ Binh, của Trung Tá Khoa, rút về Sài Gòn để tử thủ.

Đến trưa, chúng tôi nghe Tướng Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng qua radio, nhưng Biệt Đội 813 vẫn di chuyển cập theo sông Vàm Cỏ xuôi về Nam. Đến chiều, chúng tôi gặp các chốt chặn của Việt Cộng dày đặc nên đành phải ra đường lộ, trút bỏ tất cả vũ khí. Ngay trong đêm hôm đó, toàn bộ Biệt Đội lẫn lộn trong đoàn quân gây súng tàn mác về quê quán, về Sài Gòn.

Giờ đây ở xứ sở tự do, tôi có dịp gặp gỡ các chiến hữu của Liên Đoàn 81 BCND/ Lực Lượng Đặc Biệt, qua các cuộc họp mặt “Chính Nghĩa năm 2009”, “Kỷ Niệm 5 năm Thành Lập GĐ81BCD và Lực Lượng Đặc Biệt/ Houston – Texas năm 2013”, mới đây ‘Một Thời Chinh Chiến’ năm 2017. Tôi rất mến phục những chiến hữu trong Ban Tổ Chức: các BCD Nguyễn Văn Đại, Đoàn Đình Nga, Nguyễn Trọng Hiếu & Bích Phượng, Trần Thanh Hà, Trương Văn Út; các LLDB Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Đình Thành, v.v... đã không ngại gian khổ tổ chức các đại hội, các buổi họp mặt định kỳ để cho “những cánh hoa dù” từ phương xa hàn huyên tâm sự. Rất trân trọng sự hy sinh của quý anh chị.

Trải qua cuộc bể dâu, bị vùi dập trong các trại tập trung của Cộng Sản “để trả thù chứ không phải cải tạo”, chúng ta với tinh thần Biệt Cách Dù, vươn lên từ địa ngục của Cộng Sản, được ơn trên che chở đến bến bờ Tự Do - Dân Chủ, tôi đã gặp các chiến hữu BCD, dù phong sương cằn cỗi, dù khắc khổ chậm chạp, các anh đã vượt lên trên nỗi đau. Tôi vẫn thấy Đại Tá Huân điềm đạm, nhân hậu như xưa. Tôi vẫn thấy

các Trung Tá Lân, Thông kiêu hùng như: “*Người Tình Không Chân Dung*”; vẫn còn đây “sói cô đơn” Thiếu Tá Nguyễn Sơn, Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy 2 Chiến Thuật. Dù anh đã “*giã từ vũ khí*”, nhưng dấu ấn của anh với đồng đội còn rất sâu đậm. Tôi không quên nhắc đến Thiếu Tá Hùng; các Đại Úy Hải, Ngô, Hợi; Trung Úy Cao... Các anh lúc nào cũng là Đại Bàng của tôi.

Vẫn còn đây “**DANH DỰ & DỮNG CẢM**”, châm ngôn của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù.

Florida, Hurricane Season 2018.
BCD 813

GHI CHÚ:

- Đại Tá Phan Văn Huấn, Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 81 BCND, Khóa 10/ TVBQGVN.

- Trung Tá Nguyễn Văn Lân, Chỉ Huy Phó Liên Đoàn 81 BCND, Khóa 17/ TVBQGVN.

- Trung Tá Nguyễn Xuân Thông, Chiến Đoàn Trưởng BCND, Khóa 17/ TVBQGVN.





Giấc Mơ Trâu Ngựa.

Phạm Kim Khôi, K19

Sau khi chiếm hết Việt Nam
Việt Cộng từng bước củng cố luôn cho Tàu
Cộng Sản chúng nó nuốt nhau
Trung Cộng Việt Cộng bấy lâu ngấm ngấm

*Thằng cướp bảo thằng nạn nhân
Danh xưng đất Việt bay làm đất tao
Việt Cộng phản ứng thế nào
Một bầy nô lệ kéo nhau qua Tàu*

Linh Duẫn Đồng cốt ngựa trâu
Thành Đô hiệp định ký mau lệnh truyền
Việt Nam chỉ là một miền
Lãnh thổ tự trị không còn quốc gia

*Từng bước đã hiện rõ ra
Từ Nam chí Bắc Tàu qua cầm dùi
Nhân Dân Tệ xuất hiện rồi
Tám tỉnh biên giới phải tiêu tiền Tàu*

Ba đặc khu dọn trước lâu
Đầu Giữa Cuối nước cho Tàu tự tung
Địa tô ngoài mặt sau lưng
Phát triển kinh tế ém quân sẵn sàng

*Đợi ngày tràn ngập Việt Nam
Nội ứng ngoại nhập dương luôn cờ Tàu
Đảng Việt Cộng chúng mày đâu
Giấc mơ trâu ngựa bấy lâu tắt thành.*



ĐÊM LÂM VIÊN HOA THỊNH ĐÓN TRẢ TA SÔNG NÚI

TeaLan, k26/1

Đã chừng khoảng tám năm tôi mới đi lại con đường xuyên bang ở miền Đông này, con đường huyết mạch nối liền nhau cho từ Nam lên Bắc. Khí trời đã vào Xuân, những rừng cây hai bên đường đã có nhiều lá non vội vàng chớm mọc. Nhìn những đồi thông thanh bình trên xứ người tôi buột miệng thốt lên lời cảm xúc, quá đẹp, quá tình. Lên đồi, xuống đồi, cây thông trùng trùng điệp điệp hai bên đường. Rừng không âm u, không rậm rạp với những gốc thông phủ đầy màu lá úa của nó tạo thành khoảng cách nhỏ vừa đủ cho lối đi, như ngăn nhau. Những cây thông mọc thẳng, rần rỏi, kiêu hùng nhưng duyên dáng và rất lãng mạn. Hoàng hôn đang xuống, hình như có dáng ai lang thang trong rừng thông để lắng nghe tiếng thông reo vi vu theo gió. Anh nói, “Nhớ Đà Lạt quá.” Nhớ Đà Lạt mà mấy ai không nhớ tới Trường, mấy ai không nhớ tới Đêm Lâm Viên của những chàng Sinh Viên Võ Bị.

Cứ mỗi năm, sau mùa tuyết rơi vào khoảng giữa tháng Ba,

theo thường lệ Hội CSVSQ Hoa Thịnh Đốn đều có tổ chức Lễ Đêm Lâm Viên. Trữ Ta Sông Núi là chủ đề cho chương trình ca vũ nhạc cho năm nay, do Hội Phụ Nữ Lâm Viên và đoàn THNHDH đảm trách.

Là khách ở xa nên chúng tôi đến trước xứ Rừng Phong một ngày, tới ở nhà của một anh bạn cùng khóa. Nhà anh chị Tốt - K26, ở vùng ngoại ô trên một mô đất cao rộng hơn hai mẫu, đẹp và lớn có một phòng dành riêng thờ các vị chư tôn Phật. Chị Thủy xin nghỉ làm vài ngày để cùng chồng tiếp đãi thân mật với vợ chồng tôi và một anh Khóa 25 từ Cali sang. Mặc dù có nhiều việc phải lo nhưng anh chị lúc nào cũng cùng với ba người chúng tôi luôn bên nhau, nên tất cả đều cảm thấy thoải mái, vui vẻ và ấm cúng trong tình hiếu khách của anh chị.

Đêm Lâm Viên được cử hành trong một nhà hàng khá lịch sự với số khách tham dự trong đêm nay gần 400 người. Một con số kỷ lục! Chưa có một Đêm Lâm Viên nào mà số người ghi danh quá đông như lần này, khiến ban tổ chức phải thông báo ngưng nhận thêm quan khách.

Bước vào nhà hàng, đầu tiên chúng tôi thấy một họa sĩ tài ba, anh Đỗ Ngọc Châu K25, đang treo tranh của anh vẽ lên tường. Đây là lần thứ nhì tôi rất vui khi gặp lại anh Châu cũng với tranh của anh ấy vẽ trong kỳ Đại Hội XVIII năm 2012. Giờ đây, tôi còn nhớ tranh của anh với chủ đề Đáp Lời Sông Núi. Cũng với vóc dáng ấy luôn với miệng cười thân thiện và dễ mến. Làm sao quên được một người mà chúng tôi mến mộ, mặc dù hồi đó tóc anh chưa trắng như bây giờ. Hình lần này mà anh đang treo là hình vẽ những chàng CSVSQ trong 8 giai đoạn thời gian khác nhau. Tôi chọn đứng giữa hai hình trong khoảng thời gian 1965-1975 để chụp ảnh với chàng CSVSQ thủ khoa oai phong đang giương cung bắn đi bốn hướng.

Trong đêm hôm nay, chúng tôi gặp lại gần như đầy đủ các anh chị trong Hội VB Hoa Thịnh Đốn và vùng phụ cận. Tôi thấy các anh các chị tất cả đều vui vẻ với nhau, thấy tất cả đều

cùng có trách nhiệm cùng bắt tay nhau chung lo cho Đêm Lâm Viên của địa phương mình được hoàn hảo. Tôi gặp lại các chị trong Hội Phụ Nữ Lâm Viên đang lo âu tập dợt lại những màn sắp trình diễn cho buổi văn nghệ đêm nay. Chúng tôi gặp lại anh chị Lân K17. Lần này chị Lân đi phải chống gậy vì chị đã bị té gãy xương chân từ mấy tháng trước. Tôi gặp lại anh chị Đán K18, mà lúc nào cũng luôn bận rộn. Tôi gặp cả anh chị



Từ trái sang phải các CSVSQ khóa 26 cùng phu nhân: Ngô Tùng Lương, Nguyễn Thiện Nhơn, và Huỳnh Văn Tốt.

Lượng, cùng Khóa 28 nhoen miệng cười. Tôi còn gặp nhiều “Hiền Tỷ” nữa, nhưng ai cũng có vẻ lo lắng cho buổi diễn xuất nên tôi chỉ dám chào hỏi thôi chứ không có thì giờ tán chuyện menh mông. Chúng tôi ngồi cùng bàn với các anh chị phóng viên Báo Chí và Đài Truyền Thanh Truyền Hình tại đây. Lần đầu tiên chúng tôi gặp anh Ngọc, K30 là phu quân của ca sĩ Hiếu Thuận. Một đôi vợ chồng trẻ dễ thương của Võ Bị!

Đến giờ khai mạc, nghe tiếng phát ra từ phía sau bàn tôi ngồi: “*Mấy ông Võ Bị luôn luôn làm đúng giờ.*” Tôi quay lại chấp tay cảm ơn những người trong ban tổ chức. Tiết mục đầu tiên là tất cả các CSVSQ mặc quân phục lập đội hình bước lên sân khấu cùng với các chị Phụ Nữ Lâm Viên trong đồng

phục áo dài màu vàng cùng hát bài Võ Bị Hành Khúc. Kế tiếp là bài Trá Ta Sông Núi. Dường như toàn khán giả đang lắng dần trong không khí im lặng để chào đón tiết mục lời cuốn và xốn xang lòng người này. Kế tiếp nữa là màn ca nhạc cảnh Hội Nghị Diên Hồng như để yểm trợ phong trào đấu tranh của đồng bào trong nước. Tiếng trống, tiếng kèn cùng với lời kêu gọi... nên hòa hay nên chiến... tiếng dân hô từ nam phụ lão ấu... quyết chiến... hy sinh... vang lên. Đó là câu đồng thanh trả lời sau cuộc trưng cầu dân ý, sau cuộc triệu họp của vua Trần Thánh Tông tại kinh thành Thăng Long muốn biết lòng dân nên đánh hay nên hòa. Tôi không nín cười được nghe tiếng ai đó trong phía khán giả ngồi phía sau tôi nói... “Đánh cho chết cha tụi nó đi.”

Tiếp chương trình có bài hợp ca “Nhớ Mẹ” do bốn anh em trai, thành viên của TTNDH có cha là cố CSVSQ cùng khóa với tác giả Tướng Lê Minh Đảo. Một tiết mục thật xuất sắc làm khán giả bùi ngùi xúc động không ít. Còn nhiều tiết mục khác cũng do các nghệ sĩ cây nhà lá vườn, chồng Võ Bị, vợ Võ Bị, cùng con của Võ Bị liên tục. Họ đã trình diễn không thua bất cứ ai.

Đứng trước nguy cơ nước ta bị giặc Tàu xâm lược từ phương Bắc, để thể hiện tình đoàn kết chống giặc ngoại xâm của dân ta hiện nay, chương trình được kết thúc bằng lời ca tiếng hát của ban nhạc cùng với khán giả hòa nhau, tay vung tay vẫy cờ vàng ba sọc đỏ khắp hội trường đồng ca bài “Thề Không Phản Bội Quê Hương”!!!

Chương trình văn nghệ đêm nay đã mang lại cảm xúc vui tươi, hào hứng. Mọi người được thưởng thức các tiết mục văn nghệ đặc sắc do các CSVSQ, các chị trong Hội Phụ Nữ Lâm Viên và thế hệ tiếp nối Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu cùng dàn dựng và biểu diễn, thể hiện tính năng động sáng tạo chứng tỏ tinh thần đoàn kết và hợp tác theo truyền thống của Trường Võ Bị.



Cờ Vàng Phủ Lầy Giá Gương

Bắc Đẩu Võ Ý

Tôi đi HO10, định cư tại thành phố Saint Louis tiểu bang Missouri đầu tháng 6 năm 1992. Saint Louis là một thành phố tương đối sầm uất thuộc miền Trung Tây nước Mỹ, nằm bên dòng sông Mississippi như là một lần ranh, phía trên là tiểu bang Illinois với thành phố Chicago rộn ràng.

Người Việt tị nạn tại Saint Louis không nhiều, khoảng 10 ngàn người trên 350 ngàn dân bản xứ pha lẫn các sắc dân gốc Châu Phi, Châu Âu, Châu Á, và Hispanic. Saint Louis thể hiện bốn mùa rõ ràng. Mùa Xuân cây cỏ đâm chồi, mùa Thu lá vàng, mùa Hè nóng bức và mùa Đông tuyết rơi.

Gia đình tôi đến Saint Louis vào lúc chớm hè, học sinh đã nghỉ học. Một tuần sau, các chiến hữu Không Quân mời tôi tham dự Ngày Quân Lực 19 tháng 6, được tổ chức tại một sảnh đường của một building trên đại lộ Grand (con đường chính của người Việt tại đây). 17 năm sau ngày mất nước, lần đầu tiên cảm xúc tôi dâng trào khi được dịp nghe lại quốc ca VNCH trỗi lên hùng hồn, được nhìn lại Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ

thân yêu được đặt trang trọng trên khán đài.

Đại Tá Ngô Tấn Nghĩa (K9/ Võ Bi Đà Lạt, Cựu Tỉnh Trưởng Bình Thuận) giới thiệu tôi với mọi người tham dự. Tôi vui mừng gặp lại đồng đội đồng hương, nhưng điều làm tôi ngây ngất vẫn là *được nghe và thấy lại* quốc ca và quốc kỳ VNCH, như thể tôi gặp lại khung trời cũ, đồng đội xưa...

Sinh hoạt trong hội đoàn quốc gia trở thành một nhu cầu thiêng liêng của mọi cựu quân nhân QLVNCH trên quê hương mới. Tôi nhanh chóng hội nhập vào sinh hoạt của cộng đồng người Việt tại đây. Một trong những thành tựu mà tôi hãnh diện được đóng góp tâm huyết của mình là Nghị Quyết Vinh Danh Cờ Vàng do Thành Phố ký và ban hành nhân ngày 30 tháng 4 năm 2004 tại tòa Thị Sảnh Saint Louis.

Được biết, Nghị Quyết Vinh Danh Cờ Vàng xuất hiện đầu tiên và có hiệu lực ngày 19 tháng 2 năm 2003 tại thành phố Westminster California, sau vụ Trần Trường, là nguồn cảm hứng cho hầu hết người Việt tị nạn khắp nước Mỹ và các nước Tự Do trên thế giới như Canada, Úc, Nhật, Pháp, Đức..., noi theo.

Tính đến nay, (08/31/2008 - chiendichcovang) đã có 14 Tiểu Bang, 7 Quận Hạt và 88 Thành Phố, **công nhận** Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là biểu tượng của người Việt tị nạn Cộng Sản tại Mỹ. Cờ Vàng cũng là lá cờ “Tự Do và Di Sản”, đại diện cho người tị nạn Việt Nam khắp nơi trên thế giới.

Chiến Dịch Cờ Vàng khởi sự đầu tiên từ năm 2003 tại Virginia và sau đó là Cali. Mong sao Chiến Dịch sẽ kết thúc chừng nào Ước Vọng của người Việt lưu vong được thành tựu. Ước vọng đó là:

- Lá Cờ biểu tượng của Tự Do Dân Chủ và Nhân Quyền tức Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ sớm được tung bay trở lại trên đất tổ quê cha,

- Các thế hệ Việt Nam tiếp nối, quyết đấu tranh cho một Việt Nam không Cộng Sản cho mai sau.

Chúng ta vì hai chữ Tự Do mà bỏ nước ra đi. Chúng ta ra đi mang theo Quê Hương. Quê Hương chỉ còn là biểu tượng trong tâm tưởng. Biểu tượng đó chính là Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ.

Theo giáo sư Nguyễn Ngọc Huy thì:

” ...màu vàng thuộc hành thổ và màu đỏ thuộc hành hỏa và vì hỏa sanh thổ nên hai màu này rất hợp với nhau..., ba sọc đỏ nhỏ như những tia nắng rơi xuống một mặt đất rộng rãi làm



Cờ Vàng tung bay trong một buổi lễ của thanh niên Việt Nam toàn thế giới.

cho mặt đất này ấm áp và có điều kiện thuận lợi cho cây cỏ mọc lên được.”

“...nền vàng tượng trưng cho quốc gia và dân tộc Việt Nam nói chung và ba sọc đỏ tượng trưng cho ba miền.” ()*

“...Trong gần 30 năm, từ 1948 đến 1975, người dân VN tự do cũng như người chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh không biết bao xương máu chống Cộng Sản miền Bắc xâm lược không phải để bảo vệ một chủ nghĩa hay một chủ thuyết mà để bảo vệ cho Tự Do, Dân Chủ, và Nhân Quyền cho Miền Nam. Vì thế ngọn Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ và bài Tiếng Gọi Công Dân không những là biểu tượng cho quốc kỳ và quốc ca của Việt Nam Cộng Hòa mà còn là biểu tượng cho Tự Do,

Dân Chủ và Nhân Quyền, cho nguyện vọng tốt đẹp của quốc gia, dân tộc.” ()*

(*) <https://vinhdanhcovang.wordpress.com/2011/07/31/y-nghia-c%E1%BB%A7a-la-c%E1%BB%9D-vang-ba-s%E1%BB%8Dc-d%E1%BB%8F-va-bai-%E2%80%9Cti%E1%BA%BFng-g%E1%BB%8Di-cong-dan%E2%80%9D/>.

Có thể anh, có thể chị không quan tâm đến ý nghĩa của Cờ Vàng. Không sao! Nhưng một điều chắc chắn là anh chị đều nuối tiếc một thời vàng son mà qua đó hầu hết mọi công dân Miền Nam (trong đó có anh chị) đều được hưởng một cuộc sống yên bình, không bị sách nhiễu bởi bọn cán bộ chuyên chính vô sản, ác ôn tham tàn, và bạo ngược.

Để có được một hậu phương yên bình như thế, trên ba trăm ngàn chiến sĩ Quân Lực VNCH đã hy sinh trên khắp các chiến trường, từ Bến Hải đến Cà Mau kể cả ngoại biên. Hàng chục ngàn chiến sĩ đồng minh như Úc, Nam Hàn, Phi Luật Tân, Thái Lan, Tân Tây Lan, Đài Loan..., cũng đã vui thây nơi sông rạch, tại hốc núi ven rừng của miền Nam xa xôi, để bảo vệ nền Độc Lập Tự Do cho Miền Nam.

Ngày nay, gần hai triệu người Việt tị nạn Cộng Sản tại Hoa Kỳ, quê hương mới của họ. Hẳn những công dân Mỹ gốc Việt đó sẽ không thể nào quên ơn 58 ngàn chiến sĩ Hoa Kỳ đã ngã xuống trong cuộc chiến bảo vệ Miền Nam Tự Do, bảo vệ Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ thân yêu!

Từ Bình Long Anh Dũng, Kontum Kiêu Hùng đến Trị Thiên Vùng Dậy, cái giá của Tự Do được tính bằng xương máu. Qua đó, Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ mang cả hồn thiêng sông núi uy linh trong đó. Để cảm được *Ngọn Cờ Uy Linh* trên Phú Văn Lâu Huế, hay trên Cỏ Thành Quảng Trị trong mùa Hè đỏ lửa năm 1972, “*Có mấy ai biết rằng trung bình mỗi ngày có tới hàng trăm TQLC (Thủy Quân Lục Chiến) được gói poncho để dưới chân tường thành làm nấc thang cho đồng đội tiến lên và*

tiếp tục gục ngã!” (Những Anh Không Quân – Captovan, Nửa Đường, sắp xuất bản).

Ngay sau khi quân ta dừng lại ngọn cờ thiêng trên Cờ Thành Quảng Trị ngày 16 tháng 9 năm 1972, bản nhạc Cờ Bay Trên Quảng Trị Thân Yêu (Lê Kim Hoa & Trương Hoàng Xuân) ra đời và bài hùng ca được toàn dân toàn quân nhiệt liệt chào đón và trân trọng cho tận ngày nay:

*Cờ bay. Cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu
Vừa chiếm lại đêm qua bằng máu*

...

*Ta ôm nhau mắt lệ nghẹn ngào quỳ hôn đất thân yêu
Quảng Trị ơi, chào quê hương giải phóng
Hồi sinh rồi này mẹ này em
Vui hôm nay qua đêm đen tìm thấy ánh mặt trời. ..*

Sau khi ổn định cuộc sống tại quê hương mới, ý thức được tính linh thiêng của Cờ Vàng, các Hội Đoàn Quốc Gia thường tổ chức lễ chào cờ mặc niệm trong các lễ lạc hoặc hội ngộ... Đây là dịp để người Việt tị nạn cùng chung một Ước Vọng, hướng tim óc của mình về lá cờ Tổ Quốc, về một Việt Nam Tự Do Dân Chủ và Nhân Quyền mai sau.

Để vinh danh và tiếp sức chiến dịch ý nghĩa này, đã có cơ quan (hoặc cá nhân) in hình Cờ Vàng lên tem bưu điện để gửi đi khắp nơi. Cũng có không ít đồng hương đồng đội mang khăn quàng cổ hoặc cà vạt in hình Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ trong các cuộc hội họp hoặc xuống đường bày tỏ quan điểm lập trường của mình.

Lòng trung kiên của quý vị với quê hương dân tộc thật đáng trân trọng.

Cuối năm qua, Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu phát hành “Lịch 2019 Vinh Danh Cờ Vàng”, qua đó, hình ảnh các anh chị hậu duệ khắp nước Mỹ nâng niu Lá Cờ Vàng mà cha anh của các anh chị đã chiến đấu và đã hy sinh vì biểu tượng thiêng liêng đó! Các anh chị quả là Con Nhà Tòng. Xin hoan hô!

Cón lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ tại quốc nội thì sao?

Bọn cầm quyền Cộng Sản vẫn còn lo sợ hình bóng của Lá Cờ này. Sau 44 năm (1975-2019) dưới chế độ chuyên chính vô sản, người dân đã nhận thức được tính nhân bản của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Nhiều phụ nữ trong nước đã mặc áo dài trang trí Cờ Vàng trên vạt áo thướt tha trong các dịp hội hè. Một số thanh niên tại Hà Nội đứng ra tổ chức “Kỷ Niệm



Trang trí tại phòng khách trong buổi phát hành lịch “Vinh Danh Cờ Vàng” tại Houston, Texas, tháng 2 - 2019 của Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

60 Năm Ngày Quốc Khánh 26/10 VNCH”, các cháu trưng cờ Vàng Ba Sọc Đỏ trên cao và cùng hát Quốc Ca VNCH!

Các cháu thật can đảm.

Tôi thật sự cảm động và ngưỡng mộ tâm huyết của các cháu. (<https://www.youtube.com/watch?v=yWtMzXEICsQ>).

Điều làm người Việt trong và ngoài nước thán phục là câu chuyện Nguyễn Viết Dũng tức Dũng Phi Hồ. Cháu sinh năm 1986 (33 tuổi), tự tìm hiểu ý nghĩa của Cờ Vàng và tự thực hiện Cờ Vàng để treo trong khuôn viên nhà mình. Năm 2017, tòa án Cộng Sản tại Nghệ An tuyên án cháu 7 năm tù. Điều

thán phục nữa là, trước vành móng ngựa, Dũng vẫn mặc áo lót in hình Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ!

Cháu Dũng thân yêu, cháu can trường hơn là tôi nghĩ!

Tôi thật sự ngưỡng mộ lòng can trường mà tôi không thể sánh với cháu được!

(https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2015/11/151120_voandon_dungphiho)

Và để hun đúc Chiến Dịch Cờ Vàng bền lâu trên quê hương mới, nhiều đám tang được tổ chức Nghi Lễ Phủ Cờ cho người ra đi là cựu Quân Cán Chính VNCH. Đây là vấn đề hết sức tế



Ông Nguyễn Viết Dũng bị bắt sau khi tham gia tuần hành bảo vệ cây xanh Hà Nội hôm 12/4/1915.

nhi, tùy thuộc cảm nghĩ riêng của từng cá nhân. Một số đồng ý việc phủ cờ, một số không. Một số không có ý kiến, để ngỏ cho gia đình quyết định một khi vô thường xảy ra cho họ.

Số **không muốn** phủ cờ, đa phần là các công chức hoặc sĩ quan cao cấp, giữ những trọng trách trong chính phủ hay quân đội, vì lòng tự trọng nên rất ái ngại khi đề cập chuyện này. Một lý do dễ hiểu khác là, nghi lễ phủ cờ chỉ dành cho những chiến sĩ hy sinh trên chiến trường hoặc hy sinh vì công

vụ. Còn chết già chết bệnh nơi xứ người thì không xứng đáng nhận nghi lễ này:

*“Mai tôi chết cờ vàng **xin đừng phủ**
Xác thân này đâu chết cho quê hương?
Súng gươm xưa đã bỏ lại chiến trường!
Thân chiến bại nhục nhằn nơi đất khách!”*

(BDQ Nguyễn Ngọc Trân)

Xin trân trọng tinh thần trách nhiệm và lòng tự trọng của quý vị!

(<https://baovecovang2012.wordpress.com/2013/01/26/luan-ve-nghi-thuc-phu-co-do-ngoc-uyen/>)

Bên cạnh nhóm không muốn phủ cờ đỏ, vẫn có một số cựu Quân Cán Chính ngầm tỏ ý muốn của mình trong nội bộ gia đình. Cho đến khi người thân trong tang quyền trình bày ý muốn đó với bạn bè hoặc với hội đoàn liên hệ, thì lễ phủ cờ sẽ được cử hành theo đúng lễ nghi quân cách.

Lý do **nên phủ cờ** cũng rất đơn giản. Đó là, chỉ những người Việt Quốc Gia mới tị nạn Cộng Sản. Khi bỏ nước ra đi, họ chỉ mang theo quê hương. Nay họ chết già chết bệnh trên xứ lạ quê người, họ vẫn mang theo quê hương, đó là chính thể Việt Nam Cộng Hòa, đó là Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ. Chính vì thế, lễ phủ cờ cho họ không có gì là quá đáng.

*Khi tôi chết Cờ Vàng **xin cứ phủ**
Bởi chúng tôi **chưa giải ngũ** bao giờ*

(Trần Kim Khôi)

Qua ý tưởng trên, chúng tôi xin được diễn dịch là, dù vận nước đen tối, nhưng những cựu quân nhân vẫn giữ một trách nhiệm vô hình trong tâm tưởng đối với quê hương dân tộc của mình, vẫn tiếp tục chiến đấu, không phải bằng súng đạn mà bằng một loại vũ khí mới, gọi là *vũ khí mềm*. Loại vũ khí mềm chính là quan điểm lập trường Quốc Gia Dân Tộc được chuyển đạt bằng chữ viết hay tiếng nói (nét vẽ, nốt nhạc, bài

thơ...), góp phần vinh danh chính nghĩa của VNCH, lên án sự tàn ác gian xảo của chủ nghĩa cộng sản, tiếp tục phát huy chiến dịch Cờ Vàng cho đến các thế hệ tiếp nối...

Được biết, Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là cờ của một dân tộc, của cả Quân Dân Cán Chính VNCH. Trong vụ thảm sát Mậu Thân 1968 do Cộng Sản khát máu gây ra, trên nắp quan tài của tất cả người dân vô tội Huế đều được sơn Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ như thể một nghi lễ tưởng niệm của chính quyền địa phương đối với người dân xấu số. Bởi vì, người bị sát hại là công dân của Việt Nam Cộng Hòa.

Từ những nhận định trên, nghi lễ phủ cờ tại *quê hương* mới xác định 2 ý nghĩa.

- **Một là**, người nằm xuống là một chiến sĩ quốc gia, vẫn giữ trong tâm tưởng ngọn lửa đấu tranh cho một Việt Nam Tự Do Dân Chủ và Nhân Quyền.

- **Hai là**, duy trì sự hiện hữu của Lá Cờ Chính Nghĩa, Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ trên quê hương mới cho đến các thế hệ tiếp nối.

Chúng tôi đồng tình với tác giả Đỗ Văn Phúc trong bài tiểu luận "Phủ Cờ? Nên Hay Không?"

Nếu NÊN thì cần phải trang nghiêm và theo đúng bài bản để tôn vinh Lá Cờ.

(<http://michaelpdo.com/2016/03/le-phu-co-co-nen-hay-khong/>)

Các Hội Đoàn quốc gia tại miền Nam Cali rất thuần thực về nghi lễ này. Dù vậy, chúng tôi cũng mạn phép nêu ra mấy gợi ý mà toán phụ trách nghi lễ cần để ý, là:

- Người được phủ cờ **phải là** một chiến sĩ quốc gia, không hề làm điều gì xúc phạm đến thanh danh của tập thể Quân Cán Chính VNCH bất cứ đâu, bất cứ hoàn cảnh nào. Điều kiện này rất quan trọng, nói lên tính xứng đáng của người nhận vinh dự này và nhân thể tôn vinh Lá Cờ của Tổ Quốc.

- Ngày xưa, Đơn Vị liên hệ phụ trách phủ cờ, ngày nay là Hội Đoàn liên hệ.

- Tuyên đọc Tiểu Sử của người mãn phần trước khi phủ cờ.

- Người phụ trách phủ cờ nên mang găng tay trắng; nếu là cựu quân nhân thì nên mặc quân phục, để nghi lễ phản ánh về trang trọng.

Lễ vô thường không chừa một ai. Không ít người trong số cựu Quân Cán Chính VNCH đã viết sẵn *di bút* cho ngày



Hội Biệt Động Quân Houston, Texas đang làm lễ phủ cờ cho một chiến hữu.

mình ra đi. Bà Nguyễn Thị Hạnh Nhơn, Cựu Trung Tá Không Quân, ân nhân của thương phế binh VNCH tại quê nhà, khi ra đi (04/2017), Bà để lại chúc thư “*yêu cầu đừng làm lễ phủ cờ, mà thay vào đó chỉ xin đặt hai lá cờ nhỏ VNCH và Hoa Kỳ trên quan tài của bà mà thôi!*”

Nghĩa tử là nghĩa tận, gia đình và cộng đồng đã tôn trọng ý nguyện của Bà.

Theo sau Lễ Phủ Cờ là **Lễ Thu Cờ** (hay Xếp Cờ) trước khi quan tài hạ huyệt hoặc đưa vào lò thiêu. Cờ Vàng xếp thành hình tam giác và trao cho thân nhân. Cách tốt nhất là thân

nhân đặt lá cờ này trên bàn thờ của người quá cố.

Tại xứ người, do bận bịu công ăn việc làm nên việc lập bàn thờ để thờ cúng tại nhà không mấy hệ trọng như ở quê nhà. Mọi nghi lễ tôn giáo thường diễn ra tại chùa hay nhà thờ. Hơn nữa, việc làm thay đổi bất thường, nơi ăn chốn ở cũng thay đổi theo. Vì lẽ đó, các bậc làm cha mẹ không muốn làm phiền con cháu khi đau ốm, hoặc trước hoặc sau khi qua đời. Đa số cựu Quân Cán Chính muốn hỏa táng sau khi chết. Tro cốt rải trên núi hay xuống sông xuống biển, khỏi phải bận bịu việc thờ phượng hoặc tảo mộ.

Chúng tôi rất tâm đắc với ý nguyện cuối đời của Bà Hạnh Nhơn. Từ ý nguyện đó, chúng tôi liên tưởng đến câu ca dao:

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Trong hoàn cảnh hiện tại, đề nghị thay *nhiều điều* bằng *Cờ Vàng* (hay *Quốc Kỳ*), câu ca dao mới sẽ thành:

*Cờ Vàng phủ lấy giá gương,
Ngàn sau Hồn Nước còn vương Cờ Vàng.*

Giá gương và Cờ Vàng tuy hai mà một, vừa tôn kính, vừa hài hòa, vừa thể hiện tính Trung Hiếu của người đã vĩnh viễn ra đi và những người ruột rà còn tại thế.

Hồn Nước và *Cờ Vàng* hòa quyện trong di ảnh của một Quân Cán Chính VNCH, phải chăng đó cũng là cách tôn vinh Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ?

***Vườn Thượng Uyển,
Westminster, CA 03/2019***

Ôn Lại Biến Cố Lịch Sử của Việt Nam Cộng Hòa

Đặng Kim Thu, K19 sưu tầm

Người Mỹ muốn tìm người khác thay ông Diệm để đáp ứng quyền lợi của họ.

Trong hồi ký, Linh Mục Cao Văn Luận có viết rằng ông đã tiếp xúc với một số yếu nhân Mỹ và biết họ có ý định chống ông Diệm, kể cả muốn hạ bệ ông, nếu ông không chịu thay đổi đường lối.

Lúc bấy giờ chưa có biến cố Phật Giáo. Linh Mục Luận nói rằng khi trở về Sài Gòn ông sẽ báo cho ông Diệm biết rõ sự việc, dù có mất chức Viện Trưởng Viện Đại Học Huế cũng được. Không những Linh Mục Luận chỉ nói miệng mà còn viết bản tường trình để cho ông Diệm suy nghĩ.

Sau đó, Linh Mục Luận vận động với Tòa Thánh Vatican hy vọng Tòa Thánh thuyết phục được ông Diệm. Linh Mục Luận bèn đi gặp ngài Khâm Sứ Tòa Thánh tại Saigon để xin ngài can thiệp. Lúc này, tân Giáo Hoàng Phao Lô VI, vừa kế vị Giáo Hoàng Gioan XXIII, có gởi thư cho Tổng Thống Diệm. Linh Mục Luận không biết nội dung của thư đó, chỉ nghe nói bà Nhu đã phản ứng bằng lời lẽ gọi Giáo Hoàng là “ông già lắm cẩm” (le pauvre vieux).

Khi mọi nỗ lực cứu vãn tình thế không thành, con đường đã

mở rộng cho “quyền lực đen tối” của đồng minh Hoa Kỳ. Vụ Phật Giáo đã cho Hoa Kỳ cơ hội ra tay, hay nói đúng hơn, do Hoa Kỳ tạo cơ để ra tay.

Trong một buổi họp báo trước đó, bà Ellen Hammer có tường thuật rằng Tổng Thống Kennedy đã tuyên bố không úp mở:

- “Nếu anh em ông Diệm không để cho chúng ta thực hiện định ý định của mình thì tìm kiếm người Việt Nam khác đáp ứng quyền lợi của chúng ta (Mỹ).”

Đó là một lời phát biểu trịch thượng, hống hách, như thể



Tổng thống Ngô Đình Diệm, đứng xung quanh l’ các tướng lĩnh, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa trong buổi lễ tại Sài Gòn ngày 26 tháng 10 năm 1955.

Việt Nam là thuộc địa của Mỹ vậy.

Đầu tháng 6 năm 1963, khi chính phủ Việt Nam ra lệnh giải tán 500 sinh viên biểu tình ở Huế, khiến cho 67 người bị thương, Phó Đại Sứ William Trueheart được Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ chỉ thị phải thúc giục những biện pháp cần thiết, với lời lẽ hết sức cứng rắn để cảnh cáo Việt Nam rằng Hoa Kỳ

không thể tiếp tục ủng hộ chính phủ Diệm nếu còn đàn áp đồ máu như ở Huế.

Sau vụ tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức, Trueheart được lệnh phải đòi ông Diệm hoàn toàn thỏa mãn yêu sách của Phật Giáo Ấn Quang một cách công khai, nếu không thì Hoa Kỳ tuyên bố tách rời khỏi chính phủ VNCH, vì sự từ chối thỏa mãn sự đòi hỏi “*hợp lý*” của các lãnh đạo Phật Giáo.

Trong lúc gây cản với Phó Đại Sứ Trueheart, Tổng Thống Diệm hai lần đánh điện yêu cầu Đại Sứ Nolting trở lại Sài Gòn. Thiếu Nolting coi như ông Diệm mất một cố vấn tốt về chính sách của Mỹ tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 1963, Kennedy cử Cabot Lodge thay thế Nolting, nhưng Nolting chỉ nghe tin tức đó qua đài phát thanh. Trước đây, Đại Sứ Nolting được cử sang Sài Gòn để hợp tác với Tổng Thống Diệm. Nay chính sách thay đổi thì Nolting hết nhiệm vụ.

Tới Sài Gòn ngày 22 tháng 8, chưa trình ủy nhiệm thư cho Tổng Thống Diệm, Lodge đã ra đường tiếp xúc với dân chúng, hỏi han tin tức, rồi tới cơ quan viện trợ Mỹ, phía sau chùa Xá Lợi gặp Thích Trí Quang và đứng chụp hình chung. Một hành động không những trái với thủ tục ngoại giao mà còn có tính cách công khai đứng về phía chống chính phủ Việt Nam. Do đó, Thích Trí Quang được thể tiếp tục đòi hỏi tranh đấu mạnh hơn.

Tiếp theo là lời tuyên bố của phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Mỹ như sau: “*Theo tin tức ghi nhận rõ ràng là việc bố ráp chùa, bắt các sư sãi đã do lực lượng Cảnh Sát, phối hợp với lực lượng đặc biệt không do quân đội chỉ huy.*”

Được biết trong đêm 20 tháng 8, 1963 có một buổi họp với một số tướng lãnh tại dinh Gia Long, chính Tướng Trần Văn Đôn là người đứng lên đầu tiên đề nghị có biện pháp mạnh đối với các sư làm loạn, để trả lại chùa cho thờ phượng. Nhưng chính Trần Văn Đôn lại dùng thủ đoạn manh tâm đi báo tin

cho Cabot Lodge khi ông vừa mới tới Sài Gòn, chưa kịp trình ủy nhiệm thư. Trần Văn Đôn và các tướng có mặt trong buổi họp nói trên đều có ký kiến nghị bố ráp chùa và thiết quân luật.

**Mật điện số 242, ngày 24 tháng 8 năm 1963, ra lệnh cho
Đại Sứ Cabot Lodge đảo chánh.**

Dưới đây là mật điện số 243 ngày 24 tháng 8 năm 1963, do Bộ Ngoại Giao Mỹ gửi cho Cabot Lodge ra lệnh cho ông ta móc nối các tướng lãnh để đảo chánh.

Bộ Ngoại Giao

Tối mật: 243

Hành động: Đại Sứ Saigon
thì hành tức khắc.

Riêng Đại Sứ Lodge đọc
mà thôi.

(Không phổ biến ra ngoài.)

Tham chiếu các công
điện: Saigon 165, Saigon
320, Saigon 318, Saigon
329; Báo cáo ý kiến của
Tướng Trần Văn Đôn.

“Nay rõ ràng rằng Nhu mưu toan nắm quyền lãnh đạo. Như vậy chính phủ Hoa Kỳ không thể chấp nhận một tình trạng trong đó quyền hành lọt vào tay Nhu. Diệm phải được cơ hội loại Nhu ra và thay thế bởi những nhân vật quân sự và chính trị tốt hơn. Mặc dù chúng ta hết sức cố gắng, mà Diệm cứ cứng đầu không chịu, thì chúng ta phải đối phó với sự thể rằng chính Diệm cũng không được bảo đảm an toàn.”

Chúng ta không biết nội dung nói về Tướng Đôn trong các công điện nhưng có thể suy đoán rằng khi mật điện 243 của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ chỉ thị hạ ông Diệm đã căn cứ ít nhiều trên công điện đó.



*Trong một buổi lễ tại Saigon,
Không Quân Việt Nam tuyên
thệ ủng hộ Tổng Thống Ngô
Đình Diệm, năm 1963*

Có thể hiểu công điện mật 265 báo cáo ý kiến của Trần Văn Đôn đã mở đường cho cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963, mà ông Đôn là người đóng vai chính.

Về sau này người ta mới được biết rằng mật điện 243 đã do Thứ Trưởng Ngoại Giao Harryman (người rất ghét ông Diệm) và Phụ Tá Bộ Trưởng Ngoại Giao Roger Hilsman, đặc trách Viễn Đông Sự Vụ, hiệp nhau để thảo ra mật điện vào chiều ngày thứ Bảy, 24 tháng 8 năm 1963, nhằm lúc Tổng Thống Kennedy, Giám Đốc CIA - John McCone, Bộ Trưởng Ngoại Giao Dean Rush, Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara, và Chủ Tịch Ủy Ban Liên Quân - Tướng Taylor đều đi nghỉ cuối tuần. Mỗi người một nơi.

Harryman và Roger Hilsman đem dự thảo điện văn đến một sân golf cho George Ball xem, vì ông này có nhiệm vụ ký các điện văn, trong lúc Bộ Trưởng Ngoại Giao Dean Rush vắng mặt. Rồi cả ba người về nhà George Ball gọi điện thoại trình bày sơ lược cho Tổng Thống Kennedy, lúc ông ta đang tắm tại nhà nghỉ mát ở Hyannis Port.

George Ball về sau cho biết Tổng Thống Kennedy có ý thuận, nhưng còn dè dặt vì không biết người thay thế ông Diệm có hơn ông Diệm không và được Mỹ thích hơn không? Nhưng cuối cùng nói:

- *“Nếu Ngoại Trưởng Dean Rush và Thứ Trưởng Quốc Phòng Roswell Gilpatric thuận thì gọi đi.”*

Tiếp theo, George Ball gọi điện thoại cho hai nhân viên hữu trách là Phó Đề Đốc Herbert Riley - Giám Đốc Ủy Ban Tham Muu và Tướng Krukak.

Tướng Krukak cho rằng vấn đề quá quan trọng nên bảo đợi ông chạy tới Tòa Bạch Ốc, để tận mắt đọc bản thảo. Ông bảo phải gọi điện thoại cho Thứ Trưởng Quốc Phòng Gilpatric. Ông này cũng tỏ vẻ ngạc nhiên vì sao mà chỉ thị quan trọng như vậy lại gửi cho Saigon vào cuối tuần. Nhưng khi nghe Forrestal nói công điện đã được Tổng Thống Kennedy chấp

thuận nên ông Gilpatric không có quyền ngăn cản.

Phản đối của các cố vấn cao cấp của Tổng Thống Kennedy.

Vào ngày thứ Hai tiếp theo, công điện đó đã bị các cố vấn cao cấp của Kennedy là McNamara, Tướng Maxwell Taylor, Giám Đốc CIA McCone phản đối mạnh; vì họ coi ông Diệm là một lãnh tụ xứng đáng nhất.

Tướng Taylor giận giữ khi đọc bản sao công điện. Ông bảo phe chống ông Diệm đã quy tụ tại Bộ Ngoại Giao, lợi dụng sự vắng mặt của các viên chức chính yếu trong chính phủ để đưa ra những chỉ thị không khi nào được chấp thuận, nếu được đem ra thảo luận.

Bực bội vì những ý kiến chống đối giữa các cố vấn cao cấp, Tổng Thống Kennedy đi lang thang quanh bàn hội nghị, hỏi:

- “Ai muốn thu hồi công điện ấy?”

Mặc dù không đồng ý, hai ông McCone và Taylor cũng không đề nghị rút công điện lại.

Trong buổi họp kế tiếp vào ngày hôm sau, các ý kiến của các cố vấn vẫn chống đối nhau. Tổng Thống Kennedy ra lệnh đánh điện cho Cabot Lodge hỏi thêm tin tức về dự định đảo chánh và về các người đảo chánh. Tướng Taylor thảo điện tín, có đoạn nói rằng: “*Điện tín số 243 không có Bộ Quốc Phòng và Bộ Tổng Tham Mưu tham dự, nên chính phủ đang xét lại.*” Khi họp lại, nhân viên Bộ Ngoại Giao gồm những người chống ông Diệm, đề nghị cứ tiến hành đảo chánh cho đến khi thành công.

Đại Sứ Nolting chống lại, bào làm như vậy là chối bỏ các cam kết của Hoa Kỳ đối với ông Diệm. Nolting nói tiếp:

- “Ở đây, tôi nói rất thẳng thắn, tôi nghĩ có một số ảnh hưởng tại Bộ Ngoại Giao hoan hỉ làm cho tôi đi khỏi Saigon, vì họ muốn trao cho ông Diệm nhiều dây thừng để ông thắt cổ. Có một phong trào muốn hạ bệ ông Diệm mà tôi có thể

cảm thấy từ những người như Harriman, Roger Hilsman, và những người khác nữa của Bộ Ngoại Giao.

Những việc làm đó trái với những lời khuyên can của Giám Đốc CIA. Tôi muốn những lời nói của tôi được ghi vào biên bản buổi họp.”

Nolting nói xong liền xin từ chức để phản đối.

Báo US News và World Report viết: *”Điện tín của Bộ Ngoại Giao gửi cho Cabot Lodge chiều thứ Bảy, 24 tháng 8 năm 1963, là một bước nhảy vọt của Mỹ trong việc can thiệp vào nội tình Việt Nam mà không nghiên cứu kỹ càng.”*

Về sau này, chính Cabot Lodge cũng công nhận rằng công điện ngày 24 tháng 8 năm 1963 có *“sai lầm, đáng trách, và điên rồ”* (ill advised, reprehensible, insane).

Tuy vậy, khi nhận được mật điện ấy vào sáng Chủ Nhật ngày 25 tháng 8, Lodge họp ngay nhân viên cao cấp để thảo luận, rồi đánh điện cho Bộ Ngoại Giao xin phép tiếp xúc với các tướng lãnh Việt Nam để cho họ biết yêu sách của Mỹ, mà không cho Tổng Thống Diệm biết.

Khi Bộ Ngoại Giao trả lời đồng ý, Lodge ra lệnh cho CIA tiếp xúc và khuyến khích các tướng lãnh đảo chánh. CIA cho họ biết Mỹ muốn loại bỏ Ngô Đình Nhu, cũng như các đòi hỏi của Phật giáo phải được chính phủ Diệm thỏa mãn. Nếu không thì Mỹ sẽ cúp viện trợ quân sự và kinh tế cho miền Nam Việt Nam. Mỹ sẵn sàng công nhận chính phủ mới. Tuy nhiên, đảo chánh thành công hay không là trách nhiệm của các tướng tham gia đảo chánh. Nhân viên CIA tên Conein đầu tiên tiếp xúc với Tướng Trần Văn Đôn, quyền Tham Mưu Trưởng. (*Đại Tướng Lê Văn Tỵ đang đi chữa bệnh ở ngoại quốc.*) Tướng Đôn đồng ý với các điều khoản của Mỹ và trả lời sẽ đi gặp Tướng Dương Văn Minh và Lê Văn Kim.

Đến ngày 26 tháng 8 lúc 11 giờ, Cabot Lodge mới trình ủy nhiệm thư cho Tổng Thống Diệm. Trong buổi họp, ông ta đề nghị loại bỏ ông Ngô Đình Nhu.

Tổng Thống Diệm nói:

- “Việc Nhu làm có vấn đề cho tôi hay không có quan hệ gì đến các ông?”

- “Đó là ý kiến của Tổng Thống Kennedy.” Lodge trả lời.

Sau đó Conein được giao nhiệm vụ tiếp xúc với Dương Văn Minh, nhưng ông ta không được khuyến khích Minh, chỉ nghe nói rồi phúc trình ý tưởng của Minh mà thôi.

Đề trả lời một công điện của Kennedy thông qua Bộ Ngoại Giao, Cabot Lodge phúc đáp:

- *“Chúng ta đang dần bước vào một tiến trình không thể lùi được, đó là hành động đảo chánh ông Diệm. Uy tín của Hoa Kỳ đã công khai đặt vào cứu cánh đó. Theo tôi (Taylor) không thể chiến thắng Cộng Sản với chính phủ Diệm.”*

Đề thúc đẩy các tướng lãnh hành động mau lẹ, Lodge xin được quyền cắt viện trợ kinh tế dành cho chính phủ Diệm, nếu các tướng cứ đòi hỏi điều đó như là dấu hiệu Hoa Kỳ ủng hộ họ.

Riêng Tướng Harkins không muốn tiến hành đảo chánh mà không cố gắng yêu cầu ông Diệm loại bỏ Nhu trước. Lodge phúc đáp rằng đó là việc nguy hiểm phải tránh vì các tướng có thể bị lộ và làm họ không còn tin vào Mỹ nữa.

Tòa Bạch Ốc trả lời liền trong ngày, cho phép Lodge được quyền tùy nghi cắt viện trợ kinh tế mà không cần gửi tới hậu thư cho ông Diệm.

Sợ một cuộc tắm máu có thể xảy ra ở Saigon do phản ứng mạnh của lực lượng ủng hộ ông Diệm, Tổng Thống Kennedy ra lệnh cho Hải Quân Mỹ chuẩn bị di tản 5 ngàn kiều dân Mỹ với một đoàn tàu đặc nhiệm túc trực ngoài khơi Việt Nam và tại đảo Okinawa của Nhật. Ba ngàn Thủy Quân Lục Chiến Mỹ được đặt trong tình trạng báo động 24/24.

Hồ sơ mật của Tòa Bạch Ốc được bà Ellen Hammer phanh phui ra cho thấy Roger Hilsman đã trù liệu cách đối phó với

các phản ứng có thể có từ phía chính phủ Diệm. Nếu Lodge và các nhân viên quan trọng của Mỹ ở Saigon bị tuyên bố là “bất hảo” và bị trục xuất thì không nên đưa họ ra khỏi Việt Nam ngay, mà cứ lơ cho tới lúc đảo chánh xong. Nếu ông Diệm thỏa hiệp với Hà Nội để trung lập hay liên hiệp thì cứ đảo chánh để lập chính phủ mới tiếp tục chiến đấu. Sẽ không có thương lượng như cuộc đảo chánh năm 1960. Lần này, Mỹ sẽ làm mọi cách để lực lượng trung thành với ông Diệm bỏ ông và theo phe đảo chánh. Lực lượng đảo chánh phải đưa gia đình nhà Ngô ra nước ngoài.

Một trường hợp rất đặc biệt là trong lúc Bộ Ngoại Giao lo toan về việc hạ bệ ông Diệm, thì Paul Kettenburg, Trưởng Văn Phòng đặc trách Việt Nam tại Bộ Ngoại Giao, tới gặp ông Diệm đàm đạo nhiều vấn đề. Trong lúc cảm xúc mạnh, ông Diệm nói:

- “Tôi sẵn sàng chết tức khắc, nếu công lao, mồ hôi, và máu của binh sĩ trong 9 năm qua phải bị hy sinh cho một nhóm nhỏ sách động, dưới nhãn hiệu Phật giáo. Xin nhờ ông giúp tôi.”

Sau khi về lại Washington ngày 31 tháng 8, ông phúc trình kết quả nhận xét là chính phủ Mỹ không hiểu biết về truyền thống, văn hóa, lịch sử của Việt Nam, cũng như các nhân vật trong các lực lượng đối lập với ông Diệm. Cho nên dù có ông Diệm hay không thì cũng không có hy vọng thắng Cộng Sản. Vậy Mỹ nên rút lui. Nếu hạ bệ ông Diệm rồi cứ tiếp tục ủng hộ người kế vị, tình hình vẫn không sáng sủa hơn. Tốt hơn là Mỹ quyết định rút lui một cách có danh dự.

Nhưng Kennedy bị áp lực của những người chung quanh đòi leo thang chứ không chịu rút lui. Diễn hình là Bộ Trưởng Ngoại Giao Dean Rusk (người được mô tả là rất ôn hòa) nói:

- “Chúng ta sẽ không rút ra khỏi Việt Nam cho đến khi chiến thắng. Chúng ta cũng không điều khiển cuộc đảo chánh.”

Khi Tổng Thống Kennedy quay qua hỏi ý kiến Phó Tổng Thống Johnson, thì ông ta nói:

- "Chúng ta thôi đừng đóng vai trò cảnh sát và kẻ trộm mà cần phải quay lại nói chuyện thẳng thắn với ông Diệm. Tôi (Johnson) đã nhiều lần cảnh cáo nhân viên ngoại giao đừng làm mưa, làm gió ở Việt Nam, vì người Mỹ ở phương



Ông McNamara, Bộ Trưởng
Quốc Phòng Hoa Kỳ

Tây thiếu kinh nghiệm về phương Đông và không nắm đủ dữ kiện để biết việc gì tốt hơn hết cho Việt Nam. Có lúc phải hành động và có lúc không nên hành động. Đang có chiến tranh, ai chắc rằng một ủy ban gồm các tướng lãnh sẽ thành công hơn một người mà danh tiếng trong sạch và là người đã vượt qua những điều mà nhiều người nghĩ là không thể vượt qua được. Trừ phi chúng ta chắc chắn rằng những người kế vị ông Diệm sẽ hơn ông Diệm. Điều khôn ngoan hơn hết là tiếp tục với người chúng ta đã biết, dầu rằng đó là một người rắc rối. Thử hỏi ai là người có ý chí và cương nghị như ông Diệm?"

Trong lúc các chuyên viên về chính sách ngoại giao đang suy nghĩ để đề nghị một chính sách khả dĩ áp dụng được thì Tổng Thống Kennedy lại tuyên bố trên đài truyền hình CBS, tối ngày 2 tháng 9 năm 63 như sau:

- "Tôi không nghĩ là chiến tranh có thể thắng được, trừ phi chính phủ Ngô Đình Diệm cố gắng để được hậu thuẫn của dân chúng."

Khi phóng viên Wakert Cronkite hỏi:

- "Ông Diệm còn có thời giờ để được hậu thuẫn của dân chúng không?"

- "Với vài thay đổi về chính sách và có lẽ cả nhân sự, tôi tin

là được.” Tổng Thống Kennedy đáp.

Như vậy là Kennedy đã công khai đòi ông Diệm thay đổi chính sách và loại bỏ ông Nhu ra. Chính vì chính sách trịch thượng muốn ra lệnh hơn là khôn khéo thuyết phục, Kennedy đã đặt người tiết tháo như ông Diệm vào cái thế khó nhượng bộ. “Thọ tử bất ninh thọ nhục.” (Thà chịu chết chứ không chịu nhục.)

Chính Cabot Lodge đã làm cho không khí ngột ngạt với cung cách ngoại giao ngạo mạn xa rời chế độ của ông Diệm. Một số đồng nghiệp đảng Cộng Hòa trong chính phủ Kennedy ngạc nhiên về việc Lodge rõ ràng chống chế độ ông Diệm. Một nhân viên phê bình Lodge như sau:

- “Tôi nghĩ là Lodge cần ít ra là hai tuần để tìm hiểu đôi chút trước khi quyết định. Đảng này ông tỏ thái độ chống ông Diệm ngay khi vừa đặt chân tới Saigon. Các điện tín gửi về Mỹ đều đứng về phe chống đối. Lodge là trở ngại quan trọng cho những người trong chúng ta muốn cản trở đảo chánh lật đổ ông Diệm.”

Một nhân vật cao cấp của Bộ Ngoại Giao nói:

- “Trước ngày đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963, Lodge đã nhiều lần nhận chỉ thị phải chặt chẽ liên lạc với Tổng Thống Diệm, nhưng Lodge trả lời: “Chủ trương của tôi là không đi tới Diệm, mà Diệm phải đi tới tôi.”

Marguerite Higgins thuật lại lời nói của Bộ Trưởng Tư Pháp Robert Kennedy, em của Tổng Thống Kennedy, rằng:

- “Hành động của Lodge, trong mấy tháng trước ngày đảo chánh quả là ghê gớm (terrible).”

Nhưng theo Phó Tổng Thống Johnson thì: “Không phải hành động của Lodge là ghê gớm, vì Lodge chỉ thi hành chính sách của Hoa Kỳ.” Cái ghê gớm là chính sách của chính phủ Kennedy đã gây nhiều áp lực lên ông Diệm, nên cuối cùng phải đổ vỡ.

Sau buổi họp ấy, Tổng Thống Kennedy gửi một phái đoàn qua Việt Nam với hai người cầm đầu là Tướng Krulak, về phía quân sự và Mendenhall, một viên chức cao cấp của Bộ Ngoại Giao, về phía dân sự.

Cả hai tới Saigon sáng ngày 8 tháng 9, và tách nhau ra tức khắc với lời hẹn sẽ gặp nhau tại sân bay 36 giờ sau đó.

Krulak đi về quê tiếp xúc với hơn 80 cố vấn quân sự Mỹ. Ông hỏi chi tiết về chiến cuộc đang tiến hành ra sao, rồi kết luận theo các câu trả lời của họ là “*người lính miền Nam chiến đấu chống Cộng Sản rất giỏi.*”

Mendenhall tiếp xúc với các viên chức dân sự Mỹ và Việt tại các tỉnh duyên hải miền Trung, nơi mà vấn đề Phật giáo sôi bỏng nhất. Ông cũng có tiếp xúc với một số người Việt tại Saigon, mà ông cho là “*hiểu biết và khách quan*”. Saigon, Huế, và Đà Nẵng được ông mô tả là thành phố của “*căm hờn... sống dưới một chế độ hà khắc*”. Ông kết luận là từ giận ghét ông bà Ngô Đình Nhu, dân chúng giận ghét lây sang ông Diệm.

Ngày 10 tháng 9, Krulak và Mendenhall rời Saigon để về lại Hoa Kỳ, cùng với John Mecklin, nhân viên giao tế của Tòa Đại Sứ, được gọi về để hỏi ý kiến. Mỗi người thảo bản phúc trình riêng của mình.

Vì hai phúc trình khác biệt nhau nên Kennedy hỏi: “Có phải hai ông cùng đi thăm một nước về không?”

Lặng thinh một chút, Krulak trả lời: “Ông Mendenhall đi thăm các vùng thành thị của Việt Nam. Còn tôi đi thăm vùng quê có chiến tranh.”

Mâu thuẫn của hai phúc trình gây ra tranh luận giữa hai phe ủng hộ và chống ông Diệm.

Kennedy lấy làm bức mình vì sự chia rẽ trong hàng ngũ chính phủ. Ông nói:

- “*Đây là một khó khăn không làm sao điều hành chính sách được, khi có quá nhiều ý kiến khác nhau về một vấn đề.*”

Tại Saigon cũng có những chia rẽ giữa Đại Sứ Cabot Lodge và Tướng Harkins về buổi họp ngày 10 tháng 8 tại Tòa Bạch Ốc. Tướng Harkins cho rằng phúc trình của Tướng Krulak là một lượng định xác thực; còn Đại Sứ Lodge thì gửi điện cho Bộ Ngoại Giao tỏ ý nghi ngờ giá trị về nhận xét lạc quan của các cố vấn quân sự trẻ, mà Lodge cho là một ý tưởng thiên cận thiếu kinh nghiệm.

Với ý muốn triệt hạ ông Diệm, Lodge bảo rằng hành động trừng phạt có hiệu quả nhất là cắt viện trợ kinh tế. Nhưng Tổng Thống Kennedy lại lo sợ có nhiều rủi ro, vì cắt viện trợ kinh tế sẽ có hậu quả xấu cho chiến cuộc và có thể đẩy ông Diệm vào góc tường. Ông Diệm có thể sẽ tìm cách thỏa hiệp với Hà Nội khi không còn con đường nào khác nữa, như Ngô Đình Nhu đã có lần cho biết ý muốn như vậy.

Để tránh những hấp tấp tai hại, Kennedy chỉ thị không được cắt viện trợ ngay, mà phải dồn áp lực lên ông Diệm để loại bỏ ông Nhu và cải cách chính sách.

Ngày 17 tháng 9, Kennedy đánh điện cho Cabot Lodge bảo phải đặt kế hoạch làm sao cho ông Diệm cải cách đường lối, trong lúc chờ đợi thực hiện kế hoạch hành động triệt để hơn. *Nhưng Lodge ngạo nghễ bảo ông Diệm phải tới với ông, thay vì Lodge tới ông Diệm.*

Lodge nói không thấy có giải pháp nào khác ngoài đảo chánh nên ông ta đánh điện cho Bộ Trưởng Ngoại Giao Dean Rusk: *“Tôi tin là chúng ta tiếp trực tiếp xúc với Tướng Đôn và thúc đẩy Tướng Đôn nếu muốn thì ra tay.”*

Kennedy đã bị Cabot Lodge qua mặt. Một lần nữa ông gửi một phái đoàn điều tra sang Việt Nam, gồm có Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara và Tướng Maxwell để lượng định tiến bộ cuộc chiến và diễn tiến trong tương lai.

Trong suốt 10 ngày, hai ông thanh sát tất cả các Vùng Chiến Thuật. Tướng Taylor đồng ý với phúc trình của Tướng Krulak cho rằng chiến sự tiến triển tốt đẹp và nhận xét trước đây

không thể nào bài bác, nhưng phía nhân sự của Ngũ Giác Đài thì nghi ngờ. Tuy vậy, phía dân sự không bài bác báo cáo lạc quan của phía quân sự.

Trước khi trở về Hoa Kỳ, McNamara và Taylor cùng đi với Cabot Lodge và Tướng Harkins tới dinh Gia Long gặp Tổng Thống Diệm. Họ phàn nàn là trong hai giờ họ phải ngồi nghe



Ông Cabot Lodge, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam. Người ủng hộ cuộc đảo chính lật đổ Tổng Thống Diệm, 1963.

ông Diệm đọc thoại nói về sự khôn ngoan của chính sách và tiến bộ của chiến tranh.

Cuối cùng, McNamara mới giải bày ý kiến của Mỹ về bất ổn chính trị và ảnh hưởng tai hại cho nỗ lực chiến tranh. Ông Diệm bác bỏ ý kiến của McNamara mà cho rằng báo chí Mỹ đã làm cho người Mỹ hiểu lầm về tình hình Việt Nam. Sinh viên xuống đường biểu tình phần nhiều là vị thành niên, thiếu hiểu biết, và vô trách nhiệm. Chánh phủ không còn cách nào khác hơn là bắt họ, giáo dục họ. Còn về

Phật giáo, ông cho rằng ông quá tốt với họ.

Ông Diệm cũng nói tới âm mưu của người Mỹ tổ chức chống chính phủ ông, mà ông đang cho lập hồ sơ. Vì đã bàn trước với nhau nên không ai trong phái đoàn đề cập đến vấn đề đó.

McNamara bèn rút trong túi ra một cột báo với lời tường thuật về bà Nhu khi tuyên bố rằng: “*Sĩ quan trẻ tuổi Mỹ ở Việt Nam có hành động như lính đánh thuê.*” Lỗi phát biểu của bà Nhu xúc phạm đến công luận Mỹ. McNamara hỏi ông Diệm có cách nào làm cho bà Nhu “*im miệng*” lại không?

Lần đầu tiên ông Diệm tỏ vẻ hiểu vấn đề của Mỹ đưa ra. Đại Sứ Cabodge Lodge nhắc cho ông nhớ vai trò của bà Tưởng Giới Thạch trong việc mất Trung Hoa vào tay Cộng Sản. Nhưng ông Diệm bình bà Nhu. Ông nói rằng bà là dân biểu nên có quyền phát biểu ý kiến của bà và người Mỹ cũng nên nhớ rằng báo chí Mỹ cũng đã kích bà với lời lẽ thậm tệ.

Phúc trình của phái đoàn McNamara và Taylor chia xẻ lạc quan của Ngũ Giác Đài về diễn tiến của chiến sự và cả nhận định bi quan của Bộ Ngoại Giao về tình hình chính trị. Phái đoàn đề nghị gây áp lực lên ông Diệm bằng cách lạng lẽ cắt viện trợ kinh tế, như là phương sách đưa đến thái độ dung hòa với ông Diệm, hoặc là lật đổ nếu ông vẫn tỏ ra bướng bỉnh. Phúc trình cũng nói là không tìm thấy bằng chứng nào về lời đồn đãi rằng Ngô Đình Nhu có thể thương thuyết với Cộng Sản của Hà Nội. Nhưng vì cũng nghe nhiều nên chi tiết này cũng phải ghi vào phúc trình, dù rằng không biết có đúng hay không.

Tướng Taylor cũng tỏ ý kiến cho rằng các phóng viên báo chí đã từ lâu không còn giữ tính cách trung thực nữa nên đã làm tổn thương uy tín của ông Diệm, người đã nhân danh tự do tôn giáo. Phúc trình giải thích thêm vì sao lực lượng đặc biệt phải được đưa ra khỏi thủ đô Saigon, không phải lý do vì đã can dự vào việc tấn công chùa, mà vì lực lượng này trung thành với ông Diệm. Những nhân viên Mỹ cho biết, các tướng không đảo chánh được trong tháng 8 là vì lực lượng ấy còn trú đóng ở Saigon.

Phúc trình trên được đưa ra Hội Đồng An Ninh Quốc Gia ngày 2 tháng 10 và được hầu hết thành viên trong hội đồng tán thành. Sau đó, viện trợ kinh tế bị cắt, kể cả số tài trợ 14 triệu Mỹ Kim cho Nha Thủy Điện Saigon.

Gám đốc cơ quan viện trợ Mỹ là David Bell đã phúc trình cho Kennedy rằng việc lưu thông hàng hóa của miền Nam bị ngưng trệ vì việc cắt viện trợ nói trên. Đây là điều mà Tướng

Đôn và Tướng Minh đang trông đợi như là dấu hiệu cho thấy Mỹ sẵn sàng ủng hộ đảo chánh.

Lúc đó, William Colby đề nghị với Giám Đốc CIA là McCone cho ông đi Saigon tìm cách thuyết phục Ngô Đình Nhu rời khỏi Việt Nam để chấm dứt bế tắc. McCone đã đề nghị với cấp thẩm quyền nhưng không được chấp thuận. Chưa hài lòng nên MacCone đến gặp riêng Tổng Thống Kennedy và bào đệ của ông là Robert Kennedy, Bộ Trưởng Tư Pháp, khuyên hai ông đừng chủ trương đảo chánh. Ông nêu lý do là cơ quan CIA của ông đã nghiên cứu và không thấy có người nào đủ khả năng thay thế ông Diệm và cải tổ được tình hình. Vậy nên chánh phủ Mỹ nên áp lực ông Diệm thay đổi đường lối.

Sau đó, MacCone đánh điện cho David Smith, quyền Trưởng CIA ở Saigon, nói không muốn ủng hộ ám sát ông Diệm và bảo đừng nhúng tay vào để khỏi bị liên lụy với một hành động tương tự như thế.

Tướng Taylor và McCone đều nói rằng thất bại không phải là sự nguy hiểm do đảo chánh gây ra (cho dù đảo chánh có thành công đi nữa) mà vì nỗ lực chiến tranh cũng bị ngưng trệ do chính phủ mới thiếu kinh nghiệm. Guồng máy hành chánh của Việt Nam bị gián đoạn vì các tỉnh trưởng ở địa phương do ông Diệm điều khiển cũng bị thay đổi hết.

Trong khi đó, một vài nhân viên CIA báo cáo là Tổng Thống Diệm đã thuận để ông Nhu đi nghỉ ở ngoại quốc.

Tình cờ Linh Mục Ngô Đình Thục đi ngoại quốc mới về ghé dinh Gia Long thăm ông Diệm và ông Nhu. Thấy ông Nhu sửa soạn vali, Linh Mục Thục hỏi lý do. Khi biết ông Nhu chuẩn bị đi lưu vong, ông Thục bèn bảo rằng: “*Không đi đâu hết!*” Thế là ông Nhu ở lại.

Ngày 22 tháng 10 năm 1963, Tướng Harkins, Trưởng Phái Bộ Cố Vấn Quân Sự Mỹ tại Việt Nam, gặp Trần Văn Đôn và cho biết rằng ông chống đảo chánh. Tướng Đôn sững sờ

bền tìm Conein hỏi. Conein nói đó là ý kiến riêng của Tướng Harkins, không ảnh hưởng gì đến kế hoạch của ông Đôn.

Nghe tin như vậy, Tổng Thống Kennedy giục mình nên đánh điện bảo Cabot Lodge đưa cho Harkins xem các công điện về việc các tướng tổ chức đảo chánh. Harkins đọc xong nổi giận gửi ba điện tín về tòa Bạch Ốc trong ngày 30 tháng 10 năm 1963, đại ý như sau:

1. Tuần trước tôi đã nói tôi đứng ngoài âm mưu đảo chánh. Lodge nói sẽ cho tôi biết âm mưu đó, nhưng đã không báo cho tôi. Tôi bức tức vì kế hoạch của Đôn sắp thực hiện không được báo cho tôi.

2. Tôi cũng không đồng ý với phúc trình bất lợi về tình hình quân sự mà Lodge đã gửi về Mỹ mà không cho tôi biết. Tôi xác nhận tôi không đồng ý đảo chánh.

3. Tôi biết rõ các tướng, trong khi Lodge chẳng biết nhiều về họ. Tiếp xúc thường xuyên với các tướng, tôi không thấy có người nào có tính cương nghị như ông Diệm, ít ra là về phương diện chống Cộng Sản. Theo nhận định của tôi, không có tướng nào đủ bản lãnh và tư cách để nắm quyền.

Tôi từng nói với Tướng Taylor rằng tôi không phải là người của ông Diệm. Tôi thấy ông Diệm có vài sai lầm nhưng phải thuyết phục để ông Diệm thay đổi. Dù đúng hay sai, chúng ta đã ủng hộ ông Diệm hơn 8 năm qua với đầy khó khăn. Vô lý hôm nay chúng ta lại muốn loại bỏ ông.”

Như vậy ta thấy rõ rằng cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã gây chia rẽ trầm trọng trong hàng ngũ các nhân viên cao cấp trong chánh phủ Kennedy. Trong giờ phút sắp lâm chung, ông Diệm vẫn còn được nhiều viên chức Mỹ ủng hộ.

Chú thích: Các nhân vật chính trị và các cơ quan công quyền được nhắc tới trong bài là của Hoa Kỳ. Tổng Thống Diệm và các tướng lãnh tham gia đảo chánh thuộc VNCH.

Quân Nghiệp Lấy Lường của Đại Tá Nguyễn Hữu Thông

Hải Quân Nguyễn Đức Thu, Khóa 16

Ngày 31 tháng 3 năm 1975, tại Thành phố Qui Nhơn, khi người ta nghe rất rõ nhiều tiếng đạn nổ từ đèo An Khê, cùng tiếng rít kinh hồn của đại bác từ dãy núi Nam Triều thì mọi người đều nhận ra rằng Bắc Quân Cộng Sản sẽ tấn công thành phố này nay mai.

Sáng ngày 1 tháng Tư năm 1975, có một vị Đại Tá - người cao lớn, còn rất trẻ, da hơi ngăm đen - đã bắt thần đến thăm Quân Y Viện Qui Nhơn. Thấy tình cảnh chỉ còn một bác sĩ và vài y tá cùng hàng trăm thương binh trong tình trạng thiếu ăn, thiếu thuốc, cũng như nhiều thương binh chết chưa được chôn cất, ông đã bật khóc trước mặt vị bác sĩ này. Đó là Y Sĩ Trung Úy Nguyễn Công Trứ, người bác sĩ duy nhất còn lại trong Quân y viện.

Chiều ngày 2 tháng Tư, Quân Y Viện lại tiếp nhận thêm một tử thi nữa. Đau buồn thay, đó chính là thi hài của vị Đại Tá, người đã thăm viếng nơi đây hôm qua. Đại Tá Nguyễn Hữu Thông vốn là Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42 BB, một trung đoàn thiện chiến nhất của Sư Đoàn 22 BB. Những binh sĩ đưa xác ông tới cho biết ông đã tự sát sau khi từ chối lên tàu Hải Quân để được hải vận về Nha trang với 3 Tiểu đoàn (-) của ông từ bờ biển Qui Nhơn. Xác ông đã được Quân

Y Viện chôn cất dưới cột cờ, cùng chung với 46 tử sĩ vô danh của QLVNCH.

Đại Tá Nguyễn Hữu Thông sinh năm 1937, nguyên quán tại Thạch Hãn, Quảng Trị. Ông nhập học khóa 16 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam năm 1959, với chương trình 4 năm đào tạo Sĩ quan Hải Lục Không Quân hiện dịch. Ông tốt nghiệp ngày 22 tháng 12 năm 1962. Chỉ không đầy 10 năm sau, được ông thăng cấp đại tá thực thụ tại chiến trường cao nguyên, năm 1972.

Quân nghiệp lẫy lừng nhưng đầy bi hùng của Đại Tá Thông bắt đầu từ cuối năm 1971, khi ông còn là một trung tá, được chỉ định về làm Giám đốc Trung Tâm Hành Quân, Tiểu khu Bình Định. Giữ chức vụ mới vừa được khoảng ba tháng, ông lại được bổ nhiệm làm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42, Sư Đoàn 22 BB để trực chiến ngay với CSBV trong một trận chiến kinh hoàng nhất trong mùa hè đỏ lửa, tháng Tư năm 1972 - Trận DAKTO - TÂN CẢNH.

Đầu Mùa Hè Đỏ Lửa tại Dakto - Tân Cảnh ngày 22 và 23 tháng tư năm 1972, các Sư đoàn CS Bắc quân đã bắt thần tấn công trực diện vào Bộ Tư Lệnh tiền phương và 2 Trung Đoàn của Sư Đoàn 22 BB, với sự yểm trợ của đại pháo cường tập tối đa, thiết giáp hạng nặng, cùng với chiến thuật biển người. Trung Đoàn 42 và 47 và Bộ Tư Lệnh của Sư Đoàn đã chống trả mãnh liệt. Thiếu Tá Nguyễn Bá Như, Trung Đoàn Phó 42, cùng Đại Úy Cố Vấn Kenneth Yoman đã phải leo lên tháp nước cao tại căn cứ, thay thế binh sĩ trực tiếp xử dụng đại liên 12 ly 7 để tác xạ vào các vị trí của địch. Các ông đã bị hỏa tiễn Sagger bắn trúng khiến bôn nước nổ tung. Hai ông đã bị chết tại chỗ. Tân Cảnh đã thất thủ!

Ban cố vấn còn lại được cố vấn trưởng Quân Đoàn John P. Vann di tản lúc 4 giờ sáng bằng trực thăng. Vị Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB, Đại Tá Lê Đức Đạt đã cương quyết ở lại chống trả, để rồi bị tử trận trong biển lửa ngày 24 tháng Tư, 1972.

Uất hận vì thua trận, vì chiến thuật biển người, thí quân của Bắc quân và sự hy sinh anh hùng của một Đại Niên Trưởng, của các Huynh Đệ đã khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu dân và lòng can đảm của những sĩ quan tự hào xuất thân từ một quân trường Võ Bị nổi tiếng, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, Đại Tá Thông cùng với vị Tân Tư Lệnh cùng 3 vị Trung Đoàn Trưởng 40, 41 & 47 đã tái hồi sinh một Sư Đoàn 22 mãnh liệt



Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42, Sư Đoàn 22 Bộ Binh, đang tiếp đón Tổng Thống Thiệu.

và dũng cảm hơn bao giờ hết. Sư Đoàn 22 cùng với Sư Đoàn 23 từ đó đã tái chiếm, trấn giữ vùng cao nguyên từ Pleiku đến KonTum, từ Pleime đến Bình Định.

Nhưng cho đến một ngày... một ngày vào cuối tháng Ba năm 1975, theo lời của Y sĩ Trung Úy Phan Ngọc Hà -Tiểu Đoàn 22 Quân Y- thì ”*tình thế biến chuyển thật lạ lùng. Quyết định sai lầm trong việc triệt thoái Quân Đoàn 2 ra khỏi cao nguyên chẳng những đã không duy trì được lực lượng tác chiến cần thiết mà còn làm rối loạn hậu phương và cũng chẳng có một lợi ích chính trị nào hết nếu không muốn nói đến*

sự phá sản của mọi mặt, khi quân bài Domino bắt đầu đổ vỡ.”

Tháng 3-1975, khi Ban Mê Thuật thất thủ, SĐ 22 chỉ còn 3 trung đoàn để phòng thủ Bình Định vì Trung Đoàn 40 đã phải tăng phái cho SĐ23 BB tại tuyến Bắc Khánh Dương. Tại Bình Định, Trung Đoàn 47 của Đại Tá Lê Cầu (K18) được giao khu vực Bắc Bình Định, lo trấn giữ Bồng Sơn, cửa ngõ ra vào thung lũng An Lão. Trung Đoàn 41 của Đại Tá Nguyễn Thiệu (K16) giữ Quốc Lộ 19 từ Bình Khê đến An Khê trong khi Trung Đoàn 42 của Đại Tá Nguyễn Hữu Thông (K16) giữ Quốc Lộ 19 phía Nam Bình Khê và phần lãnh thổ còn lại của Bình Định. Trong lúc Trung Đoàn 42 đang cầm cự một cách anh dũng với Sư Đoàn 3 Sao Vàng của Bắc Việt ở mặt trận Bình Khê thì được lệnh phải di tản về Nha Trang để yểm trợ cho Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù đang cầm chân Cộng quân ở Khánh Dương.

Lui binh bao giờ cũng là một vấn đề rất khó khăn, mà các nhà quân sự từ Đông Tây kim cổ luôn đề cập. Tài ba và mưu lược như Gia Cát Lượng mấy lần vào Kỳ Sơn như chỗ không người; oai dũng kiêu hùng như Napoléon cùng đoàn quân viễn chinh dưới chân Kim Tự Tháp tự hào, mà lịch sử đang chiêm ngưỡng tài danh, vẫn không khỏi khốn đốn khi phải rút lui khi trận địa không còn ưu đãi.

Trở lại với Đại Tá Nguyễn Hữu Thông. Với những khả năng điều quân tài tình, ông đã để lại những trang sử hào hùng hiếm có trong Quân sử cận đại, điển hình là sự tái chiếm Đèo Nhông năm 1974. Theo lời của Phóng viên chiến trường Phạm Huân,

”Đây là cuộc chuyển quân thần tốc của một trung đoàn – Trung đoàn 42 Bộ Binh – từ Tây Nguyên trở về Bình Định tái chiếm đèo Nhông. Đây cũng là một chiến thắng kỳ diệu nhất của Trung Đoàn 42 trong năm 1974. Trung đoàn này đang hành quân tại vùng Pleime, Tây Nam Pleiku, trong một buổi chiều, được lệnh về giải tỏa áp lực của địch tại mặt trận Bình Định. Cuộc chuyển quân tưởng rằng phải được thực hiện

trong vòng 2 hay 3 ngày. Nhưng, ngay đêm ấy, toàn bộ Trung Đoàn đã về tới Bắc Phù Cát. Và từ đó, dùng bàn đạp, đánh thẳng vào hậu phương địch, khiến Bắc quân trở tay không kịp. Những trận đánh đẫm máu dòng đã suốt 3 ngày sau. Trung Đoàn 42 đã tiêu diệt gần một Trung Đoàn CSBV của Sư Đoàn 3 Sao Vàng, dựng nên “Chiến Thắng Đèo Nhông”.

Trước khi mặt trận Ban Mê Thuột bùng nổ, một lần nữa, Trung Đoàn 42 Bộ Binh cũng đã tái chiếm và biến 2 ngọn đồi vô danh từ Tây Tây Nam quận Hoài Nhơn, Bình Định thành những “di tích” của chiến sử, nói lên tinh thần chiến đấu chống Cộng phi thường của người quân nhân QLVNCH.

Hai ngọn đồi vô danh, đó là những ngọn đồi chiến lược, được mang số 82 và 174, nằm trên huyết lộ vận chuyển của Cộng quân, trên trục Quảng Ngãi – Bình Định. Cũng tại hai cao điểm chiến lược này, bọn nhà báo bắt lương ngoại quốc, sau gần 20 năm xuyên tạc về chiến tranh Việt Nam, đã ngã nón kính phục về tinh thần dũng cảm của QLVNCH. Một phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ cũng được gọi tới đó quan sát chiến trường. Khi trở về nước, họ đã lên tiếng binh vực, ủng hộ Việt Nam. Nhưng, mọi chuyện đã quá muộn!

Ngày 31 tháng 3 năm 1975, trước đó, và sau đó suốt 22 tiếng đồng hồ, các Trung Đoàn 41, 42, 47, trên chặng đường rút quân này, đã phải đương đầu một trận trận tuyến dài hơn 30 cây số; từng đơn vị bị phục kích, bị «chặt đứt» ra từng đoạn nhỏ.

Họ phải đối đầu với một cuộc trả thù tàn ác, man rợ nhất trong trận chiến sau cùng của chiến tranh Việt Nam. Trên 30 cây số đường máu, họ phải chiến đấu mà không yểm trợ, không tiếp tế, không tản thương, và một “hậu phương” rã ngũ, bỏ súng.

Trước mặt, sau lưng, đều là địch.

Đối thủ lần này tuy vẫn là Sư Đoàn 3 Sao Vàng của CSBV và những tiểu đoàn đặc công CSBV, nhưng Bắc quân ở thế

thượng phong, có pháo binh, chiến xa yểm trợ. Những người Cộng Sản đã không cần biết đến quy luật của chiến tranh, chúng thắng tay tàn sát “kẻ thù” mà trước đây đã gây cho chúng những tổn thất lớn lao, những thất bại đau đớn.

Trên 30 cây số đường máu, các chiến sĩ Sư Đoàn 22 Bộ Binh đã chiến đấu trong tình trạng tuyệt vọng, nhưng vẫn dũng cảm, anh hùng. Tưởng cũng cần nhắc lại, Sư Đoàn 22BB gồm có 4 trung đoàn: Trung đoàn 40, 41, 42, và 47 BB.

Nhiều người đã bắn đến viên đạn cuối cùng, rồi ngã gục, bằng những hành động thật hào hùng, thật phi thường...”

Thật vậy, sau trận chiến Dakto-Tân Cảnh, nếu Trung Đoàn 42 nói riêng và Sư Đoàn 22 nói chung đã từng chiến đấu kiên cường biết bao với Cộng quân thì khi phải rút lui, họ lại bị toi tả đường ấy. Mọi kế hoạch thật không diễn tiến đúng như những bàn thảo ban đầu. Thành phố Qui Nhơn hỗn loạn sớm hơn dự tính vì các đặc công đã trà trộn vào dân chúng và Việt Cộng nằm vùng quấy phá.

Khi Trung Đoàn 42 từ An Túc rút về tử thủ ở chân đèo An Khê, tại đây, Trung Đoàn 42 đã, một lần chót đã đánh bật Sư Đoàn F.10 Cộng quân không cho tràn xuống từ đèo An Khê. Trung Đoàn đã tiêu diệt trên 600 địch quân. Sư Đoàn Bắc quân F.10 (SĐ.10) phải bọc qua dãy Nam Triều có tràn xuống chiếm Qui Nhơn, nhưng Đại Tá Thông đã kết hợp với Trung đoàn 41 của Đại Tá Thiều (bạn cùng khóa 16/VB) tức tốc kéo về thành phố Qui Nhơn trước, cố cầm chân Sư Đoàn F.10 CSBV và các lực lượng địa phương Cộng Sản để bảo vệ cho quân dân di tản, và đã ở lại tử thủ Qui Nhơn cho đến ngày 2 tháng Tư.

Trong thời gian này, Tư Lệnh Hải Quân, Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang, chỉ thị cự Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải, Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, vào chức vụ Tư Lệnh các Lực Lượng Hải-Quân yểm trợ chiến trường Qui Nhơn.

Lực lượng Hải Quân gồm có các chiến hạm:

- HQ3, Soái hạm có Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh.

- HQ 07 có HQ Trung Tá Lê Thuần Phong, Chỉ Huy Trưởng Hải Đội 2 Tuần Dương, sau đó đã lên HQ 403 để điều động cuộc nhập hạm của 2 Trung Đoàn 41 và 42.

- HQ 08 có HQ Trung Tá Lê Thành Uyển, CHT Hải Đội 3 Tuần Dương, trách nhiệm phối hợp với các đơn vị BB trên bờ.

- HQ 400 có nhiệm vụ đón các đơn vị sau cùng của Sư Đoàn 22BB và 2 vị Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 41 & 42.

Ngày 2 tháng Tư năm 1975, Sư Đoàn 22 (-) có lệnh từ Bộ Tổng Tham Mưu phải rút quân. Vì thế, Đại Tá Nguyễn



Pháo Binh của Sư Đoàn 22 Bộ Binh

Hữu Thông và Đại Tá Nguyễn Thiệu, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 41 đánh phải điều động gần 5 Tiểu Đoàn (-) thuộc quyền lên các chiến hạm Hải Quân đậu gần bờ, dưới những lần đạn pháo kích nghiệt ngã của Bắc quân. Nhưng vẫn còn một tiểu đoàn của Đại Tá Thông còn chưa đến. Hai ông quyết định một người phải ở lại chờ đợi, một người phải lên tàu để chỉ huy đoàn quân. Thông và vài người đã chọn ở lại, quyết chờ đợi.

Vì chiến hạm phải cứu nguy hàng ngàn người di tản khác khi địch quân hàng hàng lớp lớp đang truy kích quân ta sát bờ, nên tàu phải nhổ neo.

Theo lời của nhà văn Điệp Mỹ Linh,

”Từ trong bờ, Việt Cộng bắn ra chiến hạm dữ dội khiến chiến hạm không thể nào ủi bãi được. Cuối cùng, một số các quân nhân của Sư Đoàn 22 phải bơi ra tàu. Trong số những quân nhân đã lên tàu, có Thiếu Tướng Phan Đình Niệm, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh.”

Trong khi đó, từ thành phố Qui Nhơn, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42 Bộ Binh, Đại Tá Nguyễn Hữu Thông tiếp tục trấn an Hải Quân Trung Tá Lê Thành Uyển, Chỉ Huy Trưởng Hải Đội 3 Tuần Dương trên HQ08. Ông cho biết rằng trong thành phố Qui Nhơn không có một tên Việt Cộng nào cả. Trung Tá Uyển hỏi tại sao lại có nhiều tiếng súng thì Đại Tá Thông trả lời rằng, “Đó là của Nhân Dân Tự Vệ bắn vu vơ.” Ông sẽ cho lệnh dẹp ngay. Vì đã biết tình hình thật sự trên bờ, Trung Tá Uyển đề nghị Đại Tá Thông nên ra tàu sớm. Đại Tá Thông đã bảo rằng Trung Tá Uyển nên cho tàu đón quân lính của Ông ra trước đi...

Sau cùng, Trung Tá Uyển lại liên lạc với Đại Tá Nguyễn Hữu Thông lần chót, hỏi rằng tại sao chưa thấy ông lên tàu? Đại Tá Thông đáp,

“Tôi không thể ra với anh được. Lính của tôi có lẽ ra cũng gần hết rồi. Cảm ơn anh. Tôi đi về đây!”

Không ai kịp tìm hiểu biết vị Anh hùng ấy định đi về đâu????!!

Theo lời của Đại Tá Nguyễn Thiều, Đại Tá Thông cùng với vài binh sĩ đã đi ngược lại về phía những ngọn đồi vô danh, có lẽ ông đã cùng chết với những binh sĩ sau cùng của ông vừa mới tử trận trên những ngọn đồi này. Dân chúng của tỉnh Bình Định thì cho là Đại Tá Nguyễn Hữu Thông đã

theo gương danh tướng Võ Tánh cùng mất với Qui Nhơn. Khi vị Đại Tá này nằm xuống ngày 2 tháng 4, ông chỉ mới 38 tuổi đời. Ông đã đi vào huyền thoại của dân chúng Miền Trung kể từ đó.

Trong phần bình luận "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975", phóng viên Quân Đội kỳ cựu Phạm Huân một lần nữa đã ngưỡng mộ sự hy sinh hào hùng của Đại Tá Nguyễn Hữu Thông như sau:

"Sự hy sinh của một người anh hùng, một đại anh hùng vào sáng ngày 2/4/1975, đã bị rơi vào quên lãng, và cũng là một thiệt thòi lớn lao cho đất nước! Đó là trường hợp Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42, Sư Đoàn 22 Bộ Binh..."

Ông viết tiếp,

"Tôi có thể quả quyết rằng, trong 20 năm sau cùng của chiến tranh Việt Nam, không có một tướng lĩnh nào khi chỉ huy một cấp trung đoàn hay lữ đoàn, đã tạo dựng được những chiến công to lớn như người anh hùng Nguyễn Hữu Thông. Những tướng Cộng Sản Bắc Việt chỉ huy Sư Đoàn 320 Điện Biên Phủ, Sư Đoàn 3 Sao Vàng trong những năm 73, 74, 75, cho đến bây giờ và mãi mãi sẽ phải cúi mặt khi nhớ đến thảm bại nhục nhã trước Trung đoàn 42 Bộ Binh, do Đại Tá Nguyễn Hữu Thông chỉ huy, tại Pleime, Đèo Nhông, và những Ngọn Đồi Vô Danh (cao điểm chiến lược 82 và 174) tại Tây, Tây Nam Hoàì Nhơn, Bình Định."

Nhân vật và hình ảnh Nguyễn Hữu Thông, sau khi đưa,

"Những chiến hữu anh em còn lại về vùng an toàn; đã lừng lững đi trở lại con đường cũ, về phía những ngọn đồi vô danh... để chết thật đẹp, thật phi thường, thật hào hùng."

Hai năm trước đây, tôi có dịp hầu chuyện với một vị tiền bối. Tôi có thưa với Cụ về tài ba, anh hùng, của những sĩ quan các khóa 16, 17, 18,... Đà Lạt. Họ đã được huấn luyện cả về

Quân Sự lẫn Văn Hóa, như tại các trường Võ Bị của Mỹ, Anh, Pháp.

Trong những trận chiến sau cùng, các sĩ quan này đã giữ những chức vụ trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng. Nhiều vị mất tích, tự tử chết hoặc ở lại chiến đấu với đồng đội của mình cho đến phút cuối cùng...”

Sau cùng, Phóng Viên Chiến Trường Phạm Huân kết luận,

“Nếu Hiệp Định Paris 27/1/1973 được ký kết trễ hơn khoảng 2 năm nữa, miền Nam không bao giờ mất vào tay Cộng Sản. Bởi vì, đất nước và quân đội sẽ được lãnh đạo và chỉ huy bởi những tướng lĩnh anh hùng, có khả năng với đầy đủ Trí, Đức, Dũng.

Ngày 2/4/1975, nếu người anh hùng Nguyễn Hữu Thông là Thiếu Tướng Nguyễn Hữu Thông, thì chắc chắn cái chết của Ông sẽ tạo thành một trận cuồng phong. “Trận cuồng phong” từ vùng đất linh thiêng của Quang Trung Đại Đế, sẽ làm quân thù khiếp sợ và gây được lòng tin tưởng, phấn khởi cho toàn Quân, toàn Dân trong những ngày cuối cùng!!!“

Hoa Thịnh Đốn, tháng 4 – 2019.



NGÀY THÁNG SAU CÙNG... ANH Ở ĐÂU?

Tô Văn Cáp, K19

Những ngày tháng sau cùng của tháng 3, tháng 4 năm 1975 anh ở đâu, làm gì, thế nào, tại sao, là đề tài ai cũng thích kể cho người khác nghe và ai cũng thích không nghe người khác kể. Biết vậy nhưng tôi vẫn cứ kể, viết lung tung khắp nơi. Nay nhân dịp kỷ niệm 44 năm mất nước, tôi xin trích một vài đoạn gọi là đề nhắc cho những cái đầu ở tuổi cổ lai hy đừng quên những gì mình đã khóc ở tuổi 33. Đàn ông ở tuổi 33 là đang sung sức, tuổi tung hoành mà phải khóc vì mất quân, mất quần áo thì buồn thật! Nay sống kiếp tị nạn tuổi đã 75 có thừa, thừa mỡ, mũ áo xênh xang, quên chuyện cũ quay về nơi “tọt quần” năm xưa để tìm niềm vui thì buồn thật!

Ngày 30/4/75 là cái tang chung của quân dân miền Nam, tang thì dĩ nhiên là buồn rồi! Riêng đối với quân nhân các cấp thì ngoài cái buồn còn bị đau: “*Sự nghiệp đang công đeo đuổi*” bảo vệ đất nước thì “*nửa đường gãy gánh!*” Tùy hoàn cảnh lúc xảy ra đại tang, có người muốn quên, muốn chôn sâu, có người thì nhớ mãi, hằng năm vẫn “làm giỗ” cho đồng đội để nhắc cho chính mình bổn phận hiện tại.

Thôi thì mỗi vị ở một hoàn cảnh khác nhau, “bị” ra đi chưa hẳn là đáng trách nếu vào lúc đó không có trách nhiệm gì, không có quân trong tay, đứng trước tử thần thì khó ai mà

không tìm lối thoát. Nhưng người ở lại chưa hẳn đã là “anh hùng”.

Các anh chị kể chuyện Tháng Tư ra đi thì tôi xin kể chuyện Tháng Tư ở lại:

Quận Thuần Mẫn mất ngày 7/3/1975, gia đình con của anh ruột tôi, hai cháu Liên-Kính đang ở đó, không biết sống chết ra sao, chưa biết phiêu bạt nơi nào thì Ban Mê Thuật mất ngày 11/3/75, dòng dân quân, xe cộ súng đạn chen chân trên Tỉnh Lộ 7B, xác người đứng, ngồi, nằm lại đây.

Nghe radio loan tin chiến sự lan nhanh tới Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng khiến “bu” tôi khóc, vì Đà Nẵng là nơi thằng con út của cụ là Tô Văn Cáp và thằng cháu nội Tô Văn Minh, cả hai là Không Quân, đang ở Đà Nẵng. Mẹ tôi cuống quýt lên, đi không nổi, ngồi bệt xuống sàn nhà, dựa lưng vào tường, tay lần chuỗi Mân Côi, miệng lâm râm cầu kinh rồi hỏi tôi đi hỏi tin tức con cháu của cụ. Tôi biết hỏi ai bây giờ? Thấy bà mẹ quê khóc đứng khóc ngồi, vừa khóc vừa đọc kinh, gọi tên các con cháu khiến tôi phải nghĩ cách nói dối: *“Mẹ cứ yên tâm, con đã nhờ mấy người bạn ở Tổng Tham Mưu đi tìm hộ rồi.”* Vừa nói dối Bà Mẹ Quê xong thì tôi nhận lệnh ra trình diện ngoài hành quân gấp.

Sáng 19/3/75, tôi vừa đi xin được mấy thùng mìn chống chiến xa từ một người bạn thủ kho đạn ở Long Bình về đề tặng cường phòng thủ cho căn cứ Sóng Thần TQLC, Thủ Đức thì nhận được lệnh của Đại Tá Tham Mưu Trường gọi ra trình diện hành quân ở Quảng Trị gấp. Tôi đi gặp Tr/Tá Nguyễn Đức Ân, Chỉ Huy Trường căn cứ Sóng Thần, nói:

- Tr/Tá cho người sang căn cứ Sóng Thần để tôi bàn giao kế hoạch phòng thủ, số mìn chống chiến xa, tôi cần một ngày bàn giao và sẽ chỉ ra hành quân ngày 21/3 mà thôi.

Tuy là Chỉ Huy Trường Căn Cứ Sóng Thần nhưng Tr/Tá Ân kiêm luôn Trung Tâm Huấn Luyện nên ông bận lo chuyện bên Trung Tâm mà giao cho tôi toàn quyền lo việc trong căn

cứ. Qua 4 đời CHT từ Th/Tá Trần Ngọc Toàn, Tr/Tá Lê Bá Bình, Đ/Tá Nguyễn Năng Bảo, rồi Tr/Tá Ân, tôi vẫn là Chỉ Huy Phó. Tr/Tá Ân nói: “Tùy cậu!”

Cùng nhận lệnh với tôi có Th/Tá Doãn Thiện Niệm, anh đã đi ngay trong ngày 19/3. Còn tôi, chuyện gia đình đang rối như canh hẹ, tôi mà báo cho mẹ tôi biết rằng tôi phải ra Huế, Đà Nẵng nơi thằng con út và cháu đích tôn của cụ đang ở đó thì chắc cụ thăng thiên sớm, nên tôi đành phải lại nói dối mẹ là đi công tác ở Vũng Tàu.

Đúng lời hứa, tôi đến Bộ Tư Lệnh Hàn Quân tại căn cứ Non Nước Đà Nẵng chiều ngày 21/ 3/75. Vừa thấy tôi, Đ/Tá Tham Mưu Trưởng chỉ tay vào mặt tôi và ra lệnh:

- Lệnh gọi từ 19/3, sao bây giờ ông mới ra? Tôi sẽ đưa ông ra tòa án quân sự, bây giờ đi liên lạc với Tr/Tá Phán để phòng thủ căn cứ Non Nước.

À ra thế, tôi đâu có ngờ gặp ông ở đây! Ông là Tham Mưu Trưởng ở Saigon, chắc ông bị Tư Lệnh gọi ra hành quân nên ông hành quân cấp dưới: “Tao ra mà cũng phải ra.”

Ruột đang nẫu như dưa hấu phơi nắng, nghe ông mắng và dọa sẽ đưa ta tòa án quân sự khiến tôi cũng phải bật cười, nhưng không nói gì mà coi đồng hồ chỉ 3 giờ chiều ngày 21/3/75. Thấy tôi mỉm cười, ông không nói thêm mà bỏ đi. Đây là lần thứ hai tôi bị ông Tham Mưu Trưởng hành tôi, lần trước ở cổng Trung Tâm Huấn Luyện Rừng Cẩm, ông thưởng tôi 15 ngày trọng cấm vì tội lái xe jeep không có tài xế. Lần này ông lại nạt nữa, ra lệnh cho tôi phòng thủ căn cứ Non Nước ở Đà Nẵng.

Phòng thủ cái gì khi tôi không có quân trong tay, mà chỉ có cây Colt? Buồn tình tôi đi lang thang, bất ngờ gặp Đại Úy Lê Quý Bình Khóa 19, chàng hỏi thăm:

- Mà đang ở Sóng Thần Thủ Đức mà ra đây làm gì?
- Ông Tham Mưu Trưởng gọi tao ra để hành (quân), thế

mày trông củ cải gì ở đây?

- Tao làm phó Tiểu Đoàn 18 cho ông Trần Ngọc Toàn.
- Ông Toàn đang coi Tiểu Đoàn 4 mà.
- Ông ấy vừa bàn giao TĐ4/TQLC cho Đinh Long Thành để lập Tiểu Đoàn 18.

Đinh Long Thành là người thứ hai của Khóa 19/TQLC được làm tiểu đoàn trưởng sau Trần Văn Hợp trong số hơn 30 tên cùng khóa cùng binh chủng. Long Thành “được” bàn giao giữa tiếng súng nổ đạn bay. Tiểu đoàn trưởng chưa kịp biết mặt, biết tên các trung đội trưởng thì cái “Đinh bị Long” ngay tại bãi biển Thuận An, Tiểu Đoàn Phó là Th/Tá Nguyễn Trí Nam và ĐĐT Đ/Úy Tô Thanh Chiêu, tử trận, và rồi tiểu đoàn bị xóa sổ vào ngày 27/3 trên pháp trường cát Thuận An!

Tình hình chiến sự biến chuyển từng giờ, ai cũng tối tăm mặt mũi, tôi vào Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn làm việc, để theo dõi tình hình chiến sự và nhờ vậy mà biết được tin tức LĐ.147/TQLC đang kẹt tại bãi biển Thuận An.

Trước khi mất Ban Mê Thuột, 3 Lữ Đoàn Dù 1, 2, 3 trấn thủ Đà Nẵng, còn 4 LĐ/TQLC ở Huế và Quảng Trị. Như vậy là 2 Lực Lượng Tổng Trừ Bị bị biến thành Địa Phương Quân & Nghĩa Quân để giữ đất đóng đồn! Ngày 11/3/75 Ban Mê Thuột thất thủ, ngày 13/3 Tonton ra lệnh rút Dù về Sài Gòn làm tổng trừ bị. Trong số những Mũ Đỏ này hẳn là có nhiều K19 như Hải Khều Đoàn Phương Hải chẳng hạn. Khi rút Dù vào Saigon thì TQLC được lệnh kéo 3 Lữ Đoàn từ Huế vào Đà Nẵng trám chỗ trống do Dù rút đi, TQLC chỉ còn để lại ở Huế LĐ.147/TQLC mà thôi.

Lữ Đoàn Trưởng LĐ147 là Đ/Tá Nguyễn Thế Lương, LDP là Tr/Tá Nguyễn Đăng Tổng K16, gồm có các Tiểu Đoàn 3, 5, 7 của các TĐT K20 là Nguyễn Văn Sử, Phạm Văn Tiền, Phạm Cang và TĐ.4 của K19 Đinh Long Thành. LĐ.147/TQLC và SĐ.1/BB là lực lượng của QĐI Tiền Phương đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Tr/ Tướng Lâm Quang Thi

Khi bỏ Huế, Tướng Thi cho lệnh rút quân ra bãi biển Thuận An, xuôi Nam vào Đà Nẵng bằng cách dùng cầu hay tàu thuyền vượt qua cửa biển Tư Hiền, nhưng đi nửa đường thì ông tướng cho lệnh dừng lại để chờ tàu Hải Quân vào đón, vì cầu qua cửa Tư Hiền không làm được.

Nhưng không có tàu nào vào đón quân dân ta như lời ông Tư Lệnh hứa mà chỉ có con tàu ma*, thế mới kỳ! Kỳ ơi là Kỳ! Do kỳ cục hay kỳ đà nào cản mũi mà tàu Hải Quân không vào bốc TQLC được, cũng không vào tiếp tế! Quân trên bờ hết đạn, hết lương thực, hết nước uống giữa tứ bề là nước, địch bao vây tấn công, *Cọc Biển đành “xút móng”, đành bị hy sinh “oan uổng”, chết đủ kiểu, chết trên bờ, chết dưới nước, chết trong lòng con tàu ma*, chết tức tức, chết vì hỏa lực từ trên các đồi cát xả xuống, chết vì chửi thề rồi ôm nhau rút chốt lựu đạn mini tự sát!* Trong số này có Th/Tá Nguyễn Trí Nam và Đ/Úy Tô Thanh Chiêu, em tôi!

(Một chiếc tàu vào bốc quân, nhưng vì số lượng đông quá sức chứa, tàu mắc cạn đang loay hoay tìm cách lui ra biển thì bị VC chơi B40, B41 vào tàu. Người chết trong lòng tàu, người chết trên boong, người rơi xuống biển “chết vì nước”... nên tôi gọi đó là con tàu ma, còn trong Tháng Ba Gãy Súng, Cao Xuân Huy gọi là quan tài sắt.)*

Chi tiết về thảm họa trên đây đã có trong các bài viết “Ngày Tháng Không Quên” của Đ/Tá Nguyễn Thành Trí, TLP/TQLC, “Tháng Ba Gãy Súng” của MX Cao Xuân Huy, đã có Phạm Cang viết về TĐ.7 Di Tân, đã có “Người Lính Bị Bỏ Rơi” của Phạm Vũ Bằng và “Hồn Hoang Trên Pháp Trường Cát Thuận An” của Philato, Tháng Ba Buồn Hiu của Tiểu Cần Nguyễn Thế Thụy, Tuyến Sông Bò của Hắc Long Phan Văn Đuông. Trong câu chuyện kể nghe cho “tức chơi” này tôi xin được không nhắc lại nữa.

Lính cầm súng chiến đấu thì cầm chắc cửa tử trong tay, không chết nay thì mai, đang nhai miếng cơm sấy thì đạn bắn

toét miệng, cơm, máu và óc văng vào mặt thẳng bên cạnh! Họ không kêu không than không trách vì đó là bồn phận, nhưng nếu chết vì cấp chỉ huy cầu thả, “đem con bỏ chợ” thì không hiểu được, chỉ biết chửi thề.

Dù là tấn công hay lui binh đều cần có ít nhất là hai kế hoạch, vậy mà một cuộc lui binh cấp sư đoàn cộng (+) (trên một sư đoàn) lại chỉ có đường duy nhất là rút ra bờ biển, ra bờ biển thì bắt buộc phải có cầu hay tàu. Nhưng rồi Tướng Thoại, Hải Quân chẳng làm nổi một “cái cầu” để TQLC đi! Nếu có kế



Bờ biển Non Nước sáng 29/3/1975.

hoạch hai, lấy QL1 làm trục lui binh cho SĐ1 BB và TQLC thì quân ta rộng đường tiến thoái, dẫu có thiệt hại cũng không bị lâm vào cửa tử như đã xảy ra! Những bí mật này chỉ có “mặt trời” biết. Thế là đủ rồi, tôi mời các bạn vào Đà Nẵng.

Ngay khi có lệnh rút khỏi Huế từ chiều 24/3, người dân từ Bắc xuôi Nam, người từ Tam Kỳ Quảng Ngãi ngược lên, tất cả đổ vào cái túi Đà Nẵng, bao thảm cảnh xảy ra tại đây, hẳn là có nhiều K19 chứng kiến, trong đó có Th/Tá Hoàng Trai K19, CHT/ TTHL/ SĐ.1BB. Tôi ở Non Nước, em tôi ở đài Rada trên núi Sơn Trà, cháu Tô Văn Minh, con anh cả tôi, thì ở phi trường Đà Nẵng mà không thể liên lạc được với nhau.

Sáng ngày 29/3/1975, lúc 6 giờ, trước cửa Trung Tâm Hành Quân SĐ/ TQLC trong căn cứ Non Nước Đà Nẵng, tôi đứng nói chuyện với hai anh Trung Tá Xuân Phúc và Đỗ Hữu Tùng, Trưởng và Phó LĐ.369/ TQLC và Trâu Điền Trần Văn Hợp. Chúng tôi chuyền tay nhau ca café đen và điều thuốc, hít khói vào thở ra hơi buồn và thở dài! Chúng tôi hỏi nhau về kế hoạch 5W, vì đã có lệnh bỏ Đà Nẵng mà chưa biết đi về đâu bằng đường nào? Con đường duy nhất là Biển Đông.

Non Nước sáng hôm 29/3 ấy trời âm u vì khói đạn pháo kích đêm qua còn bao phủ, ngột ngạt, khó thở. Bất chợt có tiếng ồn ào, mọi người hướng ra biển, nơi có ánh đèn nhấp nháy, đó là tín hiệu của 2 tàu LSM vào đón TQLC. Đại Tá Tư Lệnh Phó cho Bộ Tham Mưu, các đơn vị yểm trợ ra bờ biển trước. Tôi đứng nghiêm chào hai anh Phúc-Tùng và Hợp, bắt tay nhau mà nước mắt chảy vòng quanh, tức trào máu họng. Các anh ở lại điều động quân, tôi là dân tham mưu nên đi ra bờ biển trước. Đi trước tôi là Trung Tướng Tư Lệnh QĐI Ngô Quang Trưởng.

Chiều tối 28/3, khi các tư lệnh đang họp tại BTL/HQ ở Tiên Sa thì VC pháo kích, buổi họp tan, quý tướng lãnh tan hàng. Tướng Thoại thì không còn tàu đón, trực thăng của Tướng TQLC bị hỏa tiễn chém gãy cánh. Hai ông đi bộ men theo sườn núi tìm “thuyền ra cửa biển”, còn Trung Tướng Tư Lệnh QĐI là Ngô Tướng Quân thì về với TQLC, thật là trớ trêu! Đêm qua, Tướng Trưởng “qua đêm” trong TTHQ/TQLC tại Non Nước và sáng 29/3, Ông cũng bơi như chúng tôi và đã được diu lên tàu an toàn.

Sóng to gió lớn mà tàu thì đậu mút tầm 300m thì làm sao đây? Nhìn những anh em Công Binh bơm xuồng Zodiac, mang phao vào cổ mà thêm. Họ ung dung ngồi chờ trên bãi cát, sóng dội lên bờ rồi rút họ ra khơi theo, phao và xuồng cao su được kéo ra tuốt ngoài xa, tưởng như đến được tàu. Nhưng không, sóng sau dồn sóng trước, hất ngược những Zodiac lên bờ, còn những cái phao màu vàng cam thì bị sóng dập vùi, trôi

dạt tứ phía, lừng lờ như những đám lục bình trôi, và qua vài con sóng dập vùi, những người mang phao đã nằm bất động, chết vì nước!

Cùng tắc biển, tôi chợt nghĩ đến bài học vượt sông bên bờ hồ Than Thở, dùng poncho làm phao, sóng cao thì ngụp xuống cho sóng tràn qua đầu nên không bị kéo trở lại, đuối quá rồi. Vào cái lúc sắp xuôi tay, miệng đọc “nhân danh cha và con” thì một sợi dây thùng từ trên tàu bay tới, tôi chụp được sợi dây và được kéo lên. Gật đầu cảm ơn những người thả dây, tôi nhìn thấy nụ cười nửa miệng của anh Th/Tá Phạm Văn Sắt K16 và Th/Tá Phan Công Tôn. Nhưng Đ/Ủy Nguyễn Văn Hương K17 TĐ được kéo lên nửa chừng thì bị tuột tay nắm dây, anh rơi trở lại biển, chìm vào đáy tàu!

Từ trên boong tàu Hải Quân, tôi nhìn xuống nước, tôi thấy mặt những người cột phao quanh cổ đã ngửa mặt tím ngắt lên trời, nằm bất động. Họ đã chết thật rồi, vớt người sống chưa xong thì ai mà nghĩ chuyện vớt xác, coi như thủy táng, “lính thủy đánh bộ” mà, đằng nào cũng chết vì nước.

Trong lúc bao nhiêu người đang cố gắng tìm cái sống trong cái chết để bơi ra tàu thì VC pháo kích, khói bụi mịt mờ trên bờ nơi anh Phúc Tùng và Hợp còn trên đó, người người tán loạn. Đạn rơi tùm-tùm quanh tàu, tàu bèn gài số de ra khơi, kéo theo những người bơi chưa tới, và họ không bao giờ tới được tàu HQ nên đành về Thủy Cung hay Thiên Quốc.

Số phận hai anh Phúc và Tùng “mất tích” từ đó, ngay sau những loạt hỏa tiễn 130 ly, không ai biết các anh đi về đâu, những ai không tận mắt chứng kiến thì đừng phịa chuyện rằng các anh đã lên trực thăng. Chán hơn nữa là có chàng nhà “zăng” Hải Quân ở tận Saigon viết về Đả Nẵng dám phịa rằng hai anh Phúc và Tùng đang bơi ra tàu thì bị pháo kích chết! Xin lỗi anh tí, phịa vừa thôi, anh ngồi tại Hải Quân Công Xưởng Saigon mà biết chi chuyện Đà Nẵng!

Tôi tin rằng hai anh Phúc, Tùng mất tích trong khói lửa của

VC, Trần Văn Hợp thì khá hơn, chúng tôi đã gặp nhau khi về đến Vũng Tàu. Nhưng còn một K19/TQLC khác cũng mất tích như hai anh Phúc-Tùng, đó là Hồ Ngọc Hoàng. Hoàng là TĐP/TĐ.6 của Tr/Tá Lê Bá Bình. Bình lên tàu được, nhưng cánh B của Hoàng thì kẹt lại và đã nhập chung với TĐ.9 của Th/Tá Lâm Tài Thạnh. Họ chiến đấu suốt ngày đêm 29/3 ở chũng viện Sơn Trà và Hoàng mất tích trong đêm đó. Tất cả diễn tiến này đã được Đ/Ủy Ban 3 TĐ.9 là Đoàn Văn Tịnh K22 viết chi tiết “*Xưa Nay Chinh Chiến Mấy Ai Về*” trong đặc san Sóng Thần 2011.

Sư Đoàn trừ (-) (dưới một sư đoàn) TQLC về đến Vũng Tàu ngày 1/4/75, đóng quân trong căn cứ Úc Đại Lợi sát với bãi sau để bổ sung quân số và tái trang bị. Chiều xuống, sau khi xong việc, Hợp và tôi ngồi trên bãi cát, chân thò xuống nước, tai nghe radio transistor loan tin chiến sự, mắt nhìn ra biển khơi, tàu bè tới lui, đêm xuống xa xa cuối chân trời, thành phố biển sáng đèn. Tàu xếp hàng ngang đi về đâu không biết, trên đó có bao nhiêu thượng cấp, lãnh đạo của đất nước tôi! Bất giác liếc sang bên phải là bãi biển “mộng mơ” mà trước đây đã một lần tôi dẫn người yêu ra đây ngắm trăng mặt. Vào lúc dầu sôi lửa bỏng của tháng Tư, chúng tôi tính chuyện gọi vợ con ra Vũng Tàu “nghỉ mát” mà trong đầu không hề nghĩ tới chuyện “tìm đường bỏ nước” ra đi.

Vợ chưa kịp ra thì ngày 16/4 mặt trận Phan Rang thất thủ. TQLC được lệnh lên đường tăng cường cho Quân Đoàn III, từ mặt trận Long Khánh, Long Thành, Biên Hòa, rồi Long Bình và từ thủ tại căn cứ Sóng Thần vào sáng ngày 30/4/75.

Một điều đau thương nhưng cũng rất hạnh diện để nhắc lại là vào thời khắc dầu sôi lửa bỏng này, TQLC được bổ sung một số thiếu úy Chiến Tranh Chính Trị và Võ Bị vừa làm lễ tốt nghiệp tại Long Thành. Các niên đệ này đã chiến đấu và rồi nhiều anh em đã gục ngã khi trên ba-lô còn mang theo cái mũ SVSQ! Họ là những Khóa 28, 29 Võ Bị và K4 Chiến Tranh Chính Trị. Những anh em bị thương được đưa về bệnh viện

Lê Hữu Sanh Thủ Đức thì trưa ngày 30/4 lại bị VC đuổi ra, “thắng mù công thắng què”! Ôi đau thương!

Sáng 30/4/75 khoảng 10 giờ, tại căn cứ Sóng Thần, Tango Đ/Tá TLP Nguyễn Thành Trí họp cùng các đơn vị trưởng, dù trong tình thế tuyệt vọng nhưng ông hài lòng khi thấy tất cả các đơn vị trưởng đều có mặt, các đơn vị vẫn chỉnh tề hàng ngũ, súng vẫn cầm tay, tử thủ tại đây, không có đại đơn vị VC nào có thể vượt qua tuyến này. Nhưng vận nước đã không được quyết định bởi những người trực tiếp cầm súng, mà ở tận mãi đâu đâu, ở lầu 3 góc “chành-chành” hay 5 góc, lầu cao gác tía, Tonton ra lệnh đầu hàng, quân sĩ ngỡ ngàng ngỡ ngác!

- “Là quân nhân, nhưng không làm gì khác được. Thôi! Anh em về với đơn vị, giải thích cho các cấp biết, nhiệm vụ cầm súng của chúng ta đã bị kết thúc”.

Tango Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó nói với các đơn vị trưởng xong quay sang tôi:

- Cần Thơ ở lại để bàn giao căn cứ Sóng Thần cho phía bên kia!

Tôi biết Đại Bàng Tango lập lại câu nói của TT Big Minh cho có lệ. Sau khi nghe lệnh, Hợp bấm tay tôi, nháy mắt, hất đầu về phía doanh trại TĐ.2/ TQLC, nằm phía Tây trong căn cứ. Hiểu ý của Hợp, tôi “bất tuân thượng lệnh”, không bàn giao cái căn cứ cho thằng “củ cải” nào cả mà đi theo thằng bạn cùng khóa về vị trí đóng quân của nó cho có đôi vào lúc khoảng cách sinh tử là sợi chỉ.

Sau khi nói lời cuối cùng với quân sĩ, Hợp vốn bản tính bình tĩnh lắm li cũng phải quay đi lau nước mắt rồi cùng tôi kẻ trước, người sau đi ra khỏi căn cứ Sóng Thần. Như cái xác không hồn, chúng tôi nương theo dòng người men theo ven xa lộ để về trại gia binh Cửu Long Thị Nghè. Vừa ngang tới đoạn hăng “xi-măng” Hà Tiên thì nghe súng nổ giòn phía trước, chỗ ngã ba Cát Lái. Tụi nó cối dạt về sau, lum khum chạy núp hai bên đường bắn trả, tôi nghe tiếng Bắc Kỳ quen quen:

- ĐM. Bọn Trâu Diên ngoan cố!

Thần hồn nhát thần tính, hễ thấy rần rì là chúng gọi “Trâu Diên”. Chúng vẫy tay ra hiệu cho đồng bào đi trước đi. Tôi liếc Hợp rồi hất hàm:

- Đi.

Nào ngờ đồng bào đi trước, giặc cướp trộn trâu theo sau, vì dĩ nhiên “lòng sùng nhân đạo, cứu người làm than” của những người anh em Trâu Diên tách bầy, chiến đấu tới cũng đã không bắn vào quân dân ta dù có VC đi lẫn trong đó. Tôi chửi thảm đúng điệu quê hương BK (Bắc Kỳ):

- ĐM. con cháu ba-ác tàn ác, lấy dân làm bia đỡ đạn.

Về đến Thị Nghè thì thấy phía trước một toán cánh tay đeo băng đỏ đi ngược lại phía tôi, tay chúng cầm súng M16 thỉnh thoảng bắn ông “Thiên”, chúng đang xô đẩy một bộ rần rì bị trói 2 tay phía sau. Tránh đâu bọn trâu đánh này? Tôi xẹt vào một cái sân nhà bên đường, núp sau những chậu bông mai từ quý, liếc phía sau, thấy Hợp cũng xẹt vào con hẻm gần đó.

Bài viết này xin kết thúc ở đoạn các TQLC đang đóng quân tại Vũng Tàu như đi “nghỉ mát”, thiên thời địa lợi nếu muốn “vượt biển một mình” thì dễ như trở bàn tay. *Nhưng vì nhiệm vụ lại kéo nhau trở vào đất liền, tiếp tay ngăn quân thù với SĐ.18, và cuối cùng thì từ thủ ở Căn Cứ Sóng Thần, rồi tuyệt đại đa số các cấp chỉ huy TQLC vào tù.*

Kết thúc những ngày tháng cuối cùng đời lính của chúng tôi là như thế, như thế, thế còn bạn thì sao?

Phụ chú:

* Cùng một đội tù, tại Long Giao có 3 K19 là Trần Văn Hợp, Huỳnh Văn Phú, Tô Văn Cấp, TQLC/17 Trần Kim Hoàng, Lê Văn Cừu, TQLC/21 Trần Quang Duật, Doãn Thiện Niệm, Lê Xuân Sơn và nhiều Võ Bị và Võ Khoa TQLC khác nữa.

Những mất mát liên tiếp xảy đến trong ngục tù là tự tử, tử nạn như các Tr/Tá Nguyễn Văn Nhiều K14, Nguyễn Đăng Tổng K16, Huỳnh Văn Lượm K17, Đoàn Thức, Nguyễn Hữu Cát, Th/Tá Trần Văn Hợp K19 v.v... và tôi được tặng gần 10 cuốn lịch.

Không Đề

Đặng Đức Ý, K28

Tưởng anh là bay bốn phương
Ai ngờ chặt máy ống buong trên rừng
Đốn cây phát gỗ cong lưng
Rong rêu trượt bước mẫm từng dốc cao

*Ăn cây măng đắng còn cào
Chim kêu vượn hú biết đâu ngày về!
Tả toi mảnh áo nào nề
Hỏi em có uá tóc thề ngày xưa?*

Hỏi đời, đời vẫn buồn tẻ!
Ngước nhìn muôn dặm sơn khê
Nhà ta dưới đám mây nào trên kia?



Hai Chuyến Xe Sớm Mai

Võ Công Tiên*, K26

Nếu không có gì đặc biệt thì theo dự trù tại Trường Võ Bị hằng năm sẽ có một khóa sinh viên sĩ quan mãn khóa vào Thứ Sáu lần thứ ba trong tháng 12 dương lịch. Và sáng sớm hôm sau, đúng 9 giờ sẽ là cuộc tiễn đưa những anh tân thiếu úy (còn nán lại đêm chót) ra khỏi trường. Khoảng một phần mười của khóa rơi rớt trong nhóm này, thường là Bộ Binh, người miền Trung hay Hậu Giang, không bỏ bịch, đủ lên vừa vận hai chuyến GMC sớm mai.

Bốn năm trước, họ bước vào cổng Nam Quan, ngơ ngáo hăm hở bao nhiêu thì giờ đây họ lại đi ra cổng Nam Quan, trầm mặc háo hức bấy nhiêu. Chỉ khác là trước kia họ chạy bộ, giờ này họ ngồi xe. Ban quân nhạc của TVB vẫn giữ nguyên vị trí, bên ngoài phòng trực Lê Lợi, với vài ba bản quân hành quen thuộc, trong đó không thiếu bài Võ Bị Hành Khúc chơi sau cùng, đề “*gieo khắp đó đây khúc ca thanh bình*”.

Hôm nay là Thứ Bảy, cả 3 khóa đàn em của Trung Đoàn SVSQ còn đang mê ngủ sau một tuần mệt đừ với những ngày và đêm thao dượt, tập tành lễ lạc của mùa mãn khóa. Họ sắp đi Nha Trang với biển cả, hoặc với không gian, huấn luyện tân khóa sinh hoặc đi Dục Mỹ nếm mùi rừng núi sinh lầy. Họ sửa soạn về Saigon học nhảy dù. Họ chuẩn bị bàn giao núi giẻ,

hay le lói với hai tuần phép đầu tiên của người Alpha Đỏ. Họ không rảnh để tiễn quý niên trưởng lên đường, Họ chỉ đứng ngoài nhìn qua các khung cửa sổ, buồn hiu.

SVSQ Tuân Sự Trung Đoàn SVSQ (năm thứ tư nhưng vẫn còn mang Alpha hai gạch) sẽ chỉ huy lễ tiễn biệt. Không có một sĩ quan nào của Trường Võ Bị, Giáo Sư Văn Hóa Vụ lại càng không. Chỉ có năm ba người “lính cà” trong toán quân nhạc với đủ bộ các anh lính kèn buổi sáng, vài tay trống và phèn la, đứng bên đường của vòng sân Lê Lợi bắt súng chào im phăng phắc. Tiếng nhạc tuy rộn ràng, nhưng âm hưởng không vui.

Có nhiều lẳng động, gần như rơm rướm nước mắt. Họ mặc tác chiến với hoa mai đen mới tinh trên cổ áo, không mũ đỏ nón xanh. Họ sẽ nói lời cảm ơn và chia tay với hai người tài xế của những chiếc xe mang dấu hiệu Dalat ở khu Hòa Bình. Họ sẽ gặp lại người thân của gia đình, bè bạn với nhiều mừng vui tuần tới. Chắc chắn vài ba tháng không xa, tin không lành sẽ quay ngược về trường mỗi buổi trưa nơi phạn xá. Tuy vậy, vì lỡ làm thân trai, sinh nhằm thời bình lửa.

**

**Tân Thiếu Úy Võ Công Tiên: Người đi ra ngã phạn xá trong đêm chót. (Cổng Tôn Thất Lễ, cổng phụ bên hông của trường, sau phạn xá.)*





Tạp Ghi

Sao Mùa Xuân Lá Vẫn Rơi?

Thu Nga, K18/1

Tôi vừa quét lá vừa nhìn lên ba cây sồi (oak) cao ngất vừa ngẫm nghĩ, “Quái lạ! Mùa Xuân, chứ đâu phải mùa Thu mà lá rơi nhiều thế!” Mà đâu có là mùa Thu đi nữa, lá của chúng cũng không rụng vì nó xanh quanh năm, xanh bốn mùa. Tuy nhiên, nó lại rụng trái, gọi là acorn, thay cho không rụng lá. Trái sồi, to bằng đầu ngón tay, rụng đầy vườn. Bước ra sân là đập ngay lên trái, kêu lộp rộp. Vừa mới quét sạch sẽ xong hôm nay, ngày mai, trái lại rụng đầy. Một lần tôi đang lui cui hốt trái khô thì bị một trái rụng đúng đầu, trước khi rơi xuống đất. Tuy không đau, nhưng tôi giật mình. Tôi phì cười nhớ câu chuyện thiếu nhi của Mỹ, Chicken Licken. Một con gà đang dạo chơi trong rừng bị trái sồi rớt trúng đầu, tưởng là bầu trời đang rơi xuống, nên la bải hải “the sky is falling” (trời đang sập), và nghĩ phải đi tâu với nhà vua. Dọc đường hề gặp những bạn bè khác, nó đều kể lại câu chuyện bầu trời đang rớt.

Nhà tôi thì trồng toàn cây sồi. Những cây này khi mới trồng, cây nào, cây nấy nhỏ xíu, thân chỉ bằng ngón tay cái và cao khoảng nửa thước. Giá của mỗi cây chỉ mười hay hai chục đồng. Lúc đó tôi đâu có ngờ sẽ có ngày nó thành cây cổ thụ như thế này. Những tàng cây lớn, che kín mặt trời làm cho cỏ

chết hết vì không có ánh nắng. Thân cây bây giờ đã to bằng nửa vòng tay. Tôi không khỏi bồi hồi nhớ rằng thời gian trôi qua quá nhanh, từ khi chúng tôi trồng những cây này đến giờ đã gần hai mươi năm. Hai mươi năm cây non cũng trở thành già, huống chi con người.

Bây giờ là tháng Tư, trời tuy gọi là vào Xuân, nhưng khí hậu có ngày đã nóng như mùa Hè. Tôi ngồi xuống bờ thành của hồ cá, dùng cái vợt dài để hót những lá cây sồi rụng, trôi lều bều dày đặc trên mặt nước. Tôi chợt dừng tay khi nghe tiếng hát từ chiếc radio nhỏ, tôi mang ra để trên chiếc bàn đá gần đó để vừa nghe vừa làm sạch vườn, tôi ngẩn người lòng chợt dâng lên một nỗi buồn man mác. Nỗi buồn này mỗi lần tới tháng Tư lại trở về ray rứt trong tâm tưởng.

“Sài Gòn ơi! Tôi đã mất người trong cuộc đời. Sài Gòn ơi! Thời đã hết thời gian tuyệt vời. Giờ còn đây những kỷ niệm sống trong tôi...”

Để chiếc vợt vớt lá bên cạnh và lắng nghe hết cả bản nhạc, sáng tác của Nam Lộc, qua tiếng ca của cố ca sĩ Ngọc Lan, tôi chợt thấy mắt mình cay cay. Tôi đã xa Sài Gòn hơn bốn mươi năm! Lúc tôi lìa Sài Gòn, tóc tôi còn xanh mượt, thế mà!...

Tháng năm chồng chết, kể từ khi bỏ nước ra đi, nhiều chuyện trong quá khứ đôi lúc cũng mờ mờ trong ký ức. Tuy nhiên, cảnh tượng của mẹ con tôi lúc ấy, trước tin nhà tôi mới từ bên ngoài về báo *“có lẽ mình phải xuống tàu để đi, em lo chuẩn bị mọi thứ”* thì tôi lại nhớ rất rõ. Tôi ngẩn ngơ chẳng hiểu *“chuẩn bị”* mọi thứ là chuẩn bị như thế nào. Tôi hỏi vọng theo, *“đi đâu?”* trong khi nhà tôi vừa đi vừa nói, *“cứ lên tàu hãy hay.”* Trước đó tôi cũng có nghe loáng thoáng gia đình người bạn cùng ngành truyền tin với nhà tôi, là ông S. đang ở ngoài bến Bạch Đằng chờ lên tàu.

Trước đây ông ở trung tâm điện ảnh Khánh Hội, nhưng sau đó, dời đi làm việc tại Đà Nẵng.

Tôi cảm thấy lúng túng, không biết phải làm cái gì trước,

cái gì sau. Với tâm trạng hoang mang, tôi đi gọi đầu. Có lẽ gọi đầu là hành động thông thường của người đàn bà khi chuẩn bị làm một việc gì quan trọng, sợ rằng những ngày tới không có thì giờ làm điều này. Tôi thay bộ quần áo khác rồi lại đi ra, đi vào. Hai đứa con trai lớn, đứa tám tuổi, Nhẫn, đứa bảy tuổi, Bình, đang nghỉ học vì trường đóng cửa, cũng cảm thấy có chuyện gì quan trọng đang xảy ra. Chúng vẫn ngồi im đọc sách chờ lệnh của mẹ. Đứa con gái thứ ba, bé Loan, gần bốn tuổi vẫn chạy sang nhà bà Trung Úy M. chơi với mấy đứa con gái gần bằng tuổi nó. Đôi bàn chân nhỏ xíu của nó bám chặt vào đôi dép nhật cũng nhỏ xíu, để khi chạy khỏi bị sút. Nếu có tiếng mẹ gọi giật lại, thường thường, nó làm bộ không nghe.



Cô em chồng, tên Hồng, học uốn tóc từ một trường dạy nghề, hôm nay cũng nghỉ. Cô đi theo tôi xuống bếp, hỏi cần gì để cô sắp đặt mang theo. Tôi và Hồng vào phòng trong, lôi trong tủ ra, mỗi người bộ quần áo, bỏ vào trong một cái bao tôi đã may sẵn như tay nải. Tôi đã bỏ vài bộ quần áo vào bao này trong chuyến đi hụt trước đây hai tuần. Lúc ấy tôi đi theo bà M. khi bà rủ chúng tôi cùng đi. Số là bà làm trong căn cứ của Mỹ, nên đã được lo giấy tờ để rời Việt Nam. Mấy mẹ con tôi và mẹ con của bà đã vào trong Tân Sơn Nhất, nhưng khi biết các ông không đi cùng một lượt được, bà và tôi quyết định quay về, vì cùng nghĩ như nhau, qua Mỹ làm gì nếu không có mấy ông chồng bên cạnh?! Bà M. mới sanh được một tháng, còn tôi cũng mới sanh cháu Thuận cũng mới hai tháng rưỡi. Do đó, những bọc quần áo cho mỗi người vẫn còn để ngay chân giường. Có vài bộ đã được lấy ra mặc, nên tôi bỏ thêm vài bộ

mong mỏng vào.

Hai đứa con trai xoay lưng lại cho tôi cột tay nải lên lưng, thật chắc, bằng sợi dây vải, choàng từ lưng, ra trước bụng. Cô Hồng cố lấy thêm một bao ni lông để đem theo những thứ lặt vặt. Linh kinh nhất có lẽ là vật dụng của thằng út Thuận. Nào là những hộp sữa bột, phải bỏ ké vào bao của Nhẫn; khăn, tả phải nhét thêm vào bao của Bình. Bé Loan cũng phải chia thêm chỗ trong bao với hai chai sữa. Tay nải của tôi thì nặng hơn với khăn lông, tã lót, bình thủy đựng nước sôi và những vật dụng cần thiết như thuốc men cho cả nhà. Nữ trang, tiền bạc, lớp bỏ trong bọc mang trên lưng, lớp bỏ trong ruột tượng, cột quanh bụng. Bọc của cô em chồng nặng cũng không kém. Nhà tôi cũng đã về và nói ông bà L. và ông bà T. cùng đi. Ông vừa nói vừa vác chiếc ba lô mà tôi đã dồn đủ mọi thứ, lên vai. Ông nhét khẩu súng lục vào bụng, dưới áo một cách cẩn thận. Ông luôn miệng hỏi mọi người lẹ lên, nếu không, tàu chạy mất.

Sửa soạn coi như đã đầy đủ, tôi chạy đến bên cửa sổ nhìn ra bên ngoài, trời đã gần trưa. Cư xá cả tuần nay có vẻ im lặng kỳ lạ. Nhà bà Trung Tá S. im lìm. Tôi không biết bà và mấy đứa con đi đâu? Ông trung tá ngày hôm qua tới nay cũng không thấy về. Căn trước mặt chúng tôi là nhà của ông bà Ch. Bà và hai đứa con cũng đã về gần khu Chợ Lớn ở với mẹ của bà, khi thấy tình hình chộn rộn trong thành phố. Nhìn xéo qua căn cuối cùng là nhà của ông bà Đại Úy Th. Tôi thấy hình như bà Th. đã chạy qua căn của bà M. Tôi nói với nhà tôi, *“để em chạy qua coi mấy bà kia ra sao?”* Ông nói không còn thì giờ, phải đi gấp kéo trẻ. Vừa lúc ấy bà Th. bước vào và nói với tôi ông bà M. không chịu đi và nói chờ gia đình từ Vũng Tàu lên thêm vài người nữa.

Mấy ông giục mấy bà và các con phải đi lẹ và hết sức cẩn thận, nếu không, lỡ có chuyện không hay xảy ra vì lúc này hỗn quân, hỗn quan mà mình phải đi ra khỏi cổng. Tuy nhiên khi xe đi ngang qua cổng, chúng tôi không thấy có lính canh như

thường lệ.

Gia đình chúng tôi chất bảy người lên một chiếc xe Honda. Bảy giờ nghĩ lại, không hiểu tại sao bảy người, gồm ba người lớn, bốn đứa con nít, trên lưng thì mang một bọc quần áo, lại có thể chất lên một chiếc xe Honda nhỏ xíu như vậy mà chạy một mạch ra bến tàu được? Gia đình ông bà Th. gồm hai người lớn, hai đứa con nít cũng chạy một chuyến. Chỉ có gia đình ông bà L. có tới năm đứa con, nên phải chạy hai chuyến. Bên góc tường thông ra đường, sát căn nhà của bà, trước đó bà L. đã đục một cái lỗ lớn đủ một người chun ra, chun vào, nên chuyến thứ hai, bà đi qua bằng ngã đó ra đường cho ông chạy về đón cho lệ.

Lúc đó trên bãi cát, quang cảnh vô cùng hỗn độn, ồn ào. Xe Honda bỏ nằm la liệt, có cả xe hơi nữa. Chúng tôi được ông S. chỉ cho chiếc tàu sắp chạy, đang đậu dưới



Dân chúng Saigon di tản vào cuối tháng 4, 1975.

Anh Tuấn. Không nhớ, bằng cách nào, chúng tôi cả ba gia đình đã lên được trên tàu. Cảnh tượng trước mắt thật là chộn rộn, toàn người là người. Chúng tôi leo xuống hầm tàu bằng một chiếc thang dài, dựng đứng và ở đó với rất nhiều người.

Sau đó, đúng là “lênh đênh trên sóng nước mông mênh”, không thấy đâu là bến, đâu là bờ. Qua một trận mưa gió toi bời, mọi người hoàn hồn, đem áo quần, hình ảnh ra phơi. Thằng út Thuận như có trời nuôi, vì sữa chỉ được pha với nước lạnh. Ban đêm thỉnh thoảng nó tỉnh giấc, khóc lè nhè trên chiếc

võng, mà nhà tôi tìm cách móc tạm trên những cây cột sắt dưới lòng tàu. Người trên tàu Anh Tuấn được người chủ tử tế phát cơm nước đàng hoàng, dù hạn chế. Những người có tiền nhiều như gia đình bà L. thì mua được thêm bánh kẹo, sữa từ những người có chuẩn bị, mang theo dư giả. Còn gia đình bà Th. và chúng tôi thì được phát gì, ăn nấy.

Những ngày đầu, cả nhà bị say sóng, ói tới mặt xanh, mặt vàng. Chỉ có bé Loan, không bị say sóng, chạy lăng quăng theo cha lên xuống khoang. Khi nào cảm thấy khỏe khoắn đôi chút, chúng tôi thay phiên nhau lên boong tàu, nhìn trời biển và hỏi nhau mình đi đâu? Những câu hỏi cứ lập đi lập lại, suy đoán lung tung. Sau bảy ngày, bảy đêm tàu ghé vào Subic Bay. Trước đó vài ngày, có tàu Mỹ tới, nhưng thấy chiếc tàu Anh Tuấn khá lớn, có thể tiếp tục chuyến hải hành, nên họ chỉ tiếp tế thức ăn, nước uống rồi để chiếc tàu chạy tiếp.

Tôi không nhớ rõ lắm những hình ảnh tại Subic Bay rồi sang Guam, vì thời gian ở đây ngắn ngủi và di chuyển vào ban đêm. Cuối cùng gia đình chúng tôi được đón nhận vào trại tị nạn Fort Chaffee, Arkansas. Những ngày ở đây, trong ký ức tôi còn sót lại là những buổi xếp hàng đi lãnh cơm. Cơm gà hay cơm cá. Lúc đầu nghe nói có thịt gà, ai cũng sáng mắt vì nhớ tới miếng thịt gà luộc thơm phức ở Việt Nam. Thế nhưng tới hồi lãnh phần cơm gà đem về, tôi mới té ngửa vì gà vừa bỏ rịch vừa lạt nhách, bỏ bao nhiêu tương ớt vào cũng không thêm được mùi vị gì. Cơm trộn cá lại còn tệ hơn. Cơm thì nhão, cá thì lạt và tanh, cũng như cơm gà, đồ cả chai tương ớt cũng không tạo được một chút hương vị nào để ăn cho ngon. Nhiều người đã cố ý mang vài chai tương ớt về phòng làm của riêng. Chúng tôi không chờ lãnh cơm thì không biết phải làm gì cho hết ngày giờ, hơn nữa, nếu không có tiền đi mua thức ăn ngon ở trong các hàng quán, thì cũng phải ăn cơm tị nạn thôi. Hàng ngày có xe phát bánh ngọt và cà phê; lại có cả xi nê chiếu ngoài trời để bà con giải trí nữa. Có những cô ca sĩ nổi tiếng ở Sài Gòn cũng có mặt trong trại tị nạn, nên lại có

những buổi văn nghệ bỏ túi khá hấp dẫn.

Người ta kháo nhau mùa Đông ở Mỹ lạnh lắm, nên mấy bà đang rồi rảnh, ngoài việc lãnh cơm, tán gẫu cho đỡ nhớ nhà, còn lấy mền được phát, cắt may áo lạnh, chuẩn bị nếu có người bảo lãnh ra nước ngoài thì cũng có sẵn áo ấm. Tại đây, chúng tôi gặp thêm nhiều bạn bè ở những nơi khác lần lượt, từng đợt được đưa vào trại tị nạn này.

Gia đình tôi và gia đình ông bà Th. tuy không ở chung một trại nhưng không cách xa nhau mấy. Bà Th. ốm thấy rõ vì nhớ thương đứa con lớn, tên H. Lúc ấy, cháu H. đang về chơi với bà ngoại, ông bà Th. không kịp mang theo vì phải chạy ra bến tàu với chúng tôi. Lúc đó, tinh thần người nào cũng căng thẳng khi nghe Việt Cộng đã vào tới Sài Gòn, phải chạy cho lẹ. Hơn nữa cả bọn chúng tôi đều nghĩ, chạy tránh pháo kích ở một hòn đảo nào đó vài ngày rồi trở về mà thôi. Cũng vì nghĩ như vậy, nên trước khi đi, tôi đưa tay khóa cánh cửa lại và còn xem lại các cửa sổ đã đóng chưa. Khi bà biết tàu phải chạy đến Philippines, rồi sang Mỹ thì hy vọng gặp lại con không còn nữa. Bà Th. khóc lóc, đau khổ. Những lúc nhớ con quá, bà đòi về lại Việt Nam. Thấy bà sụt sùi, ai cũng mũi lòng và không biết phải khuyên nhủ ra sao.

Đây là lúc có rất nhiều người cùng tâm trạng với bà Th., chạy loạn, bỏ lại bao nhiêu người thân yêu, bây giờ hoàn hồn mới quay quắt nhớ. Đó cũng là lúc mà những tên Việt Cộng nằm vùng đã đi theo đoàn người di tản, thừa cơ, tìm đủ mọi cách dụ dỗ những người này trở về lại Việt Nam. Hàng đêm những tên này, đi hết dãy nhà nọ, tới dãy nhà kia để kêu gọi, ghi tên. Trong số này có một người lính, không nhớ thuộc binh chủng nào, nhưng anh hay bận chiếc áo lính và chiếc quần kaki bạc màu thường tới thăm chúng tôi. Anh rất thương bé Loan vì anh nói nó giống con gái anh. Hầu như hàng ngày, anh công bé Loan trên lưng đi chờ xin bánh, kẹo. Nhiều lúc tới chơi, cả trại được thưởng thức tiếng ca thật buồn, thật ray rứt của anh khi bóng đêm bao trùm cảnh vật trong trại tị nạn: “*Rồi có một*

ngày, có một ngày chinh chiến tàn, anh trở về quê, trở về quê, tìm tuổi thơ mất năm nao...”

Khi anh hát, mắt anh long lanh ướt khiến ai nghe giọng ca nức nở của anh mắt cũng ướt theo. Thế rồi anh bị bọn người nằm vùng rù quên nhỏ to, anh và rất nhiều người đã trở về lại mảnh đất mà họ mới hót hải bỏ chạy bằng chiếc tàu Việt Nam Thương Tín. Không biết tánh mạng của mọi người trên chiếc tàu định mệnh đó ra sao? Giờ đây, không biết người lính năm xưa trôi giạt nơi nào, hay đã bị giết, bị chôn vùi đâu đó nơi chốn rừng sâu, hay trong lòng biển cả. Cộng Sản đã lừa dối không biết bao nhiêu lần, thế mà có người vẫn mắc bẫy.

Sau một thời gian không lâu lắm, gia đình chúng tôi, ông bà Th., ông bà L. tứ tán khắp nơi tùy theo địa điểm của người bảo lãnh cư ngụ. Chúng tôi về Texas. Cái xứ mà trước kia, khi còn ở Việt Nam đã nghe là thời tiết khủng khiếp, ngày nóng cháy thịt và đêm lạnh cắt da, vì là xứ sa mạc! Thực tế không đến nỗi như thế, chúng tôi đến vào mùa hè nên ngày nóng và đêm cũng nóng. Tuy nhiên, nhà có máy lạnh nên cũng không thấy gì là dễ sợ như tin đồn. Ông bà bảo lãnh của chúng tôi có vẻ khá giả, nhà cửa tươm tất. Bà vợ tên Rhoda, dạy tôi những món ăn Mỹ làm rất nhanh và lau chùi nền nhà làm sao cho bóng.

Bà dạy cho Hồng cách giặt áo quần (của họ) và xếp áo quần sao cho gọn. Tôi rửa chén, lay hoay với chén bát, soong chảo làm cái bồn rửa chén bị trầy những lần ngang dọc màu đen. Tôi lo sợ không biết làm sao thì bà Rhoda cười bảo, đừng lo rồi bà dùng một loại bột trắng, rắc lên những chỗ trầy, rồi dùng miếng bọt biển chùi một loáng là màu men sạch, trắng bóng như mới. Bà cười tươi khi thấy vẻ mặt ngạc nhiên, thán phục của tôi. Bà nhìn vào cổ tôi thấy có mề đay bằng cảm thạch hình trái tim, bà khen đẹp. Tôi vội vàng cởi luôn cả sợi giây chuyền tặng cho bà, bà không từ chối, đeo ngay vào cổ và rồi rít cảm ơn. Nhà tôi thì được ông John dạy cho cách cắt cỏ, tĩa cây. Tuy nhiên sau khi nhà tôi đưa vài nhát kéo to, nặng

gần gãy tay, làm mấy lùm cây của ông trở thành hình thù quái dị, ông John trợn mắt và giật cái kéo lại. Từ đó tôi không thấy ông John kêu nhà tôi phụ làm vườn nữa.

Hàng tuần, chúng tôi đi theo gia đình ông bà bảo trợ đi nhà thờ Tin Lành. Điều này mới nghe thì thấy không có gì phải nói, đi nhà thờ thì cũng tốt thôi. Thế nhưng lúc mình mới qua, tiếng Mỹ nghe tiếng được, tiếng mất, trong đầu đang lo dịch câu này, thì họ đã nói sang mười câu khác. Vì thế nên khi ông mục sư giảng đạo, mình chẳng hiểu gì, chỉ thấy ai cười thì mình cười theo; ai gật gù cái đầu ra vẻ đồng ý, thì mình cũng làm y chang ra điều thông hiểu hết mọi sự.

Thế nhưng giả bộ được một hồi thôi là cơn buồn ngủ ào tới, con mắt chỉ muốn díp lại. Những cây đèn trần, cả cây đèn pha lê cũng trở thành mờ mờ ảo ảo. Cơn buồn ngủ hình như bò từ trong bụng bò ra, không cưỡng nổi. Tôi hé mắt nhìn sang thấy cái đầu của ông xã tôi quẹo qua bên phải, rồi giật mình ngồi thẳng nửa giây lại quẹo qua bên trái, thỉnh thoảng đầu chồm về phía trước thiếu điều đụng vào người ngồi trước mặt. Cứ thế, chúng tôi phải đi nhà thờ ít nhất hai lần mỗi tuần, sáng Chủ Nhật và chiều Thứ Tư. Mấy bà Mỹ trong nhà thờ ríu rít chuyện trò với ông bà John, có lẽ hỏi thăm về chúng tôi. Nhiều bà khuôn cả thùng áo quần cũ bảo đem về mà mặc. Khổ nổi, áo quần, dày dép gì cũng vừa to, vừa dài, chất đống nhưng không dùng được cái nào cả.

Ở với gia đình người bảo lãnh thứ nhất này vài tháng thì họ tìm ra một gia đình lãnh thứ hai cho chúng tôi, vì họ thỉnh thoảng cũng có đi nhà thờ ở đây. Họ có công ty mua nhà cũ, sửa sang bán lại. Bà Rhoda nói,

- “Như vậy họ sẽ có công ăn việc làm tốt với chúng tôi.”

Ông chồng tên Richie và vợ người Nhật tên là Sue. Ông bà Richie có hai đứa con, một trai, một gái, cũng phụ cha mẹ trong công việc sửa chữa nhà cửa. Lúc này, chúng tôi ở trong một trailer (một loại nhà nhỏ hơn mobile home), cách nhà

thờ không xa. Ông xã tôi được giao phó những việc nặng như khiêng gỗ, khiêng ngói lợp nhà. Ngói ở đây là những miếng làm bằng chất ni lông, chứ không giống ngói của Việt Nam, nhìn thì mỏng manh, nhưng khá nặng, nhất là khi khiêng lên thang đưa lên cho thợ của ông Richi lợp nhà. Công việc di chuyển lên chiếc thang cao không phải là chuyện dễ, vì cả đời ông chỉ ở trong quân đội mà lại cũng không phải thuộc loại khéo tay, handyman. Tôi nhìn ông hì hục leo lên chiếc thang cao nghệu, tay không ôm ngói, thì cũng vác gỗ, mà tội nghiệp và lo sợ ông rớt xuống lúc nào không hay. Còn tôi thì được đi theo bà Sue và cô Shirley, làm những công việc nhẹ nhàng hơn, như chùi sàn, lau dọn các phòng lại cho thơm mát.

Làm với ông bà một thời gian, ông Richie tìm được một căn nhà gỗ xinh xắn ở phía Bắc của Ft. Worth. Ông bán cho chúng tôi chín ngàn dollars, “down” (tiền thế chân) chỉ có một trăm. Chúng tôi vui mừng dọn vào căn nhà có ba phòng ngủ, cũng khá thơm mát.

Ông xã tôi tìm được công việc khác, nhưng việc nào ông cũng làm vài ngày là nghỉ vì những công việc này coi bộ không thích hợp với ông ấy chút nào. Trước tiên là nghề khiêng ống nước, ông chê quá nặng. Tiếp theo là đi làm thợ mộc, chủ không vui, vì đóng cây đinh nào không gãy cũng quẹo. Một ngày, ông mục sư Wolf nói đã tìm cho nhà tôi được làm việc trong trường học rồi. Tưởng bỏ sẽ được đi phụ dạy học, té ra là làm nhân viên gác gian cho trường của những người bị điên điên, khùng khùng. Tuy nhiên, công việc cũng không đến nỗi nặng như thợ ống sắt hay thợ mộc. Nhà tôi làm một thời gian, lại xin thêm được một chân làm việc trong chợ thực phẩm Buddies. Tức là ông làm hai “job”, làm xong công việc ở chợ, trong khu vực rau trái xong, ra xe ngủ một lát, rồi đi làm ở trường học cho tới sáng. Vì làm liên miên nên ông hay buồn ngủ, hề có dịp là ông ngáy, bất cứ chỗ nào.

Còn tôi thì cũng ba chìm, bảy nổi. Thấy người ta ăn nê, làm ra vì may đồ ở nhà, người Việt gọi nôm na là “home sew”,

tôi cũng lân la làm quen với những người kinh nghiệm trong ngành này. Sau vài đợt là tôi phải dẹp vì tôi may chậm, lại hay may lộn màu. Thức cả đêm để may, tới sáng, thấy sai tôi lại ngồi tháo. Ông xã tôi đi làm hai job, gần sáng mới về, thấy tôi ngồi tháo chỉ, ông phải phụ tháo tiếp. Đôi khi buồn ngủ quá, khi tháo không khéo, vải sẽ bị rách với đầu kéo nhọn và bén, vất vả vô cùng. Coi bộ không ổn với nghề "home sew", tôi xin làm thợ may màn cửa. Trải qua vài tiệm, thấy cũng chẳng hợp với mình. May quá, tôi tìm được một trường dạy nghề làm văn phòng. Học đâu được vài tháng, tôi kiếm được job keypunch trong một văn phòng bảo hiểm. Không lâu, văn phòng này đóng cửa, tôi may mắn tìm được việc làm trong nhà bank tại khu buôn bán của thành phố (downtown) Ft. Worth. Tôi làm việc luôn ở đó hai mươi tám năm, cho đến ngày bị thất nghiệp (laid off).

Người ta có nhiều câu cách ngôn, ví von về việc thời gian qua mau, nào là như *bóng câu qua cửa sổ*, nào là như *thoi đưa*. Nhưng câu mà tôi thấy đúng nhất là câu cách ngôn của Mỹ, "*thời gian như cuộn giấy vệ sinh (toilet), càng tới lỗi, càng hết nhanh*". Nhớ lúc còn bé ở bậc tiểu học, tôi mong thời gian chạy nhanh để được làm cô giáo, được đứng trên bục gỗ, cầm phấn trắng viết những bài toán, những bài chánh tả lên bảng đen, dạy học trò. Tôi mong làm người lớn để được đeo những món nữ trang vàng chóa sang trọng như các cô, các bác trong xóm, cũng như rất nhiều ước mơ rất ngây ngô. Khi học ở bậc trung học, tôi mong thời gian chạy lẹ để mình lấy được bằng nọ, bằng kia, đi làm, kiếm tiền. Tới khi có gia đình, tôi mong con mau lớn, thành tài, lập gia đình để mình có cháu bông. Giờ đây, thoáng chớp mắt, *cuộn giấy cuộc đời* đã sắp cạn tới lỗi, có dè xén cách mấy cũng thấy nó hết thật nhanh.

Sáng trưa rồi chiều tối. Hết Thứ Hai đến Thứ Sáu. Cuối tuần rồi đầu tuần. Xuân, Hạ, Thu, Đông nối tiếp liên liên. Soi gương, giật mình khi thấy nét thời gian đã ghi đậm trên mặt không phấn, kem nào có thể che dấu được. Người ta hay nói

thời gian là liều thuốc nhiệm màu hàn gắn bao nhiêu điều oan trái, nhưng thời gian cũng là tác giả của những nếp nhăn, là nguyên nhân khiến trái tim, lá phổi, tứ chi, và cả trí óc suy yếu. Thời gian là thủ phạm đã chong chất tuổi đời, bệnh hoạn, già nua lên thân thể con người; làm chúng ta chia cách với những người thân yêu. Tôi chợt nhớ đến ba tôi, mẹ tôi, anh tôi, những người đã ra thiên cổ mà tôi không gặp được từ lúc bỏ nước ra đi. Tôi lại ước ao, phải chi tôi có phép thần quay ngược lại kim đồng hồ để tôi có dịp thương yêu, săn sóc, gần gũi với những người thương nhiều hơn.

Tôi nhớ bàn tay của ba tôi thoăn thoắt cạy cọ, sơn lại những song sắt cửa sổ trong cư xá điện ảnh Khánh Hội khi vào thăm tôi. Những chiếc cửa sổ có song ngang, mở đóng bằng cách bật lên kéo xuống. Tôi đã đưa tay kéo xuống rồi buông màn cẩn thận trước khi làm một chuyến đi xa vì cứ tưởng sẽ có dịp trở về. Tôi cũng nhớ hình ảnh của ông cống đưa cháu ngoại đầu tiên trên lưng, đi dạo khắp xóm để tôi có thì giờ lo cho đứa thứ hai. Tôi nhớ bàn tay mẹ tôi đóng đưa chiếc nôi, ru đứa cháu khó tính, khóc nhè cả đêm. Lòng tôi nhói đau khi nhớ hình ảnh ốm yếu của mẹ băng ngang con đường dẫn vào khu cư xá sĩ quan ở Pleiku. Cứ vài tháng, mẹ lại mang áo quần, vật dụng, thức ăn lên cho con gái, con rể, và cháu ngoại.

Tôi để trí óc tôi đi xa hơn về quá khứ. Tôi thấy tôi và anh Quang đi bắt những con châu chấu, cào cào về cho sáo ăn. Tôi cũng thấy tay anh Quang rướm máu khi ngồi làm những chiếc đèn ngời sao bằng tre và lạt, vì lạt bén cắt vào ngón tay. Tôi đã có dịp đốt nến trong những chiếc lồng đèn này đi khắp xóm với tụi trẻ nhỏ cùng lúa trong đêm Trung Thu. Mắt tôi mờ lệ như ngửi được mùi khói thơm từ đồng lá vàng được ba tôi gom lại thành một đồng nhỏ ở góc vườn, có nhiều cây ăn trái. Mẹ tôi đem quần áo phơi trên dây vào nhà vì trời đã tối. Tiếng anh tôi kêu vào nhà học làm toán. Gương mặt của anh nhoè đi tan lẫn vào gương mặt thẳng Út. Mẹ tôi hay nói, “thằng Út Thuận rất giống cậu.”

Lần cuối cùng mạ vào nuôi tôi sanh thằng út là đầu tháng Hai năm bảy lăm. Một tháng sau, mạ về, tức là đầu tháng Ba. Không bao lâu miền Trung mất dần vào tay Việt Cộng. Tôi không còn được gặp ba, mạ, anh Quang. Tôi cũng không hề một lần gặp lại họ khi những người thân này đi vào lòng đất. *Nỗi ân hận làm cổ tôi nghẹn lại.*

Thằng Út Thuận nay đã 44 tuổi. Hai đứa con trai và đứa con gái nay đã vào tuổi trung niên. Bất giác tôi lại nhìn lên những cây sồi xanh cao chót vót và nhớ ra rằng cây non ngày nào, đã thành cây đại thụ chỉ qua hai mươi năm, huống chi con người đã qua gần bốn mươi năm.

Tôi chợt giật mình. À! Chỉ là những chiếc lá sồi bay xoẹt qua tóc tôi, rớt xuống hồ, làm đàn cá sợ hãi bơi tán loạn. Tôi dụi đôi mắt cay xè. Sao tôi ngồi đây mà nhớ toàn chuyện bên kia nửa vòng trái đất? Sao đã hơn bốn mươi năm qua mà thời gian không hàn gắn được vết thương lòng? Sao tim tôi vẫn bồi hồi đau đớn?

“Sài Gòn ơi! Nắng vẫn còn vương trên đường. Đường ngày xưa mưa có ướt ngập lối người về. Rồi mùa thu lá còn đổ xuống công viên...”

Lại vài chiếc rụng! Ủa! Sao mùa Xuân lá vẫn rơi?



Tiểu Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến *TRẬN ĐÁNH CUỐI CÙNG*

MX. Trần-Ngọc-Toàn, K16

1. Địa thế:

Từ Huế đi ra Quảng Trị, vượt con sông Bồ, đến cây số 17 qua khỏi ấp Thượng An, bắt đầu một con dốc ngắn dẫn lên một dải địa hình cao hơn mặt nước biển 50 thước nổi dài đến quận Phong Điền và Mỹ Chánh tiếp giáp với tỉnh Quảng Trị về phía Bắc.



Phía Đông là quận Quảng Điền nổi ra sông Vĩnh Định và Phá Tam Giang. Phía Tây, thung lũng bình nguyên nổi dài dưới chân rặng núi Trường-Sơn với xóm làng và ruộng lúa dọc theo bờ Bắc con sông Bồ. Nơi đây vốn là quê của Tướng Việt Cộng Nguyễn Chí Thanh đã tử thương trong mặt khu miền Đông Nam Bộ vào đầu thập niên 1960. Con đường sắt từ Huế ra Quảng Trị chạy song song về phía Tây với Quốc Lộ I qua hai chiếc cầu bắc ngang sông Bồ. Chiếc cầu sắt được xây dựng từ hồi Pháp thuộc vẫn còn nguyên vẹn. Chiếc cầu trên QLI đã được Công Binh Hoa Kỳ thay tạm bằng cầu gỗ.

2. Phối trí quân:

Từ sau ngày Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù được lệnh di chuyển vào Đà Nẵng, tháng 6 năm 1974; Lữ Đoàn 147 TQLC trách nhiệm trấn giữ mặt trận Phong Điền dọc theo tuyến QL1 ra Mỹ Chánh, Quảng Trị với Lữ Đoàn 1 Thiết Kỵ đóng tại căn cứ Hòa Mỹ.

Tiểu Đoàn 4 TQLC được tăng phái Tiểu Đoàn 130 Địa Phương Quân Huế trấn giữ phòng tuyến phía Tây sát chân rặng núi Trường Sơn với ngọn đồi 51 dôi ra thung-lũng dãy cỏ tranh, nối liền tuyến phòng thủ của TĐ7/ TQLC về phía Bắc và TĐ5/ TQLC ở phía Nam.

Một Pháo-Đội 155 ly của TQLC được bố trí tại Thượng An do một trung đội trừ bị của TĐ4/ TQLC bảo vệ. TĐ135/ ĐPQ được đưa ra chạm tuyến ngay giữa phòng tuyến của TQLC.

3. Tình hình quân VC:

Từ sau ngày ký kết Hiệp Định Paris năm 1974, với nguồn tiếp viện không ngừng của Liên Xô và Trung Cộng, Việt Cộng đã khai mở thêm tuyến đường xâm nhập, từ Bắc vào Nam, nằm ở phía Đông dãy Trường Sơn, với ám số 555B hoặc Trường-Sơn Đông, suốt từ Nghệ Tĩnh vào tận Kontum, Pleiku.

Lợi dụng sơ hở của Hiệp Định Paris, VC đã ngang nhiên chuyển quân lính và đại pháo cùng xe tăng ngày lẫn đêm vào Nam, ngay trước mắt của quân phòng vệ TQLC mà Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến chỉ ghi nhận chiếu lệ.

Từ giữa năm 1974, suốt từ Mỹ Chánh vào sông Bô, Huế, VC cho bọn Tập Kết 1954 và quân chính qui hàng đêm xâm nhập qua những khe hở của phòng tuyến TQLC vào ém dẫu quân ở Hải Lăng, Quảng Trị và Quảng Điền, Huế.

Nhiều toán xâm nhập đã bị TQLC phục kích tiêu diệt, hoặc bị mìn Claymore gài trên những lối mòn gây tổn thất.

Trung Đoàn Bình Trị Thiên của CS đã được thành lập để tạo cuộc nổi dậy ở địa phương, nhằm kết hợp với quân chính

quy từ Miền Bắc khi vượt tuyến sông Thạch Hãn xâm chiếm Miền Nam.

Các loại vũ khí cũng được chuyển tải vào những điểm “tập kết” từ đường Trường Sơn Đông và ngay cả mặt biển dưới dạng tàu đánh cá. Điển hình là chiếc tàu sắt chở vũ khí và lương khô của Trung Cộng đã bị Thiết Giáp của ta bắn chìm ngay cửa biển Mỹ Thủy, Quảng Trị, giữa năm 1974.

4. Diễn Tiến Trận Đánh:

Tiểu Đoàn 4 TQLC với 4 đại đội tác chiến và 1 Đại Đội Chỉ Huy & Hành Chánh bố trí ĐĐ130/ ĐPQ Huế tăng phái từ chóp cao độ phía Nam, giáp với xóm làng Thượng An Hạ dọc theo bờ Bắc sông Bồ men theo bờ núi cao chạy về phía Bắc, nhìn xuống thung lũng hẹp với ruộng lúa và cỏ tranh cao ngập đầu người lớn tiếp giáp vào tận chân núi Trường Sơn. Nối liền là ĐĐ 1 và ĐĐ2 bắt tay với Tiểu Đoàn 7 TQLC trên mạn Bắc. Đại Đội 4 làm trừ bị. Đại Đội 3 đóng quân bảo vệ Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn ngay sát Quốc Lộ 1 phía sau với một trung đội tăng phái giữ an ninh cho Pháo Đội 155 ly của TQLC ở Thượng-An.

Ngày 11 tháng 3 năm 1975, Ban Mê Thuột bị thất thủ trước sức ép tấn công của 3 Sư Đoàn CS Bắc Việt.

Ngày 15 tháng 3 năm 1975, Trung Đoàn Bình Trị Thiên của CS mở cuộc tấn kích vào lúc 4 giờ sáng, qua phòng tuyến của ĐĐ4 TQLC.

Trước khi thọc mũi dùi lần chiếm ngọn Đồi 51, do một trung đội của ĐĐ2 trấn giữ với một tổ súng không giật 90 ly, xuyên phòng ngự của ĐĐ2, quân CSBV đã pháo kích hàng trăm quả đạn 100ly, 120ly, và 130ly lên suốt các cứ điểm của ĐĐ4/ TQLC.

Sơ khởi, Trung Đội do Thiếu Úy Sáng chỉ huy bị tràn ngập trên ngọn Đồi 51. Thiếu Úy Sáng tử thương tại mặt trận; Hạ Sĩ Nguyễn Văn Hồng, Tổ Trưởng Tổ SKZ 90ly hy sinh sau nhiều loạt súng chặn đứng đợt tấn công gây cho VC tổn thất

nặng nề. Tức thì, ngay sau đó, khi trời còn tối mịt, ĐĐ4 được điều động tiến lên, từ phía sau, tăng cường cho Đại Đội 2 để thu quân tiến chiếm lại ngọn Đồi 51.

Do quân số VC đã bị tổn thất nặng khi tiến chiếm cao điểm 51, từ mờ sáng ngày 16 tháng 3 năm 1975, ĐĐ2/TĐ4 TQLC đã tái chiếm cứ điểm chiến thuật 51 và lập lại phòng tuyến.

VC đã rút chạy vào núi bỏ lại hơn 10 xác chết và 60 vũ khí các loại. Trong số có 1 khẩu súng cối Trung Cộng 61 ly, B41, AK47 và 3 khẩu tiểu liên Tiệp Khắc K59. Loại súng này, mới xuất hiện trên chiến trường, là một loại tiểu liên nòng ngắn có thể thu nhỏ lại như một khẩu súng lục.

Cùng một lúc, với những phát đạn pháo kích mở đầu cuộc tấn kích, VC đã xách động dân chúng trong Quận Quảng Điền cùng với quân số chính quy xâm nhập cỡ Tiểu Đoàn đã bắc loa gây rối loạn phía sau trận tuyến ra về như một nỗi dấy của “dân chúng” Quảng Điền.

Tương tự, ở mặt trận phía Bắc Mỹ Chánh, tại Hải Lăng, Quảng Trị, chúng cũng dàn dựng một cuộc “nổi dậy” của dân chúng cùng một lúc với cuộc vượt tuyến tấn kích.

Rạng ngày 16 tháng 3 năm 1975, Sư Đoàn TQLC đã điều động Lữ Đoàn 369 phối hợp với Lữ Đoàn 1 Kỵ Binh tiến đánh vào cả hai mặt trận.

Lữ Đoàn TQLC đã bắt được 112 tù binh CSBV với quân phục quân chính quy và vũ khí.

Đặc biệt là 15 khẩu K59 còn mới tinh.

Đồng thời, trước khi nổ súng tấn công, đặc công VC đã ôm bụi cây khô thả trôi theo dòng sông Bồ, với chất nổ bọc trong bao nylon, định gài vào chân cầu sông Bồ để phá sập, nhưng chúng đã bị quân nhân thuộc một trung đội của ĐĐ3/ TĐ4/ TQLC tăng cường giữ cầu, bắn hạ.

Mìn nổ chỉ làm lệch nhẹ một vài nhịp cầu phía Nam. Xác của hai tên đặc công đã nổi lên sáng hôm sau ở Phong Điền.

Công Binh của Quân Đoàn I đã bắc ngay một nhịp cầu Bailey nối lại giao thông ngay ngày hôm sau là 16 tháng 3 năm 1975.

Kết quả về phía TĐ4/ TQLC tổn thất 7 chiến binh trong đó có Thiếu Úy Sáng và Hạ sĩ Hồng, vũ khí được bảo toàn.

Ngày 16 tháng 3 năm 1975, dân chúng từ Quảng Trị ùn ùn kéo nhau chạy về Huế, vừa đi bộ, vừa xe kéo tay, xe đạp thồ khi được tin Lữ Đoàn 369 TQLC bàn giao vị trí đóng quân cho Liên Đoàn 15 Biệt Động Quân và Liên Đoàn Địa Phương Quân thuộc tỉnh Quảng Trị, rút về Đà Nẵng theo lệnh của Quân Đoàn.

Biến cố Cao Nguyên Trung Phần thất thủ và cuộc tái bố trí quân của Nhảy Dù và TQLC đã khiến cho mọi người chẳng còn quan tâm đến chiến thắng trong trận đánh cuối cùng của Tiểu Đoàn 4 TQLC.

Từ đó, TĐ4/ TQLC chỉ thi hành lệnh di tản bỏ Quảng Trị, Huế cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 đầy tang thương và chua xót khi nghe lệnh “Buông Súng” của Cự Đại Tướng Dương Văn Minh.

** MX. Trần-Ngọc-Toàn, K16 là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4 TQLC (1973-1975)*





TẮM ÁO NGÂM NGÙI

Nguyễn Thị Sáng Trăng, K17/2

*Cảm tác kính tiền anh linh
chú Phạm Minh Tâm, Khóa 25*

Chú đi vĩnh biệt thế gian
Không màng một tấm áo quan thường tình
Quốc kỳ phủ xuống vinh danh
Tiễn đưa chú có chung quanh bạn bè,
Vợ con, huynh đệ bốn bề
Đồng môn cùng chú tuyên thệ Alpha.

*Tiễn đưa chú có vòng hoa
Những lời tưởng niệm thiết tha, chân thành
Mỗi người có một phước phần
Chú khiêm nhường sống, lặng thầm ra đi
Người quân nhân luyến lưu chi
Núi sông gầy gánh sá gì gổ thơm!*

Chú đi theo lẽ vô thường
Nơi đây còn lại tiếc thương bồi hồi
Ghép thành sáu mảnh ngậm ngùi
Tiễn đưa hồn chú thành thoi Cối Trời



Ký Ưc Còn Nhớ Mãi.

Võ Minh Hòa, 21

Định mệnh như đã an bài. Tháng Tư đen 1975 Việt Nam mang bao tai ương, ách nạn đổ ập xuống miền Nam Việt Nam. Bỗng chốc biến miền Nam Việt Nam thành con bệnh trầm kha, không thuốc chữa.

Dân chúng hoang mang vì tình hình chính trị lúc bấy giờ thật bấp bênh, quân sự thì đang đà xuống dốc một cách thê thảm, trong khi đó tin đồn Cộng quân hết chiếm tỉnh này sang thành phố khác làm mọi người lo sợ thêm. Ai nấy đôn đáo chạy vào phi trường, phóng ra bến tàu, tìm đủ mọi cách để thoát thân.

Dân tháo chạy lẫn vào quân, làm xáo trộn hàng ngũ quân đội. Rồi từng đơn vị rã dần, rã dần...

Cuối cùng ngày 30 tháng 4, ông Dương Văn Minh - Ông Tổng Thống bất hợp pháp - ra lệnh tất cả quân nhân bỏ súng đầu hàng. Thế là ta chấp nhận thua cuộc trong nỗi uất hận nghẹn ngào. Cộng Sản miền Bắc ủa quân vào cưỡng chiếm

miền Nam một cách dễ dàng. Bất chiến tự nhiên thành! Rồi từ đó, khúc quanh lịch sử của dân tộc Việt Nam bị đắm chìm trong khổ nhục, đau thương, u tối dưới ách kềm kẹp của Cộng Sản miền Bắc.

Trong khi đó, ông bạn đồng minh Hoa Kỳ ở tận bên kia Thái Bình Dương đã “*biết trước*” sắp tới ngày lâm chung của miền Nam Việt Nam nên đã chuẩn bị nhiều phương tiện để đón nhận người tị nạn, mà họ ước chừng con số rất đông, vì sợ cuộc trả thù đẫm máu của Cộng Sản miền Bắc với Dân, Quân, Cán, Chính của Việt Nam Cộng Hòa. Thật vậy, những hành động xâm lấn đầy bạo lực của đảng Cộng Sản quốc tế nói chung và Cộng sản Việt Nam nói riêng đã cho thấy Cộng Sản không góm tay giết người, thanh toán, chôn sống... miễn sao họ đạt được cái cứu cánh cuối cùng. Và nay Cộng Sản đã xích khóa miền Nam như đã làm ở miền Bắc.

Nói đến sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa, phải nói đến sự phản bội trắng trợn của đồng minh Hoa Kỳ vì đã quá sai lầm, khờ khạo, tin tưởng những gì Cộng Sản nói, đem bán đứng miền Nam Việt Nam như một con cờ thí trên bàn cờ chính trị quốc tế.

Hoa Kỳ đã tháo chạy bỏ mặc cho miền Nam VN đơn phương chiến đấu, trong cái gọi là “*Việt Nam hóa chiến tranh*”, đã đưa đến cái chết tức tưởi của miền Nam vì không đương đầu nổi với bom đạn, vũ khí tối tân,... mà cả khối Cộng Sản đã viện trợ cho miền Bắc. Thế là “*tiền đồn chống Cộng*” bị sụp đổ, Nam Việt Nam đã bị nhuộm đỏ, lá cờ đỏ sao vàng được chúng dựng lên khắp nơi, ngay cả trên dinh Độc Lập. Thật tủi nhục thay!

Chính quyền Hoa Kỳ đã cho lệnh gấp rút dựng lên một trại tị nạn vĩ đại mang tên “New Life Refugee” ở đảo Guam, nằm gần lãnh thổ Phi Luật Tân. Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ cũng được lệnh đưa chiến hạm đến hải phận quốc tế sẵn sàng chờ đón người tị nạn. Rồi từng đợt người tị nạn đã được cứu vớt

đưa về trại “Refugee” một ngày một đông dần.

Toàn khu trại tị nạn rộng tới đâu không ai biết chính xác bằng con số. Người ta chỉ bàn với nhau là “rộng lắm”. Có đến hàng trăm cái lều vải được chia ra thành nhiều khu trên một vùng đất rộng mênh mông. Người ta lại đoán chừng, trước kia đây là một khu rừng thưa được Công Binh Mỹ ủi bằng phẳng để dựng lều. Thật vậy, các dấu tích còn để lại là những đồng cây bị đốn ngã đã được dọn lại nhiều nơi chung quanh hàng rào. Xa xa mọi người còn thấy những mảng đất cháy đen loang trên mặt đất. Lớp đất sét từ dưới sỏi lên vẫn còn màu trắng ngà, nhưng vì “phơi trần” lâu ngày dưới sức nóng thiêu đốt của đảo đã thành lớp cát bụi trắng vàng, phản chiếu ánh sáng mặt trời làm toàn khu vực vào buổi trưa nắng chiếu chói chang.

Cứ mỗi lần có cơn gió lốc ở biển thổi vào làm từng đám cát bụi, xoáy tròn ốc bay bay mịt mù như sa mạc cát. Đến khi cơn gió dịu đi thì bụi rơi bám đầy trên các mái lều, trên nóc các nhà cầu công cộng, trên mũ xe, và trên đầu tóc, quần áo của những người đang đi ngoài đường. Những người tị nạn hình như không quan tâm đến bụi bặm đó, họ cứ bước đi trong gió cát, có thể vì *cát bụi trong tâm can của người tị nạn còn mờ mịt và bi đát hơn nhiều*.

Mỗi người một hoàn cảnh, một tâm trạng, một lo âu khác nhau. Người buồn vì xa cha mẹ, kẻ đau khổ vì thất lạc vợ con, lạc chồng. Có người tiếc nuối cho cái gia tài điền sản bỏ lại. Có người lo sợ mông lung cho một tương lai bấp bênh với hai bàn tay trắng biết làm gì để sống.

Những ngày đầu đến trại, lúc nào họ cũng cảm thấy bồn chồn, đứng ngồi không yên, cứ muốn bước ra khỏi lều để đi nhưng không biết đi đâu. Có người đi qua lều người bạn thăm hỏi vài ba tin tức ở Sài Gòn. Có người ghé qua hội Hồng Thập Tự để tra xét trong danh sách những người mới đến với hy vọng, dù là phần trăm nhỏ nhoi, may ra tìm được người quen.

Có người tạt qua phòng Thông Tin nhờ rao tìm người thân, biết đâu họ đã đến trại nhưng ở khác lều. Họ đi vội vã như địch đuổi đến chân, vẻ hốt hoảng vẫn còn trên nét mặt vì vẫn còn ấn tượng sâu đậm của những biến cố bề dâu vừa mới xảy ra ngày hôm qua.

Riêng các cụ già vì không đi xa được nên ngồi chồm hổm trước lều, tay chống cằm vẻ thiếu ngủ, miệng lầm rầm khấn vái cầu xin cho con cháu được bình yên, tìm cách tạm thời lánh xa vùng binh biến chờ ngày gặp lại gia đình.

Người ta thường nói, “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?” Cảnh vật trại cũng theo lòng người mà ủ rũ. Cái nắng Hè của đầu tháng Năm vào buổi trưa trên đảo thật oi bức. Nóng có thể lên đến cả trăm độ F (tương đương 37.8 độ C) nên ít ai ra đường vào buổi trưa, nhưng mà có nằm lại trong lều thì cũng nóng không kém chi bên ngoài. Tuy nhiên, nhiều người đã nghĩ, ở trong còn có lều che nắng và ghé bó để nằm. Nhưng chính cái ghé bó cũng có lúc nóng phồng lung! Thỉnh thoảng vài cụ già muốn ngả lưng cho đỡ mệt vì “heat stroke” (say nắng), nhưng cũng không nằm lâu được, đành ngồi dậy ngáp ngắn, ngáp dài. Có người ngồi “chịu trận” trong lều vừa hút thuốc, vừa “hứng” nóng! Ai nấy lim dim đôi mắt thiu thiu ngủ gà, ngủ gật.

Thế mới thấy tội cho hai người lính Mỹ gác cổng, họ đứng giữa trời với bộ đồ trận dày cộm. Một anh đang đứng tựa lưng vào bờ thành làm bằng những bao cát. Anh kia thì đi qua đi lại trước cái cổng làm đơn sơ bằng một thanh gỗ chắn ngang, có thể bật lên bật xuống như cái cổng xe lửa. Cả hai người như bị say nắng, thờ ơ đưa mắt quan sát sinh hoạt của người tị nạn bên trong. Thật ra, họ gác cổng cho có lệ để ngừa “nội bất xuất, ngoại bất nhập”, chứ có ai dám vượt ra ngoài vì biết đường đâu mà đi, hơn nữa chẳng may lạng quạng vào mấy bụi rậm đập nhảm “mìn Việt Cộng” gài bẫy thì toi mạng.

Cảnh vật và người đều đắm chìm trong nóng cháy. Toàn

trại trở nên vắng vẻ thiếu hẳn sinh khí tựa như một cánh rừng hoang dã, toàn những cây gai góc, chung quanh là sa mạc cát.

Bỗng...

Ngoài đầu cổng một chiếc xe bus quân đội từ xa lù lù tiến tới. Anh Quân Cảnh, nãy giờ vẫn đi qua đi lại, rời cổng tiến đến ra dấu cho xe bus dừng lại. Anh xét giấy tờ của người tài xế, rồi ra dấu cho anh Quân Cảnh kia nâng cổng lên, ngoắc tay cho phép chiếc xe bus chạy vào trại.

Xe bus vừa qua khỏi cổng gác một đoạn ngắn thì có người trông thấy la lớn:

- Có người đến... Xe bus chở người mới đến, bà con ơi!

Cái tin xe bus chở người mới đến lan thật nhanh. Những người ở lều gần đó chạy nhào tới chiếc xe bus. Còn những lều ở xa xa thì có nhiều cái đầu ló ra xem chuyện gì. Khi biết được có người mới đến đàn ông, đàn bà, và trẻ con ù té chạy đến nhập vào đám người trước đang vây quanh chiếc xe bus. Nhiều cụ già lậtбет đặng sau thì vừa chạy vừa xuýt xao cầu khăn:

- Trời ơi! Không biết có thằng Năm đi trên đó không? Lạy trời, lạy Phật cho nó thoát được. Nam mô A Di Đà Phật... Nam mô A Di Đà Phật!

- Lạy Chúa tôi, lạy mẹ Maria... Thật đội ơn trên ban hồng phước cứu rỗi cho con gái nó đến được bên này!

Có bà van vái đến cả vong linh:

- Ba mày có sống không thác thiêng phù hộ cho vợ chồng thằng Út được bình an mà tìm cách qua đây!

Không lúc nào Chúa, Phật, hay vong linh được nhắc đến để xin cứu rỗi nhiều bằng lúc này! Thường khi thì cả năm chẳng thấy ai đến viếng chùa lễ Phật, bỏ ít tiền vào thùng phước đức giúp đỡ ban hộ trì có tiền mua nhang đèn, cúng Phật và hương khói vong linh, giờ trong hoàn cảnh này mới nhớ đến để kêu van, cứu rỗi... Nhưng không riêng người tị nạn, mà toàn dân

Việt Nam đã thống thiết kêu gào, ”Thương Đế hỡi có thấu cho Việt Nam này! Nhiều sóng gió, nhiều đau thương, giặc lan tràn...”

Chiếc xe bus chở người mới đến đã làm mọi người tỉnh ngủ, sinh khí bỗng trở lại, trại tị nạn trở nên vô cùng sống động.

Chiếc xe giờ đã đông nghẹt người vây quanh, như con đê nhúi bị đàn kiến tấn công làm thụt. Xe đành đứng yên không di chuyển đi đâu được cả. Anh tài xế cũng thông cảm chỉ biết nhún vai và ngồi chờ. Từ hai dãy cửa sổ, hàng chục cái đầu ló nhỏ chồm ra ngoài coi có ai là người quen. Phía dưới xe, mọi người cũng dáo dác nhìn trên xem có người thân nào mới đến. Những cánh tay ở dưới cổ vói bắt tay những người trên xe để chúc mừng là họ đã thoát được đến đây, tai qua nạn khỏi. Ai ai cũng nhìn quanh trong đám đông cố nhận diện coi có người nào mình quen biết không? Nhưng hầu hết đều thất vọng. Bất chợt một anh kêu to lên, mừng rỡ:

- Ê, Bình. Tao Dũng nè... đây nè!

Thanh niên tên Bình nghe kêu thì nhìn quanh kịp thấy bàn tay đang vẫy. Anh ta chạy đến và nhận ra Dũng, thằng bạn cùng phi đoàn ở Cần Thơ. Nhưng đám đông người ló nhỏ ở phía trước làm Bình phải vất vả và mỗi một mới chen được vào bắt tay Dũng. Nói lớn tiếng cho át tiếng ồn ào của mọi người, Dũng hỏi thăm:

- Mày đến đây bữa nào? Có đi chung với vợ con không?

- Không! Đêm 29, Việt Cộng pháo kích vào phi trường quá mạng, tao không dọt ra ngoài được. Đến hôm sau mới ké “xe ôm” của thằng lính an ninh phi trường, về đến nhà thì gia đình đã đi hết cả rồi, không biết bây giờ ở đâu. Tao chỉ biết cầu nguyện cho vợ con được an toàn. Còn mày?

- Cũng đang cu ki như mày thôi (mỉm cười). Tao bảo con vợ tao cứ ở yên đó, chờ tao tìm phi cơ về rước mẹ con nó ra Phú Quốc. Nhưng trước đó, nó cứ nằng nặc đòi đem con về bên

ngoại, nên khi tao về chắc mẹ con nó chờ hoài không được nên ra đi từ hồi nào rồi. Tao tìm cách về Lái Thiêu quê vợ, nhưng cũng không thấy ai cả.

Đám đông vẫn ồn ào. Thấy nói chuyện không được nên Dũng kết thúc câu chuyện với Bình:

- Thôi, có gì gặp lại sau. Bữa nào gặp lại tao sẽ kể chuyện ruồi bu của mấy thằng xếp lớn của mình cho mày nghe!

Chưa kịp bắt tay nói lời từ giã thì đám đông đã chen vào tạo “bức màn sắt” chia đôi hai bên.

Một ông cụ già ngược mắt lên phía trên, chậm rãi nói:

- Mấy ông bà đi từ đâu vậy? Đi bằng tàu Hải Quân ở thương cảng, hay trực thăng đưa tạm đến đảo, rồi tàu Mỹ mới đưa đến đây?

Một người từ đám đông trả lời thay thế:

- Từ Sài Gòn, bác ạ.

Hai thanh niên ngồi sát cửa sổ này giờ không thấy một người nào quen cả, dù người đó chỉ quen biết nhau có một lần trong một dịp gặp nhau ở đâu đó. Đang chán nản thì hai anh nghe ông cụ hỏi, anh này nhìn anh kia rồi tiều lâm nói đùa với bạn:

- Đầu tóc, râu ria mày lâu ngày không chải ngó lù xù quá, nên ông cụ hỏi mày đó. Chỉ có mày từ hoang đảo đến chứ còn ai nữa!

Ở phía sau, một thanh niên tay vịn thành cửa sổ, nhảy búng người lên vừa hỏi vừa la:

- Có anh nào là lính Biệt Động Quân? Cho em hỏi thăm một chút!

Một anh trên xe cú đầu, nhìn qua lỗ trống của đám đông, hướng về người vừa hỏi, hỏi lại:

- Anh muốn hỏi thăm ai vậy?

- Dạ, em muốn biết chú ruột của em là Thượng Sĩ Nghĩa, trước dạy trường Biệt Động Quân Rừng Núi Sinh Lầy Dục Mỹ. Anh có biết không, thưa anh?

- Thượng Sĩ Nghĩa... Tôi có biết lúc theo học Khóa 28 Rừng Núi Sinh Lầy. Sau này ra đơn vị tôi không gặp anh Nghĩa nữa. Tôi nghe nói anh về làm cận vệ ở Phủ Tổng Thống... Tôi không chắc lắm.

Sấn luôn thể, anh dướn người lên xe hỏi thêm:

- Tôi có mấy thằng bạn đi Biệt Động Quân. Không biết có cùng tiểu đoàn với anh không?

- Tôi thuộc Tiểu Đoàn 42 BDQ, người ta thường gọi “Cọp Ba Đầu Rắn”. Còn mấy ông bạn của anh ở tiểu đoàn nào?

Nghe cách nói chuyện của anh BDQ trên xe thì anh ở dưới biết anh là sĩ quan, xếp loại “ông thầy” của mấy thằng bạn mình, tụi nó là lính trơn, nên anh dưới xe lắng:

- Dạ, thôi cảm ơn ông anh nhe!

Có câu hỏi được trả lời, có khi không, nhưng không ai câu nệ mà hờn mát. Thật ra kẻ đến trước người đến sau, ai đã đến được đây là có phước lắm rồi. Số người tị nạn quá đông và đang còn “trộn châu” thì khó mà tìm gặp lại nhau được.

Có bà hỏi thăm bên này không thấy gì thêm, lại chạy qua bên kia hỏi tiếp. Hoạt cảnh y như đám trẻ bán mía ghim, thuốc lá hay món ăn thổ sản, mỗi lần có xe đồ tấp bến là chúng tranh nhau mời mua thật ồn ào, giành giựt và xô lấn nhau. Đám người tị nạn cũng muốn thế, tranh nhau cho được đứng gần xe bus để thấy rõ ở trên và dễ dàng hỏi thăm. Rồi những câu hỏi, những câu trả lời, những câu chào đón cứ ồn ào chung quanh xe, khó khăn lắm mới nghe nhau được vì cả hai bên xe đều ồn như: “giặc”.

Một người đàn bà với tay đưa cho bà cụ trên xe, ngồi gần đó, một trái cam vừa mang về từ nhà ăn, bà cụ mừng lắm và cảm ơn rồi rút. Lúc này một trái cam, một quả táo, hay một

miếng bánh ngọt đối với người mới đến thật là quý giá vô cùng. “Buồn ngủ mà gặp chiều manh” vì họ đang mệt mỏi và đói lắm rồi. Một người đàn ông đứng gần đó đang cầm trái táo thấy vậy cũng vội đưa cho đứa bé gái đang ngồi trong lòng mẹ gần cửa sổ. Đứa bé chụp ngay lấy đưa vào miệng cắn một ngoạm lớn, nhai nhóp nhép ngon lành. Chị thiếu phụ, mẹ đứa bé, mỉm cười gật đầu tỏ vẻ cảm ơn. Gã đàn ông thấy có chi là ơn nghĩa, nên đành lảng hải thăm xã giao:

- Chị đi với gia đình, hay chỉ có hai mẹ con?

- Tôi đi một mình, ông xã không về kịp. Anh ấy là trung úy Thiết Giáp đóng ở Đà Nẵng, mẹ con tôi thì ở Sài Gòn. Tôi thấy mọi người bỏ chạy hết, tôi cũng ẵm con chạy theo đám đông và cứ thế... (nhún vai) mà lọt qua tới bên này! Tôi cũng chưa biết đây là đâu nữa (mỉm cười)!

Chị thiếu phụ buồn buồn nói tiếp:

- Kê, tới đâu cũng được... từ từ rồi kiếm ảnh sau.

Gã đàn ông thông cảm nên phân trần:

- Tôi cũng như chị vậy, đã thất lạc vợ con. Tôi cũng không biết giờ mẹ con họ ở đâu?

Anh tài xế xe bus thấy đã lâu quá rồi mà cứ thế này thì sẽ trễ hết công chuyện, nên nói lớn:

- Everybody, get out of here... Go, go, let... me go!

Nói xong, anh ta nhóm xe tới trước, ý dọa mọi người tránh ra, nhưng dừng lại vì sợ có người đứng trước mũi xe. Đám đông tản ra, thấy xe dừng lại nên nhào vào hỏi thăm tiếp, như đàn ruồi bị hút dẫn thì bay tản ra thấy yên lại bu vào tấn công. Anh tài xế lại nhóm xe tới trước, lần này chạy thêm một đoạn xa hơn, thấy đủ an toàn nên anh ta nhấn thêm gas vọt xe trốn chạy. Bánh xe rít trên đường tung về sau cát bụi mịt mù, thêm khói xe thả ra đen ngịt che phủ mọi người. Đám đông tay che mắt, tay vẫy vẫy chào tạm biệt, nhưng lòng vẫn tiếc nuối vì chưa được hỏi cặn kẽ. Họ biết người đến sau thì “update”

hơn người đến trước, chắc họ biết tin tức mới nhất về Sài Gòn, nhưng biết họ ở lều nào mà đến hỏi thăm.

Tất cả tan hàng. Mọi người rầu rầu lặng lẽ trở về lều, ngồi chờ xe bus khác đến!

Vài ba thanh niên đứng nán lại, mời nhau điều thuốc làm quen, và trao đổi vài nguồn tin mới nhất vừa nghe được, điều bộ có vẻ “serious” lắm. Một trong số đó có cái radio nhỏ, anh mời mọi người cùng đến ngồi (ngồi chồm hồm như Việt Cộng rồi) nghe tin tức đài BBC. Khổ nỗi cái radio này lúc thì nghe rõ, lúc tiếng được, tiếng mất kêu rè rè. Họ cố chỉnh cho đúng băng tần, hoặc xoay hướng radio đến khi nào nghe rõ hơn. Nhưng cứ mỗi lần đài sắp loan tin quan trọng về một biến cố xảy ra ở Saigon, thì cái radio quỷ quái này lại trở chứng ré lên thật to, làm mọi người nhói cả tai.

Anh “chủ” cái radio chỉnh hoài không được nên nổi giận cứ muốn đập nát vứt nó đi cho rồi. Một người khác ngăn cản anh ta, cho rằng dẫu sao lúc này cái radio nhỏ đó vẫn là một “tài sản” quý giá vô cùng, không nên vất đi, uổng lắm! Anh ta lại ngó ngoai, bàn tán tiếp qua tin tức đã nghe được về tình hình Sài Gòn. Họ bàn đoán xem tình hình tới đâu, có sáng sủa hơn không, có tia hy vọng nào ló dạng ở cuối đường hầm?!! Thỉnh thoảng có người cho ra một tin tức “mới” sốt dẻo nếu nghe cũng có lý thì mọi người dễ dàng chấp nhận nguồn tin đó như là “nguồn tin chính thức” đáng tin cậy! Thật ra có ai biết chắc chắn đâu và ai kiểm chứng được là đúng hay sai.

Họ tranh nhau kể những câu chuyện đầy đau thương, đầy thảm kịch của đoạn đường chạy giặc của mình, hay của người khác mà chính họ mắt thấy tai nghe. Toàn là cảnh tượng thương tâm, đau xót, thâm thảm. Bao nhiêu người nằm chết dọc đường, chẳng khác nào con vật sinh thú bị vất ra ngoài. Hình ảnh một đứa bé chui rút, ngậm vú mẹ, trong khi cả người của người mẹ bê bết máu và đã chết từ lâu, thấy thật đau lòng, xót dạ. Chiến tranh chi mà tàn nhẫn thế và cuộc chiến nào trên trái

đất này cũng đều có máu đổ thịt rơi. Nhưng con người không bao giờ chịu ngừng chiến tranh, coi đó như là bản năng tự nhiên phải chiến đấu để sinh tồn.

Thông, tên người đàn ông khi nãy đưa cho đứa bé trái táo cũng tan hàng theo đám đông. Chàng thấy xót xa trong lòng, mang một nỗi buồn man mác. Không biết giờ này Tâm, vợ chàng và đứa con trai đầu lòng, tên Minh, ở đâu? Có được bình an không? Chàng đâm ra hối tiếc. Nếu biết tình thế như thế này chàng sẽ không để vợ con về Sài Gòn, mà giữ lại bên cạnh chàng, cùng chịu gian truân nguy hiểm mà lúc nào cũng “chồng đâu vợ đó”. Nhưng lúc đó, chàng suy nghĩ, sợ Tâm và con không chịu nổi sanh bệnh. Tâm thì cả đời chưa biết cực khổ, còn con thì nhỏ quá nên Thông lại quyết định cho giữ hai mẹ con ở Sài Gòn còn chàng thì trở lại đơn vị chiến đấu và hứa hẹn “mai anh sẽ về.”

Thông cứ mang cái mặc cảm là đã không lo tròn bổn phận cho vợ, cho con. Nhưng xét cho cùng thì Thông không nên nghĩ tệ cho mình như vậy, vì chàng đã làm tròn bổn phận của một người lính chiến, một cấp chỉ huy đã quyết định ở lại chiến đấu với anh em, đồng đội. Lương tâm không cho phép chàng bỏ rơi thuộc cấp, mà hèn nhát trốn chạy để đi tìm an toàn cho riêng mình. Họ là những người lính cần cù chịu đựng bao gian khổ, ngày đêm chiến đấu mà không hề than thở. Họ đặt tin tưởng vào cấp chỉ huy và tuân theo lệnh cấp trên một cách tuyệt đối ngoài chiến trường. Chỉ ít, họ lo từng cái “ấm no đói lạnh” cho đơn vị trưởng và kính phục gọi “xếp” của mình bằng hai chữ “ông thầy”. Chàng không thể phản bội họ được.

Đến ngày 30 tháng Tư, trong đơn vị của Thông đã có một số người bỏ đi trốn, còn những người ở lại thì ai nấy hoang mang, phân vân ngòai chờ lệnh “xếp” cho họ giải tán, hay tiếp tục chiến đấu. Thông nghĩ, nếu tiếp tục chiến đấu thì chỉ khổ thêm cho lính mà thôi. Họ đã quá gian khổ đừng bắt họ chịu đựng thêm nữa. Họ là những chiến sĩ vô danh, có chiến thắng

cũng không ai biết đến tên để vinh danh, hay khen thưởng. Đến lúc hy sinh vì Tổ Quốc, cũng không ai quan tâm đến để phủ cho quan tài của họ lá “cờ vàng ba sọc đỏ”, mặc dù Thông biết rằng nếu chuyện không may xảy ra, họ sẽ sung sướng ngậm cười dưới lòng đất lạnh khi đã được nằm dưới lá cờ vàng, lá cờ mà họ đã hy sinh xương máu để giữ gìn với hàng chữ “Tổ Quốc Ghi Ôn”. Còn tan hàng thì nhục nhả quá!

Nhưng... cuối cùng Dương Văn Minh đã ra lệnh kêu gọi tất cả quân nhân phải buông súng đầu hàng. Đến đây thì không còn gì để chọn lựa nữa. Thông cho gọi anh em tập hợp lại, ngậm ngùi nói vài lời và cho mọi người giải tán, mạnh đường ai nấy đi! Cả thầy trò đều nước mắt lưng tròng ôm nhau khóc mà không nói được nên lời. Họ chào nhau theo cung cách nhà binh, nói lời từ biệt ngậm ngùi cho lần chia tay đau buồn này. Biết đến bao giờ mới gặp lại nhau? Mỗi người tự chọn một con đường. Rồi họ lặng lẽ bước ra đi. Từ nay mãi mãi họ không còn là người lính chiến nữa. Thông đứng nhìn theo họ mà lòng se thắt. Tôi nghiệp quá! Cả đời hy sinh cho quốc gia để rồi giờ phút cuối cùng cũng không được gì hết.

Thông sau đó cũng đôn đáo tìm mọi cách để về Sài Gòn, nơi đây bây giờ quá hỗn loạn, người người tứ tán đạp lên nhau mà chạy.

Thông càng bị bí lối và đành chịu thua, chấp nhận thất lạc vợ con. Trước ngã ba đường, đi hay ở lại, cố tìm cho được vợ con? Chàng cuối cùng quyết định ra đi vì thời gian không cho phép nữa. Thông suy nghĩ, nếu ở lại và bị bắt thì chắc chắn sẽ bị trả thù, mạng sống của mình như cá nằm trên thớt, chỉ để lụy cho vợ con mà thôi. Chàng ra đi với tâm trạng một người lữ khách cô đơn! Nào biết sẽ phiêu dạt về đâu?

Nhưng rồi cứ cuốn theo dòng người. Con đường nào an toàn, người ta đi thì chàng cũng theo đó mà đi!

Cuối cùng chàng và số đông người được đưa đến Philippines. Họ được các hội thiện nguyện ra đón và giúp làm thủ tục nhập

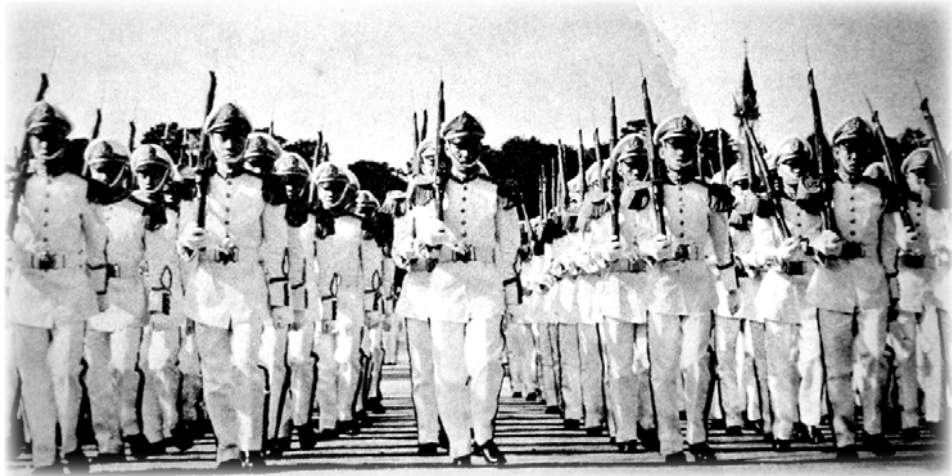
trại. Một đơn vị lính Mỹ, được bổ sung để giữ trật tự ở đây, có lệnh riêng cho những ai là quân nhân thì tách qua đường khác. Họ bị buộc phải cởi bỏ hết đồ nhà binh thay bằng quần áo dân sự mới được cho vào trại. Có lẽ giới chức ở đây muốn tránh kiêu binh của nhiều thứ lính, dễ sinh bẽ, sinh nhúm, dễ làm loạn. Thông được phát cho một áo Hawaii, bông hoa lòe loẹt, rộng thùng thình và chiếc quần “sọt” nỉ, mà sau này chàng mới biết là quần của những anh chơi baseball. Quần cũng rộng quá size nên phải kiểm dây cột chặt lại mới khỏi bị tuột, kéo lộ cái “quí giá” mà trời ban cho, và đã được căn dặn thật kỹ là “người đầu của đỏ”, đừng để người khác ăn cắp mất mà tiêu đời trai!!

Thông và nhóm người cùng đợt được thả xuống trước cái lều vải khá rộng và cho biết đây là nơi tạm trú. Thôi cũng được, thế là tốt quá rồi. Phải an cư mới lập nghiệp, nên mọi người “hoan hỉ” chấp nhận. Thế là ngày lại ngày, Thông sốt ruột trông ngóng tìm vợ con, chờ từng chiếc xe bus chở người mới đến, với đầy hy vọng sẽ gặp lại mẹ con Tâm. Nhưng nhiều chuyến xe bus đã đến mà cả hai mẹ con vẫn biệt vô tông tích. Rồi những lần sau nữa, khi xe bus đến chàng cũng theo đoàn người kéo đến, nhưng niềm hy vọng đã giảm đi. Chỉ nhìn lướt qua không thấy bóng dáng Tâm và Minh là chàng thở dài, rồi bỏ đi. Cứ càng hy vọng bao nhiêu thì sự thật càng phũ phàng bấy nhiêu.

Niềm hy vọng cứ lụi tàn theo số lần xe bus chở người đến. Đã hơn tháng rồi, người tị nạn đến trại cũng khá đông mà chàng không thấy Tâm và Minh đâu cả. Bây giờ thì chàng không còn háo hức hy vọng nữa, vì nếu mẹ con nàng đã đi được thì đã đến đây rồi.

(Tiếp theo)

Trích trong: “TÔI CÒN NHỚ MÃI” của Võ Minh Hòa”.



HIỂU BIẾT NGẮN GỌN VỀ TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

Đặng Đình Liêu, K19

(Tiếp theo)

A. HUY HIỆU TVBQGVN:

Do cựu Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận vẽ ra trong thời còn SVSQ. Qua nhiều thay đổi, huy hiệu đã chính thức được chấp thuận là hình in trên vải và được may dính liền với cánh tay áo trái, cách đường may nối cánh tay và thân áo khoảng 5cm.

B. PHÙ HIỆU TVBQGVN:

Phù hiệu với dòng chữ “Tự Thắng Để Chi Huy” do Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đề ra trong thời ông làm Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN. Từ Khóa 12 SVSQ, phù hiệu này được phép dùng và được gắn trên mũ casquette. Trước khi làm chỉ huy trưởng, Trung Tá Thiệu có thời gian thăm viếng Trường Võ Bị West Point của Hoa kỳ. Đến khi làm Chỉ Huy Trưởng, ông đã tu chỉnh hệ thống quân kỳ và hiệu kỳ. Ông cho thay đổi bộ quân phục đại lễ của SVSQ.

Trước Khóa 17, đại lễ đều là màu trắng. Từ buổi lễ tốt nghiệp Khóa 18 cho đến Khóa 22A, quần màu trắng được thay bằng quần màu đen có nẹp đỏ 2 bên ống quần.

Từ Khóa 22B trở đi, bộ đại lễ có quần màu xám nẹp đỏ 2 bên ống quần, áo màu trắng ngắn đến thắt lưng có 6 dây đồ ngang áo, hơi giống quân phục của Trường Võ bị West Point, Hoa Kỳ

C. HUẤN LUYỆN:

Chương trình huấn luyện được chia làm hai:

1. **MÙA QUÂN SỰ** (kéo dài khoảng 3 tháng: từ tháng 12 đến tháng 3): Chương trình huấn luyện bao gồm các môn căn bản:

a. Mùa Tân Khóa Sinh thuộc năm thứ nhất: trang bị kiến thức cá nhân của một tân binh, như: tháo ráp súng, xử dụng địa bàn, cơ bản thao diễn (đi đều bước), cách sử dụng súng cá nhân. Sau đó, là chiến thuật cấp tiểu đội, địa hình, mìn bẫy.

b. Năm thứ hai: Huấn luyện chiến thuật cấp trung đội, địa hình, địa bàn, cách xử dụng vũ khí cộng đồng (đại liên, súng không dật 57 ly) cách điều chỉnh pháo binh (105 ly và 155 ly), xử dụng mìn... v...v...

c. Năm thứ ba: tiếp tục học chiến thuật cấp trung đội, một số bài thuộc cấp đại đội.

d. Năm thứ tư: Huấn luyện Tân Khóa Sinh và học Nhảy Dù tại Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù Hoàng Hoa Thám, Saigon, hoặc Rừng Núi Sinh Lầy tại Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ, Nha Trang.

* Dù thời gian học của các khóa có khác nhau: 2 năm, 3 năm, hoặc 4 năm, chương trình huấn luyện về quân sự cũng không thay đổi nhiều. Đối với khóa 2 năm, hoặc 3 năm, SVSQ sẽ được huấn luyện gấp rút hơn, cho kịp chương trình.

* Ngoài việc huấn luyện quân sự vào Mùa Quân Sự, các sinh viên sĩ quan còn được huấn luyện xen kẽ trong Mùa Văn

Hóa về nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy, một kiến thức quan trọng cho các SVSQ sẽ giữ nhiệm vụ chỉ huy trong quân đội sau này. Với kiến thức về lãnh đạo chỉ huy, các sĩ quan tốt nghiệp từ trường VB có thể thực hiện tốt vai trò của mình và có nhiều cơ hội thăng tiến trong quân đội.

* Ngoài chương trình quân sự được chính thức áp dụng, các SVSQ còn được gửi đến các đơn vị để quan sát và thực tập.

* Các khóa 3 tháng của SVSQ Võ Bị chọn Hải Quân chú trọng các môn Hải Nghiệp, như Vận Chuyển, Hành Hải lý thuyết và thực-hành.

2. MÙA VĂN HÓA: từ tháng 3 đến tháng 11. Chương trình thay đổi tùy theo trình độ của SVSQ.

a. Đối với các khóa chưa có Tú Tài 2, chương trình giảng dạy là năm cuối bậc trung học

b. Đối với các khóa có bằng Tú tài 1 & 2 chương trình huấn luyện bậc cao đẳng, đại học.

c. Đối với các khóa 4 năm, SVSQ học giống như các đại học dân sự bên ngoài dân chính, với 2 năm đầu theo chương trình cao đẳng, 2 năm sau đi vào chuyên môn đại học, trong đó đặc biệt thiên về kỹ thuật xây dựng.

D. VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:

Các SVSQ khi tốt nghiệp sẽ được cấp Văn Bằng Tốt Nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Tùy theo khóa và tùy theo chương trình học, văn bằng có giá trị khác nhau đối với các trường đại học dân chính. Khóa 16, bằng tốt nghiệp của sĩ quan ra trường tương đương với chương trình cao đẳng dân chính. Với khóa 4 năm, từ Khóa 22B đến Khóa 25, văn bằng này tương đương với văn bằng kỹ sư của các trường cao đẳng dân chính. Khóa 26 và 27 đã nhận văn bằng Cử Nhân Khoa Học Ứng Dụng.

Với cấp bậc thiếu úy hiện dịch, các sĩ quan thuộc Lục Quân sẵn sàng nhận chức vụ trung đội trưởng tác chiến thuộc các

đơn vị Bộ Binh. Tuy nhiên, họ dễ dàng được giao các chức vụ cao hơn như đại đội phó, đại đội trưởng, khi học hỏi được thêm các kinh nghiệm chiến trường sau một thời gian ngắn.

Đối với các tân sĩ quan tốt nghiệp chọn ngành chuyên môn, như Pháo Binh, Công Binh, Thiết Giáp,... họ sẽ được gửi đi học chuyên môn sau đó, từ 6 tháng đến một năm.

Thời gian học chuyên môn của các sĩ quan chọn Không Quân và Hải Quân sẽ ngắn hơn nhiều vì họ đã được học ngay khi còn là SVSQ của trường Võ Bị.

E. LIÊN (TRUNG) ĐOÀN SINH VIÊN SĨ QUAN:

Liên Đoàn SVSQ bao gồm 2 Tiểu Đoàn SVSQ. Tiểu Đoàn 1 có các Đại Đội A, B, C, D. Tiểu Đoàn 2 có các Đại Đội E, F, G, H. Từ 1969, Liên Đoàn SVSQ được nâng lên thành Trung Đoàn SVSQ với 8 đại đội SVSQ như trên. Từ 1972 trở đi, Trung Đoàn có thêm 2 đại đội J và K, dành cho SVSQ năm thứ 3 và 4 theo học Hải Quân và Không Quân.

* Hệ thống sĩ quan cán bộ có nhiệm vụ chỉ huy, hướng dẫn, huấn luyện, điều hành sinh hoạt của SVSQ, bắt đầu từ cấp trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng, đến cấp đại đội trưởng.

* Phụ giúp các sĩ quan cán bộ cũng như học tập kỹ năng chỉ huy, Hệ Thống Tự Chỉ Huy do SVSQ được thành lập song song với Hệ Thống Sĩ Quan Cán Bộ. Hệ Thống Tự Chỉ Huy có nhiệm vụ điều hành mọi sinh hoạt của SVSQ, từ cấp liên (trung) đoàn SVSQ, tiểu đoàn, đại đội, trung đội, và tiểu đội. Tùy thuộc vào chức vụ, họ được gọi là SVSQ Cán Bộ.

* Cấp liên (trung) đoàn có: SVSQ Cán Bộ Liên (Trung) Đoàn Trưởng, Liên (Trung) Đoàn Phó, và các Ban Tham Mưu: Ban 1 lo về báo cáo quân số; Ban 3 chịu trách nhiệm ứng chiến, phòng thủ, tổ chức học tập; Ban 4 lo tiếp liệu cho SVSQ; Ban 5 lo phần văn nghệ, phát thanh.

* Cấp tiểu đoàn: SVSQ Cán Bộ Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Phó và 4 Ban như cấp liên (trung) đoàn SVSQ, nhưng

với quy mô cấp tiểu đoàn.

* Cấp đại đội: SVSQ Cán Bộ Đại Đội Trưởng, Đại Đội Phó và Ban 4, phụ trách tiếp liệu (câu lạc bộ, văn khang, súng đạn)

* Cấp trung đội: SVSQ Cán Bộ Trung Đội Trưởng, Trung Đội Phó.

* Cấp tiểu đội: SVSQ Cán Bộ Tiểu Đội Trưởng, Tiểu Đội Phó.

Hệ Thống Tự Chỉ Huy được giao cho các SVSQ thuộc khóa lớn nhất (sắp tốt nghiệp) phụ trách.

4. THỜI GIAN THỤ HUẤN:

Thay đổi theo hoàn cảnh và tình hình quân sự.

Từ Khóa 1 đến Khóa 11: từ 7 tháng 9 tháng.

Khóa 12: 14 tháng + 9 tháng tại Fort Benning Georgia Hoa Kỳ

Khóa 13: 2 năm + 9 tháng tại Fort Benning Georgia Hoa kỳ

Khóa 14, K15, K16: Trên 3 năm.

Khóa 17: 2 năm rưỡi.

Khóa 18 đến Khóa 22A: 2 năm.

Khóa 22B đến Khóa 27: 4 năm

Khóa 28: 3½ năm

Khóa 29: 2 ½ năm

* Do tình hình chiến sự hai khóa 28 và K29 ra trường sớm vào ngày 21/04/1975.

F. SÁCH LƯU NIỆM:

Sách Lưu niệm có từ Khóa 16. Sách trình bày hình ảnh của CSVSQ, cùng hình ảnh cá nhân cũng như những cảm nghĩ của SVSQ.

Riêng Khóa 19 không có sách Lưu Niệm. Tại hải ngoại Khóa 19 thực hiện lại cuốn Lưu Niệm nhưng không thể nào đầy đủ như thời còn thụ huấn.

Cuốn Lưu Niệm của K18 in tại hải ngoại có đầy đủ hình

ảnh cá nhân của từng SVSQ,

G. NHÃN LƯU NIỆM:

Để kỷ niệm thời gian thụ huấn tại trường VB, các khóa trẻ về sau thường thực hiện các nhãn lưu niệm. Nhãn làm bằng vàng 14 karat có gắn đá sapphire trong suốt trên mặt. Màu sắc do các khóa lựa chọn. Kể từ Khóa 25 về sau, trường có tổ chức lễ trao nhãn, do thân nhân trao cho SVSQ.

Riêng Khóa K19 có nhãn lưu niệm làm bằng bạc và không có đá sapphire, thay vào đó nhãn khắc huy hiệu của trường.

F. KHÓA HỌC “RỪNG NÚI SINH LẦY”

Từ Khóa 16 đến Khóa 22A, Khóa 26 đến Khóa 27, SVSQ phải theo học Rừng Núi Sinh Lầy tại Trung Tâm Huấn Luyện BĐQ Dục Mỹ. Thời gian huấn luyện của 3 Khóa 16 đến Khóa 18 chỉ có 5 tuần, hoặc ít hơn, trong khi Khóa 26 chỉ học 4 tuần. Vì thế khi các SQ tốt nghiệp thuộc các khóa trên chọn binh chủng BĐQ phải đi học lại Rừng Núi Sinh Lầy. Các Khóa 19 đến 22A học đủ 6 tuần.

Khóa 20, 27 sau khi tốt nghiệp, cả khóa mới đi học tại Dục Mỹ.

Tai nạn trong khi huấn luyện là điều không thể tránh. Khóa 19 đã bị chết 6 SVSQ và khoảng 6 người khác bị thương do đi lạc vào bãi mìn. Thời tiết khắc nghiệt nơi đây cũng đã cướp đi sinh mạng của vài SVSQ Khóa 22A vì sốt rét ác tính, sau khi trở lại trường Võ Bị.

G. KHÓA HỌC NHẢY DÙ:

Kể từ Khóa 22B đến Khóa 29, các SVSQ đã theo học khóa huấn luyện nhảy dù tại Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù nằm trong trại Hoàng Hoa Thám.

Thời gian huấn luyện là 21 ngày, cùng 5 lần nhảy dù thực tập cuối khóa. Các SVSQ nhảy lần cuối cùng tại Đà Lạt vào ngày Chủ Nhật. Trước năm 1968, các khóa sinh học nhảy dù tại trại Hoàng Hoa Thám phải thực tập đủ 6 suất (lần nhảy) kể

cả suốt đêm mới được cấp chứng chỉ tốt nghiệp. Sau này vì tình hình an ninh nên suốt đêm bị hủy bỏ.

H. TVBQGVN DI TẢN VỀ TRƯỜNG BỘ BINH LONG THÀNH:

1. Sáng ngày 31/03/1975 TVBQGVN bắt đầu cuộc di tản. sau khi những công trình quan trọng đều được phá hủy.

2. Lộ trình di tản qua đèo Ngoạn Mục, Chi Khu Sông Pha, Phan Thiết, Bình Tuy. Toàn thể quân nhân các cấp của Trường Võ Bị và Trung Đoàn SVSQ, gồm 4 khóa 28, 29, 30, 31 về tới Bình Tuy ngày 03/04/1975.

Sáng ngày 04/04/1975, các SVSQ được không vận về Trường Bộ Binh Long Thành. Trung Đoàn SVSQ trong cuộc di tản của TVBQGVN được đánh giá là một đơn vị có kỷ luật.

I. LỄ TỐT NGHIỆP KHÓA 28 & 29:

Tình hình chiến sự ngày càng tồi tệ, địch quân đã tới Long Khánh và gặp sức kháng cự mãnh liệt của SĐ18 BB tại đây. Trước tình hình này Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH quyết định cho 2 Khóa 28 & Khóa 29 ra trường ngày 21/04/1975, 9 ngày trước khi chế độ miền Nam bị sụp đổ.

Lễ Mãn khóa được tổ chức tại Vũ Đình Trường của Trường Bộ Binh Long Thành dưới sự chủ tọa của Trung tướng Nguyễn Bảo Trị. Đây là lần đầu tiên Lễ Mãn khóa không được tổ chức theo truyền thống của TVBQGVN. Các SVSQ tốt nghiệp mặc quân phục tác chiến đi dự lễ, sẵn sàng lên đường phục vụ tại các Sư Đoàn BB, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân. Không Quân và Hải Quân không chọn tân sĩ quan.

Khóa 28 có 255 tân sĩ quan, thủ khoa là Thiếu Úy Hồ Thanh Sơn. Khóa được đặt tên Cố Đại Tá Nguyễn Đình Bảo (K14), Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 11 ND. Ông đã tử trận tại căn cứ Charlie, Kontum khi Tiểu Đoàn hành quân tại đây. Cảm động trước sự hy sinh cao cả của ông, nhạc sĩ Trần thiện Thanh đã sáng tác bài hát “Người ở lại Charlie“, để vinh danh ông.

Khóa 29, có 291 tân sĩ quan, được đặt tên Trung Tá Hoàng Lê Cường (K16), Quận Trưởng Quận Hoài Nhơn - Bình Định. Cố Trung Tá Cường đã anh dũng hy sinh khi đang chống trả với địch quân thuộc Trung Đoàn 21/ Sư Đoàn 3 Sao Vàng của Cộng Sản. Thủ khoa là Thiếu Úy Đào Công Hương.

Ngày 23/04/1975, Khóa 30 & 31 đã cùng di chuyển về Huân Khu Thủ Đức với Trường Bộ Binh Thủ Đức.

Sáng ngày 30/04/1975, vì lệnh đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh, hai Khóa 30 và 31 tự tan hàng.

Lịch sử TVBQGVN chấm dứt từ đây sau 27 năm liên tục đào tạo các sĩ quan hiện dịch ưu tú cho QLVNCH.

Chú Thích:

Khóa 17 SVSQ đang diễn hành (hình đầu bài)

Tài liệu tham khảo:

- *Lược sử QLVNCH của các tác giả Trần Ngọc Thống, Lê Đình Thụy, Hồ Đắc Huân.*

- Kỷ yếu của các khóa 10, 12, 13, 14, 17, 18, 19.

SVSQ Khóa 10 - Trần Bình Trọng



Lặng Lẽ Bên Đời

Song Vũ, K17

Một

Trời lất phất mưa, cuộc giao tranh như dừng lại chờ đợi, thăm dò. Vùng mục tiêu phi pháo đã tả tơi nhưng hình như trong những hầm trú ẩn chữ A, đơn vị Cộng Sản vẫn cố cầm cự chờ đêm tối để thoát thân. Ngoài đồng trống, nước ruộng ngập tới mắt cá chân, có nơi gần tới gối. Không khí ngột ngạt chờ đợi.

Đại Úy Trí, Tiểu Đoàn Trưởng, kêu máy muốn gặp tôi cùng Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 tại vị trí ông đang đứng, cách tôi chừng hơn hai trăm thước. Tôi lội bộ, ì ọp. Bộ đồ trận ướt sũng nước phèn ngứa ngáy khó chịu. Khi tới nơi tôi đã thấy Trung Úy Trương văn Ba, Đại Đội Trưởng Đại Đội 2, cùng Võ Thừa Tự cùng khóa với tôi - Sĩ Quan Hành Quân của Tiểu Đoàn đang ngồi bên bờ một hàng cây so đũa. Đại úy Trí nói chậm rãi:

- Theo lệnh của Sư Đoàn, chúng ta bất kỳ giá nào phải vào mục tiêu chiều nay; không để cho chúng cứ cầm cự rồi chờ đêm tối là chạy thoát. Có một thay đổi nhỏ, Đại Đội 3 của Trung Úy Giàu sẽ lên thay thế vị trí của Sơn. Trung Đội Trinh Sát Tiểu Đoàn sẽ được



tăng cường cho Đại Đội 1 trong cuộc xung phong này. Các cậu có đề nghị gì thêm không?

Tôi lên tiếng,

- Trung Đội 1 của Thành đã bám vào sát bìa làng, tôi sẽ đưa Trung Đội Trinh Sát tăng cường vào mũi tấn công này. Ngoài ra tôi đề nghị trước khi đơn vị tiến vào mục tiêu, tiểu đoàn hãy tăng cường thêm hỏa lực Pháo Binh bắn kè theo cả hai bờ kinh, dọc theo con kinh chừng hai đợt. Sau đợt đầu, khi dứt tiếng pháo đợt hai đồng thời sẽ là lệnh xung phong.

Đại Úy Trí gật gù đồng ý. Riêng Trung Úy Giàu đề nghị cho đại đội tiến lên thay thế vị trí của Đại Đội 3 cùng lúc với Pháo Binh nã đạn vào ven kinh, vì từ vị trí hiện thời Đại Đội 3 cũng còn cách bìa làng tới cả trăm thước. Ngoài ra Giàu cũng đề nghị Pháo Binh bắn chiếu sáng trong suốt thời gian đơn vị tấn công. Tất cả chúng tôi đều có kế hoạch riêng của đơn vị mình khi thi hành nhiệm vụ.

Khi tôi về tới vị trí đại đội, Pháo Binh cũng bắt đầu điều chỉnh vào mục tiêu. Các quả đạn 105 được điều chỉnh lệch qua phía phải mục tiêu để tránh những trái đạn lạc bay vào quân bạn. Viên sĩ quan tiền sát viên pháo binh là Thiếu Úy Hoa, một sĩ quan nhiều kinh nghiệm. Từng trái đạn lồng khung mục tiêu, sau khi xác định với mong muốn của chúng tôi thì ngưng lại chuẩn bị bắn hiệu quả.

Tôi nhìn đồng hồ, 7 giờ thiếu 5. Tiếng Đại Úy Trí hỏi chúng tôi đã sẵn sàng chưa, lần lượt được trả lời.

Pháo Binh làm việc. Những quả đạn nổ chát chúa, bay vèo vèo qua đầu lúc xa lúc gần. Tôi nghe tiếng Thành báo cáo:

- Báo cáo thẩm quyền tụi “vịt con” (VC) hình như đang chuẩn bị chém về (rút chạy)!

Tôi tin cho Thành biết:

- Chú mày yên chí, “Diễn theo đúng tuồng tích đã tập.”

- OK, thẩm quyền.

Đợt đạn Pháo Binh tạm ngưng trong vòng 10 phút chờ đợi. Trời mưa nặng hạt hơn một chút như thể làm cho chiến trường có không khí thâm lương hơn.

Đợt đạn Pháo Binh thứ hai mở màn, vẫn giữ nguyên nhịp độ dồn dập của nó. Tôi báo cho hai trung đội của Thành và trung đội Trinh Sát của Ngôn chuẩn bị. Tiếng pháo ngưng cũng là lúc trái hỏa châu đầu tiên nổ trên mục tiêu. Tất cả hai đại đội của tôi và Giàu đều mở hỏa lực tiến vào mục tiêu. Trong màn đêm, những viên đạn lửa xẹt vẽ thành những đường thẳng sáng lấp lánh. Và điều thú vị, những ổ kháng cự của địch khi chúng bắn trả được phoi ra để chúng tôi tập trung hỏa lực cá nhân tiêu diệt. Địch hoàn toàn bất ngờ, hoảng loạn, vỡ trận. Tiếng lựu đạn nổ ầm ỉ của chúng tôi ném vào các ổ súng của địch. Không có cảnh tượng nào bi hùng hơn trong những giờ phút như thế này. Hình ảnh bi hùng ấy sẽ còn đeo đuổi tôi mãi cho tới về sau mỗi khi ngồi nhớ lại.

Trời hừng sáng, cả đơn vị chúng tôi tràn ngập mục tiêu. Có điều kỳ lạ là tổn thất trong cuộc đánh đêm hôm ấy còn thấp hơn cả suốt ngày chúng tôi chạm địch. Thì ra trong chiến tranh yếu tố bất ngờ luôn là yếu tố quyết định. Cái bất ngờ lớn nhất của trận đánh này chính là trận đánh ban đêm, lần đầu cho một đơn vị bộ binh của sư đoàn trong thời gian Chuẩn Tướng Nguyễn Viết Thanh làm tư lệnh.

Chiều hôm ấy, hai Tiểu Đoàn 1 và 2 của Trung Đoàn 11 sau khi tàn thương và thanh toán xong chiến trường được lệnh rút ra đường rồi trở về Cai Lậy nghỉ dưỡng quân. Tiểu Đoàn 3/11 cùng Tiểu Đoàn 32 BĐQ tiếp tục cuộc truy kích địch về hướng Bắc, Đông Bắc, khi phi cơ quan sát phát giác có dấu vết địch di chuyển.

Một buổi lễ gắn huy chương được tổ chức vào tuần lễ sau đó ngay tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 7 tại Mỹ Tho.

Hai

Khi Thành nhắc lại trận đánh hôm ấy trong bữa tiệc tất

niên, anh Long bỗng nhiên đặt câu hỏi:

- “*Trong chiến tranh có bao giờ các cậu thấy mình sợ chết không?*”

Lộc là người trả lời đầu tiên:

- Có chứ anh, em nhớ hồi mới ra trường, trong cuộc hành quân đầu tiên ở Mỏ Cây Bền Tre, tiểu đoàn em đụng với Tiểu Đoàn 516. Nói thực với các anh với một chuẩn úy tò te mới ra trường chưa đầy tháng như em, lần đầu tiên nghe súng nổ đạn bay vèo vèo trên đầu rồi thấy kẻ chết, người bị thương, em quíu cả tay chân nói năng lập bập khiến thằng đệ tử mang máy phải trả lời dùm lệnh của đại đội trưởng...! Nhưng được cái tình trạng này không kéo dài, chừng hai ba tiếng sau là em lấy lại bình tĩnh. Từ đó trở đi em dạn lên dần. Em nghiệm ra một điều, sống chết là có số mạng anh ạ. Ai không tin thì em chịu nhưng riêng bản thân em, đi lính tác chiến xông pha trận mạc gần 4 năm mà em không hề thương tích gì mặc dù đụng trận cũng cả vài chục lần. Trong lúc cùng lứa với em ba chục đứa về cùng sư đoàn thì rụng hết 4, bị thương giải ngũ hết 3. Từ lúc em nhận ra điều ấy cũng là lúc em thấy an tâm hơn không còn sợ chết nữa anh ạ.

Lộc tiếp lời:

- Trong chiến tranh sống chết là lẽ thường, súng đạn vô tình chẳng ai tránh được. Thực tình, em cứ mỗi lần về phép nhìn mẹ em rầu rĩ u buồn là những lúc em thấy sợ chết nhất. Nhưng khi súng nổ lên rồi, nhìn đồng đội gục ngã, người lính trong em hoàn toàn làm chủ. Mình không giết địch, địch sẽ giết mình. Mình không tinh ranh hơn địch, địch sẽ thịt mình không nương tay. Bản năng sinh tồn sống dậy. Ở thời khắc ấy nhận thức về cái chết hay sống không hề xảy ra. Nói cho thực tình, trong lúc dầu sôi lửa bỏng, đâu có thời giờ để nghĩ tới sống hay chết phải không anh? Thành ra, theo em nghĩ, người lính chỉ sợ chết sau khi trận chiến kết thúc hoặc khi trận đánh chưa mở màn. Còn ngược lại, theo em thấy sợ chết trong lúc

giao tranh thì... chết chắc! Bởi vì sự sợ hãi làm con người kém minh mẫn trong quyết định và thường chọn sai giải pháp ứng phó.

Còn tôi thì có vẻ ba phải hơn, tôi đồng ý với cả hai Thành và Lộc. Tôi hoàn toàn tin vào sống chết có số. Khi thần chết đi tìm địa chỉ của bạn để đưa thư mời thì bạn không thể trốn đi đâu được. Còn nếu Nam Tào, Bắc Đẩu chưa ngó tới danh sách, bạn cứ ung dung tự tại mà sống. Có điều này, tôi nghĩ, sống hay chết thực ra không quan trọng bằng cái cảnh mập mờ sống không ra sống, chết không ra chết. Đó mới là điều đáng suy nghĩ thôi. Sống nhờ vào mọi máy móc công cụ y tế, một đời sống thực vật, cái sống đó có gì đáng mơ ước? Kết luận là, sống hay chết thực ra không quan trọng bằng sống trong nhận thức rõ ràng mình đang sống. Còn khi vật vờ lay lắt chẳng biết mình đang sống hay đã chết thì cách hay nhất là nên chết đi cho khỏe cho bản thân và tất cả mọi người quen biết.

Anh Long im lặng hồi lâu mới lên tiếng:

- Sở dĩ tôi đặt câu hỏi này với các bạn vì thời gian gần đây; lại thêm một năm tha hương kéo tới, cùng lúc với sức khỏe của anh em mình ngày càng tệ hại hơn. Nói cho thực tình, chúng mình vẫn tin rằng dù cho có trải qua bao sóng gió, nổi trôi, cái quy luật lịch sử chính thắng tà là không thay đổi. Là đại diện của quý quái ranh ma, Cộng Sản với mọi âm mưu thủ đoạn, vì quyền lợi của bản thân, coi đất nước nhẹ hơn ngôi nhà chúng ở, dân tộc nhẹ hơn con cái trong nhà, chấp nhận làm tôi đòi cho kẻ thù truyền kiếp của dân tộc để cầu vinh khiến cho nước ngày càng trôi dần vào nanh vuốt của tàu. Nhân tâm ly tán tứ phương ở đợ, làm thuê mà sống. Thời gian chẳng còn bao lâu nữa chúng ta sẽ mất nước thực thụ. Dân tộc giống nòi chúng ta tiêu vong.

Nhìn quanh, chúng ta thực sự chẳng thấy một hy vọng nào trong đời mình nhìn về một quê hương phục sinh, một đất nước có tên là Việt Nam tiếp tục tồn tại. Cái chết đến với anh

em chúng ta giờ đây trở thành một nỗi thất vọng cay đắng đáng buồn. Khi bỏ nước ra đi, biết bao anh em chúng ta không thầm mong một ngày trở lại sống trên chính quê hương mình trong độc lập và tự do, hạnh phúc? Xem ra ước nguyện ấy không thành rồi. Còn tôi sở dĩ đặt câu hỏi vớ vẩn này với các cậu vì một điều làm tôi suy nghĩ bút rứt hơn tháng nay. Tuổi già sông sộc kéo tới, mỗi năm lại thấy mình yếu hơn nhiều, thậm chí sức khỏe xuống nhanh hơn so với năm trước đó. Điều đó làm cho mình dằn vặt về nhiều vấn đề. Trước đây khi



còn trẻ, vào sinh ra tử, mình cũng như các cậu, chẳng bao giờ màng tới chuyện sống chết vì tin vào số mệnh cũng có mà phần mình nghĩ chuyện đó quá hiển nhiên, con người sinh ra rồi phải chết. Bây giờ sự sống chết làm cho mình nhiều đêm trằn trọc là vì thế này:

Biệt Động Quân 1960

Chúng ta cầm súng chiến đấu hăng say phụng sự đất nước. Kết cục bi thảm khiến cho một nửa đất nước rơi vào tay Cộng Sản. Rồi tù đầy, hành hạ, bạc đãi chẳng thiếu món gì chúng ta không nếm trải. Giờ đây nơi hải ngoại này, chúng ta lại tiếp tục chứng kiến cảnh phân chia, kèn cựa, ganh tỵ giữa những người từng là nạn nhân của Cộng Sản với nhau. Dĩ nhiên chúng ta không phủ nhận có những thế lực đen tối đang muốn diễn tuồng làm suy yếu lực lượng đối kháng với chúng. Thêm vào đó là dã tâm xé nát cộng đồng tỵ nạn người Việt ở hải ngoại luôn là mục tiêu ưu tiên của bàn tay ma quỷ của

Câu hỏi của mình là: *“Tại sao chúng ta không thể đoàn kết tạo nên sức mạnh để đối kháng với Việt Cộng, khi chúng ta đã có quá thừa kinh nghiệm về chúng và chúng ta đã từng coi ngay cả mạng sống của mình nhẹ hơn so với trách nhiệm với dân tộc đất nước?”*

Công danh phú quý phù du là điều chúng ta thấm thía hơn ai hết sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Có còn lại trong đời mình điều gì quý báu hơn là trước khi nhắm mắt, chúng ta không hổ thẹn với dĩ vãng hào hùng một thời, lương tâm bằng an khi nghĩ tới những bạn bè đồng đội của mình đã nằm xuống trong chiến tranh? Một chút danh ảo hão huyền lúc cuối đời quan trọng đến thế sao mà cứ phải tranh giành, hục hặc? Tại sao không nghĩ rằng vai trò của thế hệ chúng ta đã đóng trọn rồi; giờ đây là những thế hệ tiếp nối? Chừng hai chục năm nữa thôi, những người khoác áo lính cuối cùng sẽ không còn tồn tại nữa. Tại sao chúng ta không nêu tấm gương sáng trong đoàn kết yêu thương để con cháu chúng ta dần bước tiếp nối?

Rồi không đợi chúng tôi có ý kiến, anh tiếp tục:

- Phải chăng dân tộc chúng ta đang đi vào vòng diệt vong? Thái độ hèn hạ bạc nhược của đảng Cộng Sản Việt Nam, cộng thêm thái độ thờ ơ của dân chúng hiện nay trong nước, và sự phân hóa của người Việt hải ngoại là yếu tố cần và đủ để dân tộc ta tiêu vong. Thành ra những hy sinh xương máu của bao nhiêu người con dân Việt yêu nước trở thành bùn đất hay sao? Đó là điều khiến cho tôi suy nghĩ về lẽ sống chết của mình trước đây khi còn trong quân ngũ. Cái chết trước đây là cái chết mang nặng ý nghĩa trách vụ công dân với đất nước, còn cái chết giờ phút này là cái chết của một người bó tay đứng nhìn trong tuyệt vọng trước sự tồn vong của đất nước. Vì thế, nó có vẻ rất đáng sợ.

Nghe giọng anh nói trong cảm xúc đậm đặc khiến cho cả đám anh em chúng tôi bồi hồi im lặng lắng nghe. *Không khi*

trong căn phòng êm ả lắng đọng, nó gọi lại trong tôi không khí trên chiến trường trước khi cuộc chém giết chấm dứt, hay bắt đầu. Trước thời khắc xung phong cũng thường có những giây phút im lặng nặng nề như thế này.

Ba

Mồng bốn Tết chúng tôi kéo đến nhà thăm và chúc tết gia đình anh. Vừa nhác thấy chúng tôi, anh chị tươi cười mời chúng tôi vào nhà. Như thường lệ, vì tôi lớn tuổi sau anh nên luôn là đại diện của nhóm để chào hỏi và chúc tết anh chị. Anh cũng chúc lại từng người và kéo chúng tôi ngồi lại chung quanh chiếc bàn kê giữa nhà. Nhìn mái tóc anh bạc phơ, nét tinh anh quắc thước của anh ngày nào phai mờ theo trí nhớ của tôi vì từng quen anh từ lúc anh còn là một tiểu đoàn trưởng xuất sắc của sư đoàn.

Trong một dịp trà dư tửu hậu, anh còn kể chúng tôi nghe những thăng trầm ngất ngư của anh khi còn trẻ. Anh từng là một đại đội trưởng đại đội BĐQ đầu tiên trong số 40 đại đội khi thành lập tại Quân Khu V. Rồi anh được đi huấn luyện tại Cái Vồn, Cần Thơ sau đó tham gia hoạt động tại Cai Lậy. Đại đội của anh từng ra vào mật khu Xuân Sơn, Cẩm Sơn ở Cái Bè như com bữa. Dĩ nhiên lực lượng Việt Cộng lúc đó còn phôi thai, chủ yếu là du kích. Đang hoạt động ngon lành thì có lệnh trên cho người thay anh. Người thay thế là một trung úy nguyên sĩ quan tham mưu. Ai đó vu oan cho anh đã “*nham nhúa tiền bạc của lính*” nên anh bị mất chức và bị đẩy xuống Hậu Giang làm đại đội phó cũng của một đại đội BĐQ khác. Thấy nét mặt tôi hồ nghi vì sự cách chức đột ngột này, anh hiểu ý, giải thích cho chúng tôi biết nguyên do.

Thực ra câu chuyện dài hơn chúng tôi nghĩ, nó bắt nguồn từ khi sau hiệp định đình chiến Genève 1954, anh là một đại đội trưởng của Tiểu Đoàn Khinh Quân từ miền Bắc chuyển vào Nam. Sư Đoàn khinh chiến được thành lập, anh được chuyển về làm sĩ quan Ban 2 của tiểu đoàn. Sư đoàn trưởng lúc đó

là Trung Tá X. Trong một cuộc hành quân thuộc tỉnh Quảng Ngãi, trung đoàn trưởng của anh là Thiếu Tá Y ra lệnh cho anh cùng trung đội Quân Báo đi xác nhận tin tức tình báo có một trung tâm huấn luyện của Cộng Sản trên núi Thiên Ân đã do các đơn vị của trung đoàn này bao vây và phá hủy. Khi tới nơi, anh chỉ thấy có vài chòi lá của dân làm củi, đi rừng nghỉ mát, tuyệt đối không thấy trung tâm huấn luyện ở đâu cả. Anh không chịu ký biên bản báo cáo kết quả hành quân.

Trung Đoàn Trưởng phạt anh 8 ngày trọng cấm xin gia tăng với lý do sĩ quan vô kỷ luật! Đưa lên sư đoàn, tư lệnh cho thêm tối đa 15 ngày trọng cấm và cất chức anh khỏi Ban 2. Uất ức, anh làm đơn khiếu nại gửi về Bộ Tổng Tham Mưu xin cứu xét, kèm theo bản tường trình chi tiết mọi sự việc. Tổng Tham Mưu cử Tướng Đôn, lúc đó là Tham Mưu Trưởng, ra điều tra sự vụ. Sau đó lệnh phạt của anh giảm xuống còn 8 ngày trọng cấm, ông trung đoàn trưởng mất chức, anh ngồi chơi xơi nước! Đúng lúc này, 40 đại đội BĐQ đầu tiên được thành lập. Anh làm đơn xin qua BĐQ.

Tường như thế là xong, nào hay khoảng hơn năm sau, Trung Tá Tư Lệnh Sư Đoàn ngày xưa nay lên đại tá, lại trở về làm chỉ huy trưởng binh chủng này. Đó là lý do khiến anh đang từ đại đội trưởng “xuống thành đại đội phó!”

Lần này thì anh chẳng còn tí nhiệt huyết nào với nghề cầm súng. Anh làm đơn xin giải ngũ. Anh vào Khóa 4 Thủ Đức nhưng được đưa lên thụ huấn tại Đà Lạt. May cho anh là lúc đó Trung Tá Lâm Quang Thơ là Tỉnh Trưởng Mỹ Tho. Trong suốt thời gian anh làm đại đội trưởng BĐQ hoạt động vùng Cai Lậy, đại đội của anh cùng Đại Đội 235 BĐQ của Sơn Thương là hai đơn vị lập rất nhiều chiến công hào hùng trong Khu Chiến Thuật Tiền Giang lúc đó. Trung Tá Thơ biết tin anh làm đơn xin giải ngũ nên mời anh lên gặp ông và khuyên anh rút đơn, ông sẽ can thiệp với Bộ Tổng Tham Mưu. Anh trở về Định Tường làm Trưởng Phòng 2 Tiểu Khu.

Khi chiến trường ngày càng sôi động, năm 1964 anh làm đơn xin trở ra Sư Đoàn 7. Thời gian sau đó là chuỗi ngày hoạt động của anh trong các cương vị từ tiểu đoàn phó, tiểu đoàn trưởng, rồi tiểu khu trưởng....

Nghe xong câu chuyện, đám hậu bối chúng tôi chỉ còn biết lắc đầu thở dài ngao ngán. Anh trầm ngâm một lát rồi nói tiếp:

- Thực ra quân đội chúng ta không phải chỉ có một trường hợp như anh đâu, còn nhiều trường hợp khác nữa.

Anh kết luận, ngoài một số lãnh đạo chỉ huy các cấp của chúng ta đã tận tụy phục vụ, thậm chí đã hy sinh mạng sống của họ vào giây phút cuối cùng, chúng ta vẫn có một số ít cá nhân có chức tước cao, bao gồm cả các chính trị gia, say mê quyền lực; cộng thêm những âm mưu khuynh đảo của Hoa Kỳ trong chính giới Việt. Trong khi đó, thật không may mắn khi chúng ta phải chiến đấu với một kẻ thù điên cuồng vì bị nhồi sọ ý thức hệ Cộng Sản. Chúng ta giữ vững được Miền Nam trong vòng gần 20 năm, theo anh nghĩ, đúng là một kỳ tích.

Một ý tưởng thoáng qua trong đầu tôi, *chiến tranh chẳng bao giờ mang lại chiến thắng thực sự cho dân tộc nào phát động nó. Cái kết quả bi thảm sau cùng của mọi cuộc chiến tranh vẫn là sự tan nát của cả một dân tộc và một đất nước. Cuộc chiến càng tàn khốc, toàn bộ những người tham gia trong đó đều là những kẻ chiến bại; chỉ có những kẻ đứng ngoài xúi dục mới thực sự là kẻ chiến thắng. Trong cuộc chiến này, chỉ có một nước thắng: Trung Cộng.*

Tết năm nay anh có vẻ không vui, có lẽ vì những ưu tư ám ảnh anh trong suốt thời gian từ đầu năm tới giờ. Tinh thần anh theo tôi nhận xét vẫn còn khá minh mẫn, duy có điều anh hay quên hơn trước đây. Chị bảo, nhiều lúc anh lơ đãng như người mất hồn, thậm chí có lần chị còn nhắc rằng đất nước là của chung chứ đâu phải của mình ông mà sao ông lo quá mức làm gì. Anh đập bàn nói lớn tiếng,

- “Ai cũng nghĩ như bà thì đất nước này mất từ lâu lắm

rồi!”

Hai anh chị giận nhau cả tuần, sau đó chị gọi điện thoại kể vợ chồng tôi nghe, tôi lại tới anh để anh ủi giãng hòa. Anh tâm sự:

- Tính mình nó thế, không sửa đổi được. Mình cũng thấm thía một điều, cuộc đời người có giới hạn về thời gian và không gian; đất nước và dân tộc lại trường tồn nếu dân tộc ấy biết gìn giữ bảo vệ; còn nếu không, nước mất, nhà tan dân tộc diệt vong và đất nước cũng chẳng còn. Dĩ vãng của dân tộc được gọi là lịch sử -- là cuốn sách ghi chép trung thực những kinh nghiệm xương máu của cha ông truyền lại cho hậu bối; giờ đây nó biến thành một thứ tiểu thuyết hư cấu, lịch sử sẽ không còn ý nghĩa gì hết. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tẩy sạch mọi thứ dấu vết của tiền nhân khiến cho dân tộc không còn biết ai là bạn ai là thù; việc mất nước trở nên rõ ràng không cứu vãn được. Điều đó ám ảnh mình mãi cả trong giấc ngủ khiến cho tuổi già của mình trở thành một thứ ưu phiền đau đớn, đôi lúc không chịu đựng nổi.

Tiếng anh yếu dần và có chút trợn lẩn với cảm xúc. Tôi ngồi im lặng chia sẻ cùng anh những phiền muộn. Anh lặng thinh hồi lâu rồi nói:

- Những bài học của thất bại thường là những bài học quá đắt giá, nó đòi hỏi người học phải có một khả năng nào đó để có thể thấu hiểu và học được. Trong khi những lớp học từ chiến thắng lại quá dễ dãi ai cũng có thể ghi danh.

Tôi hiểu anh muốn nói gì nên chỉ an ủi:

- Thực ra thành bại đều có ý nghĩa tương đối thôi. Có những thất bại ở lúc này lại trở thành một thứ thành công ở một lúc khác và ngược lại. Vả lại thành hay bại trước khi đánh giá phải trả lời được câu hỏi này: *Thắng và bại giành cho ai?* Bây giờ nhìn lại cuộc chiến vừa qua, không biết anh nghĩ ra sao, nhưng theo tôi, kẻ thắng duy nhất sau cuộc chiến này chắc chắn là, không phải những nước trực tiếp gọi quân tham chiến, mà là

những kẻ đứng ngoài xúi dục.

Thất bại của chúng ta còn được thể hệ tiếp nối cảm thông nhưng chắc chắn cái thắng của Việt Cộng sẽ là lời nguyện muôn thưở, là vết nhơ không thể bôi xóa được trong lịch sử đất nước.

Cộng Sản có một ngộ nhận ngay thơ là với cả đám sử gia bôi bút trong nước, chúng có thể viết sử theo kiểu gì cũng được. Chúng không hề nghĩ rằng, với thời gian, những bí ẩn của lịch sử dần dần hé lộ. Những pho sử chân thực từ khắp nơi trên thế giới sẽ vạch mặt chỉ tên lũ tay sai Cộng Sản bán nước và những hậu duệ con em người Việt mai sau sẽ nhìn rõ bản lai diện mục của chúng. Người xưa có nói, *khi bỏ lỡ một cơ hội, cơ hội đó sẽ trở thành lời nguyện ám ảnh suốt cuộc đời. Khi một sai lầm xảy ra, nó sẽ có thể sẽ không được lập lại; nhưng nếu để nó lập lại lần thứ hai thì chắc chắn nó sẽ lập lại nhiều lần sau đó.* Cộng Sản Việt Nam đã lập lại quá nhiều sai lầm vì thế nó sẽ tiếp tục lập lại những sai lầm ngày càng trầm trọng hơn, cho tới khi nó tan rã.

Anh Long nhìn tôi mỉm cười,

- Tôi cũng tin những điều cậu nhận xét; chỉ tiếc rằng tuổi tác của anh em mình không cho phép mình chứng kiên cái giây phút đầy chết của nó thôi.

Tôi nói với anh thể hệ chúng ta đã làm tròn trách nhiệm của mình, giờ đây là các thế hệ tiếp nối, những kinh nghiệm đã trải qua của anh em mình giờ đây chưa chắc giúp gì được cho thế hệ kế tiếp. Khoa học kỹ thuật bước những bước chân khổng lồ. Những hiểu biết của mình thực ra giờ đây so với con em chính mình cũng đã thấy thua rất xa rồi. *Cho nên cách hay nhất là chúng ta nên trao trọn vẹn lại cho họ để họ dễ làm việc.* Phải không anh? Thời thế đổi thay. Trong nước cũng như ngoài nước; một loạt quái nhân xuất hiện ra chiêu độc, lúc hữu chiêu lúc vô chiêu. Bàn dân thiên hạ ngơ ngác bàng hoàng nhìn chung quanh.

Tiếng chị từ nhà bếp vọng lên:

- Tết nhất tới rồi, xin các anh tạm ngưng thảo luận để dùng bữa cơm tất niên với chúng tôi...

Thành và Lộc vội vàng đứng lên:

- Để tụi em phụ với chị.

Anh ngồi yên lặng không nói gì, sau đó anh hỏi tôi:

- Tết này cậu có định đi đâu chơi không?

Tôi đáp:

- Chắc là không, anh ạ. Sức khỏe em cũng không mấy khá nên đi đâu xa cũng ngại. Cái thời liên tục ngày nào cũng đi đã chấm dứt, giờ đây là lúc ngừng lại nghỉ ngơi thôi.

Anh nói bằng giọng như cho chính mình:

- Dừng lại để chờ đợi giây phút lúc nằm xuống nghỉ ngơi thực sự.

Giọng nói của anh chua chát cay đắng, phần như than thở phần như an ủi chính mình.

Ngoài trời mưa Xuân rơi nhẹ nhẹ. Thời tiết năm nay lúc lạnh cóng tay chân, lúc nóng hầm hập làm cho không khí ngày Tết kém vui hơn mọi năm. Số bạn bè đồng đội bỏ cuộc chơi ngày càng nhiều. Tin trong nước, ngoài nước chẳng có gì để vui, hay hy vọng cho đất nước. Tôi có cảm tưởng như mình đang đứng trên một con lộ hướng về phía những vách núi mịt mờ sương phủ.

(Tết Kỷ Hợi)



MẸ TÔI

Cao Xuân Thanh Ngọc

Mẹ tôi được sinh ra từ một gia đình khá giả tại Vĩnh Điện, Quảng Nam và rất được cưng chiều! Chuyện là như vậy, ông bà ngoại trước đó sinh liên tục 4 cậu con trai. Do đó, khi hoài thai người thứ năm, ông bà ngoại cứ thấp tha thấp thỏm mong sẽ có thêm một bé gái. Ông ngoại tôi là thương gia, đang làm ăn phát đạt, sợ sinh ra thêm cậu con trai nữa thì không tốt. Ngày bà ngoại vượt cạn, và sinh ra mẹ tôi, bà cố và ông bà ngoại mừng ghê lắm! Cho nên mẹ được cưng từ khi mới lọt lòng, lớn lên trong tình thương yêu của dì Hai và bốn cậu, vì ai cũng thương cô em gái út của gia đình!

Với mái tóc dài đen huyền, mẹ nổi tiếng ở Vĩnh Điện là một thiếu nữ xinh đẹp, đã làm biết bao nhiêu chàng trai Phò Cổ ngẩn ngơ! Thế rồi, trong một lần Đại Đội Thám Báo của ba hành quân ngang qua nhà ngoại, người đại đội trưởng, với vóc dáng của chàng trai Võ Bị oai hùng, cộng thêm một chút phong sương của bụi đất miền xa còn vương trên áo trận, đã làm “ai đó” động lòng. Mỗi khi đoàn xe nhà binh nào ngang nhà, người “thiếu nữ ấy” lại đưa mắt dõi trông theo, với lời chúc cầu an lành cho người đang xông pha ngoài trận chiến... Chỉ ít lâu sau, ba đã trở thành thành viên của dòng họ “Trần

Xuân” của gia đình mẹ.

Mẹ đi theo ba về Long Khánh... Rất nhiều lần mẹ đã kể cho chúng tôi biết lý do tại sao gia đình lại “trôi dạt” về vùng quê heo lánh, với rừng cao su ngút ngàn, với những rẫy cà phê và vườn cây ăn trái... Mẹ giải thích cho chúng tôi hiểu nghĩa của câu nói mà chúng tôi thấy rất khó nhớ: “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu”... Đại khái là sống trong gia đình phải theo cha, nghe lời cha mẹ, lập gia đình phải phụ thuộc theo chồng... Bà ngoại nói:

- *“Có chồng thì phải theo chồng, Chồng đi hang rắn, hang rồng cũng phải theo!”*

Thế là mẹ phải theo ba về “hang rắn” Long Khánh vì lúc bấy giờ, ba đang đóng quân ở đó.

Thị trấn Xuân Lộc với “nắng bụi, mưa bùn sinh” và chiến trận thì như gùn sứt đầu đầy. Biết bao lần các trận đánh liên tục xảy ra ở Rừng Lá, Định Quán, đường bộ về Sài Gòn. Đường đi Đà Lạt thỉnh thoảng lại bị đặt mìn, khiến những chiếc xe đồ bị lật đổ ngã nghiêng, gây thương vong cho bao người dân vô tội. Nơi đây, hằng đêm tiếng đạn pháo kích ì ầm. Mẹ bảo ba lúc nào cũng mặc quân phục để dễ vào ra doanh trại. Cứ thế, mẹ tôi luôn sống trong phập phồng lo sợ, hằng đêm chỉ biết cầu xin cho ba tôi được bình an.

Ba là một sĩ quan xuất thân từ trường Võ Bị Đà Lạt gan dạ. Ông đã trải qua nhiều mặt trận ở nhiều nơi. Từ những trận đánh nảy lửa ở miền Trung, rồi miền Tây của các vùng chiến thuật, và sau đó về Sư Đoàn 18 Xuân Lộc - địa danh nổi tiếng với cuộc chiến lầy lùnh cuối cùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, trước giờ rã ngũ 1975.

Mẹ không ngờ cuộc đời của mẹ thay đổi quá nhiều khi mẹ quyết định đi theo ba, bị cuốn theo thăng trầm của vận nước. Nhiều lúc tưởng như là quá sức chịu đựng của một người đàn bà yếu đuối. Tháng Sáu năm 1975, ba đi tù “cải tạo”. Trước khi ra đi, ba chỉ biết an ủi mẹ:

- “Em hãy thay anh lo cho đàn con. Anh sẽ ráng về sớm với mấy mẹ con!”

Họ nói, chỉ một vài tuần thôi, nhưng sau này, mẹ mới biết là họ chỉ lừa ba và tất cả những vị quân dân cán chính... Ba đi biên biệt, ngày này qua tháng nọ. Rồi một năm, hai năm... ba bị đày trại tù từ Long Giao, Suối Máu, Yên Bái, Vĩnh Phú, Hà Nam Ninh, Hoàng Liên Sơn... Vì thế, những chuyến thăm nuôi của mẹ không phải mà dễ được thực hiện! Mẹ phải chuẩn bị cả mấy tháng trời, phần vì phải kiếm cách buôn bán đủ thứ để có ít tiền mua thức ăn cho ba. Tôi vẫn nhớ hoài món mắm ruốc, thêm xả và ớt, mẹ xào với tóp mỡ thịt heo. Mẹ nói món này dễ làm, giữ được lâu, rất dễ ăn và cũng là một món thức ăn tuyệt vời vào những ngày mùa Đông lạnh buốt ở ngoài Bắc!

Những ngày tháng ba đi tù, hình ảnh của mẹ lúc đó làm tôi chợt nhớ tới bài thơ nổi tiếng của Trần Tế Xương mà tôi đã được học qua:

*Quanh năm buôn bán ở ven sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công...*

Sau năm 1975, mẹ tiếp tục dạy học cho một trường tiểu học tại Long Khánh. Có lẽ nhờ vậy mà các chị em chúng tôi được học hành tử tế. Dù bận rộn trăm công nghìn việc hằng ngày, một mình lo cho đời sống gia đình, mẹ vẫn không quên kèm dạy cho chúng tôi học bài, làm bài... Người cha thân yêu vắng nhà 10 năm, hoàn cảnh đưa gia đình tôi vào chỗ bế tắc. Mẹ đã thu xếp mua được một căn nhà nhỏ bằng ván pháo binh xinh xắn làm chỗ trú ngụ cho mấy mẹ con, đủ chỗ để mấy bộ bàn ghế mở lớp dạy thêm buổi sáng, vừa để chăm sóc cho lũ nhỏ chúng tôi. Buổi chiều, mẹ lên lớp dạy trường công ở ngay thị trấn.

Mẹ con chúng tôi sống được coi là tiện nghi ẩm cúng trong căn nhà đó được vồn vẹn 6 tháng. Vào một ngày cuối tháng 3, mẹ đang đứng giảng bài ở lớp, bỗng một thanh niên hàng xóm hộc tốc chạy vào báo tin:

- “Nhà của cô giáo đang bị cháy lớn. Người hàng xóm nấu cám heo sơ ý làm cháy nhà, cháy bén qua nhà cô. Nhà ván bốc cháy nhanh quá. Cửa khóa chặt, không thấy các con của cô đâu...”

Mẹ tôi sững người, hai chân như muốn quy xuống, chỉ một đoạn đường ngắn, mẹ chạy không muốn nổi. Một cô giáo chờ mẹ bằng xe đạp, chạy nhanh về đám cháy. Mẹ tôi như điên dại, vừa khóc vừa tuyệt vọng, gọi tên các con và cứ muốn nhảy vào ngọn lửa tàn nhẫn đó. Mọi người ôm giữ chặt mẹ lại, vừa lúc đó có một cậu bé học trò chạy đến báo:

- “Con cô giáo đang ở nhà em. Tụi nó sợ quá rúc trốn dưới gầm bàn.”

Nghe được, mẹ mừng quá, tưởng như vừa được sống lại, và chạy đến ngôi nhà gần đó đón chúng tôi. Chị Hai tôi bảo với mẹ nhà cháy nóng, con dắt các em và bỗng bé út chạy ra. Thấy người ta chạy đến đông quá, con sợ mất đồ, nên khóa cửa lại. Trong nước mắt, mẹ xoa đầu chị và nhoen miệng cười.

Sau trận hỏa hoạn, mẹ con tôi hầu như trắng tay. Ngay cả áo quần mừng mền, tiền bạc tất cả đều bị thiêu rụi, không biết rồi đây sẽ sống ở đâu và ra sao?

Cô Hiệu Trưởng đã quyết định đưa mẹ con chúng tôi về trường ở tạm. Các cô giáo bận rộn tiếp khách đến thăm hỏi mẹ con tôi khi nghe tin hỏa hoạn. Một phụ huynh ở gần trường đem cho một chiếc chiếu mới trải ở văn phòng nhà trường. Mẹ tôi ngồi bệt xuống đất ôm chúng tôi vào lòng như những bảo



vật quý giá nhất của mẹ. Cứ thế, mẹ ngồi sưng ra không một giọt nước mắt.

Các thầy cô giáo của trường lằng xằng xách nước cọ rửa một phòng học bỏ trống lâu nay, và kê ở góc phòng hai bục gỗ, trải chiếu làm chỗ ngủ cho chúng tôi. Các thầy cũng không quên kê một bàn học sinh kẻ cửa sổ và phía ngoài một bàn khác để chúng tôi có thể bước vào, bước ra cho tiện việc sinh hoạt hằng ngày. Các sư cô ở tịnh xá thì đem cho mừng mèn, còn các phụ huynh học sinh và bạn bè người cho túi gạo, người chai nước mắm. Các cô giáo đã nấu nấu cho mẹ con tôi bữa cơm tối thật thơm tất. Tình cảm giữa những con người thật thấm thiết trong cơn hoạn nạn. Ân tình đó của bà con Long Khánh khiến mẹ con tôi nhớ mãi...

Sau này mẹ bảo tôi hôm đó nằm bên các con trên bục gỗ, mẹ mới hiểu được ý nghĩa của 4 chữ “màn trời chiếu đất” thật thấm thía mà. Trước kia, tuy có đọc qua mà mẹ chưa hề quan tâm đến. Mẹ không bao giờ ngờ mình lại có thể rơi vào những cay đắng này.

Vào năm tôi được 2 tuổi, tôi bị bệnh sốt xuất huyết nặng, bệnh viện Long Khánh bó tay vì ở đây không đủ thuốc men và phương tiện y khoa để trị liệu cơn bệnh hiểm nghèo vì bị muỗi chích đó. Bệnh viện đã khuyên mẹ tôi chuyển gấp về Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Thời đó, nhà thương không có xe chuyển bệnh về Sài Gòn, thế là mẹ tôi để chị ở lại bệnh viện trông em. Mẹ về nhà dắt mấy anh chị tôi gọi các nhà hàng xóm, thu xếp một xách nhỏ áo quần cho mẹ con, rồi bỗng tôi ra đón xe đò. Lúc đó đã hơn 7 giờ tối, trời lại bắt đầu lất phất mưa...

Về Sài Gòn đã một đêm, một ngày, trình bày đầy đủ giấy tờ mà tôi vẫn chưa được nhập bệnh viện. Mẹ vẫn trải chiếu nằm ngồi lê la ở hành lang để chờ được gọi vào khám. Các bác sĩ và y tá thì bận rộn trong phòng cấp cứu, vì trẻ con và gia đình từ các tỉnh đổ về bệnh viện càng lúc càng đông. Cha mẹ sốt

ruột ôm con trong lòng, người mẹ nào cũng mắt mũi đỏ hoe, chỉ biết chườm đá, thoa chanh cho con. Thịnh thoảng, lại nghe tiếng chân chạy nhanh vào phòng chăm sóc đặc biệt, tiếng người lớn khóc gọi y tá, bác sĩ ầm ỉ:

- “Cô ơi, bác sĩ ơi, cứu con tôi...”

Mẹ tôi cuối cùng không còn bình tĩnh được nữa, cô đưa mắt tìm kiếm một người quen biết nào trong những bóng áo trắng đang bận rộn kia, nhưng chẳng có ai. Mẹ tôi tuyệt vọng cố tìm một khuôn mặt hiền từ, thông cảm trong số các y tá và bác sĩ... Nhìn tôi mắt nhắm nghiền và đang nóng sốt cao độ, mẹ tôi nước mắt ràn rụa, ôm chặt tôi vào lòng, cầm chặt tờ hồ sơ bệnh lý đưa cao cho một vị bác sĩ vừa từ phòng sản sóc đặc biệt bước ra. Mẹ tôi tức tưởi ôm lấy chân vị bác sĩ không cho ông bước đi:

- “Bác sĩ ơi, xin ông cứu dùm con tôi!”

May quá, bác sĩ dừng lại, nhìn qua cháu, rồi nhìn vào tờ khai bệnh lý, đọc tên tôi: “Cao Xuân...,” bác sĩ hỏi mẹ,

- “Có bà con với ông Cao Xuân Vỹ không?”

Không ngượng ngừng, mẹ tôi đáp ngay:

- “Dạ là bác của cháu!”

Thế là bác sĩ ra dấu mẹ tôi bồng tôi vào phòng khám đặc biệt. Sau những chẩn đoán của bác sĩ, mẹ tôi thấy được nét không ổn trên mặt vị bác sĩ. Ông viết toa bảo mẹ tôi lên lầu 3, mua gấp hai bạch máu. Mẹ tôi với đôi chân run lập cập vì mất bình tĩnh, chạy lên mấy bậc cấp cầu thang, mấy lần suýt té, vừa chạy đi, vừa cầu nguyện Đức Quán Thế Âm... Dem máu về, mẹ tôi thấy bác sĩ và hai cô y tá đang đứng cạnh giường tôi, bên cạnh giường là một xe đẩy nhỏ có lót khăn trắng, sắp một số dao kéo, bác sĩ và các y tá đều đang đeo găng tay. Một y tá đón mẹ tôi ở cửa phòng bệnh, họ không cho vào phòng sản sóc đặc biệt. Cô báo cho mẹ:

- “Mạch của cháu lặn hết rồi, bác sĩ đang tiểu phẫu để tìm

cách chuyển nước biển và máu trên trán và dưới chân cho cháu...”

Mẹ tôi chợt nấc lên khóc, vừa lo và thương tôi quá. Mẹ tôi cảm thấy tủi thân, liền úp mặt vào hai bàn tay, gục đầu xuống lan can lầu bệnh viện, đầu đốn và cô đơn. Mẹ tôi thầm gọi tên ba tôi trong nước mắt...

Những ngày kế tiếp, bác sĩ và y tá luôn lần quần bên tôi viết toa và chích thuốc cho tôi. Mẹ tôi rồi rít cảm ơn bác sĩ và các cô y tá. Các cô y tá nhìn mẹ tôi dịu dàng và nói:

- “Chị yên tâm, bác sĩ có dặn tụi tôi phải lo cho cháu, vì là người nhà của bác sĩ!”

Sau này, mỗi lần nhắc lại chuyện trong lúc bối rối, vì bệnh tình nguy kịch của tôi, mẹ đã nói dối tôi là cháu của ông Cao Xuân Vỹ. Đến nay, chúng tôi vẫn mong có một dịp nào đó, được gặp ông và kể lại chuyện tôi đã được một vị bác sĩ cứu sống chỉ vì tôi may mắn có cái họ: “Cao Xuân...”

Mẹ thường hay kể với đàn con, từ ngày ba bị đưa đi “cải tạo”, tự nhiên mẹ trở nên mạnh mẽ và tràn đầy nghị lực! Đường như sự lo lắng cho đàn con dại đã không cho phép mẹ bị bệnh hay gục ngã trước bất cứ chuyện gì! Mọi thử thách mẹ đều vượt qua và gượng đứng dậy được! Nhưng sức người có hạn, có một lần, mẹ bệnh sốt nặng cần vào bệnh viện. Lần đầu tiên mà mẹ bệnh nặng như vậy. Căn nhà lụp xụp của sáu mẹ con ở cũng hơi xa bệnh viện. Chị Hai và chị Trúc phải nấu cháo đem vô cho mẹ ăn, mặc dù mẹ nói, “các con đừng lo, mẹ sẽ mau khỏe thôi.” Ngày hôm sau, tai nạn lớn lại ập đến, trên đường lái xe đạp đi thăm mẹ, vì đường xá đất đỏ gập ghềnh, chị Hai đã không giữ vững được tay lái, hai chị em bị té xuống... Cái giỏ đựng cháo và một bình thủy đựng nước sôi đổ ập vào chân của chị Trúc.

Lúc đó, chị Hai khoảng 18 tuổi và chị Trúc khoảng 15 tuổi. Hai chị em quỳnh lên khi chị Trúc khóc oà lên và nói “nóng chân của em quá!” Theo phản xạ, chị hai kéo cái quần

ra, tưởng là sẽ giúp cho em đỡ nóng, nào ngờ, vừa kéo ra là nguyên cả lớp da, từ đầu gối cho đến gót chân của chị Trúc bị kéo theo! Chị Trúc bị phỏng nặng! Sau khi mẹ nghe tin dữ, mẹ dường như hết bệnh và bỏ tất cả chạy về nhà với con! Cả một bắp về phía sau chân phải của chị bị tróc hết da để lại phần thịt đỏ hồng, rất dễ bị nhiễm trùng, nếu lo không khéo da bị kéo lại và chị có thể bị tật nguyên suốt đời!

Suốt 2 tháng sau đó, chị Trúc phải nằm im một chỗ. Phước đức của gia đình, có một bác y tá của thời VNCH, rất quý ba mẹ, vì thế chị được bác đến nhà chăm sóc vết thương mỗi ngày! Cho đến bây giờ, nếu nhìn kỹ, tôi vẫn thấy vết thương phỏng nước sôi trên chân của chị Trúc!

Gia đình tôi đã trải qua một khoảng thời gian khổ cực tột cùng, nhưng tôi rất khâm phục sức chịu đựng của ba suốt 10 năm trong những trại tù Cộng Sản, và với sức mạnh phi thường của mẹ. Mẹ đã nuôi nấng và hy sinh cả cuộc đời của mẹ cho gia đình! Giờ đây, chúng tôi đã yên bề gia thất, tôi chỉ cầu xin ơn trên cho ba mẹ được sức khỏe tốt để an hưởng tuổi già bên con cháu của mình!



Tâm Tình Người Trai Võ Bị*

(Viết để hồi tưởng quá khứ và riêng tặng các bạn
Khóa 19 Nguyễn Trãi.)

Nguyễn Trần, K19

4. Tay Súng Lên Đường (Tiếp theo)

...

Tôi mơ ngày mai đất nước yên lành
quê hương thổi túi hồn ngàn cách
để mọi nhà sum họp
để người người yên vui
yêu thương nhau trong câu hát tiếng cười
chung xây dựng
tình yêu và hạnh phúc.
dừng bước phong trần
xa đời ngang dọc
thôi buồn những chuyện đau thương.
tôi trở về
Hoa nắng đỏ khắp phường
và quê mẹ đón tôi vào đại hội.

Pleiku 1965

(Trên Bước Đường Hành Quân)

*Trích trong **HỘI TUỞNG**.



Tình Yêu Trong Thời Chiến.*

Nguyễn Trần, K19

1. Mình gặp nhau và yêu nhau từ đó.

(để ghi nhớ ngày về thăm Huế sau Tết Mậu Thân)

Nhớ biết mấy giờ chia tay ly biệt
mắt trong mắt mà nghe lòng tha thiết
người yêu ơi, mình biết nói gì đây
cánh chim bằng mai trở lại đường mây
em áo trắng lui về cùng sách vở.

*Anh nhớ mãi phút giây đầu bờ ngõ
khi anh về từ sông núi chập chùng
thăm gia đình, thăm xóm nhỏ miền Trung
thăm thành phố điêu tàn sau lửa đạn.*

Nước mắt khóc nhiều nên giờ đã cạn.
Nhìn quê hương lòng uất nghẹn đau buồn.
Anh trở về khi đêm tối vừa buông,
chiếc cầu gãy, thuyền con buồn sóng vỗ.

*Mình gặp nhau và yêu nhau từ đó.
dù nhau đi giữa đổ nát điêu linh.
Áo hoa rừng bên áo trắng nguyên trinh.
Mình trao nhau những ân tình trọn vẹn.*

Dòng Hương Giang chứng lời anh ước nguyện
cố diệt thù cho đất nước thanh bình.

Anh trở về bên áo trắng em xinh
Miền Hương Ngự có đôi mình chung bóng.

*Thân Kinh đó vẫn mãi còn mơ mộng
Mình dìu nhau qua mấy nhịp Tràng Tiền
giữa thuyền trăng nhìn cảnh trí thân tiên
đưa xứ Huế vào đêm buồn trầm lặng*

Khánh yêu ơi! Nhớ hoài lời em dặn,
đôi mắt buồn giây phút cuối bên nhau
- Nhớ thư về cho em bớt lo âu,
cho sách vở học trò không hoen ướn.

*(Viết cho người vợ một đời Ngọc Khánh)
Mậu Thân 68*

**Trích trong HỒI TƯỞNG.*





Ngày 30-4 lần thứ 44

Trần Kim Bảng, K20

Ban Biên Tập: Một phần nội dung bài viết đề cập đến chính trị của Hoa Kỳ không nhất thiết phản ánh hoàn toàn quan điểm của Ban Biên Tập.

Ngày Quốc Hạn 30 tháng Tư lần thứ 44 (2019-1975) lại đến trong bối cảnh chính trị Hoa Kỳ vừa mới nổi lên phong trào đòi hướng về Chủ Nghĩa Xã Hội do một số đảng viên đảng Dân Chủ Mỹ chủ xướng.

Và đồng thời, trong bối cảnh nước Venezuela nổi lên phong trào đòi xóa bỏ Chủ nghĩa Xã hội do ông Juan Guaido, Chủ tịch Quốc Hội nước này chủ xướng, và được toàn dân ủng hộ; trong khi cánh tả (left-wing) ở Mỹ, đứng đầu là Bernie Sanders cùng với Ocasio-Cortez, Omar, Tlaib thuộc đảng Dân Chủ thì lại phản đối phong trào này (!).

Hai phong trào đối nghịch nhau diễn ra ở cùng lúc, ở hai quốc gia khác nhau nhưng cùng ở lục địa Châu Mỹ.

Đây là chưa kể đến bối cảnh ở Trung Đông, vừa mới xảy ra biến cố ngày 21 tháng 3 vừa qua, TT Hoa Kỳ Donald Trump đã công nhận đòi Golan thuộc chủ quyền của Israel, điều mà đã hơn nửa thế kỷ qua không một TT Mỹ nào dám xác quyết, vì nó ở trong vòng tranh chấp với Syria, quốc gia cùng với Iran đã từ lâu có ý định xóa tên Israel trên Bản đồ Thế giới. Quân đội Israel đã chiếm đóng đòi Golan từ 1967 sau cuộc chiến với

6 nước Ả Rập trong vùng và kết thúc với chiến thắng thuộc về Israel.

Nhìn vào bối cảnh chung của nước Mỹ và thế giới như vậy, nhiều người Việt rời bỏ quê hương trước và sau ngày Việt Cộng cướp miền Nam 30-4-1975 tự hỏi, không biết lớp trẻ thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba, con cháu của mình có biết gì về Chủ Nghĩa Xã Hội hay không? Và những sự kiện này có liên hệ gì đến cuộc sống hiện nay ngay trên nước Mỹ?

Trước hết, nhìn vào tình hình chung tại Hoa Kỳ, thì thấy rằng lớp người trẻ ở nước này, trong đó có cả con cháu của người Việt tỵ nạn Cộng Sản có vẻ ‘khoái’ đảng Dân Chủ. Có lẽ là vì đặc tính phóng túng (liberal) của đảng này chủ trương phá thai bất kỳ ở giai đoạn nào, đàn ông lấy đàn ông đàn bà lấy đàn bà, mở toang biên giới, đánh thuế cao nhà giàu, welfare và hút cần sa thoải mái, v.v... rất hợp với nhãn quan của tuổi trẻ. Họ không muốn bị ràng buộc vào truyền thống lâu đời của nước Mỹ “In God We Trust” như đảng Cộng Hòa đã từng theo đuổi. Và đặc biệt là đảng Dân Chủ luôn được nhiều cơ quan truyền thông dán nhãn hiệu khá hấp dẫn, *“Hướng đến một xã hội công bằng, không có khác biệt giữa người giàu và người nghèo, tương tự như Cộng Sản.”*

Điều đáng tiếc, số bạn trẻ Việt Nam thiếu nhận thức, thiếu kinh nghiệm, nhưng bất chấp những chứng minh cụ thể và lập luận hữu lý của các bậc cha, chú đã từng trải qua rất nhiều kinh nghiệm bằng máu xương và nước mắt trong xã hội Việt Cộng trước năm 1975 ở miền Bắc, và sau năm 1975 ở miền Nam. Có bạn chống đối, còn nói là ‘chuyện ấy’ đã qua rồi, bây giờ đã đổi khác (!). Thêm vào đó là những hướng dẫn sai lạc của một số người Việt lớn tuổi cũng ‘khoái’ đảng Dân Chủ hoặc có ‘thành kiến’ xấu đối với đảng Cộng Hòa đã là những kích thích tố đẩy lớp trẻ đang ở tuổi sung mãn đến với đảng Dân Chủ, nhiều hơn là đến với đảng Cộng Hòa.

Bản thân tôi, mới đây cũng đã vô tình bị dính vào vòng

tranh luận với một vài bạn trẻ rất thân thuộc trong gia đình về lý do: Tại sao tôi lại đứng về phía đảng Cộng Hòa, mà chối bỏ đảng Dân Chủ.

Xin thưa rằng, tranh luận về chính-kiến đối với tôi là một điều khó khăn, không mấy hứng thú. Vì tôi không phải là ‘chính trị gia’ và cũng không thích ‘nghề làm chính trị’. Hơn nữa, trước đây tôi chỉ là một sĩ quan quân, chuyên nghề ‘bóp cò’, ít quan tâm đến chính trị, bản tính lại nóng nảy -- khác hẳn với các chính trị gia, thường có bản tính điềm đạm và lời lẽ thuyết phục. Do vậy, đối với tôi, *tranh luận về chính-kiến* là cả một vấn đề nhiều khô, phức tạp và tốn thì giờ vô ích mỗi khi bị dính vào vòng tranh luận. Nếu không khéo, sau khi tranh luận đã chẳng mang lại kết quả gì mà còn gây thêm chia rẽ, hận thù, chẳng khác gì cuộc chiến ‘Quốc-Cộng’ đã kéo dài suốt 20 năm trên quê hương, đã tiêu phí nhiều máu xương và tiền bạc một cách vô ích. Còn về tinh thần đoàn kết Dân Tộc thì như mọi người đã thấy, sau 44 năm VC cướp Saigon, đến nay vẫn chỉ là con số zero to tướng. Trong lúc tuổi đời của thế hệ chúng tôi đã cao, sinh lực đã cạn kiệt, chẳng vui gì trong hoàn cảnh này, khi *ngày 30-4 lần thứ 44 lại đến*.

Tuy nghĩ thế, nhưng tôi không thể im lặng trước ý kiến của người bạn trẻ cho rằng, đảng Cộng Hòa đã có mối liên hệ mật thiết đến sự kiện 30-4 và đã làm mất miền Nam Việt Nam sau cú đi thăm Bắc Kinh của Tổng thống Richard Nixon ngày 21 tháng 02 năm 1972, với một kết luận hết sức đơn giản, cho rằng: “*Ông Nixon chính là thủ phạm làm mất miền Nam chứ còn ai vào đây nữa!*”

Tôi không đồng ý với lời ‘buộc tội’ có vẻ hồ đồ này nhưng rất may -- những ngày còn ở trong trại tù cải tạo, tôi cũng có cùng một ý nghĩ giống hệt như trên -- sau khi vượt biên đến Mỹ, mới có dịp tìm hiểu thêm về ‘chính trường nước Mỹ’ trên sách báo, nên từ đó, đã bổ túc thêm cho ‘kiến thức chính trị’ non nớt của mình. Bây giờ đã khá hơn đôi chút, và cũng từ đó đã làm đảo ngược nhận định trước đây của tôi.

Dựa vào kiến thức vừa lược được nhưng tôi cũng phải cố gắng lắm mới có thể nhẹ nhàng phản bác lại ý kiến nêu trên của người bạn trẻ (mà cũng là của chính mình trước đây) đang ngồi đối diện với tôi, trong một dịp ‘trà dư tửu hậu’:

Tôi nói: *“Cũng cần phải xét lại bối cảnh lịch sử nước Mỹ lúc bấy giờ và tự đặt mình vào vị trí của TT Nixon trong hoàn cảnh lúc đó, thì mới có thể phán đoán một cách công tâm được. Hơn nữa, ông Nixon là TT nước Mỹ, không phải TT nước Việt Nam.”*

Như mọi người đã biết, cuộc chiến Việt Nam không phải chỉ bắt đầu vào thời của TT Mỹ Richard Nixon lên cầm quyền vào tháng 1 năm 1969 hay trước đó một vài năm. Mà phải kể từ ngày 20-7-1954, nếu không muốn nói là từ tháng 8-1945 sau khi Việt-Minh (tức Việt Cộng trá hình) cướp chính quyền từ tay chính phủ Trần Trọng Kim ở Hà Nội, và ngay sau đó Hồ Chí Minh, tay sai của Cộng Sản Quốc Tế tuyên bố 9 năm kháng chiến chống Pháp lần thứ hai (!), được gọi là Cuộc Chiến Đông Dương và được kết thúc bằng Hiệp Định Geneva 20-7-1954 chia đôi hai miền Nam-Bắc Việt Nam lấy ranh giới là vĩ tuyến 17, phía Bắc thuộc Cộng Sản, phía Nam thuộc chính quyền Quốc Gia.

Cuộc chiến ‘Quốc-Cộng’ do Hồ C. Minh chủ xướng để nhuộm đỏ Đông Dương đã bắt đầu từ ngày đó, liên tục, tuy có khác nhau về mức độ chiến tranh, khi âm thầm, khi mãnh liệt, nhưng chẳng khi nào ngơi nghỉ. Người Mỹ đã gọi cuộc chiến này là “Cuộc Chiến Việt Nam” (Vietnam War) -- kéo dài 20 năm và đã liên quan đến nhiều đời Tổng Thống Mỹ, như: Dwight Eisenhower, John Kennedy, Lyndon Johnson, Richard Nixon, Gerald Ford, đáng kể nhất là vào thời Tổng Thống John Kennedy với những sai lầm nghiêm trọng sau khi ám sát Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm và 2 bảo đệ của ông -- rồi sau khi kết thúc chiến tranh, thì nước Mỹ đã rơi vào một hiện tượng được gọi là ‘Vietnam Syndrome’ làm chia rẽ dân tình nước Mỹ một cách trầm trọng. Thời ấy, những cựu

chiến binh Mỹ từ ‘Vietnam War’ trở về quê quán của mình đã bị khinh rẻ, không kiếm được việc làm, thay vì họ phải được đón tiếp nồng ấm như các cựu chiến binh của nhiều cuộc chiến khác. Đó là một điều mà tôi cho là bất công, đáng buồn, và đáng nhục!

Thế nhưng xin hỏi, tại sao lại có hiện tượng này? Ai đã gây ra nó?

- Xin thưa, đây là một trang sử khá dài, khá phức tạp đã gây ra quá nhiều cuộc tranh luận, và theo tôi, đây là một âm mưu thâm độc, bản thủ của phe Cộng Sản Quốc Tế được sự yểm trợ của nhóm ‘left-wing’ trong Quốc Hội Mỹ.

Hôm nay, bằng một suy nghĩ rất chủ quan nhằm ‘phá bỏ’ ý nghĩ của người bạn trẻ ngồi đối diện với tôi, anh ta đã buộc tội *Tổng Thống Richard Nixon làm mất miền Nam Việt Nam sau chuyến thăm viếng của ông đến Bắc Kinh ngày 21-2-1972.*

Tôi chỉ xin văn tắt:

Không ai phủ nhận chuyến viếng thăm này đã là bước ngoặt quan trọng trong chính sách của nước Mỹ đối với CS Tàu sau 25 năm vắng bóng ngoại giao. Và cũng không ai phủ nhận cuộc chiến Việt Nam đã làm nước Mỹ hao tổn nhân mạng và tiền của, nặng nề hơn nhiều nếu so với những cuộc chiến khác. Và điều quan trọng hơn cả là sự chịu đựng lâu dài của dân Mỹ đã tạo ra tâm lý ‘chán ghét chiến tranh’, không còn muốn cho con em của mình lao vào các cuộc chiến tương tự như thế nữa. Từ những yếu điểm đó, đã bị phe cánh tả (left-wing) ở Mỹ và Cộng Sản Quốc Tế lợi dụng, khai thác tận tình và đã đẻ ra phong trào “phản chiến”.

Sự thực thì phong trào này đã nhen nhúm từ những năm 1963, 1964, 1965 và trở nên cao độ mãnh liệt vào những năm 1969, 1970 là lúc Tổng Thống Richard Nixon lên nắm Hành Pháp Hoa Kỳ.

Thế nhưng trước đó, ít ai để ý đến *Chủ Thuyết Ngăn-chặn*, còn được gọi là *Chủ Thuyết Be-Bờ (Containment Doctrine)* do

sáng kiến của nhà ngoại giao George Kennan và đã được áp dụng từ thời của Tổng Thống Truman năm 1945 cho đến mãi sau này. Chủ thuyết này chú trọng đến việc *ngăn chặn, đề cao cảnh giác, đề phòng, không đi quá xa trong chiến tranh, hoặc nếu chiến tranh xảy ra thì chỉ ‘hạn chế’* tức là ‘*Limited War*’. Về mặt quân sự thì chính sách này được xem là ‘phản chiến thuật’, không thích hợp với giới quân nhân. Trong quá khứ đã bị Thống Tướng Douglas MacArthur chê trách là ‘chính sách lằng nhằng’, chẳng đi đến đâu, đánh mà không cho thắng hoàn toàn, chỉ được phép thắng một nửa, tương tự như một võ sĩ lên sàn quyết đấu nhưng lại nhận được chỉ thị là ‘không được đánh gục địch thủ’. Vì vậy mà trong cuộc chiến Triều Tiên 1951-1953 tướng MacArthur đã không được phép vượt qua vĩ tuyến 38 để tận diệt quân Tàu.

Xem thế để thấy rằng ‘quân sự’ và ‘ngoại giao’ không bao giờ là ‘bạn đồng hành’ với nhau cả, hoặc chỉ đồng hành với nhau ½ đoạn đường.

Cuộc chiến Việt Nam cũng vậy, những ai đã từng tham gia vào các cuộc hành quân ‘*Lùng và Diệt*’ nối tiếp ngay sau biến cố Mậu Thân 1968, mới nhận biết rõ sự thảm bại của quân chính quy Hà Nội và du kích quân miền Nam. Những cuộc hành quân sau Mậu Thân không mang lại kết quả gì, giống như những cuộc ‘rong chơi’, đi không rồi lại về không, vì vào lúc đó, hoàn toàn vắng bóng địch quân trên khắp các chiến trường miền Nam. Trong trận chiến Mậu Thân quân Cộng Sản đã bị tiêu phí quá nặng về nhân mạng và vũ khí.

Chế Lan Viên, một nhà thơ của VC đã viết trong bài thơ tựa đề ‘*Ai? Tôi!*’ của ông, cho ta thấy một sự thảm bại nào nề, ai oán:

*Mậu Thân 2.000 người xuống đồng bằng
Chỉ một đêm, còn sống có 30
Ai chịu trách nhiệm về 2.000 người đó?
Tôi!*

*Tôi, người viết những câu thơ cổ võ
Ca tụng người không tiếc mạng mình*

Thế mà Mậu Thân *đại bại* của Hà Nội đã được truyền thanh, truyền hình và báo chí Mỹ, lúc ấy biến nó thành *đại thắng* càng làm cho tội phản chiến ở Mỹ, ở Việt Nam và cả thế giới to mồm hơn, đòi chấm dứt ‘Vietnam War’, đòi trao trả tù binh, đòi xác chết. Tình trạng ‘to mồm’ này đặc biệt được truyền thông làm cho to hơn, vừa thổi phồng, vừa loan tin thất thiệt, vừa vu cáo, nói ngược, và đổ lỗi cho Việt Nam Cộng Hòa và Đồng Minh đã gây ra những thảm trạng chết chóc man rợ, đã giúp cho quân CS gia tăng dần sức mạnh về mặt truyền, tiếp sinh lực cho sức mạnh quân sự, rồi mạnh hơn nữa vào ‘Mùa Hè Đỏ Lửa’ năm 1972 nhằm chiếm lại ưu thế chính trị đã được Hà Nội dự trù đem ra thi thố trên bàn hội nghị Hòa Đàm Paris năm 1973.

Hãy giả thử rằng, nếu chúng ta gắn thêm thuốc bom vào thành quả ngay sau Mậu Thân 1968 bằng cách tăng cường tấn công, đánh bom vào các cứ điểm quân sự ở cả miền Bắc lẫn miền Nam và dọc đường mòn HCM, thì tình hình chiến sự sẽ biến thái ra sao? Hòa Đàm Paris có được định hình hay không? Tại sao lại bị giới hạn?

Như trên đã nói, TT Cộng Hòa Richard Nixon lên nắm Hành Pháp Mỹ vào đầu năm 1969, cũng là lúc của phong trào ‘phản chiến’ bộc phát rất mạnh, đồng thời với sự cản trở của Quốc Hội do Dân Chủ nắm đa số lúc ấy ở cả Hạ Viện (66.9%) và Thượng Viện (60%) đã trói tay Hành Pháp, gây ảnh hưởng tiêu cực đến chương trình nghị sự của Tổng Thống về vấn đề yểm trợ cho chính phủ Saigon, đặc biệt là không được cung cấp quân phí yểm trợ cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Xin hỏi, nguyên nhân nào đã đưa đến những quyết định bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa như thế?

Đến cuối năm 1973, đạo luật *War Powers Act* do sáng kiến của đảng Dân Chủ, được soạn thảo từ 2 năm trước, nay được

ban hành, bắt buộc Tổng Thống phải tham khảo ý kiến Quốc Hội trước khi tham chiến. Từ đó, lại càng trói tay Hành Pháp Nixon nhiều hơn nữa.

Giữa lúc Saigon gặp vắn nạn khó khăn như thế thì Hà Nội đã được khối Cộng Sản quốc Tế, đặc biệt là Nga-Tàu tăng cường viện trợ nhiều gấp 4 lần hơn trước, theo nhiều tài liệu còn để lại cho biết như vậy. (Chúng ta không khó truy cập những tài liệu này trên internet.)

Do vậy mà TT Nixon bị buộc phải chuyển hướng kế hoạch của ông, đó là:

- Tiến hành gấp rút hơn việc ‘Việt Nam hóa’ chiến tranh, và
- Thăm viếng Bắc Kinh.

Việc thăm viếng Bắc Kinh là nhắm vào mục đích khai thác chia rẽ giữa Nga và Tàu, nằm trong chiến lược đánh sập khối CS Liên-Sô và Đông Âu (như kết quả đã thấy); chứ không thể coi việc thăm viếng này đã làm mất miền Nam Việt Nam như lời tuyên truyền, mà người bạn trẻ của tôi vừa lập lại.

Căn cứ vào tình hình chính trường nước Mỹ vào lúc đó, thì mới có thể đưa ra nhận định sáng suốt rằng: *Đảng Dân Chủ, đám phản chiến thiên Cộng, và đám truyền thông Mỹ bất lương mới là những thủ phạm chính trong vụ này.*

Ngoài ra, còn một điều không may mắn, cần phải nói thêm là sau vụ Watergate 1972, cho đến tháng 8-1974, thì TT Nixon phải tự ý rời tòa Bạch Cung vì không muốn bị Quốc Hội luận tội, cho nên những gì ông đã hứa với Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu đều không thể thực hiện được.

Sau ngày về hưu, trong cuốn *Real Peace No More Vietnams*, cựu Tổng Thống Nixon cho biết: “*Vietnam đã là đề tài của hơn 1200 cuốn sách, hàng ngàn tờ báo và tạp chí, những ghi nhận về hình ảnh cảm động cũng như nhiều tài liệu về truyền hình, mà phần lớn đều đưa ra những kết luận sai lạc.*”

Có tất cả 22 vắn đề (facts) được ông liệt kê, và cho biết, tất

cả những vấn đề đó đều mang chủ đích *tuyên truyền, hướng dẫn sai sai lạc* “*All of these statements are false.*” Trong phạm vi giới hạn của bài viết, tôi chỉ có thể trích dẫn hầu quý vị một vài vấn đề, như:

- The Vietnam Ware was a civil ware.
- Ho Chi Minh was a nationalist first and a Communist second and had the support of a majority of the people of Vietnam, North and South.
- Ngo Dinh Diem was a puppet of the French colonialists.
- The National Liberation Front was a revolutionary movement independent of North Vietnam.
- The Viet Cong won the hearts and minds of villagers through humanitarian policies.

Đây, mới chỉ là 5 trong 22 ‘facts’ mà ông Nixon liệt kê, tất cả đều là những ‘*false statements*’ được bọn truyền thông, báo chí thiên tả cực kỳ bất lương, tung ra để đầu độc nhân dân Mỹ và thế giới.

Điều đáng buồn là, đã hơn 4 thập niên qua, những tin tức láo lếu như thế gây xáo trộn xã hội Mỹ, dẫn đến Tháng Tư Đen ở Việt Nam -- TT Richard Nixon phê phán là “false statements” thì nay, nhiều tin tức tương tự TT Donald Trump gọi là “fake news” -- vẫn được một số người lớn tuổi khờ khạo, tin tưởng, chạy theo đuôi. Lạ thật!

Trong tâm tư mỗi người Việt tỵ nạn CS chân chính, tuy ở hoàn cảnh khác nhau nhưng cùng có chung một thời khắc lịch sử về Tháng Tư Đen. Hy vọng các bạn trẻ luôn ghi nhận với tinh thần độc lập, không bị ảnh hưởng bởi “false statements” hay “fake news”.

Cám ơn quý vị và các bạn.

3.4.2019

Tùy Bút

TUỔI THƠ VÀ ƯỚC VỌNG

Trần Văn Hồ, K27

Tôi sinh ra và lớn lên với tuổi thơ đầy bất hạnh và nghiệt ngã. Dòng sông BẢO ĐỊNH hiền hòa chảy ngang qua làng tôi, mang dòng nước ngọt; mang bao phù sa cho xanh cánh đồng lúa, cho cây trái đơm bông. Nhưng con sông vô tình mang đến cho tôi bao kỷ niệm đau buồn hơn là áp ủ tuổi thơ. Cái tuổi phải được sống hồn nhiên, phải được tung tăng nô đùa vô tư như bao bạn bè cùng trang lứa được sống trong vòng tay cha mẹ, người thân, được cấp sách đến trường trong điều kiện tốt nhất. Tuổi thơ của tôi không có con điều biếc, không có chùm khế ngọt, mà là tuổi thơ đầy ác mộng.

Gia đình tôi sống bằng nghề nông, cũng có ruộng, cũng có đất nên tôi không phải đi làm thuê, không phải đi làm mướn. Nhưng tôi phải trả bằng sức lao động, bằng mồ hôi và đôi khi cả bằng nước mắt để có được cái ăn, cái mặc. Những công việc không phải dành cho tuổi còn quá trẻ như tôi.

Khoảng thập niên 50 thế giới người ta tiến bộ nhiều, trong khi nông nghiệp mình còn quá lạc hậu, công việc đồng áng vẫn làm bằng tay, bằng sức lao động, vẫn con trâu đi trước cái cày. Có làm ruộng mình mới thấy và hiểu được nỗi vất vả của nghề nông, khi làm ra được hạt lúa. Dầm mưa dãi nắng, một nắng hai sương, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, mà

cái nghèo cứ đeo đuổi mãi? Mấy đời, mấy kiếp, cả dòng họ sống bám lấy ruộng đồng và lớn lên bằng mảnh đất của cha ông để lại.

Ngày gần sanh anh tôi, mẹ tôi, bụng chứa dạ mang, lẽ ra phải được nghỉ ngơi dưỡng sức cho ngày sanh nở; nhưng bà vẫn phải cắt lúa, gặt lúa, gặt rơm... làm tất cả công việc đồng áng. Hôm bà chuyển dạ sanh vì không có phương tiện, không về nhà kịp nên phải đẻ rớt bên vệ đường, rồi được mọi người dùng võng khiêng về nhà. Hai năm sau sanh tôi ra, mẹ tôi đau không thuốc men, không bác sĩ, không bệnh viện. Vì thế, bà bị hơi tàn sức kiệt, trút hơi thở cuối cùng ở tuổi 22, cái tuổi còn quá trẻ cho một đời người, bỏ lại hai đứa con bơ vơ giữa dòng đời, ra đi không một lời trăng trối. Mỗi năm đến ngày lễ VU LAN, chưa bao giờ mẹ tôi được tặng một đóa hoa hồng, có chăng chỉ là những giọt nước mắt đầy vui!

Ngày mẹ tôi qua đời cũng là ngày mà ông nội tôi, bà nội tôi, ông ngoại tôi, cả ba người “được” Cộng Sản “trừng trị” trong một đêm và chỉ một đêm thôi. Ba người thân đã ra đi vì bị kết tội điên chủ, chết không mồ, không mả. Gia đình trôi tan tác. Anh em tôi bơ vơ lạc lõng giữa dòng đời khi tôi chưa dứt bầu sữa mẹ. Tiếng khóc sớm vang lên sao vội tắt nửa chừng? Cuộc đời tôi bước sang ngã rẽ.

Tôi được sống nhờ bà ngoại và mấy người dì em của mẹ nuôi dưỡng. Cái vú da đã khô cần bầu sữa làm sao nuôi được đứa cháu đang cần những giọt sữa tươi, đang cần nguồn sinh lực, hơi ấm từ người mẹ. Tôi phải sống bằng nước cơm và cháo trắng và tôi đã lớn dần và lớn dần trong vòng tay của người thân.

Ba tôi đi thêm bước nữa ở cái tuổi 24. Tôi không thể trách ông, nhưng chỉ buồn vì ông không dành cho hai đứa con riêng một tình cảm đặc biệt nào. Ngược lại, ông còn bắt chúng tôi phải làm tất cả công việc, nào chăn trâu, nào chăn vịt, làm tất cả công việc đồng áng, những công việc không phải dành cho

người tuổi còn quá trẻ tuổi như tôi?

Mẹ kế của tôi không phải là người đàn bà độc ác, cũng không phải là một TÀO THI, nhưng bà không thể xem chúng tôi như con ruột của bà, và bà cũng không thể thay thế mẹ tôi được. “*Mấy đời bánh ít có xương, mấy đời mẹ ghẻ mà thương con chồng?*” Câu nói này muôn đời vẫn đúng. Tôi thích câu chuyện PHẠM CÔNG - CÚC HOA với hai đứa bé NGHI XUÂN - TẤN LỰC. Sao họ giống anh em tôi quá. Tôi thương hai bé như thương chính bản thân mình, nhưng cũng trách ông bà ngoại sao vô tình quá, cháu của mình đến nhà xin ăn mà không nhận ra là cháu ngoại của mình.

Rồi tôi cũng được cấp sách đến trường. Nhưng sau những buổi học là tôi phải chăn trâu, chăn vịt, cắt lúa, gánh rơm... ôi thôi cả khối công việc đó, chỉ dành cho người lớn thôi mà? Chúng tôi phải gồng, phải gánh, phải làm để góp sức với gia đình nuôi đàn em kế 8 đứa.

Rồi chiến tranh xảy ra. Xác người nằm quanh đây, xác người trên góc phố, xác người trôi trên sông. Đêm đêm tiếng đại bác vọng về, từng ánh hỏa châu soi sáng, nó không phải là “*Những đốm mắt hỏa châu là hoa trong ngày cưới*” của tác giả HÀN CHÂU trong bài NHỮNG ĐÓM MẮT HỎA CHÂU, mà là cái thứ ánh sáng ma quái, cái thứ ánh sáng bệnh hoạn, cái thứ ánh sáng của thần chết. Theo đó là máu chảy, xương rơi, xác người gục ngã. Chiến tranh là như thế? Tôi chỉ hiểu đơn giản chiến tranh là như thế.

Quốc sách ẤP CHIẾN LƯỢC ra đời. Ban ngày chúng tôi phải đi đào kinh, rào kẽm gai, vót chông, đêm phải treo đèn canh gác. Tối về, Việt Cộng lại bắt chúng tôi phải cắt rào, bẻ trụ sắt, phá ấp. Họ muốn lôi cả tuổi thơ vào cuộc chiến, vì họ muốn thiêu cháy cả mầm non của đất nước cho cuộc chiến, cho những tham vọng nông cuồng.

Tôi lớn dần có chút nhận thức, có chút suy nghĩ. Tôi thấy tủi thân cho số phận mờ côi, thiếu thốn vật chất, hụt hẫng tình

thương. Tất cả những gì người mẹ kế dành cho tôi đều giả tạo miễn cưỡng, chúng tôi không đủ ăn, không đủ mặc, thừa roi vọt, những trận đòn khủng khiếp mà anh em tôi phải chịu đựng hầu như xảy ra mỗi ngày. Chỉ biết gọi mẹ mong CÚC HOA về để giải cứu cho hai con. Không còn chịu đựng nổi nữa, hai anh em tôi quyết định thoát ly.

Anh tôi nhắm mắt đưa chân đi lên Sài Gòn kiếm sống. Lần đầu tiên anh tôi bước chân lên thành phố xa lạ, không đồng bạc trong túi, như đi vào phương trời vô định, như con chim vừa rời tổ khi chưa đủ lông đủ cánh. Không cha không mẹ, không anh em, không người thân. Trước mặt là gió mưa bão táp, là nguy hiểm, tương lai mờ mịt đen tối. Anh tôi không biết đi về đâu?

Còn tôi trốn ra khỏi nhà và xin tá túc nơi bà dì em kế của mẹ tôi. Dì tôi cũng nghèo có cả 8 người con, nhưng làm sao bà từ chối khi đứa cháu mình xin "tị nạn". Dì cho tôi mượn công đất. Tôi phải tự lực cánh sinh, phải trồng rau, trồng bầu, trồng bí, trồng cải... để kiếm tiền đi học. Tuổi 14 tôi phải dậy từ 5 giờ sáng ra rẫy cuốc đất cho đến 7 giờ rồi đi học, chưa bao giờ có được bữa ăn sáng. Nhà dì nghèo nên chỉ ăn ngày hai bữa cơm đạm bạc, đôi khi có củ khoai củ sắn đối với tôi là quý lắm rồi. Chiều về, tôi chăm sóc vườn rau, tưới rau cho đến khi mặt trời lặn rồi mới vào nhà chuẩn bị bài vở cho ngày hôm sau, tìm tương lai bên ánh đèn dầu leo loét dưới mái nhà tranh vách đất.

Ty nông nghiệp tỉnh LONG AN thấy tôi chịu khó nên giới thiệu tôi vào đoàn THANH THIẾU NÔNG 4T (viết tắt của chữ TRÍ, TÂM, TAY, THÂN), giống như đoàn THANH THIẾU NÔNG 4H ở MỸ (head, heart, hand, heath). Nơi đó những đứa trẻ sinh ra và lớn lên ở nông thôn được chỉ dẫn chăn nuôi, trồng trọt theo phương pháp khoa học. Một trong những người trình diễn thành công lúa THẦN NÔNG 8 (IR8) tại tỉnh.

Xin được nói thêm về lúa THẦN NÔNG 8. Trước đây nông

thôn miền Nam chỉ canh tác lúa dài ngày chu kỳ 6 tháng mới thu hoạch, mỗi năm chỉ làm có một vụ, năng suất rất thấp khoảng 3 tấn/ hecta. Cây lúa rất cao nên khi lúa chín cây nằm sát đất rất khó cho việc cơ giới hóa. Từ những khuyết điểm đó, viện nghiên cứu lúa gạo quốc tế IRRI đặt tại Phillippines nhân ra giống lúa ngắn ngày, chu kỳ thu hoạch chỉ ba tháng, thân ngắn, năng suất cao. Họ trồng 1000 cây lúa trong phòng thí nghiệm và chọn cây hàng thứ 8 dãy thứ 28 là cây lúa tốt nhất



Thăm viếng điểm trình diễn rau salad bowl, giống của Mỹ.

cho nhiều hạt nhất. Từ đó bắt đầu nhân giống và đặt tên cho nó là IR8. Qua VN dân chúng đặt cho cái tên THẦN NÔNG 8. Sau đó, cây được đem trồng tại Ấn Độ đạt năng suất lên đến 8 tấn/ hecta. Dù năng xuất có cao, nhưng hạt gạo cứng không ngon cơm. Dần dà họ cho lai tạo giống lúa năng suất cao, ngon cơm, cây ngắn dễ dàng cơ giới hóa. Có thể làm 3 vụ những nơi có nước ngọt quanh năm.

Rồi tôi được cấp phân bón, hạt giống, thuốc trừ sâu miễn phí, được cấp cho gà giống công nghiệp, thuốc chích ngừa, thức ăn. Khi bán gà tôi mới phải trả vốn. Từ đó tôi có tiền mua sách vở, có điều kiện tiếp tục đi học.

Tôi hiểu rằng phải đi học, phải trang bị cho mình một kiến

thức tối thiểu để làm hành trang vào đời. Không thể con sãi ở chùa lại mãi quét lá đa. Câu này đối với tôi không còn giá trị, tôi không chấp nhận số phận, tôi phải vượt qua định mệnh, cái nghiệp nhà nông, làm ruộng mà bao đời cha ông để lại là nghèo đói và khốn khổ quá! Bốn năm với quyết tâm và tự lực cánh sinh, với chính đôi bàn tay tôi đã lấy được mảnh bằng Tú Tài phần 1, rồi phần 2. Có được mớ kiến thức tối thiểu, tôi chọn cho mình một hướng đi và thực hiện ước mơ. Con đường vào đại học thì xa vời quá, làm sao có đủ tiền để trang trải: Tiền ăn, tiền sách vở, tiền nhà, tiền học... Có mơ tôi cũng không dám.

Những năm đầu thập niên 70 cường độ chiến tranh mỗi ngày một ác liệt, bom vẫn rơi, đạn vẫn nổ, từng xác người tiếp tục gục ngã. Chiến tranh không còn ở biên giới, ở núi rừng mà chiến tranh đã đi vào thành phố, xóm làng, từng góc phố, chiến tranh phủ cả quê hương. Chiến tranh đã và sẽ hủy diệt dân tộc tôi, người ta dùng những vũ khí hiện đại nhất, giết được nhiều người nhất, với những chiêu bài mị dân hay nhất?

Mấy thằng bạn cùng trang lứa: Thằng Lâm đầu quân vào lực lượng Biệt Hải, thằng Sở gia nhập Hải Quân. Thằng L. tình nguyện vào trường Võ Bị, thằng Vĩnh là pilot trực thăng. Thằng Đăng vừa gục ngã nơi chiến trường Quảng Trị, thằng A vừa ra trường sĩ quan Thủ Đức tử trận ở trận đánh đầu tiên. Đầu óc tôi rối bời, mình không thể sống cho riêng mình, mình không thể thờ ơ khi bạn bè lần lượt vào quân ngũ và trong số đó có những người ra đi mà không trở lại. Năm năm ở tiểu học và bảy năm dưới mái trường trung học, cảm ơn thầy cô đã trang bị cho tôi một kiến thức. Những môn học đức dục, công dân giáo dục... là chìa khóa, là cánh cửa cho tôi có một cái nhìn về dân tộc tôi, về tổ quốc tôi.

Bài học “ÔNG THẦY ĐẦU TIÊN” (*Trẻ còn ngu dại biết chi? Nhờ thầy rắn dạy khắc ghi trong lòng...*). Trường học dạy cho tôi cả “LUẬT ĐI ĐƯỜNG”. (*Ngoài đường xe cộ dập diu, em nên cẩn thận sợ nhiều rủi ro...*), dạy cho tôi lòng yêu nước

“KHỎE VÌ NƯỚC” (*Nơi tay ta toàn dân ngóng trông từng giờ, mang máu anh hùng ta đừng làm như máu anh hùng...*)

Bỏ lại sau lưng tất cả, giờ đây tôi chỉ biết quê hương tôi ngàn năm tắm tới, đất nước tôi triền miên khói lửa, hận thù, đau thương tủi nhục. Vì tôi đã lớn lên, đã trưởng thành bằng tình thương và hờn căm, tôi quyết định gia nhập vào TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM.

Với 6 trung tâm thi tuyển hơn 3.000 thí sinh mà chỉ lấy có 200 làm sao tôi vượt qua được? Hôm đi thi ở trường Nguyễn Thái Học, Quận 1 Sài Gòn, tôi lo lắng quá, hồi hộp quá. Tôi van vái từ Chúa tới Phật; rồi tới người khuất mặt, khuất mày xin phò hộ. Tôi đang cần sự trợ giúp, hôm nay tôi cần sự giúp đỡ vì bàn tay quá yếu mềm. Đây là cơ hội quyết định số phận, nếu trượt kỳ thi này coi như cánh cửa tương lai đóng sập. Thế rồi, còn gì sung sướng hơn khi tôi nhận giấy báo kết quả từ phòng tuyển sinh của trường VÕ BỊ.

Ngày vào lính, tôi ra đi thui thủi một mình, không gia đình đưa tiễn, không người thân, không bạn bè. Chỉ duy nhất người yêu, *là người bạn đời của tôi sau này*, là nguồn động lực duy nhất để tôi vượt qua chặng đường bốn năm. Chiếc xe đồ chơi tôi chạy ngang qua ngôi trường TRUNG HỌC TÂN AN, tôi nghiêng mình nhìn qua cửa sổ lần cuối, nơi để lại cho tôi bao kỷ niệm của tuổi học trò. Thầy cô còn đó, bạn bè mỗi đứa mỗi nơi, giờ sắp xa rồi mới nổi tiếc, thấy nhớ thấy thương. Đôi khi hận thầy, giận cô trong những lần không thuộc bài, hay bị điểm nhỏ. Mấy cây phượng vĩ sân trường còn đó, vẫn trơ gan cùng năm tháng, chờ ra hoa đỏ báo hiệu mùa chia ly. Vài chiếc lá vàng rơi rụng như tiễn một người vừa ra đi. Tỉnh lỵ Tân An, thành phố thân yêu, bao giờ ta mới trở lại? Người lính khi ra đi có những chuyện bất ngờ nào ai biết được? Tôi nhắm nghiền đôi mắt để ngăn đi dòng lệ. Dalat – Saigon chỉ hơn 300 cây số mà sao tôi thấy xa lạ quá? Có lẽ “*chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn?*” Mấy ai không nhớ câu trên trong bài “TÔI ĐI HỌC” của nhà văn THANH TỊNH.

Tám tuần huấn nhục ở quân trường VÕ BỊ đúng là địa ngục trần gian. Một ngày bị phạt 16 tiếng đồng hồ với những lý do hết sức vô lý, không đầu. Những tiếng la hét, những cơn thịnh nộ văng vẳng bên tai, cả trong giấc ngủ. Hai tháng cách biệt thế giới bên ngoài, không được phép thăm viếng của gia đình, không được về phép khi có người thân qua đời, không được đi bộ mà phải chạy rông cả hai tháng trời. Một số đồng đội không kham nổi, quần trí hủy hoại thân thể, tự tử, hoặc trốn về bỏ cuộc.

Điều làm tôi lo lắng là chương trình văn hóa 4 năm hết sức khắc nghiệt. Nào là phương trình tích phân, phương trình vi phân, phép biến đổi Laplace, sức chịu vật liệu, cổ thể, máy nổ, lưu chất, điện tử, mạch điện, hệ thống xa lộ, phi trường... Tôi nhức đầu quá, mình đi lính mà đâu có muốn học mà nếu có thì cũng ít thôi vừa phải thôi.

Rồi nào là thống kê, tâm lý, hành chánh công quyền, tư tưởng, kinh tế, canh nông, luật học, sử VIỆT, sử thế giới... Hơn 65 môn học mà với cái bằng Tú Tài toán của tôi chẳng có chút tự tin. Chỉ có thể đứng đầu danh sách của những người bị loại trả về dân chính hay qua những quân trường khác. Lúc nào tôi cũng lo sợ thiếu điểm bị loại, sợ không qua được cái tiêu chuẩn điểm trung bình quái ác 2.5/ 4.00 thay vì 2.00/ 4.00 (cách cho điểm theo trường Võ Bị West Point, Hoa Kỳ). Lớp học chỉ có 16 SVSQ, bốn phía là bảng. Một năm học 9 tháng văn hóa, không có chuyện học tà tà như tôi nghĩ khi vào lính. Đi lính rồi mình đâu cần phải học nhiều, tôi đã làm.



Giấy báo trúng tuyển vào Khóa 27 TVBQGVN.

Rồi 4 năm trôi qua với những gian khổ, ý chí nghị lực với quyết tâm tự thắng chính mình, tôi quỳ xuống nhận cấp bậc thiếu úy trong ngày lễ tốt nghiệp. Nước mắt tôi ràng rụa, khóc vì sung sướng, khóc vì tự hào, khóc vì hãnh diện. Bốn năm qua tôi đã trả giá bằng mồ hôi, bằng nước mắt, bằng biết bao hình phạt, biết bao chấn chỉnh cho những sai lầm, cho những bê bối. Kể từ hôm nay mọi sai lầm nếu có sẽ được trả bằng máu, bằng thân xác của đồng đội, thậm chí mạng sống của bản thân mình, mặc dù tôi vẫn biết rằng con đường binh nghiệp trước mắt *không bằng phẳng và không an lạc dễ dàng*.

Trường Võ BỊ dạy cho tôi biết *yêu quê hương, biết yêu tổ quốc; dạy cho tôi đâu là tình thương và sự hờn căm, đâu là vinh quang và tủi nhục; dạy cho tôi biết trung thành với tổ quốc và biết hy sinh tuyệt đối*.

Rồi ngày 30/4 /1975 lại đến, tôi không thể tin nổi nhưng đó là sự thật. Đất trời như sụp đổ, tôi gục ngã. Tôi mất tất cả, sự nghiệp trắng tay, gia đình bỏ rơi, người thân xa lánh. *Chỉ còn người bạn đời và tình yêu ở lại, tất cả đã ra đi như theo nỗi trôi của vận nước*. Tôi muốn làm một cái gì đó cho tổ quốc tôi, tôi muốn đóng góp thật nhiều cho dân tộc tôi, dù sự đóng góp của mình có muộn màng, có bé nhỏ. Tôi đã và đang làm hết sức mình.

*Bất hạnh của gia đình mang theo nỗi buồn TUỔI THƠ.
Nghiệt ngã của đất nước chôn vùi đi mọi ƯỚC VỌNG.*





QUYẾT ĐẦU TRANH

*Minh-Nguyệt, K17/1
(Nam Sinh Tín)*

THÁNG TƯ ĐEN

Mỗi lần đến Tháng Tư Đen
Ngày ba mươi (30) đó không quên bao giờ
Nước nhà hỗn loạn xác xơ
Người đi kẻ ở bơ vơ lạc loài

*Việt Cộng xâm chiếm đất đai
Khiến dân đau khổ hàng ngày than van
Lính bị đầy đoạ bắt giam
Trẻ em đói rách lang thang ngoài đường*

Bao nhiêu tang tóc đau thương
Khiến người dân phải tìm đường thoát thân
Trốn chui bị bắt bao lần
Bị họ tra tấn giam cầm nhốt vô
*Người thoát ly tìm tự do
Phải lênh đênh giữa gay go biển trời*

*Bão mưa tới tấp khắp nơi
Tắm thân vùi dập tả tơi khổ đời*

Ly hương cách biệt ngàn khơi
Hương về quê mẹ mà rơi lệ nhiều

Thảm thoát đã gần nửa thế kỷ kể từ ngày 30 tháng Tư năm 1975, vậy mà người dân trong nước vẫn phải điều đứng chống chọi với những thảm họa do chính con người và bọn cầm quyền Cộng Sản liên tục xảy ra trên quê hương Việt Nam. Dưới chế độ Cộng Sản, biết bao nhiêu gia đình đã bị ly tán vì chồng con của họ; những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà đã bị bắt giam và bị đày đoạ nơi lao tù; dân chúng bị mất đi nhân quyền và tự do tín ngưỡng; đàn bà con gái bị rao bán như món hàng làm nô lệ tình dục; trẻ em bị bắt cóc bán ra nước ngoài; người dân bị hảm hại lấy đi nội tạng; Formosa xả thải ra làm hủy hại môi trường gây thiệt hại cá chết ngoài sông biển; người đứng lên đấu tranh cho công bằng bị bắt bớ và bị hành hạ rên xiết trong ngục tù; các thương binh Việt Nam Cộng Hoà phải sống trong tình huống binh hoạn vì không nhận được sự giúp đỡ; học sinh gặp trở ngại rất khó khăn phải leo cầu dây băng qua sông để đi đến trường học; Hoàng Sa và Trường Sa bị lọt vào tay Tàu Cộng, và còn nhiều thảm cảnh khác.

Ròng rã suốt bao nhiêu năm trời, người dân trong nước vẫn phải chịu đựng những uất ức đè nén phần nộ trong lòng. Dù luôn luôn bị đàn áp, họ vẫn luôn kiên trì tranh đấu để lên án tội ác của Cộng Sản, đòi lại công bằng, tự do và nhân quyền, phản đối bạo hành và đàn áp, và phản đối những điều luật vô lý gây tổn hại trầm trọng cho đất nước.

Đối với người Việt Nam sống trên các nước tự do ở hải ngoại, với lòng yêu quê hương, mỗi người đều có suy tư và trách nhiệm đối với việc thịnh suy, còn mất của đất nước. Để yểm trợ dân trong nước và duy trì ngọn lửa đấu tranh, các phong trào chống Cộng ở khắp nơi trên thế giới đã tổ chức các

cuộc biểu tình bất bạo động và những buổi ca nhạc đấu tranh.

ĐẤU TRANH

Dân trong nước cùng nhau tranh đấu
Kẻ lưu vong yểm trợ đấu tranh
Dân quốc nội cương quyết vùng lên
Người hải ngoại tăng thêm công sức

*Cùng đấu tranh bảo vệ non nước
Diệt Cộng nô bè lũ ương hèn
Đuổi Tà cộng mạnh tâm xâm lấn
Cho quê mẹ êm ấm bình yên*

Tại thành phố Westminster thuộc Quận Cam (Orange County), Nam California-Hoa Kỳ, Liên Ủy Ban Chống Cộng Sản & Tay Sai đã liên tục tổ chức những buổi biểu tình, xuống đường để yểm trợ quốc nội, phản đối Dự Luật Đặc Khu Kinh Tế của CS Việt Nam và Tuyên Cáo phản đối Luật An Ninh Mạng của CSVN, chống Trung Cộng cướp nước, chống Việt Cộng bán nước, phản đối hành động dã man của nhà cầm quyền CSVN đã tàn phá, cướp bóc nhà cửa ruộng vườn của người dân.

Nơi Tượng Đài Đức Trần Hưng Đạo, đã có rất nhiều người đồng hương Việt Nam bất phân tuổi tác đến tham gia biểu tình thật đông đảo. Có những vị cao niên khoảng 80-90 tuổi, các cựu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà, và một vài người dù ngồi xe lăn cũng cố gắng đến biểu tình. Những biểu ngữ với những câu: *Red China Get Out Of Vietnam*, *Đảng Cộng Sản Việt Nam Hèn Với Giặc Ác Với Dân*, cùng với cờ Vàng hoạc cờ Mỹ được đồng bào vẫy, cùng với các lời hô và những bài hát tranh đấu chống CS. Trên cao giữa bầu trời, có giăng những biểu ngữ rất lớn như: *Tinh Thần Diên Hồng Bất Diệt*, *Toàn Dân Việt Nam Vùng Lên*, *Yểm Trợ Quốc Nội Giải Th體 Việt Cộng*, *Chống Tà Giữ Nước*. Một số người đã mặc áo có in chữ *Toàn Dân Vùng Lên Cứu Nước-Together We Liberate Vietnam*. Quân dân cán chính, mọi người sẵn sàng đứng sắp hàng để chuẩn bị làm theo

hướng dẫn của ban tổ chức.

Khởi đầu là thủ tục chào cờ, tưởng niệm vong linh các tiền nhân và tử sĩ đã vì quốc vong thân, tưởng niệm linh hồn những người đã bị tử vong trên con đường đi tìm tự do. Tiếp theo là phát biểu của các quý vị lãnh đạo các Tôn Giáo, các hội đoàn, các dân biểu và nghị viên thành phố. Sau đó, cả đoàn người thật dài, với những lá cờ Vàng, cờ Mỹ, và biểu ngữ chống cộng, lần lượt theo nhau bước trên hè phố, liên tục hô *Đả Đảo, Vùng Lên Diệt Trừ Việt Cộng Bán Nước, Đuổi Tàu Cộng Ra Khỏi Nước Việt Nam*.

Sát cánh bên nhau, những người tham gia biểu tình, trong tinh thần tự nguyện, đã không quản ngại nắng mưa mà vẫn đến. Dù đôi tay có mỏi vì giương cao lá cờ cho bay phất phới trước gió thổi thật mạnh, dù đôi chân có bị đau nhức vì cố gắng đi từ ngã tư này đến ngã tư khác, họ vẫn hăng hái, theo tiếng loa của người dẫn đầu, vung tay lên hô hào *Đả Đảo* thật lớn. Những tiếng còi xe trên đường lưu thông đã liên tục kêu oang oang để khuyến khích và ủng hộ, khiến đoàn người biểu tình hăng hái thêm, hô hào thật to *Hãy Vùng Lên, quyết tâm giải thể chế độ cộng sản, đuổi Tàu cộng mạnh tâm xâm chiếm nước ta*. Đoàn người biểu tình đi trên nhiều con đường thật dài, rồi sau đó quay trở lại và tiếp tục đi thẳng đến địa điểm đã hẹn để cùng tham gia chương trình hát nhạc đấu tranh. Những bài hùng ca đã được trình bày liên tục như:

- Thẻ Không Phản Bội Quê Hương (Cục Chính Huấn)

(... Quyết chiến, thẻ quyết chiến quyết chiến, đánh cho cùng dù mình phải chết, để mai này về sau con cháu ta sống còn...)

- Những Người Trai Nước Việt (Nguyệt Ánh)

(...Hãy tiến lên, hiên ngang đi tới, trước quân thù, nào sợ hy sinh;... thời ta ra gánh vác chuyện non sông, cho xứng đáng con rồng tiên anh dũng... liều thân sống giữ gìn nước Nam)

- Hát Cho Saigon Quật Khởi (Nguyệt Ánh)

(...Đòi lá phiếu tự do, đòi phố cũ đường xưa, khắp quê hương cháy bùng lửa thiêng tranh đấu, giành tiếng nói người dân, giành tác đất nhà nông, nơi nơi đã vang rền lời gọi non sông...)

- Xin Hãy Làm Ánh Đuốc (Nguyệt Ánh)

*(...Anh em ơi xin hãy làm ánh đuốc
Trong đêm dài sáng lên triệu mầm tương lai
Mai Lam Sơn phát cao cờ phục quốc
Một Triệu Trung dục chiêng trống Mê Linh vang trời...
...Truyền cho nhau máu sương dòng anh hùng
Đốt thêm đuốc tiên rồng bùng hùng khí cứu non sông...)*

Những lời nhạc đã vang dội khắp không trung và khơi động nhiệt huyết đấu tranh, khiến cho tất cả mọi người vừa nhịp tay vừa đồng ca thật náo nhiệt. Khi buổi biểu tình chấm dứt, trước khi ra về họ đã không quên nhắc nhủ nhau là lần tới sẽ trở lại biểu tình cùng với gia đình và thân hữu cho thêm phần đông đảo.

Hội Cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam luôn sát cánh cùng đồng bào trong những buổi biểu tình.

Đất nước đang điêu linh, Đảng CSVN, dưới vòng kiểm toả của Trung Cộng, đang áp bức toàn dân trong nước lấy nhà cướp đất. Trung Cộng đang mưu đồ xâm chiếm nước ta. Toàn dân Việt trong nước và ở hải ngoại không thể thờ ơ, cần phải đồng tâm nhiệt tình đấu tranh để đất nước không bị mất vào tay Trung Cộng, phải kiên trì đấu tranh để bảo vệ quê cha đất tổ, khôi phục truyền thống đạo đức và văn hóa của giòng giống tiên rồng.

BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC

Xin bảo vệ đất nước ta
thoát khỏi nguy cơ giặc tới nhà,
xin đừng thờ ơ không màng tới,
hãy cùng tranh đấu cứu sơn hà.

*Bao người đang cố gắng mà
chặn ngăn bè lũ cướp đất ta
xin hãy vì dân vì tổ quốc
diệt sạch Cộng nô quyết không tha*

Cùng nhau đoàn kết bạn cùng ta
nối vòng tay lớn rộng bao la
năm châu bốn bể thành sức mạnh
giải cứu non sông thoát quỷ tà

Sinh Hoạt Hội Võ Bị & Đoàn TTNDH Pennsylvania và Vùng Phụ Cận.

MỪNG XUÂN KỶ HỢI

Ảnh do Đỗ Nguyễn Nhật Khai, K201/2 gửi

*CSVSQ Pennsylvania và vùng Phụ Cận.
(CSVSQ Nguyễn Văn Dục, K17 đứng bên trái.)*



Một ảnh kỷ niệm của các CSVSQ Pennsylvania và Vùng Phụ Cận. (CSVSQ Nguyễn Văn Dục, K17 đứng bên trái.)



Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Pennsylvania và Phụ Cận. (Cô Đỗ Nguyễn Nhật Khai, K20/2, Đoàn Trưởng đứng bên phải)





Gia đình các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu - Một thế hệ tiếp nối mới.



Quà Tết cho các cháu.

Lá thư San Jose viết về ngày Quốc Hận.

NHỮNG NGƯỜI LÍNH GIÀ KHÔNG BAO GIỜ CHẾT...

Hạ Bá Chung, K10

Ngàn vạn người lính già trên thế giới, bất kể màu da, bất kể sắc tộc, bất kể địa phương nào, mỗi khi nghe lời nói vang vọng lên, “*Những người lính già không bao giờ chết*”, thì tự đáy lòng họ dâng lên nỗi niềm vừa ưu tư vừa ngọt ngào của một thời tay cầm vũ khí, khoác áo chiến y, xông pha trong vòng lửa đạn để bảo vệ tổ quốc thân yêu.

Ý nghĩa câu, “*Những người lính già không bao giờ chết*” thật trong sáng, ai cũng hiểu là, có người lính già nào mà không chết đâu! Tuy vậy, họ vẫn sống mãi trong lòng dân tộc vì họ đã hy sinh đời mình để bảo vệ hạnh phúc của người dân.

“*Old soldiers never die. They just fade away.*” Về câu đầu đã mang lại cho người lính niềm tự hào. Về về thứ hai, “*They just fade away,*” muốn nhắn nhủ gì với hậu thế của Đại Tướng Douglas Mac Arthur? Hầu hết các sách báo thường dịch là, “*Những người lính già không bao giờ chết. Họ chỉ mờ nhạt dần đi,*” hay, “*Những người lính già không bao giờ chết. Họ chợt biến mất.*”⁽¹⁾ Có đúng vậy sao? Chẳng nhẽ lời nói của Đại Tướng Mac Arthur, Tư Lệnh Quân Đội Đồng Minh trong chiến tranh Triều Tiên, đã làm rơi lệ của các dân biểu, thượng nghị sĩ lưỡng viện Hoa Kỳ mà lại có phần ngơ ngẩn như vậy sao?

Chi bằng mời bạn đọc cùng tôi giở lại vài trang tài liệu để trả câu ngạn ngữ này vào trong bối cảnh lịch sử...

“*Old soldiers never die...*” là một ngạn ngữ tiếng Anh ở trong bài hát được truyền tụng trong dân gian:

*Old soldiers never die,
Never die, never die.
Old soldiers never die.
They simply fade away.*

Ngạn ngữ này được nổi tiếng khắp thế giới, vì Đại Tướng Douglas Mac Arthur đã đề cập tới trong bài diễn văn điều trần trước lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ, trước khi giã từ quân ngũ, vào sáng ngày 19 tháng 4 năm 1951.

Vào ngày 11 tháng 4 năm 1951, Tổng Thống Harry Truman cách chức Đại Tướng Mac Arthur và tước vị Tư Lệnh Binh Đoàn Hoa Kỳ trong chiến tranh Triều Tiên, chỉ vì Tướng Mac Arthur đã công khai chỉ trích Tổng Thống Truman từ chối yêu cầu của ông ta về việc sử dụng bom nguyên tử, tiêu diệt quân Cộng Sản Tàu để trả đũa chúng đã gởi quân sang Triều Tiên chống lại quân đội Hoa Kỳ.

Tướng Mac Arthur triệt để tin tưởng rằng, nhằm ngăn chặn quân đội Cộng Sản tràn xuống vùng Đông Nam Á, Hoa Kỳ phải ném bom nguyên tử tiêu diệt quân đội Trung Cộng. Tướng Mac Arthur còn viết một lá thư chỉ trích quyết định của Tổng Thống Truman nhằm né tránh chiến tranh trực tiếp với Trung Cộng. Lá thư này được gởi tới đảng Cộng Hòa đang nắm đa số tại Quốc Hội, mà Chủ Tịch Hạ Viện của đảng Cộng Hòa, ông Joseph William Martin Jr., lớn tiếng đọc lá thư này trước Đại Hội Đồng Quốc Hội vào ngày 5 tháng 4 năm 1951. Sáu ngày sau, Tổng Thống Truman, đảng Dân Chủ, cách chức Đại Tướng Mac Arthur, đảng Cộng Hòa.

Quốc Hội dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Hòa mời Đại Tướng Mac Arthur đọc diễn văn trước Hội Đồng Lưỡng Viện vào ngày 19 tháng 4 năm 1951.

Sau đây là tóm lược bài diễn văn...

Rất nhiều quốc gia trên thế giới, đang nghe qua đài phát thanh là, Đại Tướng Douglas Mac Arthur đã điều trần trước lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ vào trưa ngày thứ Năm 19-4-1951. Hội Đồng Lưỡng Viện Quốc Hội vô cùng sững sờ khi thấy Đại Tướng Mac Arthur vừa bị cách chức Tư Lệnh tại mặt trận Triều Tiên, vài ngày trước đây do sắc lệnh của Tổng Thống Truman. Khi Tướng Mac Arthur dứt lời, hội trường đông nghẹt người, đều roi lệ và đứng lên vỗ tay liên miên không dứt.

Nhiều nhà lập pháp tiên đoán, Tướng Mac Arthur sẽ là ứng cử viên Tổng Thống đầy triển vọng của đảng Cộng Hòa vào kỳ bầu cử Tổng Thống vào năm 1952 sắp tới.



Đại Tướng Douglas Mac Arthur

Khủng hoảng chính trị kéo dài nhiều tháng, khi đó tướng Mac Arthur còn có tự do lựa chọn kế hoạch hành quân, tiến đánh liên quân Bắc Triều Tiên – Trung Cộng trong suốt 10 tháng ở khắp nơi trên lãnh thổ Triều Tiên. Quân Bắc Triều Tiên đã xâm nhập miền Nam vào ngày 20-6-1950, tiến đánh như vũ bão, đẩy lùi quân Nam Triều Tiên khắp mặt trận. Do Hoa Kỳ kiến nghị, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc nhanh chóng chấp thuận tung quân ra ngăn chặn sự xâm lược.

Tướng Mac Arthur, Tư Lệnh tối cao của Lực Lượng Đồng Minh đang trú đóng tại Tokyo, được ủy nhiệm quyền chỉ huy. Tuy vậy, Liên Minh Hoa Kỳ - Nam Triều Tiên vẫn bị đẩy lui gần như bật ra khỏi lãnh thổ Triều Tiên vào tháng 8, chỉ còn

bám giữ ở một chu vi nhỏ hẹp ở phía Đông Nam hải cảng Pusan. Tình thế rất là ảm đạm.

Thứ Tư ngày 13 tháng 9, tướng Mac Arthur chuyển bại thành thắng, bằng cuộc đổ bộ đầy mạo hiểm và dũng cảm về phía Tây cảng Inchon, rất gần thủ đô Seoul, chớp nhoáng cắt đứt đường tiếp vận của quân Bắc Triều Tiên, chuyển tới mặt trận ở phương Nam.

Ngay sau đó, lực lượng liên minh Liên Hiệp Quốc, mũi nhọn là quân đội Hoa Kỳ, đẩy lui liên minh Bắc Triều Tiên – Trung Cộng tới sát bờ sông Yalu gần biên giới Triều Tiên và Trung Cộng.

Đại Tướng Mac Arthur và Tổng Thống Truman đáp phi cơ đến đảo Wake trên Thái Bình Dương để hội ngộ và đặt kế hoạch tiếp theo cho cuộc chiến.

Tuy nhiên vào tháng 11, mặt trận lại biến động dữ dội vì lực lượng “chí nguyện quân” Trung Cộng tấn công khắp mặt trận trên tuyến đóng quân của liên minh Liên Hiệp Quốc trong một mùa Đông vô cùng băng giá. Quân miền Bắc đẩy lui quân miền Nam ở khắp mặt trận. Trong năm 1951, mặt trận dưới mô hình càn quét lưỡng đầu, hai bên dàn quân đối đầu dọc theo vĩ tuyến 38. Tình thế rơi vào bế tắc, vì chẳng có lực lượng bên nào có khả năng tiêu diệt bên kia.

Để giải quyết bế tắc trong trận chiến này, Tướng Mac Arthur đã thất bại trong việc yêu cầu Bộ Tổng Tham Mưu chấp thuận một trong hai kiến nghị.

- Một là điều động quân Trung Hoa Đài Loan do Tổng Thống Tưởng Giới Thạch, Quốc Dân Đảng lãnh đạo, vừa tháo chạy ra khỏi lục địa 2 năm trước đây, được tham chiến ở mặt trận Triều Tiên.

- Hai là sử dụng lực lượng ưu thế của không quân thả bom tàn phá các căn cứ tiếp vận của Cộng quân trên lãnh thổ Trung Cộng, nhằm cắt đứt nguồn tiếp tế của Cộng quân ngoài mặt trận.

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Thống Truman, Bộ Tổng Tham Mưu bác bỏ kiến nghị trên, chỉ chủ trương giới hạn cuộc chiến này ở mức độ quân bằng, bên ta tăng thêm quân thì bên địch cũng tăng thêm quân, mức tổn thất sẽ cao hơn, và lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới giữa hai miền Nam, Bắc Triều Tiên.

Tình hình như vậy làm Tướng Mac Arthur nôn nóng, bèn quay sang cầu cứu các nhà lập pháp Hoa Kỳ, đi theo con đường dân sự để giải quyết vấn đề quân sự, qua sự hỗ trợ của đảng Cộng Hòa để gây áp lực với Tổng Thống Truman nhằm mở rộng thành phần quân đội đồng minh tham chiến ở Triều Tiên. Và chuyện thường lệ xảy ra ở Hoa Thịnh Đốn, xưa nay là vậy, vài lá thư của Tướng Mac Arthur trao đổi với lãnh đạo của đảng Cộng Hòa, bị lọt vào tay của giới truyền thông Hoa Kỳ.

Tổng Thống Truman kết tội Tướng Mac Arthur bất tuân hệ thống quân giai vì đã đi tìm đường hướng chính trị để thực hiện giải pháp quân sự. Bộ Tổng Tham Mưu cuối cùng đồng ý bỏ phiếu là, Đại Tướng Mac Arthur phải bị cách chức và thay thế. Tổng Thống Truman chấp thuận và Tướng Mac Arthur giã từ quân đội trở về quê nhà và hơn 10 năm sau, không một ai trông thấy ông ta ở đâu cả.

Trở lại tháng 4 năm 1951, Tướng Mac Arthur được mời đến đọc diễn văn trước Hội Đồng Lưỡng Viện Hoa Kỳ.

Đây là bài diễn văn quan trọng nhất của Tướng Mac Arthur, tóm lược cuộc đời binh nghiệp của mình và những lý lẽ chính yếu trong cuộc tranh luận với Tổng Thống Truman về cuộc chiến tranh đẫm máu ở Triều Tiên. Ông ta biểu lộ vô cùng cảm ơn các vị dân biểu, thượng nghị sĩ, đã lắng nghe ông ta và tuyên dương công trạng xuất sắc của ông ta như một vị anh hùng kiệt xuất trong thời chiến và người dân Hoa Kỳ cũng đồng lòng như vậy. Cuối bài diễn văn, lời trần tình của ông ta nói lên sự chấm dứt cuộc đời binh nghiệp và giã từ quân đội.

Ngày nay, nhiều người dân chắc chắn ủng hộ quyết định

của Tổng Thống Truman đã không sử dụng bom nguyên tử tiêu diệt liên minh quân Cộng Sản nhằm tránh Thế Chiến lần thứ III và nhìn nhận sự cách chức Tướng Mac Arthur thuộc về quyền hạn của một vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội.

Nhưng năm 1951, Tổng Thống Truman cách chức Tướng Mac Arthur có nhiều khả năng gây ra tranh luận là, Tổng Thống Truman đã làm như vậy vì nhằm đập đổ một thần tượng của đảng Cộng Hòa, một ứng cử viên Tổng Thống đầy triển vọng vào năm 1952 sắp tới.

Để giải thích rõ ngạn ngữ, “*Old soldiers never die. They just fade away*”, có lẽ chúng ta phải luận cứ vào đoạn cuối bài diễn văn, được đọc trước Lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ của Đại Tướng Mac Arthur. ⁽²⁾

*“Khi tôi gia nhập quân đội Hoa Kỳ, khoảng đầu thế kỷ XX, đó là những hy vọng và mơ ước thời niên thiếu của tôi, đã trở thành hiện thực. Thế giới đã thay đổi trầm trọng kể từ khi tôi tuyên thệ tại Vũ Đình Trường của Học Viện Quân Sự West Point, và những hy vọng và mơ ước ngày xưa đã tan biến. Nhưng tôi vẫn nhớ được điệp khúc của một bài hát trong dân gian, được phổ cập trong doanh trại lính ngày đó. Điệp khúc nói lên niềm kiêu hãnh tuyệt vời là, **“Những người lính thời chiến tranh (old soldiers) không bao giờ chết,”** nhưng thời gian lặng lẽ trôi qua, người đời sẽ lãng quên họ. Và cũng như người lính già trong bài ca dân gian này, giờ đây tôi già từ cuộc đời binh nghiệp và rồi thời gian cũng trôi qua, người đời sẽ quên tôi, quên đi một người lính trong thời chiến, đã cố gắng hoàn thành trách nhiệm của mình, vì Đức Chúa Trời đã giao phó cho hầy, dưới ánh sáng của Chúa để nhìn thấy rõ nhiệm vụ của mình. Chào Tạm Biệt.”*

* * *

Trời đã về khuya. Không gian vùng chân núi Niles, Fremont Bắc Cali thật êm ả, tĩnh mịch.

Bài viết xong, người lính già Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt buông

cây viết xuống, thông thả pha một bình trà, vừa nhâm nhi trà nóng, vừa đọc lại bài viết, chợt thấy cảm thông được lời nói của Tướng Mac Arthur, “*Old soldiers never die. They just fade away,*” còn có ẩn dụ một ý nghĩa là, “***Chỉ cần người đời còn nhớ đến những người lính thời chiến tranh, họ sẽ không bao giờ chết.***”

Nhưng thử hỏi trong mấy chúng ta, có ai còn nhớ tới họ không? Đây là ẩn ý sau nỗi niềm đầy cay đắng của một vị Tướng 5 sao Mac Arthur đã làm các nhà lập pháp Lưỡng Viện Hoa Kỳ, nước mất tuôn dòng, thương tiếc một vị anh hùng tài trí tuyệt vời, lấy cuộc đời binh nghiệp làm lẽ sống, mà buộc phải giã từ vũ khí vào lúc tuổi mới xế chiều.

Chuyện xưa, vào ngày 30-4-1975, hơn một triệu quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa tự động tan hàng, vì sự phản bội của quân bạn đồng minh, mặc dầu các nhà quân sự tài ba, đều đánh giá là, kinh nghiệm chiến đấu trên chiến trường, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa được xếp hạng thứ 3 trên thế giới. Mất nước, họ sống lưu vong ở nhiều quốc gia, đại đa số tại Hoa Kỳ.



*Trung Tá Hạ Bá Chung,
năm 1973.*

* * *

Tôi tốt nghiệp Khóa 10 trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam cùng với Tướng Lê Minh Đảo. Mỗi khi Tướng Đảo tới San Jose, đều dành chút thời giờ ăn nhậu, mầy mầy tao tao, với các bạn cùng khóa. Một hôm, trong lúc tửu nhập ngôn xuất, tôi nghe được tâm sự của Tướng Đảo là, *mong muốn thành*

lập được một hội trí thức trẻ, ưu tú, có danh vọng và tiền bạc trong xã hội Mỹ, trong các hậu duệ của các cựu quân nhân VNCH đang sống tại hải ngoại, để hướng dẫn và hỗ trợ họ đi vào sinh hoạt trong dòng chính trị của xã hội Hoa Kỳ, trên con đường dân cử vào Quốc Hội Hoa Kỳ, dù tiểu bang hay liên bang nhằm nói lên tiếng nói của người Việt tị nạn Cộng Sản.

Sau đó, khoảng cuối năm 2004, trong một lần gặp mặt tại tư gia của Trung Tá Nguyễn Văn Xuân, bạn cùng khóa ở San Jose, Tướng Đảo lúc đó quay sang nói với tôi:

- “Nè Chung! Tao nhắm vào thằng con Thạc Sĩ Kiến Trúc của mày làm lá bài tẩy (lá bài giấu kín) của tao, để sau này hướng dẫn nó vào Quốc Hội Hoa Kỳ. Tao được biết nó trong ngày Đại Hội Tổng Hội năm 1998 tại San Jose. Khi đó nó đại diện Tổng Đoàn Thanh Niên Đa Hiệu đọc tiểu luận trước đại hội. Vậy là thằng này có tinh thần sinh hoạt đoàn thể. Nó thông minh hoạt bát, phẩm chất thanh tao, nói năng lễ độ là đúng các tiêu chuẩn lá bài tẩy của tao.”

Tôi bèn thông thả trả lời:

- “Mày còn quên một điều, muốn sinh hoạt thành công ở viện dân biểu thì lá bài tẩy của mày, điều kiện cần và đủ, là phải tốt nghiệp trường Luật. Tuy nhiên, theo tao biết, cỡ Tiến sĩ Luật thì chưa có, chứ cỡ Thạc sĩ, cử nhân Luật trong đám hậu duệ Võ Bị Đà Lạt chẳng phải là thứ người khó kiếm. Có điều chúng nó có chịu làm lá bài tẩy của mày hay không, lại là chuyện khác.”

Tướng Đảo cười khà khà nói:

- “Wait and see. Tao có nguyên tắc của tao. Muốn câu được con cá to, mày phải kiên nhẫn. Thế thôi.”

Cảm hứng tôi viết bài này, cũng là do mấy ngày gần đây, vào đầu tháng 3 năm 2019, các đài truyền hình Mỹ loan tin náo động lên vì lời tuyên ngôn chống Do Thái của một phụ nữ mới ngoài 30 tuổi Ilhan Omar gốc dân Hồi Giáo, vừa đắc cử vào Hạ Viện Liên Bang Hoa Kỳ. Lời phát ngôn giọng điệu

chống Do Thái đàn áp sắc tộc Ả Rập, làm Lương Viện Hoa Kỳ nổi sóng to, gió lớn. Đó đúng là đường hướng tranh đấu của các sắc tộc thiểu số, sinh sống trên đất Mỹ. Và đó cũng là tâm tư của Tướng Đảo.

Giờ đây, thử hỏi có bao nhiêu người Nhật ở thành phố San Jose, mà dân biểu liên bang Honda đắc cử mấy nhiệm kỳ liền? Thử hỏi có bao nhiêu người Trung Hoa Đài Loan ở thành phố San Jose mà dân biểu tiểu bang Chu đắc cử mấy nhiệm kỳ liền? Chẳng phải là, họ có cả một cộng đồng nắm chặt tay nhau, đứng ở sau lưng họ sao?

Đăm đăm nhìn vào tách trà tỏa hương thơm ngát, người lính già Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt, thầm nghĩ, “Có bao giờ những người lính già trong chiến tranh Việt Nam, đang cư trú đông đảo ở các thành phố lớn như San Jose, Westminster, Houston, Washington - DC sẵn sàng ngồi lại với nhau để đồng tâm lựa chọn và hỗ trợ về nhân lực, tài lực, và trí lực cho một hậu duệ của các cựu quân nhân Quân Lực VNCH đắc cử vào Quốc Hội Hoa Kỳ? Chúng ta có thể làm được hay không, khi có một số người nghĩ rằng việc việc ngồi lại với nhau là rất khó khăn?”

Thử hỏi, có khó bằng Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù tử thủ trên ngọn đồi Charlie cao nguyên Trung phần, đã chịu đựng liên tục những trận mưa pháo kích của các giàn đại bác 130 ly của Việt Cộng? Thử hỏi, có khó bằng việc tiến chiếm lại cố thành Quảng Trị, mà gần hai ngàn dũng sĩ Thủy Quân Lục Chiến bỏ mạng trên đường tiến quân?

Giờ đây chúng ta sống lưu vong bẽ bàng ở xứ người, ngần ngừ nhìn vòng hào quang “*Những người lính già không bao giờ chết,*” đang chập chờn sắp tắt. Vậy thử hỏi, người đời còn thấy gì đâu, để mà nhớ tới, để mà lãng quên? Có chăng chỉ còn nghe thấy một tiếng thở dài não ruột!

Ca dao của dân tộc Việt:

**“Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”**

Chú thích:

(1) Trong Đặc San Đa Hiệu số 40, tôi đã viết bài, “Nghệ Thuật Phiên Dịch” diễn giải 3 phương pháp phiên dịch là:

1. Dịch Nguyên bản
2. Dịch Thoát nghĩa
3. Dịch Phóng tác

Hai câu này được chuyển ngữ bằng phương pháp dịch Nguyên bản.

(2) Đoạn cuối bài diễn văn này được chuyển ngữ theo phương pháp dịch Thoát nghĩa. Nguyên văn là:

“When I joined the Army, even before the turn of the century, it was the fulfillment of all of my boyish hopes and dreams. The world has turned over many times since I took the oath on the plain at West Point, and the hopes and dreams have long since vanished, but I still remember the refrain of one of the most popular barrack ballads of that day which proclaimed most proudly that “old soldiers never die, they just fade away.” And like the old soldier of that ballad, I now close my military career and just fade away, an old soldier who tried to do his duty as God gave him the light to see that duty. Good-bye.”

Tài liệu tham khảo được trích dẫn từ bài luận án của Christopher Sterling lưu trữ tại Văn khố Quốc Gia vào năm 2004.

TẠP GHI

NHỮNG TÂM TÌNH GÓP NHẬP

Lê Văn Điền, K/25

“Biệt ly!..... Nhớ thương từ đây.”

Hình ảnh người phụ nữ đội chiếc nón lá cũ kỹ trong bộ đồ bà ba bạc màu, đôi mắt nhìn theo chiếc ghe nhỏ chở toán người trôi dọc con sông vùng Mỹ Tho vào một sáng tinh sương, chính là hình ảnh cuối cùng mà tôi nhìn thấy mẹ, khi tôi trên đoạn hành trình vượt biển rời bỏ Việt Nam, bỏ lại Ba Mẹ thân yêu để vượt thoát chế độ Cộng Sản VN. Tôi nhớ rất rõ hình ảnh Mẹ đi dọc bờ sông, ẩn hiện trong hàng dừa cao nghiêng nghiêng, mắt nhìn theo chiếc ghe con chạy dọc dưới bờ. Mẹ như muốn ghi lại trong ký ức của mình, hình ảnh, gương mặt, màu áo, dáng hình của các con, cháu thương yêu lần cuối cùng, vì ngay trong tâm trí người đi và kẻ ở lại, là giây phút nói lời “vĩnh biệt”. Nước mắt tôi đầm đìa trên má, vì tôi biết rằng đây là lần cuối cùng. Bóng mẹ xa xa và khuất dần sau các hàng dừa xanh biếc.

Hôm nay, ngồi ghi lại hoài niệm này, tôi đã khóc. Khóc như đứa trẻ thơ, không biết tại sao tôi lại thương yêu và nhớ mẹ đến thế! Nhớ lại ngày còn đi học, đọc những mẫu chuyện về chia ly, xem nhưng cuốn phim đình đám một thời, tôi chỉ có thể “thông cảm” khi thấy cảnh chia tay của người khác. Đơn giản vậy thôi. Nhưng đến khi chính mình phải đối diện với giây phút vĩnh biệt người thân yêu, thì quả thật là một kỷ

niệm đau buồn. Trong quãng thời gian định cư tại Úc, bương trải cuộc đời, bảo bọc con cái, lúc ấy, tôi mới hiểu thấu đáo tình mẫu tử bao la. Nhớ lúc còn nhỏ, tinh nghịch bị mẹ đánh đòn, tôi thật lì lợm dù biết là rất đau, vẫn không hề khóc. Mẹ càng đánh, tôi càng lì vì tự ái. Tôi đâu biết rằng, tôi đau một thì mẹ đau mười. Khi đã làm cha mẹ, tôi mới hiểu được tình yêu thiêng liêng này. Tuổi trẻ thật nông nổi và khờ dại.

Mấy mươi năm sau, có dịp trở về chôn cũ, thì Ba Mẹ đã nằm sâu dưới lòng đất lạnh. Nghĩa địa hoang vắng, lạnh lùng như muốn nhắc nhở đời người là phù vân, sương khói!! Bất chợt lòng tôi lại nghĩ ra, một ngày nào đó, sau khi trả hết nợ nhân gian, tôi sẽ “về” nằm bên mẹ, dù chỉ là một nắm tro tàn!!

Australia với đời tỵ nạn.

Không hề phân biệt, và tôi cũng không có tư cách gì để phân biệt người khác, nhưng một thực tế rất rõ ràng là, khi làm giấy tờ ở các trại tỵ nạn, ID của những thuyền nhân vẫn là “người tỵ nạn CS”. Và cũng căn cứ vào tiêu chuẩn này mà Cao Ủy Liên Hiệp Quốc mới cứu xét hồ sơ. “Người tỵ nạn CS” đã trở thành một nhóm từ ngữ khắc trên da thịt để rồi mãi mãi được liệt kê đặc biệt, trở thành chứng nhân của lịch sử Việt Nam cận đại. Cũng đúng thôi, bỏ nước ra đi, xa lánh một loại xã hội được mệnh danh là “xã hội chủ nghĩa” là thiên đường gì đó, quanh quẩn với sự đói nghèo cho đến khi được chủ nghĩa tư bản bãi bỏ cấm vận thì mới ngóc đầu lên được!! Đó là một thực tế, một loại chân lý như một cộng một là hai.

Theo bước chân của đoàn người VN tỵ nạn, tôi cũng bắt đầu tập tành làm nghề may, một ngành nghề đã trở thành “cứu tinh” cho cộng đồng VN tại Úc. Nhà nhà đều may, người người cùng đập máy. Đập mãi thì đường cong cũng trở thành đường thẳng. Dần dà rồi người VN cũng đã “đẩy” bật được cộng đồng Hy Lạp ra khỏi lãnh vực này, một lãnh vực mà người Hy Lạp đã làm mưa làm gió trong nhiều thập niên tại Úc. Bí quyết ở đâu, đó chính là may giá rẻ hơn, may bảy ngày một tuần,

một ngày mười bốn tiếng, ăn mì gói tại bàn may. Ai làm được như vậy! Chỉ có quyết tâm của đoàn người cùng chung bước đi xây lại cuộc đời, và đôi lúc còn vang vọng theo âm thanh kêu cứu gởi tiền về của thân nhân còn ở lại VN. Đoàn người Việt tiên phong với căn cước ty nạn CS, đã bắt đầu cho con cháu vào các trường đại học, bảo lãnh gia đình đoàn tụ, mở các cửa hàng kinh doanh... Chỉ hơn 15 năm sau thì bộ mặt của Cộng Đồng VN đã khác. Các bác sĩ, nha sĩ, luật sư, kỹ sư... ào ạt ra đời, đã chứng tỏ với xã hội Úc sự thành đạt của đoàn người ty nạn VN.

Ngoài lãnh vực may vá mà người ty nạn VN đã thống lĩnh, còn một lãnh vực khác đó là ngành bưu điện. Đây là Job ăn nên làm ra mà không ít gia đình người Việt nuôi con cái ăn học thành tài, mua nhà, mua xe, bảo lãnh cha mẹ, người thân. Các Mail Centre (trung tâm bưu điện) đầy ắp người tóc đen nói tiếng Việt. Họ hiếu học, ham làm. Overtime là say: YES, không cần suy nghĩ. Người mang căn cước ty nạn đã sống và làm việc như thế tại quê hương thứ hai này. Họ được chính quyền và luật pháp tôn trọng và bảo vệ. Cái loại “xã hội chủ nghĩa” kia, đã một thời gấn cho họ cái nhãn hiệu “nô lệ”, thành phần tội phạm, đi đày, để rồi 20 năm sau tưởng thưởng cho họ danh hiệu: “Khúc ruột ngàn dặm”. Đoàn người ty nạn Việt Nam đã lập sự nghiệp bằng chính đôi tay của mình, bằng sự thông minh, cần cù, và vị tha mà họ đã có được từ nền giáo dục nhân bản, đạo đức của chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Lửa đấu tranh, không bao giờ lụi tắt!

Cứ nhìn lại thời gian hơn 40 năm, đến ngày 30 tháng 04, là dòng người VN ty nạn CS đổ về Canberra đề lên án chế độ CSVN trước công luận quốc tế. Hành động kiên trì này không đơn thuần từ thù hận mà là từ ý thức, trách nhiệm của người Việt hải ngoại có cơ hội nói thay cho đồng bào VN tại quê nhà, vạch mặt hệ thống đàn áp của đảng CSVN mà họ luôn luôn che dấu. Ngọn lửa đấu tranh của người Việt ty nạn sẽ không

bao giờ lụn tắt, mà ngược lại ngày càng bùng cháy rực rỡ. Các vị Chủ Tịch và Ban Chấp Hành Cộng Đồng Người Việt Tự Do tại New South Wales qua các nhiệm kỳ, đã làm việc và hy sinh thời gian vô cùng to lớn, chỉ mong duy trì và phát triển cộng đồng ngày thêm vững mạnh. Các gia đình quân đội VNCH, luôn luôn là xương sống của cộng đồng. Nhìn hình ảnh của các anh cựu quân nhân, hướng dẫn đồng hương từng chút một trên các chuyến xe về Canberra biểu tình, phân phát từng ổ bánh mì, chai nước uống với cả tấm lòng Dân-Quân, một cách vô vụ lợi, lễ phép và tận tình. Một tập thể người Việt tỵ nạn như vậy, chẳng lẽ chúng ta không có niềm tin sao?

Bù lại hằng ngày, trên các Youtube ghi hình ảnh công an CSVN cưỡng chế đồng bào, chiếm đất, cướp nhà, mua rẻ bán đắt, làm giàu trên xương máu người dân, thì chúng ta nghĩ sao về một chế độ như chế độ Cộng Sản VN? Cộng Sản đã từng lý luận: “*Nơi nào có áp bức, thì nơi đó có đấu tranh*” Vậy rồi sao? Cộng Sản VN đang đi ngược lại lời nói của họ. Họ đang áp bức đó, như vậy ngọn lửa đấu tranh chắc chắn sẽ bùng phát, không hôm nay thì ngày mai, không sớm thì chầy sẽ đánh sụp chế độ này vào sọt rác của nhân loại. Tôi tin như thế!

Nhiều người bạn của tôi luôn bị quan về họa mất nước vào tay Tàu Cộng. Người trong nước họ hiểu rất rõ, nhưng vì bị khủng bố nên đành im hơi lặng tiếng. Điều này không có nghĩa là họ buông trôi, bạc nhược. Nên nhớ rằng sự đè nén càng nhiều, thì sức bật càng lớn. Trong hơn 1000 năm nô lệ giặc Tàu, dân tộc chúng ta không bị đàn áp sao? Cuối cùng, chúng ta cũng giải phóng được dân tộc vào thời nhà Ngô, Bà Trung, Bà Triệu. Chưa kể, đó là thời phong kiến, không ai giúp mình. Bây giờ là thời kỳ nào rồi, Tàu Cộng có ngang nhiên kéo quân xâm chiếm VN được không? Do đó vấn đề còn lại của chính người Việt Nam là phải giải thể và cắt đứt con đường tiếp tay của đảng CSVN cho kẻ thù dân tộc.

Cabramatta: Vùng đất hứa!

Tản bộ dọc đường John, khu thương mại sầm uất

Cabramatta, không ai có thể ngờ rằng nơi đây, 30 năm trước là một khu phố nghèo nàn của Fairfield, nếu không muốn nói là thủ phủ của tội phạm và cần sa. Nhưng chỉ gần 20 năm sau, đoàn người tỵ nạn VN đã biến khu thương nghiệp này thành một địa điểm du lịch và ăn uống trù phú nhất của Sydney, đóng góp tài chánh đáng kể cho ngân sách Hội Đồng Thành Phố Fairfield nói riêng, và cho New South Wales nói chung. Đến Cabramatta, người VN có cảm tưởng nơi đây là đất nước của riêng mình, vì các bảng hiệu kinh doanh đều ghi bằng Việt ngữ. Nhịp sống người Việt tại Cabramatta như dòng nước lũ, đã cuốn trôi đi mọi trở ngại để duy trì niềm tin và ước mơ.



Một hiệu ăn của người Việt Nam tại Cabramatta, phía Tây Sydney, New South Wales, Úc Châu.

Người tỵ nạn VN đã chứng minh cho nước Úc sự thành đạt của họ trong các lãnh vực như giáo dục, chính trị, kinh doanh, nghệ thuật... bằng chính kết quả chứ không bằng xảo ngôn. Tại sao tôi lại gọi Cabramatta là vùng đất hứa? Cũng chỉ vì tôi vô cùng kinh ngạc trước sức sống mạnh mẽ của người Việt tại đây. Quý vị ở tuổi trung niên còn nhớ đến nguyên tác *Exodus* của Leon Uris, do nhà văn Thế Uyên chuyển ngữ thật tài tình, vượt quá giới hạn của ngôn ngữ để trở thành: “Về miền đất hứa”, đã một thời là sách gối đầu giường của giới đọc sách Miền Nam VN. Sách hay đến nỗi đã trở thành tấm gương cho

mọi dân tộc, cho mọi thế hệ, kể cả người VN với niềm tin sẽ có một ngày, họ trở về quê cũ để xây dựng lại đất nước khi không còn chủ nghĩa CS trên quê hương.

Đúng là như thế, tôi luôn có niềm tin vào dân tộc tôi, là sẽ xóa bỏ được chủ nghĩa CS trên quê hương VN, vượt khỏi ách kiểm kẹp của Trung Cộng, như tổ tiên chúng ta, cũng chỉ dựa vào niềm tin và quyết tâm mà đã giữ được nước, trước móng vuốt tham lam của người phương Bắc. Một dân tộc không có



*Lối vào Freedom Plaza
(Thương Xá Tự Do)*

niềm hy vọng và quyết tâm, thì dân tộc ấy sẽ trở thành nô lệ. Tôi tin như vậy, và tôi đã đến Cabramatta như đến vùng đất hứa, vì nơi đó có dân tộc VN tỵ nạn CS đang cố nuôi dưỡng niềm tin, truyền đạt ý chí cho thế hệ con cháu để có ngày khôi phục lại giống nòi Việt tộc.

Đến Cabramatta là đến thiên đường ăn uống. Cho dù Marickville, Bankstown, Canley Heights vẫn tràn ngập các món ăn mang hương vị quê nhà, nhưng phải khách quan mà nhìn nhận Cabramatta là hình ảnh tượng trưng cho những thành công của người Việt Nam, tỵ nạn tại Úc. Khu vực thương nghiệp được phân chia vuông vức, cô đọng để người đến đây có thể ăn, uống, mua sắm các mặt hàng thuần túy Việt mà không cần phải đi qua nhiều đoạn đường. Phở chuyên nghiệp hoặc phở xen lẫn các món ăn kiểu nhà hàng, hủ tiếu, mì bún.... mang nhiều nét đặc thù của từng tiệm ăn. Ăn uống xong thì đi chợ mua rau cải, thịt cá. Tha hồ lựa chọn, giá cả đã có sẵn không bị “hớ giá” như ở Việt Nam lúc này. Thực phẩm bảo đảm an toàn vệ sinh.

Nhớ lại thời kỳ 1979, 1980, khi còn sống trong các hostel (nhà trọ), tôi thèm phở vô cùng. Cứ tưởng từ đây sẽ không bao giờ được nếm lại hương vị quê hương. Không ngờ, chỉ vài năm sau, người tỵ nạn ngày càng đông, nên thương gia đã nhập đủ thứ hàng hóa, gia vị Á Châu. Nhà hàng, quán ăn mọc lên như nấm đã thỏa mãn nhu cầu cho người Việt nói riêng, hoặc người gốc Á nói chung.

Nhiều gia đình Việt Nam, làm ăn dư tiền dư bạc đã dọn đến ở những vùng giàu có, sang trọng, nhưng cuối tuần, họ vẫn trở về Cabramatta để ăn uống và chợ búa. Điều đáng chú ý là thế hệ con cháu sau này, dù sinh ra tại Úc, chúng nó vẫn mê thực phẩm Việt, nói tiếng Việt. Dân tộc nào còn giữ được ngôn ngữ và bản sắc của dân tộc mình, thì dân tộc ấy sẽ không bao giờ bị đồng hóa và mất gốc cho dù họ sống ở bất kỳ nơi đâu. Âm thực Việt Nam đang dần dần len lỏi vào các vùng xa xôi của Úc, như một hình thức đóng góp cho xứ sở này một lãnh vực ăn uống mà người bản xứ đã ngày càng thích thú và trân trọng.

Ước mơ!

Đời người ai cũng có ước mơ. Nhưng theo cảm nghĩ của riêng tôi thì ước mơ mang nhiều khắc khoải nhất là được trở về nơi “chôn nhau cắt rốn”. Dù có đi đâu, về đâu, thì sự trở về vẫn là loại ý thức nhân bản nhất của một con người.

Nhưng câu hỏi vẫn mang mang trong lòng người trở về. Người Việt Nam đã từng rời bỏ quê hương, thì mong ước trở về chốn cũ vẫn là điều tự nhiên. Nhưng về như thế nào? Điều kiện ra sao? Có đáng phải trở về không? Có gì tốt đẹp nơi ấy không? Đây vẫn luôn là những câu hỏi mà mỗi cá nhân sẽ giải thích một khác tùy thuộc vào quan điểm chính trị, trình độ nhận thức. Riêng tôi thì xin mượn lời Việt của Phạm Duy trong nhạc phẩm, “*Trở về mái nhà xưa (Come back to Sorrento): Ôi làng du quay về điêu tàn*,” không ngoài nhận xét so sánh với toàn cảnh xã hội VN hiện tại. Ừ thì “điều tàn” đến đâu xót.

Nhiều người Việt hải ngoại có dịp trở về VN, ít người để

ý đến nỗi thống khổ của tầng lớp dân nghèo phải bương trải kiếm miếng cơm manh áo, bị giới cầm quyền bóc lột. Do đó, việc giải thể chế độ cai trị độc đảng của CSVN là điều tất có và đủ để sự trở về của người hải ngoại lãng du mới thực sự xứng đáng và có ý nghĩa. Một thể chế độc đảng sẽ đưa đến độc tài, bè phái, quyền lợi nhóm. Từ đó, để bảo vệ quyền lợi, họ sẽ đàn áp người dân trong mọi lãnh vực. Để xác định giá trị cần thiết cho sự trở về chốn xưa, chính là một VN hoàn toàn được tôn trọng nhân phẩm, được tự do ngôn luận, một chính quyền theo thể chế dân chủ “*tam quyền phân lập*”.

Tôi sống khá lâu ở Úc, quan sát hệ thống chính trị, an sinh xã hội, y tế, giáo dục, và sự tự do ngôn luận, tôi thực sự mơ ước dân tộc VN làm sao có thể đạt được mẫu mực của Úc. Đây mới chính là thiên đường, mà lý thuyết Cộng Sản không bao giờ thực hiện được.

Sống là phải có ước mơ và hoài bão, và đó cũng chính là kim chỉ nam cho mọi tranh đấu, không hôm nay thì ngày sau phải được. Tôi tin như vậy, tôi tin vào bản sắc kiên cường của nòi giống Việt. Tôi tin và mãi mãi tin như thế!

Australia 3/2019



NÉN HƯƠNG LÒNG

Nguyễn Diễm Nga, K17/2

*Lấy cây hương thật quý
Thắp lên thương tiếc chàng...*

Hai câu hát trong bài Hòn Vọng Phu của nhạc sĩ Lê Thương bỗng dung ngân lên trong tâm tư nhắc tôi nhớ về người cậu ruột - Trung Úy Phi Công Nguyễn Đình Hương.

Ngày hôm ấy, cậu tôi đã thực hiện chuyến bay định mệnh cuối cùng của cuộc đời trong nhiệm vụ phi công phụ cho đại úy phi công trưởng Phạm Văn Kiến lái chiếc phi cơ Chinook CH.47A chở đoàn người di tản từ Đà Nẵng vào Saigon. Vì thời tiết xấu và quá tải không thể bay cao nên phi cơ đã bị trúng đạn của Việt Cộng và lao nhanh xuống hướng biển. Lúc đó, tuy đã bị thương và máu loang ướt bộ đồ bay, nhưng cậu tôi đã cố gắng cùng với người phi công chính ghìim cần lái, chuyển được hướng bay vào đất liền và đáp khẩn cấp an toàn trên bãi biển.

Mặc dù vậy..., mặc dù có người yêu của cậu đi cùng trên chuyến bay, khí tiết của một người lính không muốn đầu hàng giặc Cộng đã khiến cậu tôi chọn làm một hạt cát kiêu hùng ngủ yên bên bờ biển Sa Huỳnh vào ngày 29 tháng 3 năm 1975. Hình ảnh người yêu của cậu thắp một cây hương lên nắm đất vui thay người trai tuổi trẻ luôn làm cho mắt tôi cay mỗi khi nghe hai câu hát trên.

Tuy nhiên, không phải vì cậu tôi tên Hương nên tôi muốn viết về những nén “hương”. Bởi vì tôi biết cậu chỉ là một trong biết bao nhiêu người anh hùng đã bỏ mình nằm xuống trong cuộc chiến nhứt nhối đầy đau thương của dân tộc. Thật lòng, tôi muốn được tìm hiểu về một thứ ngôn ngữ đậm nét văn hoá có khả năng kết nối giữa hai thế giới hữu hình và vô hình. Đó là tâm linh người Việt trong khói hương.

Dựa theo lịch sử thì việc thắp hương vốn bắt nguồn từ khoảng năm 3700 trước Công Nguyên (cách đây khoảng 5700 năm), từ nước Ấn Độ. Trong các đền thờ của vua chúa Ai Cập (Ancient Egypt) có rất nhiều những hình vẽ hoặc chạm trổ trên tường mô tả nghi thức này. Cho đến năm 618 trước Sau Công Nguyên (AD) vào đời nhà Tần mới có một vị cao tăng đem hương trầm qua Trung Quốc, từ đó hình thức đốt nhang được phát triển mạnh mẽ và hưng thịnh nhất vào đời nhà Minh, sau đó được phổ biến đến khắp các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam.

Cũng xin nói thêm rằng, trước đây tôi vẫn tưởng rằng chỉ có Phật Giáo mới hay dùng hương nhang trong các nghi thức cúng tế tổ tiên và trời đất. Còn theo văn hoá Âu Châu thì người ta thường thắp nến trong các nhà thờ, đền thờ. Tuy nhiên, dựa theo Kinh Thánh, khi Chúa Giêsu mới sinh ra đời, có ba vị vua đem ba thứ châu báu quý nhất trong nước thời đó để dâng lên cho ngài, đó là: vàng, trầm hương, và mộc dược. Điều này chứng tỏ trầm hương vốn đã có từ xa xưa đã được xem như một sản vật quý giá, thiêng liêng. Vì thế, cho đến hôm nay thì hương nhang đã được hầu hết tôn giáo sử dụng nhất là người Việt Nam.

Tôi rất tâm đắc với một đoạn viết trong bài “Văn Hóa Hương Nhang” (1) được tìm thấy trên internet như sau:

Chẳng biết từ bao giờ, người dân Việt Nam chúng ta xem chuyện thắp hương trên bàn thờ tổ tiên là một nét đẹp văn hóa truyền thống không thể thiếu trong các dịp giỗ chạp, lễ Tết.

Nén hương như một chiếc cầu nối thiêng liêng giữa cuộc sống hiện hữu của con người với cõi tâm linh của trời đất. Có thể nói, hương đã len lỏi vào tận cùng góc ngách của đời sống và có một vị trí quan trọng trong cuộc sống của người Việt Nam nói riêng và của người châu Á nói chung. Ngày cuối năm đi mua sắm các thứ chuẩn bị cho Tết, không ai không mua vài nén hương về thắp cho ông bà, tổ tiên mình.

Điều này nhắc tôi nhớ về một kỷ niệm vui vui trong gia đình. Số là hồi còn nhỏ chúng tôi thường nghe nói rằng nếu sau khi thắp một nén hương cho người đã khuất mà sau khi cây hương cháy hết, tro hương vẫn còn nguyên vẹn và giữ được hình dáng cong cong, quăn vòng rất đẹp có nghĩa là người quá vãng đã chứng giám cho tâm thành của người dâng hương. Lúc ấy, ông ngoại tôi vừa mất. Thế là trong một lần thắp hương cho ông, rõ ràng tôi đã nghe cậu em họ tên Đăng lẩm bẩm khấn vái: “Ông ơi, xin ông cho con...quăn”.

Chị em chúng tôi ngày ấy “trẻ người non dạ” đâu biết rằng, những cái “vòng quăn” đó cũng có ý nghĩa rất đặc biệt:

Nén hương vòng cháy theo chiều kim đồng hồ như chính vòng xoáy nhân sinh của cuộc đời, đó là vòng đời của mỗi con người nơi trần thế. Và tất cả chúng ta, cuối cùng cũng đi đến một mục đích, vươn tới giá trị đích thực của cõi tâm linh, vươn tới những điều: Chân – Thiện – Mỹ của cuộc đời. (Trích “Văn Hóa Hương Nhang”)

Càng đặc biệt hơn nữa nếu như ta tìm hiểu về hương nhang trong phạm trù “chữ nghĩa”.

Theo bài viết online “Lắt Léo Chữ Nghĩa” (2), trong Từ Điển Tiếng Việt của Trung Tâm Từ Điển Học do Giáo Sư Hoàng Phê chủ biên thì “Hương” và “Nhang” là hai từ cùng gốc mà chữ Hán là “[香] âm Hán-Việt hiện hành là hương.

Về phần nguyên âm phía sau “ương” hoặc “ang” thì chúng ta thấy có nhiều chữ trong tiếng Việt tuy viết khác phần nguyên âm nhưng lại cùng một nghĩa như: lượng và lạng (đơn vị đo

lượng: lượng vàng/ lạng vàng), đường và đàng (thiên đường/ thiên đàng). Tuy nhiên về phân phụ âm đầu phía trước thì lý luận về sự biến đổi thanh âm giữa “H” và “Nh” quả là không dễ gì thuyết phục. Phải chăng “lắt léo” là ở điểm này?

Đối với những người thích chơi đùa với chữ nghĩa thì lại còn có một điểm thú vị khác:

“Hương” là chữ của người miền Bắc và “Nhang” là chữ của người miền Nam cùng để gọi chung “vật phẩm làm bằng nguyên liệu có tinh dầu, khi đốt tỏa khói thơm, thường dùng trong việc cúng lễ”. Vì vậy “Thắp HƯƠNG” hay “đốt NHANG” cũng như nhau.

Tuy nhiên không phải lúc nào hai chữ này cũng có thể hoàn toàn thay thế chỗ cho nhau. Ví dụ như người ta hay nói “HƯƠNG hoa đất nước” nhưng không thể nói “NHANG hoa đất nước”, hoặc như hay nói “Sắc nước HƯƠNG trời” mà không thể nói “Sắc nước NHANG trời” chẳng hạn.



Dù thế nào đi nữa thì chuyện “thắp hương” hay “đốt nhang” trên bàn thờ tổ tiên là một nét đẹp văn hóa truyền thống không thể thiếu trong các dịp giỗ chạp, lễ Tết của người Việt ở khắp mọi miền trong và ngoài nước. Nén hương thắp lên như tiếng nói được cất lên để gửi gắm tình cảm thương nhớ, kính trọng đối với người đã khuất, với tổ tiên, với trời đất trong thế giới tâm linh thiêng liêng màu nhiệm.

Ấy vậy mà gần đây, vừa mới có thêm một trong “những điều trông thấy mà đau đớn lòng” xảy ra trong nước. Đó là

chuyện chiếc lư hương được an vị lâu đời để thờ phượng ngay dưới chân tượng Đức Thánh Trần tại Bến Bạch Đằng bên bờ sông Saigon vừa được giới chức có thẩm quyền ra lệnh dời về Đền Thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo tại phường Tân Định, quận 1 đúng vào ngày tưởng niệm 40 năm quân Trung Cộng tấn công Việt Nam (1979-2019).

Điều này đã làm đau lòng biết bao người dân Saigon, trong đó có tôi, mỗi khi nhớ về quãng thời gian còn ở trong nước được chiêm ngắm bức tượng đồng của vị anh hùng đã được phong thánh trong lòng cả dân tộc: ĐỨC THÁNH TRẦN.

Theo báo chí trong nước đăng tải, một viên chức Cộng Sản cho biết, *“Việc dời lư hương là bình thường, đưa việc thờ phụng về đúng vị trí.”* Theo bà, *“việc thờ phụng ở đình chùa, đền sẽ phù hợp hơn là diễn ra ở công viên.”* (Trích “Người Ký Văn Bản ‘Tu Sửa, Tôn Tạo Tượng Đài Trần Hưng Đạo’ Qua Đời”)

“Đúng vị trí?”

Có lẽ bà Yến đốt môn lịch sử nên không biết Ngài là ai?

Có lẽ bà Yến chưa bao giờ học qua bài Hịch Tướng Sĩ của Ngài mà tôi vẫn nhớ nằm lòng sau bao nhiêu năm xa quê hương: *“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa...”* khi kêu gọi toàn dân chống giặc Tàu xâm lăng bờ cõi.

Có lẽ bà Yến không biết rằng Đức Hưng Đạo Đại Vương được coi là Thánh Tổ của Hải Quân Việt Nam. Chính vì vậy mà chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã cho phép xây dựng tượng đài của Ngài hùng vĩ, uy nghiêm ngay tại công viên bên bờ sông Saigon, nơi trang trọng đẹp nhất giữa lòng thủ đô Saigon, giữa trái tim của họ để kính nhớ, thờ lạy một bậc Thánh trong lịch sử Việt Nam. Chiếc lư hương được đặt dưới chân Ngài là để họ thấp hương tưởng nhớ đến một vị anh hùng dân tộc của bất cứ người nào còn nhận mình là con dân Việt.

Còn chúng tôi, những người con phải rời bỏ quê hương xứ

sở để mưu cầu tiếng nói Tự Do và Dân Chủ thì dù đã “trải qua một cuộc bể dâu” đã 44 năm, vẫn còn rất “đau đớn lòng”, vẫn còn “ruột đau như cắt” khi phải chứng kiến những điều xảy ra như vậy.

Hôm nay, ở thời khắc tưởng niệm khó quên trong lịch sử, nhớ đến cậu tôi, nhớ đến những vị anh hùng liệt nữ đã bỏ mình nằm xuống để đấu tranh cho Lý Tưởng Tự Do Dân Tộc vào mùa xuân năm ấy, và kính nhớ Đức Thánh Trần một vị anh hùng bất tử trong lòng người dân Việt, tôi xin trân trọng thắp một nén hương thành kính dâng lên chư vị.

Một chiếc lư hương bị di dời nhưng tâm linh của dân tộc Việt khói hương dâng Ngài vẫn mãi mãi nghi ngút từ muôn muôn vạn vạn những nén hương lòng.

Chú Thích:

1. “Văn Hoá Hương Nhang”: <https://tinhte.vn/threads/van-hoa-huong-nhang.349909/>

2. “Lắt Léo Chữ Nghĩa”: <https://thanhvien.vn/van-hoa/lat-leo-chu-nghia-huong-va-nhang-959724.html>



Phước Long

“Chứng Tích Kẻ Chạy Làng”.

Biệt Cách Dù Lê Đức Lực

Tướng Dư Quốc Đống, Tư Lệnh Quân Đoàn III, phải gấp rút đưa đơn vị về Biên Hòa, nhận nhiệm vụ mới, chỉ để lại một Biệt Đội tăng cường, phòng thủ tại phi trường Quân Sự Trảng Lớn.

Nhiệm vụ mới, không nói mà cả Liên Đoàn ai cũng nhận biết được, đó là chiến trường Phước Long, một chiến trường “*dầu sôi lửa bỏng, thập tử nhất sinh*” cần khẩn cấp tiếp cứu.

Mặt trận Phước Long bắt đầu từ ngày 12 tháng 12 năm 1974, kéo dài cũng đã gần một tháng. Áp lực địch càng ngày càng mạnh. Bốn quận của Phước Long đã bị Việt Cộng đánh chiếm cả. Năm tiểu đoàn Địa Phương Quân, với quân số còn lại, rút về phòng thủ quanh Thị Xã. Ngoài ra nơi đây còn được tăng cường thêm Tiểu Đoàn 1, Trung Đoàn 7, Sư Đoàn 5 Bộ Binh, ba Đại Đội Trinh Sát của các Sư Đoàn 5, 18 và 25 Bộ Binh. Nếu cộng thêm với lực lượng ít ỏi của các đơn vị của Tiểu Khu, kể cả Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát và Cảnh Sát Dã Chiến, Nghĩa Quân, Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn, các đơn vị không hy vọng chống trả lại được với lực lượng đầy đủ và sung mãn tinh thần “điên khùng” của Sư Đoàn 3 và Sư Đoàn 7 Bắc Việt xâm lược, cộng với một tiểu đoàn Đặc Công và hai chi đoàn Chiến Xa T-54.

Vào lúc đó, quân Cộng Sản có nhiều thuận lợi về nguồn tiếp tế. Hướng Đông Bắc là căn cứ Bùi Gia Mật, hướng Tây Bắc là căn cứ Bù Đốp, cả hai nơi đều đã bị địch chiếm cứ và trở thành mật khu của chúng. Chắc chắn “hậu cần” và quân tiếp ứng, nếu cần, sẽ từ hướng này tuồn xuống một cách dồi dào. Phía Đông là hai Thị Trấn Gia Nghĩa và Bảo Lộc, không giúp đỡ gì được cho quân trú phòng. Quận Đồng Xoài ở phía Nam cũng đã bị địch chiếm mất rồi. Phía Tây Tỉnh Bình Long cũng chưa hoàn toàn hồi sức từ sau trận chiến Mùa Hè 1972.

Tình hình quân sự đã căng thẳng như thế, trong khi Sài Gòn nhiều phong trào đang biểu tình dữ dội: “*Phụ Nữ Đòi Quyền Sống*”, “*Ký Giả Đi An Mày và Chống Tham Nhũng*”. Tình hình chính trị như thế chỉ có lợi cho địch quân mà không chắc ở Sài Gòn có người nào nghĩ đến những người lính ở Phước Long đang lâm vào cảnh “*thập tử nhất sinh*”.

Về tới căn cứ, tôi biết được tình hình như thế, thêm vào đó trong lòng mang nỗi chán nản vì hành động vi phạm Hiệp Định Paris một cách trắng trợn của bọn Việt Cộng. Biết là Biệt Động cũng sắp sửa nhảy vào Phước Long, tôi vừa xúc động vừa buồn, không như ba năm trước đây, tại chiến trường Bình Long, An Lộc. Lúc đó, tôi cũng mang đầy lo lắng, nhưng nôn nóng sôi sục, muốn nhảy vào chiến trường, sớm chừng nào hay chừng đó, để chia xẻ và gánh vác gian nguy cùng Đồng Đội, Chiến Hữu.

Rạng sáng ngày 3 tháng 1 năm 1975, Bộ Chỉ Huy 1 Chiến Thuật do Trung Tá Vũ Xuân Thông chỉ huy, đã cùng Biệt Động 811 Xung Kích, Biệt Động Trưởng là Đại Úy Trương Việt Lâm và Biệt Động 814 Xung Kích, Biệt Động Trưởng là tôi, được chuyển vận tới Sân bay Quân Sự tại Căn cứ Long Bình. Đoàn Quân Biệt Cách Nhảy Dù, nằm trải dài trên bãi chờ trực thăng, được lót trải bằng những tấm vi sắt kết nối nhau, trong một khoảng thời gian dài, từ sáng cho đến quá trưa. Mãi tới 2 giờ chiều, một phi đội Trực Thăng do Phi Đội Trưởng Thiệu Tá Đào Vũ Hùng chỉ huy, mới đáp xuống. Đến 2 giờ 30, các

Chiến sĩ Biệt Cách Nhảy Dù Biệt Đội 814 đã sẵn sàng lâm trận.

Từng chiếc UH.1B cất cánh, rồi nối đuôi theo sau chiếc C&C của Đại Tá Phan Văn Huân trực chỉ về hướng Bắc. Khoảng cách từ căn cứ Long Bình lên Phước Long theo đường chim bay trên 100 cây số. Khi đoàn trực thăng vừa đến vùng trời Phước Long, cao xạ 12.7 ly và 37 ly của bọn giặc Cộng thay nhau bắn lên xối xả, dưới đất thì khói bụi mịt mù bay lên che khuất một vùng trời, trong khi các phi tuần A.37 oanh kích triệt hạ phòng không địch trên núi Bà Rá chẳng thấy xuất hiện. Đoàn trực thăng sau khi bay lượn hai vòng trên trời cao đã quyết định bay về. Họ có thể đã ước tính, vì không còn đủ nhiên liệu và thời gian để đáp thả Biệt Đội 814, rồi quay trở về bốc thả tiếp Biệt Đội 811 và Bộ Chỉ Huy 1 Chiến Thuật còn lại, thì trời đã quá chiều tối, nên đã đồng loạt bay về hướng Nam, đáp khẩn xuống ở Tiểu Khu Định Quán để tiếp tế nhiên liệu, rồi bay đáp trở lại ở phi trường Long Bình.

Thêm một đêm nằm ngủ giữa trời sao trôi qua nhanh. Từ sáng sớm ngày 4 tháng 1 năm 1975, hai Biệt Đội đã túc trực chuẩn bị hành trang lên đường. Vào khoảng 9 giờ, đoàn trực thăng chở Biệt Đội 814 cùng Trung Tá Vũ Xuân Thông và BCH 1 Chiến Thuật cất cánh, bay cặp theo dòng Sông Bé về hướng Bắc. Vừa qua khỏi Thị Xã Phước Long, đoàn Trực Thăng quay vòng trở lại hướng Nam, bay qua Sông Dak-Lung thì lần lượt đáp xuống lơ lửng trên một ngọn đồi, mà cây cối bị pháo binh địch bắn cháy, còn ngổn ngang gốc cành, nằm rải rác khắp cả khu đồi, cách Thị Xã chừng 500 mét về hướng Bắc. Từ độ cao cách mặt đất khoảng 2 mét, các trung đội nhanh chóng nhảy xuống tìm nơi ẩn nấp và phòng thủ, nhất là để tránh địch có thể trực xạ đại bác 75 ly từ đỉnh núi Bà Rá. Tôi đã được cấp trên nhắc nhở đề cao cảnh giác về tình cảnh này. Bà Rá đã bị Việt cộng chiếm ngay ngày đầu năm Dương Lịch.

Bà Rá, Bà Đen và cả Mây Tào, là những ngọn núi cuối

cùng của dãy Trường Sơn. Bà Rá có độ cao 7 trăm 36 mét, là con mắt và lỗ tai của Thị Xã Phước Long. Với vị trí chiến lược này, ngay từ đầu, Quân Đội VNCH đã đặt căn cứ quân sự trên đỉnh Bà Rá. Từ trên đó, chúng ta có thể quan sát khắp vùng, điều chỉnh và yểm trợ phi pháo cho các đơn vị Quân Đội, khóa họng súng của địch mỗi khi chúng pháo kích vào Thành Phố. Tại căn cứ này cũng có các đài Truyền Tin, phát tuyên, nối tiếp làn sóng với Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III ở Biên Hòa và giữa các đơn vị trong và ngoài khu vực Thị Xã Phước Long.

Tình hình căn cứ Bà Rá bây giờ ở thế ngược. Sau khi chiếm được đỉnh núi này, địch được ba cái lợi: Bố trí phòng không 12.7 ly trên núi và 37 ly dưới chân núi, gây khó khăn cho các hoạt động của Không Quân ta. Cũng từ đây, địch có thể trực xạ đại bác 75 ly vào vị trí của chúng ta, và cũng từ đây, địch dễ dàng quan sát cả Thị Xã, các hướng tiến quân của ta để điều chỉnh pháo binh đang bố trí chung quanh Phước Long mà tác xạ chính xác, hiệu quả.

Trong khi Biệt Đội 814 và BCH 1 Chiến Thuật đang trên đường tiến quân, thì Biệt Đội 811 và Thiếu Tá Nguyễn Sơn Chỉ Huy Pháo, cũng đang đổ bộ xuống một bãi trống, nằm chéch về hướng Tây Bắc của Thị Xã Phước Long, để từ đó cánh quân này sẽ tiến vào bắt tay phối hợp với Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu, với Tiểu Đoàn 1, Trung Đoàn 7, Sư Đoàn 5 và năm tiểu đoàn Địa Phương Quân, đang phòng thủ trong Thị Xã và Tòa Hành Chánh Tỉnh.

Biệt Đội 814 và BCH 1 Chiến Thuật tiếp tục băng qua các cánh đồng khô, các khu nhà, các dãy phố hoang tàn đổ nát. Một vài nơi đã biến thành bình địa, không một tiếng súng, nhưng thỉnh thoảng đạn pháo địch vẫn nổ rải rác vài nơi trong trung tâm Thị Xã. Mọi hiểm nguy vẫn chờ chực cận kề, thì ngay lúc này xuất hiện một chiếc xe jeep của Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu đến đón một mình Trung Tá Thông.

Tiếp tục theo như lệnh đã được ban hành tại Căn cứ Hành

Quân ở Suối Máu, Biệt Đội 814 tiến sát hơn vào bên trong Thị Xã. Đơn vị trú phòng mà Biệt Đội 814 tiếp xúc đầu tiên để cùng phối hợp tác chiến là Ty Cảnh Sát Quốc Gia, nằm ngay góc một ngã tư đường lộ chính, dẫn vào Trung tâm Thị Xã. Nơi đây tôi được tiếp xúc cùng Thiếu Tá Nguyễn Văn Tư, Trưởng Ty Cảnh Sát Quốc Gia. Qua Ông tôi nắm biết phần nào về lực lượng địch, cùng hệ thống bố phòng của các đơn vị bạn trên trục tiến quân của Biệt Đội 814. Dĩ nhiên Ông ta và các chiến hữu của Ông hết sức mừng rỡ khi có Biệt Cách Nhảy Dù đến tiếp ứng.



Vượt qua Ty Cảnh Sát, là doanh trại của

Tác giả trong một buổi dạ tiệc mừng tân niên 2019 của Hội Võ Bị Houston, Texas.

Đại Đội Cảnh Sát Dã Chiến, cũng nằm ngay góc ngã tư đường kế tiếp. Mặt trước của doanh trại là cổng chính ngõ vô Thành Phố, mặt hông phải, bên kia đường là khu nhà dân. Nhà cửa hầu hết tan hoang không còn nguyên vẹn, vài nơi vẫn còn lửa cháy âm ỉ, khói bốc lên lan tỏa mờ nhòa tầm quan sát cả một khu vực. Không có đơn vị nào còn phòng ngự ở đây, kể cả trong phòng tuyến của Trại Cảnh Sát Dã Chiến, họ đã rút về bố phòng tại các giao thông hào của Ty Cảnh Sát.

Vừa lúc đó, thì đạn pháo ích của địch không biết xuất phát từ đâu đã rơi xuống nổ khắp nơi. Tôi tức tốc cho lệnh các Trung Đội lao xuống bố trí tại các hầm hố, giao thông hào bao quanh ba mặt trong Trại Cảnh Sát Dã Chiến, chuẩn bị sẵn sàng tác chiến, đề phòng địch mở đợt tấn công. Bỗng đâu một tiếng

súng nổ chát chúa, phá thùng một “cô-nét” gần bờ rào chính diện gây tử thương cho Hạ Sĩ I Sơn, một hiệu thính viên của Biệt Động. Hai trái đạn kế tiếp nổ ngay trên đường, sát bờ rào Ty Cảnh Sát. Đây là những viên đạn đại bác 75 ly do địch trực xạ từ trên đỉnh Núi Bà Rá. Pháo Binh của ta đã hoàn toàn tê liệt, không còn có khả năng phản pháo kích.

Đạn pháo kích vừa ngưng, tiếng gầm rú của các xe tăng của địch lại từ từ tiến lên. Không có bộ đội từng thiết, xe tăng vừa chạy vừa quay nòng đại bác tác xạ như để áp đảo tinh thần đối phương, nhưng bọn chúng đã không ngờ đang đụng phải khắc tinh của chúng.

Từ bên trong các công sự chiến đấu, những hỏa tiễn M.72 của các xạ thủ Biệt Động 814 đã dương cao sẵn sàng chờ đợi. Ầm... ầm... ầm! Hạ Sĩ I Ân và Hạ Sĩ Sáng, Trung Đội 2, đã tác xạ chính xác chiếc T.54 chạy đầu tiên. Lửa đang rực cháy thiêu rụi toàn bộ đám địch quân. Hai T.54 kế tiếp vẫn trườn lên. Ầm... ầm... ầm! Chiếc trước đứng sững lại một chốc, xong tiếp tục chạy trườn tới tông sập đổ cột trụ đèn, rồi chạy thẳng ra bìa rừng hướng Tây Bắc, trong khi chiếc còn lại quay đầu, leo lán lên lè đường. Thiếu Úy Nguyễn Quang Mẫn, Trung Đội Trưởng Trung Đội 1, không chần chờ bắn ngay một quả M.72, trúng bên hông trái, phía đuôi sau đuôi. Chiến xa địch hầu như chẳng hề hấn gì, vẫn cứ chạy trên đường lộ, về hướng Tây rồi mất hút trong màn đêm đang đổ xuống toàn Thị Xã Phước Long.

Đêm hôm đó, thời gian đang chậm chậm trôi đi trong yên tĩnh. Nhưng rất bất ngờ, Đại Úy Thứ gọi điện thoại thông báo: *“Trung Tá Thông ra lệnh cho các Biệt Động Biệt Cách Dù sửa soạn rút quân, theo hai hướng khác nhau. BCH I Chiến Thuật, Đặc Huấn, và Ban Quân Y sẽ rút về một hướng (?), còn Biệt Động 811 và 814 sẽ rút lui theo một hướng khác”(?)”*

Tôi thật quá đỗi ngạc nhiên, khó khăn lắm mới vào được đây để tiếp cứu, vừa chân ướt chân ráo, chưa được một ngày

một đêm, và cũng chỉ mới đụng độ sơ khởi với địch, chẳng có tổn thất gì lớn lao, trầm trọng, mà sao Trung Tá Thông lại cho lệnh rút quân.

Tôi suy đoán, chắc có điều gì không ổn chăng? Hay cấp trên đã nhận thấy, kế hoạch thả hai Biệt Đội Biệt Cách Nhảy Dù vào Phước Long, trong biển lửa này như những con thiêu thân, như đem muối bỏ biển, như đem con bỏ chợ, chỉ là làm vật hy sinh tế thần, nên đã cho lệnh triệt thoái khẩn cấp?

Sáng hôm sau, ngày 5 tháng 1 năm 1975, Biệt Đội liên lạc với BCH 1 Chiến Thuật để am tường rõ ràng về kế hoạch rút quân, nhưng chẳng có động tĩnh hay lệnh lạc gì khác cả. Và nếu như theo đúng diễn tiến hành quân từ trước, thì Biệt Đội 814 sẽ tiến lên hướng Công viên Lê Thủy, gần khoảng giữa Trung tâm Thị Xã, để bắt tay cùng các Đại Đội Trinh Sát, sau đó sẽ mở đường, giải tỏa áp lực địch để tiến vào Tòa Hành Chánh Tỉnh. Chưa kịp hành động thì đạn pháo kích của địch bắt đầu tác xạ và nổ âm ỉ khắp nơi. Trước hỏa lực tới tấp này, với kinh nghiệm chiến đấu cùng giặc Cộng ở mặt trận An Lộc, Quảng Trị, tôi biết chắc chắn trước sau gì địch cũng sẽ tấn công, nên cho Biệt Đội nằm yên tại các giao thông hào, chờ đợi ngênh chiến. Đúng y như tôi dự đoán, Việt Cộng mở cuộc tấn công ào ạt, lực lượng chính của nó vẫn là xe tăng.

Bốn chiếc xe tăng T-54, không phải từ phía ngoài bìa rừng, hướng Tây, hướng Bắc hay hướng Đông, mà từ hướng Nam trong Thành Phố, tiến thẳng về phía phòng tuyến Cảnh Sát Dã Chiến mà Biệt Đội 814 đang trấn giữ. Hai bên mỗi xe tăng, là năm sáu tên bộ đội từng thiết, cầm AK, CKC, B.40 và B.41 lom khom chạy theo. Tới ngã tư giao lộ, chúng chạy tản ra hai phía, như để bao vây, rồi xoay pháo tháp nổ súng bắn thẳng vào bên trong Đồn Cảnh Sát Dã Chiến.

Thiếu Úy Nguyễn Văn Ngọc, Trung Đội Trưởng Trung Đội 2, với M.72 trên vai, nhắm ngay chiếc T.54 đang rẽ hướng về phải, ngay trước tuyến phòng ngự. Lửa từ chiếc xe tăng bùng

lên, bọn bộ đội từng thiết hoả loạn, chạy dạt vào một bên vệ đường, nhưng không còn kịp, Đại Liên 60, Phóng Lựu M.79, Lựu Đạn của Trung Đội 3 đã tiêu diệt chúng, không còn một tên sống sót.

Chiếc T.54 kẻ tiếp vẫn liều lĩnh chạy tới, càn qua hàng rào kẽm gai, để tiến vào bên trong, nhưng đã bị các vòng dây kẽm gai cuộn, dính chặt trong các mắt xích, xe đứng khựng lại. Ngay tức thì, Hạ Sĩ Dữ, một xạ thủ XM. 202 của Trung Đội 2 đứng lên tác xạ. Quả đầu tiên bị trượt, nhưng quả thứ 2, thứ 3, thứ 4 đều trúng vào thành xe tăng, nhưng không kết quả gì. Xe tăng vẫn gầm rú, nhưng chỉ nhúc nhích một hai thước. Không chần chờ, Thượng sĩ Hùng, Trung Đội Phó, cùng Trung sĩ Sơn, Tiểu Đội Trưởng, đã nhanh nhẹn bò lên, mở nắp pháo tháp, tung vào bên trong hai quả lựu đạn. Chiếc T.54 giờ đây đã hoàn toàn bất động. Dĩ nhiên, không có tên nào trong và ngoài xe có thể sống sót. Không có “phép lạ” đến với chúng cả, dù là phép lạ của Lenin, Mác, Mao, hay Hồ. Có một điều kỳ lạ, là đã hai ba lần sử dụng M.72 và XM.202 tác xạ diệt xe tăng, nhưng đều không hiệu quả. Chẳng lẽ hai loại hỏa tiễn này chưa thích ứng hoặc vô hiệu với chiến thuật diệt xe tăng? Hay Việt Cộng rút kinh nghiệm? Có thể chúng che chắn thêm cho xe tăng bằng một thứ vật liệu gì đó, khiến trái hỏa tiễn không thể xuyên thủng được?

Hai chiếc T.54 chạy về hướng cổng chính của Đại Đội Cảnh Sát Dã Chiến và Ty Cảnh Sát cũng đã bị Trung Đội 3 và 4 dưới sự chỉ huy của Thiếu Úy Chuyển và Chuẩn Úy Lân, đã chặn đứng và tiêu diệt hai đợt xung phong của đám bộ đội từng thiết. Sau khi sử dụng M.72 bắn nhưng không chặn đứng được chiếc T.54 đang húc đổ cổng trại Cảnh Sát Dã Chiến, Tổ Vũ Khí Nặng, dưới sự điều động của Trung Úy Quý, Biệt Đội Phó, đã mang đại bác 90 ly không giật tác xạ phá hủy, lửa bốc cháy hừng hực. Chiếc T.54 theo sau quay bánh xích, gầm rú tháo chạy mất dần về hướng cũ, sau những khu nhà đổ nát, mờ mịt bụi khói mù trời.

Trời tối, đêm dần dần trôi qua trong lo lắng.

Từ mờ sáng ngày 6 tháng 1 năm 1975, Việt Cộng cố dứt điểm trận chiến Phước Long. Sau nhiều đợt pháo kích dữ dội bằng đại pháo, không riêng gì ở Núi Bà Rá, mà tất cả các phía chung quanh nã vào cái Tỉnh Lỵ nhỏ bé mỗi bề chưa tới nửa cây số, như rải cát trên đầu chúng tôi vậy. Không nơi nào không bị đạn pháo kích cày xới tơi tả. Quân địch dốc toàn bộ 2 tiểu đoàn xe tăng và các trung đoàn Bộ Binh của Sư Đoàn 3 và Sư Đoàn 7 của CS Bắc Việt tràn ngập các cứ điểm còn lại do quân ta đang trú phòng.

Từ dưới phố, từ bìa rừng hướng Tây Tây Nam, xe tăng địch ào ạt chạy lên đông vô số kể. Thật ra, không phải đông vô số kể, nhưng ít ra cũng phải đếm bằng con số chục, không phải bằng con số lẻ. Tình hình này thì “căng thẳng lắm đây” tôi thầm nghĩ! Biệt Đội 814 không có đủ hỏa tiễn M-72, lại không có loại mìn tự chế của Đại Tá Huân như ở trận Bình Long. Hai cấp số đạn dược mang theo cũng đã tiêu tán trong hơn một ngày qua, trong khi tình trạng tiếp tế rất khó khăn.

Ở cứ điểm núi Bà Rá, với nhiều loại vũ khí phòng không, hầu như địch quân đã không chế bầu trời Phước Long. Máy bay yểm trợ của Sư Đoàn 3 Không Quân Biên Hòa, không bay thấp được, dù là máy bay tiếp tế hay oanh tạc cơ. Còn trên đường bộ thì xe tăng của chúng đang đầy rẫy khắp các ngõ ngách, để chuẩn bị cho một cuộc tấn công qui mô.

Tại Đồn Cảnh Sát Dã Chiến, Biệt Đội đang tả xông hữu đột, vật và chống trả các đợt tấn công của bộ binh địch và xe tăng ở hướng bên hông và hướng trước mặt thành phố, thì bất ngờ, một đơn vị Việt Cộng khác, từ phía Ty Cảnh Sát, đã vượt rào cản, tràn lên đánh ập vào hậu tuyến Biệt Đội. Bọn chúng gặp phải sức kháng cự của Ban Chỉ Huy Biệt Đội, đã sử dụng lựu đạn và M.79 tiêu diệt hơn 10 tên địch quân. Lúc bấy giờ, tôi mới biết là Ty Cảnh Sát đã hoàn toàn bỏ trống, vì toàn bộ nhân viên trong Ty và Cảnh Sát Dã Chiến đã di tản, tháo chạy

từ trong đêm hôm qua.

Ngay trong thời khắc đang phải chiến đấu cam go, nóng bỏng, hiểm nguy như thế này, thì Âm Thoại Viên Biệt Đội cho tin: “*Đại Úy Thứ vừa gọi máy, thông báo lệnh của Trung Tá Thông, toàn bộ đơn vị sẵn sàng rút quân.*” Lại rút quân!!!

Nghe tin, chưa kịp định thần, thì ba bốn chiến xa T.54 của địch đã cán sập tường rào, lù lù cán tới, bắt kể sự phản công mãnh liệt của Biệt Đội. Đại bác 75, XM.202, M.72 hết hiệu quả tác xạ trong tầm quá ngắn, chỉ còn Đại Liên, XM.16, M.79 và lựu đạn là còn xử dụng để tiêu diệt đám cộng quân từng thiết, đang la hét khủng hoảng tinh thần đối phương, những người đang chặn đứng các xe tăng địch, đang nặng nề xoay chuyển trong Doanh Trại Cảnh Sát Dã Chiến, với đầy dẫy kẽm gai và công sự.

Đã quá trưa, tình hình chiến sự trong toàn khu vực vẫn còn sôi động, trong khi Cộng quân không ngừng pháo và tấn công khắp nơi. Tôi vẫn bình tĩnh chỉ huy Biệt Đội, một mặt vẫn giữ liên lạc với Bộ Chỉ Huy 1 Chiến Thuật để nhận chỉ thị, một mặt biết chắc không thể tiếp tục đối đầu cùng địch, trước những đàn chiến xa mỗi lúc mỗi gia tăng.

Tuân hành theo lệnh rút quân đã được ban hành từ Trung Tá Thông, mà cũng nhằm để bảo toàn lực lượng, tôi quyết định rút Biệt Đội ra khỏi Đồn Cảnh Sát Dã Chiến, di chuyển khoảng 1 cây số, về hướng Đông Bắc, chiếm lĩnh lợi thế trên một đồi rừng non, đầu lưng với sông Dak-Lung chừng 500 mét. Các Trung Đội dàn trải đội hình bao quanh đỉnh đồi, đào hầm hố, bố trí sẵn sàng nghênh chiến. Y như rằng, không đợi lâu, bọn Việt Cộng đã đuổi theo truy kích. Chúng lớ nhố, vừa leo đồi vừa nổ súng bắn tới tấp, bắt chấp phản công ác liệt của các Chiến sĩ Biệt Cách Dù Biệt Đội 814 từ trên cao điểm. Sau hơn hai giờ giao tranh, mặc dù Biệt Đội tiêu diệt được nhiều địch quân, chặn đứng kịp thời các đợt xung phong tiến chiếm đỉnh đồi của địch, Thượng Sĩ Thủy, Trung Đội Phó, và

Binh Nhất Tài khinh binh đã hy sinh. Riêng Trung Đội Trưởng Trung Đội 2, Thiếu Úy Nguyễn Văn Ngọc thì bị trọng thương, máu chảy lênh láng. Trung Sĩ Đức, Y Tá Biệt Đội, phải sử dụng nhiều lượng thuốc cầm máu, rửa sạch vết thương, nẹp cây hai bên cánh tay để băng bó mới dứt hẳn được.

Ngay trong lúc này, hai công việc tôi phải làm: Việc trước tiên là tiếp tục liên lạc vô tuyến với Bộ Chỉ Huy 1 Chiến Thuật và được biết BCH đã rút ra khỏi Tòa Hành Chánh Tỉnh. Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Phước Long hầu như đã bị Việt cộng chiếm cứ mất rồi. Giờ này chắc Trung Tá Thông, Thiếu Tá Sơn, đang trên đường rút lui. Không biết hai ông có được an toàn? Nếu có nhanh chân tẩu thoát được, thì chắc hai ông đang ẩn núp, lẩn trốn đâu đó. Việc thứ hai, dù khó khăn, nguy hiểm thế nào đi chăng nữa, dưới tầm pháo địch, Biệt Đội cũng phải đào hố chôn cất thi hài Thượng Sĩ Thủy và Binh Nhất Tài, những chiến binh đã Anh Dũng Hy Sinh đền nợ Nước.

Trời chiều xuống dần, cả một không gian mờ nhạt bao trùm Tỉnh Lỵ Phước Long, giờ phút này đã hoàn toàn rơi vào tay giặc Cộng. Thấp thoáng từ xa, một vài đám cháy rải rác trong Thị Xã, thỉnh thoảng bùng sáng lên, rồi lại lụi tắt dần cùng với ánh chiều tà. Phước Long thật sự đã mất, mất theo với Đại Tá Nguyễn Thống Thành, Tỉnh Trưởng Tỉnh Phước Long, với Trung Tá Quận Trưởng Quận Châu Thành, và còn rất nhiều Quân Dân Cán Chính khác nữa làm sao tôi kể xiết!

Tôi không thể liên lạc với Bộ Chỉ Huy 1 Chiến Thuật để báo cáo tình hình và kế hoạch rút quân, vì đường vô tuyến bị nhiễu loạn. Không thể chậm trễ, chiến trường đã phó mặc cho tôi chỉ huy chiến đấu sống còn, thì tự tôi phải biết định đoạt vận mạng cho các binh sĩ dưới quyền và bản thân. Chỉ cần một đợt pháo hỏa tập của địch, cùng với hợp đồng tác xạ đại bác 75 ly từ đỉnh Núi Bà Rá, thì Biệt Đội 814, tất cả đều sẽ trở thành cát bụi.

Không còn chân chờ, mạng sống của trên 150 Binh sĩ Biệt

Đội 814 đều nằm trong giải pháp dứt khoát của tôi. Lợi dụng màn đêm buông xuống, tôi ra lệnh cho các Trung Đội cấp tốc, lặng lẽ rút xuống đồi, di chuyển về hướng Đông Bắc tiếp giáp bờ sông Dak-Lung. Nơi đây bằng mọi giá, ngay trong đêm, Biệt Đội phải tìm cách vượt sông Dak-Lung. Qua bên kia sông, Biệt Đội sẽ được an toàn hơn.

Dòng sông Dak-Lung nước chảy xiết, rất mạnh. Hai bờ sông cách nhau khá xa, ít nhất là 50 mét. Một số binh sĩ không biết bơi, với vũ khí đạn dược còn lại trên người, sẽ không an toàn tính mạng. Sau một thoáng suy nghĩ, tôi quyết định cho một Toán Tiền Sát dưới sự chỉ huy của Trung Úy Biệt Đội Phó Nguyễn Văn Quý, đi ngược bờ sông hy vọng sẽ tìm thấy một khúc sông hẹp hơn.

Cũng trong lúc này, đức tin của một Phật Tử trỗi dậy trong lòng. Tôi chấp tay ngưỡng mặt lên trời với vô số vì sao, thầm cầu nguyện đến Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hầu mong Đấng Từ Bi gia hộ phù trì cho tôi tìm ra sinh lộ, đưa Biệt Đội thoát cơn nguy biến. Và như linh ứng hay là một trùng hợp thiêng liêng, chỉ sau một quãng thời gian ngắn, Trung Úy Quý báo về, đã tìm thấy được mấy cái bè tre của người Thượng Stieng cư ngụ vùng này bỏ lại, đang neo đậu bên một lùm cây cổ thụ.

Nhờ vào khả năng bơi lội của người vùng biển Nha Trang, Trung Úy Quý đã đưa một Tiểu Đội qua sông. Họ đã nối những sợi dây rừng, cùng những dây ba chạc, dây dù trong một hành động “mưu sinh thoát hiểm”. Nhờ vậy mà cả Biệt Đội lần lượt vượt sông nhanh chóng, chỉ trong vòng 3 tiếng đồng hồ, trong im ắng nhưng cũng đầy bất trắc có thể xảy ra.

Trong ngày qua, hôm nay, và ngay thời khắc này, rất đông đồng bào Tỉnh Lý Phước Long, đã liều chết băng qua cây Cầu Thác Mơ, nằm về hướng Đông Thị Xã, bắc ngang sông Dak-Lung. Việt cộng tuy không ra đón đường ngăn chặn đồng bào, nhưng từ nhiều phía, chúng đã pháo kích vào đoàn người chạy giặc. Nhiều thường dân không nhanh chân, đã bị chết hay bị

thương, không người cấp cứu, nằm lẫn lóc trên bờ đường, phía bên này và bên kia cầu. Cũng như ở Quảng Trị, cũng như ở Bình Long năm 1972, Việt Cộng đã gây nên ở đây, một “Đại Lộ Kinh Hoàng” giữa rừng hoang, đem lại thảm khốc cho người dân lành vô tội.

Lẫn lộn trong đám người chạy loạn đó, có một số Quân Nhân, Cán Bộ, Cảnh Sát... trong giờ phút này không thể phân biệt được. Họ đã nhập đàn, lũ lượt cùng với Biệt Đội 814, vạch lá băng rừng chạy thoát khỏi bàn tay của địch.

Suốt đêm, Biệt Đội cứ theo La Bàn nhắm về hướng Đông Đông Bắc mà đi, đi mãi, không ai nghỉ ngơi hay chọn chỗ ngủ. Tôi tránh không đi lên hướng Đông Bắc, phía có mật khu Bù Gia Mập, vì đó là phía Cộng quân di chuyển, tiếp tế hoặc táng viện cho chiến trường Phước Long.

Theo hướng Đông Đông Bắc, đường đi Gia Nghĩa, Bảo Lộc, dầu sao cũng an toàn, bất ngờ hơn. Dù rừng rậm, rất hiểm trở, nhưng hy vọng không phải đụng độ với địch quân. Đồng Bào đang đi theo sau Biệt Đội, nếu có chạm địch, chắc chắn Cộng quân sẽ không ngần ngại khi bắn vào dân chúng, thiệt hại không nhỏ.

Khi mặt trời ló dạng, tôi nhìn vào tấm Bản Đồ thì biết Biệt Đội đã vượt xa hơn 10 cây số.

Biệt Đội 814 vào trận ngày 4 tháng 1. Phước Long thất thủ hôm qua, ngày 6 tháng 1. Đã một đêm, một ngày trôi qua, tần số máy PRC.25 truyền tin cứ bị giao thoa, nhiễu sóng, chẳng liên lạc được ai và chẳng ai liên lạc được.

Di chuyển suốt cả ngày, chỉ ăn qua loa, cầm chừng bằng gạo sấy, không có nước sôi, không một phút nghỉ ngơi, chọn chỗ ngủ. Với tình trạng này, đêm nay không cho Biệt Đội lấy lại sức, lỡ bất ngờ tao ngộ chiến, Biệt Đội không còn một chút hơi tàn nào để cầm cự.

Sáng hôm sau, Biệt Đội tiếp tục lên đường. Nhìn lại đoạn đường Biệt Đội đã đi qua, thì Phước Long bây giờ đã quá mệt

mù, xa lắc xa lơ. Rừng núi từ đây tương đối thấp dễ đi, thỉnh thoảng có nhiều con suối nước trong và chảy xiết.

Khoảng gần trưa, Biệt Động vừa băng qua một trảng trống, thì Hạ Sĩ Tôn Thất Huệ, truyền tin Biệt Động, với bộ mặt mừng rỡ, trao ống bô đàm cho tôi và nói:

- “Đại Úy, Thái Dương đang gọi Đại Úy.”

Đây là lần đầu tiên tôi liên lạc được với cấp Chỉ Huy cao nhất của Liên Đoàn: Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huân, sau gần một tuần lễ đơn vị chiến đấu và di chuyển liên tục. Tiếng nói từ Đại Tá Huân đã xoa dịu được phần nào nỗi trầm uất của một đội quân chiến bại, đang phải âm thầm rút lui.

Suốt ngày nay, vị Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn không ăn không ngủ. Thất lạc những đứa con: Biệt Động 811 và 814 cùng Bộ Chỉ Huy 1 Chiến Thuật, Đại Tá Huân lo lắng, bồn chồn như ngồi trên đồng lửa.

Ông liên tục theo phi cơ Quan Sát L.19, bay miết trên vòm trời cao của Phước Long, để tìm kiếm cho ra những chiến binh của mình. Hòa tiền Việt Cộng bắn lên dữ dội, khiến Ông phải dùng L.19 cho được an toàn. Có khi Ông muốn dùng trực thăng, bay thấp hơn, để dễ tìm thấy, nhưng cao xạ phòng không của địch vẫn là mối đe dọa, không thể liều lĩnh được.

Vậy là sau hai đêm, hai ngày, Đại Tá Huân tìm ra được Biệt Động 814.

Sau khi chấm tọa độ chính xác vị trí của Biệt Động đang dừng quân. Theo hướng dẫn của Đại Tá từ trên Phi cơ L.19, Biệt Động rẽ về hướng chính Đông, lội qua một con suối, đi chừng khoảng nửa cây số thì dừng quân bố trí tại một trảng tranh rộng nằm lọt giữa một khu rừng tre dày đặc.

Không đầy một giờ đồng hồ sau, một đoàn Trực Thăng UH.1B tuần tự đáp xuống, bốc Biệt Động 814 đưa về Căn cứ Hành Quân tại Suối Máu, Biên Hòa. Tiếp theo sau là số quân dân chạy loạn. Tất cả cũng đều được Đại Tá Huân đưa về Biên

Hòa, chuyển giao cho Quân Đoàn III, Phòng Xã Hội chăm sóc.

Khi vừa từ trực thăng phóng ra, tôi đã thấy một số đồng phóng viên báo chí, truyền thanh, truyền hình đứng đầy trên bãi. Phước Long mất đã hai ngày nay rồi. Dân chúng Sài Gòn dao động, lo lắng. Bóng ma Cộng Sản gần kề hơn!!!

Đang bắt tay cùng các chiến hữu, với nét mặt vui tươi, mừng rỡ, chào đón Biệt Động tôi sống sót trở về từ cõi chết, thì một cô gái người nhỏ nhắn, mảnh mai, trong bộ trang phục quần Tây dài, áo bốn túi, màu xanh nhạt, bước đến bên tôi, vừa bắt tay vừa tự giới thiệu tên là: *“Thục Viên, phóng viên Nhật Báo Sóng Thần, muốn phỏng vấn...”*

Tôi chưa kịp nói gì cả, cảm thấy chân tay như rã rời, chỉ thêm được uống một ly cà phê đá, hay một ly soda chanh cho đã cái khát chất chứa trong suốt mấy ngày qua. Nhưng, miễn cưỡng, tôi nghĩ cũng khó mà từ chối trước lời đề nghị nhiệt thành và đầy thiện tâm của cô ta. Thế là một hai câu hỏi và trả lời bắt đầu và trôi qua.

Về sau, tình cờ tôi đọc được bài phỏng vấn này trên Nhật Báo Sóng Thần, với lời mở đầu đầy hài tính, nhưng phản ánh trung thực về cá tính của con người tôi:

“Sau khi Phước Long thất thủ, các đơn vị tham chiến tại đây, trong đó có Bộ Chỉ Huy 1 Chiến Thuật và hai Biệt Động Biệt Cách Nhảy Dù đã phải tìm đường thoát nạn. Sau hai ngày hai đêm băng rừng, vượt núi, đơn vị đầu tiên được Đại Tá Phan Văn Huân tìm thấy và đưa trở về lại căn cứ hành quân trú đóng tại Biên Hòa, đó là Biệt Động 814 do Đại Úy Lê Đắc Lực chỉ huy.

Đại Úy Lê Đắc Lực, người cao to, có vẻ bộ râu mép đậm dài, tướng đi bệ vệ trông chẳng khác gì một con gấu. Nhưng khi tôi tiếp xúc phỏng vấn thì thấy Đại Úy Lực rất hiền lành, trả lời câu hỏi từ tốn, nhã nhặn, chân tình. Nhìn Đại Úy Lực lúc này thì lại giống như một con nai, phản ánh trái ngược

hoàn toàn với tướng dáng của Đại Úy Lê Đắc Lực...”

Ngay chiều hôm đó và qua sáng ngày hôm sau, Đại Tá Phan Văn Huân đã tìm và đưa được Biệt Đội 811, Đại Úy Trương Việt Lâm, cùng Trung Tá Thông, Thiếu Tá Sơn và một số quân nhân của Bộ Chỉ Huy I Chiến Thuật trở về. Nhưng Liên Đoàn và riêng Đại Tá Phan Văn Huân, vẫn mang nặng nỗi đau buồn lớn lao khi đã để lại tại chiến trường Phước Long một số xác thân của các Chiến sĩ Biệt Cách Nhảy Dù đã hy sinh, và còn nhiều quân nhân khác vẫn chưa tìm thấy, mà sau này được biết đã bị Việt cộng bắt làm tù binh. Họ bao gồm: Trung Úy Đức, Chuẩn Úy Cấp, Thiếu Úy Phước (BCH.I / CT), Thiếu Úy Long, Chuẩn Úy Bảo, Thiếu Úy Lịch, Chuẩn Úy Linh (BĐ.811). Mãi cho đến ngày Miền Nam sụp đổ, họ mới được trở về, để rồi sau đó không lâu, lại phải đi tù “cải tạo” khổ sai.

Trên bãi trực thăng đã chiến tại Căn cứ Hành Quân Suối Máu, Biên Hòa, một Nghi Lễ được tổ chức để tưởng thưởng Huy Chương, Cấp Bậc cho hai Biệt Đội Biệt Cách Nhảy Dù và Bộ Chỉ Huy 1 Chiến Thuật “bại trận trở về”.

Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, vừa thay thế Trung Tướng Dư Quốc Đống trong chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III, đứng trước mặt tôi, cầm chiếc Huy Chương Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu, dí hai mũi kim vào trên nắp túi áo trái ấn mạnh. Kim chạm vào ngực làm tôi hơi buốt nhói. Tôi cảm giác máu đang ứa rỉ bên trong. Nhưng đó chỉ là những bụi máu nhỏ so với muôn ngàn dòng máu thấm mà Đồng Đội tôi, Chiến Hữu tôi, của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, của các Quân Binh Chung Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, *đã chảy đổ ra để hiến dâng cho Tổ Quốc, trong suốt chiều dài của cuộc chiến tranh Quốc Cộng*. Tôi bắt chặt tay Trung Tướng Tư Lệnh, rồi kính cẩn chào trong nỗi xót xa, đau đớn tận cùng.

Và tôi đã khóc, vì tôi cảm thấy chưa hoàn thành sứ mạng: **“Bảo Quốc An Dân”**./.



ANH - NGƯỜI TRAI BIỆT ĐỘNG

Nguyễn Thị Huyền Nga

**Viết cho những người thân của chúng tôi trong Đại Gia
Đình Mũ Nâu Biệt Động Quân*

**Thay lời nguyện cầu cho anh Vũ Cao Hiến K24/ TVBQG/
VN, Tiểu Đoàn 38 BDQ.*

Anh là người Lính Mũ Nâu Biệt Động
Chôn quân trường Dục Mỹ luyện chí trai
Nhịp quân hành rập bước dưới nắng mai
Sát Cọng... Sát... vang lên trong gió bạt.

*Dây tử thần cheo leo nơi đầu thác
Tập sinh lầy rừng núi thật gian lao
Dấu gai chông vát vả có là bao
Lò luyện thép trui rèn lòng trung hiếu*

Rời quân trường anh đi về khắp nẻo
Dem sức tài giúp Nước giữ Quê Hương
Vì Non Sông gác lại mảnh yêu thương
Và xem chữ tử sinh như mộng ảo

*Rời tuyến đầu âm vang bom đạn pháo
Giữa tiền đồn chống giữ suốt đêm ngày
Tiếng xung phong bọn địch ngập trùng vây
Nơi chiến trận đương đầu cùng lửa khói*



Nhưng tháng Tư, ngày Ba Mươi đau nhói
“Lệnh tan hàng” anh uất nghẹn tâm can
Dù sa cơ bởi mưu chước sói lang
Không khuất phục khi thân tù “cải tạo”

*Chí nam nhi dăng giồng nòi xương máu
Anh mãi là lính Biệt Động Mũ Nâu
Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà... mãi ngàn sau
Anh vẫn sống trong lòng muôn dân Việt!*

BỔ TÚC ĐA HIỆU SỐ 115

1. Trang 129, dòng 8, đọc là **Trần Kiến Võ, 25**.
 2. Trang 172, bài “Ngắn Gọn về TVBQGVN”: thêm **anh em ruột cùng theo học Khóa 15: Vũ Thế Minh và Vũ Thế Mẫn**
 3. Trang 300, dòng 4, bài “Trận Ấp Bắc”: Đọc là “**Thiếu Tá Nguyễn Duy Bách**”, thân phụ của CSVSQ Nguyễn Duy Niên, K27.
- Trang 303: Mục F/ Tàn thương: Đọc là: “Di tản thương binh bằng TVX và trực thăng về **Đại Đội Quân Y Sư Đoàn 7 BB.**” (Năm 1963, sư đoàn Bộ Binh chỉ có *Đại Đội Quân Y Sư Đoàn*. Đến năm 1968 hay 1969 mới thành lập *Tiểu Đoàn Quân Y*.)

GIỜ THỨ 25.

Trần Châu Giang, K22.

Đầu tháng 4, tất cả mặt trận các nơi đều sôi động, ngoại trừ Quân Khu 4 tương đối còn yên tĩnh. Khi Phan Rang bị mất vào tay địch, một số người ở những tỉnh gần nhất nhận thấy khả năng tự vệ về quân sự của miền Nam VN không còn nhiều hữu hiệu nên bắt đầu di tản dần về các tỉnh phía Nam. Trên quốc lộ 15 hàng ngày thường có những xe đồ với vali chất đầy trên mui di chuyển về hướng Vũng Tàu. Những người này đang tìm đường ra biển. Khi Sư Đoàn 18 BB, cùng các lực lượng tăng cường phải triệt thoái khỏi Long Khánh, lực lượng CSBV coi như đã ở trước cửa ngõ của Sài Gòn. Vào thời gian này, ngay tại sân bay của Long Thành, đã có một chiếc C130 với nhiều nhân vật tai mắt, bao gồm cả sĩ quan đã tẩu thoát qua Tân Gia Ba. Cũng khoảng giữa tháng Tư, tôi không còn nhớ ngày mấy, một người bạn của tôi từng quen biết nhau hồi còn ở Kontum, sau đổi về làm việc tại phủ Tổng Thống, nhân ghé thăm thân nhân trong vùng đã ghé thăm tôi. Sau khi hỏi nhau ba điều bốn truyện, lát sau người bạn này nhỏ giọng nói,

- “Nước đã ngập tới cổ. Theo tôi biết nhiều sĩ quan ở bộ Tổng Tham Mưu đã bỏ nhiệm sở. Anh có dự định gì

không?”

Tôi cười rồi nói cùng người bạn,

- “Mặc quân phục thể này, còn dự định gì được.”

Tôi trả lời người bạn cho có vẻ cường điệu thể thôi. Chứ lương tôi lãnh ra chưa tới cuối tháng đã hết, thì cho dù nước có ngập tới đầu, cũng chẳng biết xoay xở ra sao.

Lúc ấy, Long Thành có ba trung tâm huấn luyện, trại Yên Thế của Lực Lượng Đặc Biệt, trường Bộ Binh, và trường Thiết Giáp, có tên gọi chung là Huấn Khu Long Thành.

Trường Thiết Giáp lúc xưa nằm trong địa giới của Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức (*sau này đổi tên thành trường Bộ Binh Thủ Đức*). Khi quân đội Thái Lan qua tham chiến ở VN, họ thành lập căn cứ ở Long Thành, lấy tên là trại Bearcat. Khi họ rút về nước, trường Thiết Giáp đã lấy một phần căn cứ này thành lập cơ sở mới. Phần còn lại vẫn để trống như cũ và thường được dùng làm bãi thực tập các bài học chiến thuật. Khi còn ở đây, quân đội Thái Lan thả rất nhiều rắn chung quanh căn cứ để phòng thủ. Sau này, rắn sinh sôi nảy nở càng ngày càng nhiều, chui cả vào phòng ngủ của các sĩ quan độc thân.

Từ căn cứ này hướng về Sài Gòn, một đơn vị Đặc Công CS, trong một đêm, đã đột nhập được vào trường Thiết Giáp, gây tổn thất một số cơ sở vật chất, gây thương vong cho một vài người. (Thiếu Úy Hoàng Văn Nhuận, Thủ Khoa Khoá 27, về học Thiết Giáp, đã tử thương trong sự kiện này.) Vì thế, việc phòng thủ của trường đã được thanh sát lại. Lúc ấy tôi đang là Trưởng Khoa Chiến Thuật. Do trong trường còn nhiều sĩ quan cấp tá, tôi không được chỉ định chính thức nhiệm vụ nào ngoài nhiệm vụ huấn luyện. Tuy vậy theo lệnh Đại Tá Chỉ Huy Trường, tôi phải trình bày bằng văn bản quan niệm và kế hoạch phòng thủ. Kế hoạch này chắc chắn được tham khảo, nhưng thêm bớt thế nào, phân nhiệm ra sao, tôi không được rõ.

Tới cuối tháng Tư, khi tình hình chín mùi, lực lượng Cộng Sản đồng loạt mở nhiều cuộc tấn công hướng về Sài Gòn. Chúng đã mở ra các trận đánh ở Long An, ở Tây Ninh, với lực lượng ở cấp quân đoàn. Quân Đoàn 2 của Cộng Sản Bắc Việt phụ trách mặt trận ở phía Đông, còn gọi là đoàn Hương Giang. Quân đoàn này gồm hai Sư Đoàn 304, 325, cùng các đơn vị xe tăng và phòng không. Chiến dịch của họ bắt đầu lúc 17 giờ ngày 26 tháng Tư, khi Sư Đoàn 325 đánh vào chi khu Long Thành, và vùng phụ cận. sau đó hướng về Nhơn Trạch. Tại đây, họ thiết lập trận địa pháo, cho các bước đi kế tiếp. Sư Đoàn 304 nhận nhiệm vụ tấn công vào trường Thiết Giáp, với Trung Đoàn 9 của CS làm nòng cốt.

Trận đánh bắt đầu với pháo kích nổ khắp nơi. Do phản xạ tự nhiên, sau loạt pháo kích đầu tiên, tôi đã có mặt trên chiếc xe của Trung Tá Chỉ Huy Pháo, khi xe đậu trước hầm truyền tin. Lúc đó trên xe chỉ có vài người lính. *Giống như những kỵ sĩ thời xưa quen ngồi trên lưng ngựa, người lính Thiết Giáp theo thói quen khi bước lên xe là biết mình phải làm gì.* Tôi đã đeo chiếc cáp truyền tin, đang để trên thành xe, và bắt đầu nghe các nơi báo cáo. Điều lạ là tôi không nghe một ai trả lời. Lát sau Trung Tá Chỉ Huy Pháo từ hầm Truyền Tin lên xe. Tôi không biết ông bị trở ngại gì khiến ông vì đeo máy truyền tin, lại chỉ ôm bụng và ngồi dưới thành xe.

Tôi bắt đầu gọi Thiếu Tá P., Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn Dẫn Tập, đơn vị có nhiệm vụ phản công hoặc tăng cường cho các tuyến khi cần. Tôi cũng chẳng nghe trả lời. Sau này tôi được biết thời gian đó Đại Tá Chỉ Huy Trưởng đang họp bên trường Bộ Binh Thủ Đức, còn Thiếu Tá P. đang ở ngoài trại gia binh. Có lẽ Đại Tá Chỉ Huy Trưởng theo dõi trận đánh qua máy truyền tin trên xe jeep mà ông mang theo, nên đã gọi đích danh tôi thi hành việc này việc khác, dĩ nhiên là bằng ám số. Tôi phải trả lời bằng bạch văn là tôi không hiểu rõ những lệnh đó là gì. Trong khi đó cuộc pháo kích vẫn tiếp diễn không ngưng nghỉ và có phần còn nhiều thêm. Lát sau ông nói tôi ra

gặp ông tại ngã ba trường Bộ Binh.

Vì xe M113 tôi đi là xe của Trung Tá Chỉ Huy Phó cho nên khi thấy xe tôi ra cổng, các tuyến phòng thủ nghĩ là có lệnh rút. Các xe đã lần lượt bỏ tuyến, và nối nhau ra ngoài. (*Lúc đó, tôi chỉ nghĩ cho xe ra ngoài để đón ông vào.*) Cuộc triệt thoái hỗn độn, và không lệnh lạc, mãi khi ra tới ngã ba Thái Lan, đơn vị mới được ổn định, và thiết lập được tuyến phòng thủ. Tới 21 giờ cùng ngày các đơn vị đầu tiên của Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh từ Biên Hòa lên tăng cường, củng cố việc phòng thủ. Trong đêm tình hình yên tĩnh. Sáng hôm sau Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn III, lên thanh tra. Ông ra lệnh các đơn vị phải chiếm lại trường Thiết Giáp.

Với kinh nghiệm chiến trường, người ta có thể rút ra được nhiều điều bổ ích. Điều đầu tiên là khi các lực lượng CS khi tấn công vào một căn cứ thì họ nghiên cứu rất kỹ, phân chia tới từng chi tiết. Khi lực lượng trong căn cứ rút ra, họ thường không truy kích. Một phần do họ không am hiểu tình hình phía trước, một phần vì tiếp liệu không theo kịp. Vì vậy, các đơn vị của ta khi rút quân có đủ thời gian thiết lập tuyến phòng thủ tạm thời, chưa kể đến hỏa lực hùng hậu của Thiết Giáp luôn sẵn sàng ứng phó kịp thời và linh hoạt. Cho tới đầu năm 75, việc sử dụng xe tăng của quân đội Cộng Sản miền Bắc chỉ nhắm đến việc uy hiếp tinh thần, hơn là kỹ năng tác chiến phối hợp binh chủng. Khi lực lượng phòng thủ của ta không nao núng vẫn bám chặt vị trí thì xe tăng của CS khi tấn công vào được mục tiêu chỉ để làm mỏi cho các lực lượng phòng thủ. Trận An Lộc và Kontum đã chứng minh điều này.

Theo lệnh Tướng Toàn, một lực lượng tác chiến được tổ chức để tiến vào trong trường. Nửa đường, đơn vị này bắt gặp xe tăng của Cộng Sản đi ra. Tao ngộ chiến diễn ra chóng vánh. Những chiếc đi đầu đều bị bắn hạ, các chiếc đi sau quay đầu bỏ chạy vào trong, nhưng lực lượng của mình cũng không tiến thêm được. Máy chiến xa VC bị bắn hạ này được kéo ra quốc lộ 15 để cổ vũ tinh thần binh sĩ. Sau trận này Su

Đoàn 304 của CS không mở một trận tấn công nào khác vào tuyến phòng thủ của trường, *trái với những hồi ức, và quân sự miền Bắc ghi chép rằng họ đã chọc thủng tuyến phòng thủ, và làm chủ ngã ba Thái Lan vào ngày 28 tháng Tư. Trên thực tế ngày 29 tháng Tư, chúng tôi vẫn còn ở đó.*

14 giờ ngày 29 tháng Tư, Chiến Đoàn 322 đột nhiên rời vị trí phòng thủ. Trung Tá L. nói ông có lệnh phải về Biên Hòa. Như vậy trên tuyến phòng thủ từ ngã ba Thái Lan tới dốc 47 trên quốc 15 chỉ còn trường Thiết Giáp, không còn đơn vị nào cùng phòng thủ. Tôi cũng chẳng biết hỏi lệnh từ đâu, chẳng cần suy nghĩ nhiều, việc phải làm là triệt thoái theo Chiến Đoàn 322. Cuộc triệt thoái êm thấm.

Về gần tới Long Bình, tôi gặp một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến từ trên trại nuôi bò sữa đi xuống, không theo hàng lối. Lẫn trong đoàn quân này, tôi bắt gặp một thiếu tá của một đơn vị bộ binh, chỉ còn một người lính đi theo. Tôi nói anh lên xe tôi. Nhìn anh và người lính đi theo, một mối, chia nhau chút cơm còn lại trong ba lô bao ngày qua, tôi không khỏi băng khuâng. Với những gì đã từng thấy và trải qua nhiều kinh nghiệm, hình ảnh này khiến lòng tự hỏi, *“Có khi nào sự gian khổ của người lính được nhìn nhận rộng rãi nơi các thành phố hậu phương.”* Đời sống của họ không thơ mộng như những câu trong bài hát *“Anh Là lính đa tình”*.

Bên hông Long Bình có một địa danh gọi là Cầu Gỗ. Nơi đây có một chốt của một toán Đặc Công của VC đang ngăn chặn. Đơn vị đi phía trước vẫn còn đang phải giao tranh khiến cả một đoàn quân xếp hàng chờ đợi. Cũng có một may mắn, chiếc xe của sĩ quan Ban Ba, Chiến Đoàn 32, đã cán qua hàng rào kẽm gai để vào Long Bình. Vì thế, các xe còn lại đều đã đi qua lối này.

Căn Long Bình lúc này hình như đã bỏ ngõ. Cửa của các tòa nhà lớn nhỏ bị mở tung, không một bóng người. Khi còn ở trên dốc 47 do phải lo nhiều việc, tôi không có thì giờ để suy

ngẫm xa xôi. Giờ đây, tôi thấy cảnh này khiến lòng tự hỏi, “*Căn cứ này hầu như cung cấp mọi nhu cầu cho quân đội. Bây giờ bỏ thì mai này quân đội sẽ tồn tại bằng cách nào?*”

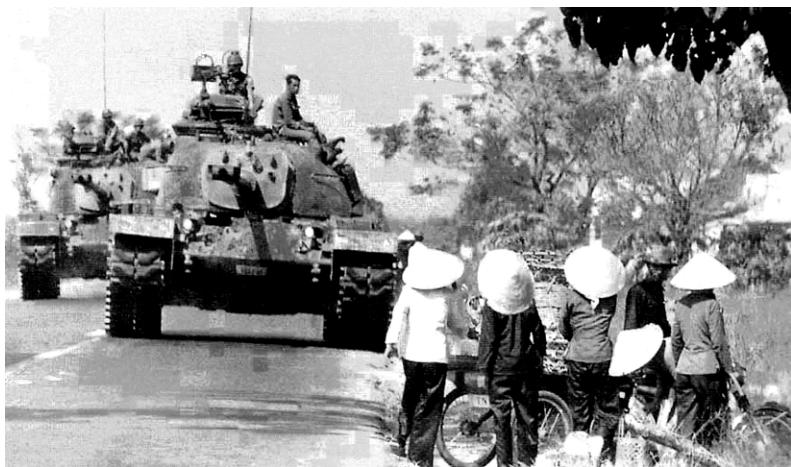
Ra khỏi căn cứ Long Bình, đơn vị tập trung trong một khu đất trống chờ Đại Tá Chỉ Huy Trưởng đi họp với Chuẩn Tướng Khôi, Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Thiết Kỵ. Mấy người lính vào mấy căn nhà bỏ trống, tìm kiếm chút gì có thể ăn được, vì suốt từ ngày 26 tới nay, đơn vị không được tiếp tế bất cứ một thứ gì. Lính tráng cũng như sĩ quan góp tiền mua được củ khoai, miếng bánh chia nhau.

Không biết có lệnh xuất phát từ đâu nói trường Thiết Giáp sẽ được tăng phái cho Sư Đoàn 18 để phòng thủ căn cứ Long Bình, còn Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh có thể sẽ qua sông Đồng Nai. Các sĩ quan bàn luận nhưng không một ai muốn tăng phái cho Sư Đoàn 18, một phần vì căn cứ này quá lớn với chu vi tới 37 cây số. Phần khác Sư Đoàn 18 chắc sẽ không thể cung cấp nào xăng nhớt, đạn dược, và còn nhiều nhu cầu khác cho chúng tôi. Vì thế, đơn vị quyết định sẽ qua sông Đồng Nai. Nếu chúng tôi gặp được Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh thì sẽ theo nó, có gì còn nhờ vả được.

Đơn vị qua sông Đồng Nai, vào lúc chập choạng tối, theo lối cầu mới. Đơn vị qua khỏi cầu chưa xa, giao tranh ở chân núi Châu Thới vẫn đang tiếp diễn. Tạm thời, chúng tôi lại phải tạt vào khu đất trống bên phải con đường. Suốt mấy tiếng đồng hồ tôi nghe sĩ quan truyền tin gọi hết chỗ này đến chỗ khác mà vẫn không liên lạc được. Một mối, tôi nằm nhờ trên chiếc võng của một người lính. Từ một chiếc radio nhỏ treo toong teng trên cửa sau một chiếc M113, giọng Lý Quý Trung, Bộ Trưởng Thông Tin của ông Vũ Văn Mẫu đang yêu cầu người Mỹ rời khỏi VN trong vòng 24 giờ. Tiếng pháo kích vẫn nổ đau đay. Xa xa về phía Tây một trận đánh đang diễn ra. Súng đạn đã làm sáng một góc trời.

Tới 12 giờ khuya thì có lệnh di chuyển. Khi tới xa lộ Đại

Hàn, Đại Tá T., Chỉ Huy Trường, ra lệnh cho tôi đi thám sát về phía xa lộ Biên Hòa. Bình thường thì ít nhất phải có hai xe kèm nhau, nhưng không hiểu sao tôi chẳng hỏi thêm. Con đường đi về phía xa lộ Biên Hòa vắng tanh vắng ngắt, mờ ảo dưới ánh trăng khuya. Đi chưa được chưa bao xa, một đám dân từ trong rừng cao su ủa ra kêu cứu vì bị cướp bóc. Chúng tôi cũng chẳng giúp gì được. Nhưng mà trời thương, nếu đây không phải là dân, mà là đám du kích, thì chỉ cần vài trái lựu đạn, chúng tôi coi như xong. Về tới xa lộ Biên Hòa, tôi báo



Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh và Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn 3 trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến.

cáo tình hình tổng quát, và đơn vị bắt đầu di chuyển theo xa lộ hướng về Sài Gòn. Đi được một đoạn, chúng tôi bỗng dừng một chót ven đường. Giao tranh khoảng 15 phút thì tất cả đều ngưng. Tôi cũng không rõ đơn vị này của mình hay địch, và từ đây về Sài Gòn còn bao nhiêu chót nữa? Cuối cùng, đơn vị quyết định phòng thủ ngay trên đường chờ trời sáng.

Trời sáng Đại Tá T. và một sĩ quan về Sài Gòn nhận lệnh. Tôi ở lại với đơn vị. Buổi sáng trời trong xanh. Từ trên bầu trời cao, hai chiếc phản lực màu cánh bạc đang bay theo một vòng tròn. Một đoàn xe đủ loại: honda, xe jeep, xe dogde, từ

hướng Biên Hòa muốn lách sang bên để về Sài Gòn, nhưng tất cả đều bị chặn lại. Dù có cãi cọ, năn nỉ, to tiếng, họ vẫn không có phép vượt qua. Khoảng gần 9 giờ, bỗng xôn xao tin chiến xa CS đã tới Nghĩa Trang Biên Hòa. Bao nhiêu xe cộ bị chặn lại từ sáng, không ai bảo ai cùng mở hết tốc lực hướng về Sài Gòn. Những xe thiết giáp đang bố trí trên đường cũng mở máy chạy theo. Không ai còn ra lệnh được. Không bao lâu sau chiến xa CS đã bắn vóit theo.

Qua khỏi cầu Sài Gòn, Đại Tá T. đứng ngay giữa đường, chỉ từng xe vào vị trí phòng thủ. Chiến xa CS cũng không dám vượt qua cầu Sài Gòn, khiến tình hình nơi đây trở lại yên tĩnh. Dân chúng đi hôi của ở Tân Cảng về ngang, tay xách nách mang. Thấy chúng tôi, họ liệng lên xe thuốc lá, bánh kẹo. *Trong cuộc sống những gì hàng ngày tưởng như bình thường, bỗng trở nên trân quý khi biết rằng nó sắp mất đi. Hành động của những người dân, phần lớn lam lũ này có thể hiểu được.*

Tình hình đang yên tĩnh, bỗng chúng tôi nhận lệnh tập trung về dinh Độc Lập. Tới nơi tôi hầu như không thấy gì khác lạ. Trên chòi cao ở góc dinh, một người lính vẫn trong lễ phục nghiêm trang đứng gác. Lại có lệnh về Biệt Khu Thủ Đô. Cuối cùng thì xe của tôi đậu ngay trước cổng Quân Vụ Thị Trấn. Trên đường dân chúng đi xe, đi bộ hồi hải ngược xuôi. Lát sau, những người tù, được thả ra từ khám Chí Hòa, đi tràn cả xuống lòng đường.

Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra không sao ngăn lại được. Ai đó nói gì tôi nghe không rõ. Tôi đang chứng kiến những hình ảnh tan rã của đất nước, cũng như linh cảm đến những ngày tháng đen tối trước mắt.

Đại tá T., Chi Huy Trưởng, đến gọi tôi theo ông vào Biệt Khu Thủ Đô xem tình hình thế nào. Lúc đó trước cổng trại Lê Văn Duyệt vẫn còn vài chiếc xe jeep đậu rải rác. Tôi và ông đi bộ vào. Dưới mỗi gốc, người ta vắt đầy quân phục, rải rác có cả thể quân nhân. Tại văn phòng Bộ Tư Lệnh, Thiếu

Tướng Lâm Văn Phát, quân phục chỉnh tề, đầu đội nón đen, không mang huy hiệu Thiết Giáp, tay cầm chiếc gậy chỉ huy, đi lại ở hành lang. Chào kính xong chúng tôi bước vào văn phòng, nơi đây chỉ còn một đại úy. Ông rót cho chúng tôi mỗi người một ly nước lạnh. Thiếu Tướng Lâm Văn Phát nói,

- “...*Bây giờ các anh có toàn quyền quyết định lấy. Tôi nghe nói nếu các anh đến được Mỹ, họ sẽ giúp đỡ cho một thời gian. Riêng tôi, tôi sẽ ở lại đây và sẽ chịu trách nhiệm thay cho các anh.*”

Từ văn phòng Bộ Tư Lệnh nhìn ra ngoài, trên khoảng sân cỏ phía trái mấy chiếc trực thăng HU1, nằm bất động không một bóng người. Trên đường trở ra lòng tôi buồn rười rượi. Đại Tá nói với tôi,

- “Anh em mình chắc phải đi bộ về quá.”

- “Không đâu, anh tài xế sẽ chờ Đại Tá.” Tôi đã trả lời ông.

Quả đúng như vậy, chỉ còn duy nhất chiếc xe còn nằm đó cùng anh tài xế đang nhẫn nại đợi chờ. Ông dùng máy truyền tin gọi các nơi bỏ xe và đi về nhà, đoạn nói tài xế đưa ông về chỗ Đại Tá TNB, Chỉ Huy Phó của Binh Chủng Thiết Giáp lúc ấy. Tới nơi, tôi xuống xe chào ông. Đây cũng là lần chào tay cuối cùng của tôi trong đời quân ngũ. Dân chúng chung quanh thấy lạ đổ xô ra đứng nhìn. Ông im lặng nhìn tôi, rồi quay sang tài xế nhỏ nhẹ,

- “Em ráng đưa Đại Úy về nhà.”

Xe đưa tôi về Phú Nhuận. Chúng tôi chia tay nhau tại ngã ba giữa đường Võ Di Nguy và đường Nguyễn Huỳnh Đức. (Bây giờ các con đường này là đường Phan Đình Phùng và Huỳnh Văn Bánh.) Mỗi người đi về một ngã. Kể từ ngày đó, chúng tôi cũng không có cơ hội nào gặp lại nhau.

Người lính này và biết bao chiến binh khác vẫn hiện diện tại hàng quân và làm nhiệm vụ của mình, ngay cả khi đã ở giờ thứ 25. Nay họ còn hay mất, phiêu dạt phương nào?

Cảm Nghĩ Về:

Tiệc Gây Quỹ Phim
**“THROUGH OUR EYES -
THE VIETNAM WAR”**

Phạm Văn Hòa, K18

Ngày 20 tháng 3 vừa qua, vùng bắc bán cầu chính thức vào mùa Xuân 2019. Ngày 22 tháng 3, hai ngày sau thành phố Houston một lần nữa nô nức đón Xuân trong “Tiệc Gây Quỹ Through Our Eyes - The Vietnam War” tại nhà hàng Kim Sơn Bellaire vùng phía Tây thành phố.

Khách tham dự đa số là các hội đoàn quân đội. Các chiến sĩ VNCH dù qua bao thăng trầm vì vận nước, thể chất thay đổi thật nhiều vì thời gian, ưu tư, chiến tranh nhưng tinh thần của người Việt Quốc Gia yêu chuộng Tự Do - Dân chủ không hề suy giảm. Sự có mặt đông đảo của anh em chiến hữu đã nói lên điều này.

Tuy chiều Thứ sáu, sau tuần lễ dài làm việc mệt nhọc nhưng các khuôn mặt trẻ thắp từng cha ông tham dự tiệc gây quỹ. Điều này nói lên các quân nhân VNCH dù bị nhóm “Bên Thắng Cuộc - của Huy Đức”, cầm tù trong các trại tù Nam ra Bắc; nhưng huyền thoại của người lính VNCH luôn được duy trì và truyền đến thế hệ mai hậu.

Buổi tiệc gây quỹ trong vòng khoảng 4 giờ nhưng là thành quả tâm huyết của bao nhiêu người cư dân Houston, không

phân biệt tôn giáo, đảng phái, chung lưng để cùng gánh vác việc chung trong dự án làm phim “Chiến tranh Việt Nam Qua Cách Nhìn của Chúng Ta” để làm sáng tỏ các góc cạnh khác của Chiến tranh Việt Nam; mà phim “*Chiến tranh Việt Nam - được trình chiếu trên PBS - ra mắt công chúng vào tháng 9/2017 do nhóm Ken Burns*” đã không đạt được khía cạnh trung thực của cuộc chiến ý-thức-hệ tại Việt Nam. Dân - Quân miền Nam Việt Nam đã hy sinh, chẳng những cho người Việt yêu chuộng Tự Do - Dân chủ mà còn là tiền đồn của thế giới chống lại chủ thuyết Cộng Sản mà Cộng Sản Bắc Việt chỉ là con-chót-thí.



Những hộp súng triển lãm được dùng để đóng phim

Buổi tiệc gây quỹ được thành công về khách tham dự (khoảng 1,000 người) và đóng góp tài chánh (khoảng 150,000 USD) mà theo lời của Luật Sư Tom Tùng Hoàng trong phần cảm ơn, đã phát biểu bằng Anh ngữ, “*sự đóng góp của quý vị tuy là những giọt nước, nhưng sẽ được tích tụ thành biển nước.*” Các thành phố khác ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác cũng sẽ theo chân Houston cuối đợt thủy triều này biến thành cao trào: tạo ngân quỹ để hoàn thành phim, tổ chức các buổi hội thoại, đóng góp vào các thư viện quốc gia và thực hiện các tài liệu giáo dục. Đây là các mục tiêu theo lời phát biểu của ông Phạm Văn Nam, Thứ Trưởng Phát Triển Kinh Doanh tiểu bang Massachussetts, là thành viên của dự án thực hiện phim.

Người viết được hân hạnh tham dự buổi tiệc gây quỹ này. Cảm ơn Luật Sư Tom Tùng Hoàng, Giám Đốc Đài Truyền Hình SGN 51.3 và anh chị Hải Lăng - Hoàng Minh Thúy, báo Xây Dựng người điều khiển chương trình “Chân Dung Người Lính VNCH”, sắp xếp ngồi cùng bàn với đạo diễn Fred Koster và ông Phạm Văn Nam nhân vật then chốt của phim “Through Our Eyes - The VietNam War”. Vì thế nên tôi có dịp đàm đạo và nói lên những quan điểm và suy tư của tôi là người quân nhân QLVNCH kỳ vọng nơi cuốn phim. Cuộc gặp gỡ tuy ngắn ngủi nhưng cảm kích với tánh nhã nhặn và khiêm nhường của đạo diễn Fred Koster; và sự hoạt bát của ông Phạm Văn Nam, Thứ Trưởng Phát Triển Kinh Doanh, tiểu bang Massachussetts. Cả hai là nhân vật then chốt của dự án, khuyến khích chúng ta góp ý hay có tài liệu liên quan đến cuộc chiến VN, gởi về <http://www.usavn.org/about.html>. Đây là website của dự án có ghi mục tiêu như sau:

- “The project goal in producing “Through Our Eyes – The Vietnam War” is to make educational products that are non-political and unbiased. We believe that the truth does not have a political affiliation. The truth is simply the truth.

- The “Through Our Eyes” development team is diversified with people from different races, genders, ages, religions and political beliefs. Our mission is to present to the audience the objective history of the Vietnam War.” (*Copy từ <http://www.usavn.org/about.html>*)

Tạm dịch:

- Mục tiêu của dự án trong việc sản xuất “Through Our Eyes – The Vietnam War” là tạo sản phẩm giáo dục phi chính trị và không thiên vị. Chúng tôi tin rằng sự thật không nên liên kết với chính trị. **Sự thật đơn giản là sự thật.**

- Nhóm thực hiện phim “Through Our Eyes” chúng tôi rất đa dạng với những khác biệt thuộc về chủng tộc, giới tính, tuổi tác, tôn giáo, và chính trị. **Nhiệm vụ của chúng tôi là trình**

bày cho khán giả, lịch sử một cách khách quan của Chiến tranh Việt Nam.

Đạo diễn Fred Koster của phim “Through Our Eyes” đã từng đạo diễn, viết kịch bản và sản xuất phim “Ride the Thunder – A Vietnam War Story of Victory & Betrayal”, trình chiếu năm 2015 (*). Ông còn cộng tác nhiều lĩnh vực khác trong kỹ nghệ điện ảnh.

* * *

Được biết phim tài liệu “The Vietnam War” do nhóm Ken Burns ra đời năm 2017 gồm 10 tập được trình chiếu trên đài PBS, là đài truyền hình có ảnh hưởng trong dân chúng trên lãnh vực chính trị, lịch sử và giáo dục. Nhưng nếu vì “lý do gì” họ không làm nhiệm vụ truyền thông “quảng bá tài liệu” một cách trung thực, thì sẽ gây hậu quả “lịch sử mang sắc thái chính trị” rất nguy hại cho thế hệ mai sau, tìm hiểu về lịch sử nhân loại. Bởi vậy việc thành hình phim “Through Our Eyes - The Vietnam War” có tầm mức hết sức quan trọng để phản bác phim của nhóm Ken Burns được người Việt tị nạn quan tâm, nhất là chiến sĩ VNCH, dân quân miền Nam đã từng hy sinh xương máu để bảo vệ nền Cộng Hòa Việt Nam và cũng là địa đầu chống chủ thuyết Cộng Sản.

Chúng ta cũng được biết thêm phim “The Vietnam War của Ken Burns” đã không nói lên được sự thật liên quan đến chiến tranh Việt Nam, bằng chứng:

- Phỏng vấn **John Kerry**, người đã phục vụ thời gian ngắn khoảng 4 tháng trong vai trò tuần giang tại vùng sông Cửu Long (Mekong Delta). Sau khi về nước ông đã tham gia “**Hiệp Hội Cựu Quân Nhân Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam chống chiến tranh**” (Vietnam Veterans Against the War); và điều trần chống chiến tranh VN trước Ủy Ban Đối Ngoại Thượng Viện (Senate Foreign Relations Committee) năm 1971.

- Phỏng vấn **Jane Fonda**, tài tử điện ảnh phản chiến, với

biệt danh “**Hanoi Jane**”, chụp hình ngồi trên pháo đài súng phòng không năm 1972. Sau này vào năm 2015 và những năm sau đó bà đã công khai thú nhận “Tôi đã phạm lỗi lầm lớn, thật lớn”; “Tôi đã có hành động không thể tha thứ khi tôi đến Bắc Việt, và tôi sẽ phải mang điều ân hận này đến khi nhắm mắt!” (“*Huge, huge mistake*”, “*I made one unforgivable mistake when I was in North Vietnam, and I will go to my grave with this!*”

Bộ phim của Ken Burns cố tình bỏ quên các biến cố quan



Tác giả (bên phải) và đạo diễn Fred Koster.

trọng khác liên quan đến chiến tranh VN như:

- Cuộc di dân tránh bỏ chủ nghĩa Cộng Sản từ Bắc vào Nam VN năm 1954 theo hiệp định Genève.

- Tết Mậu Thân 1968. Quân lực VNCH đã đánh bại quân Cộng Sản Bắc Việt trong cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân 1968.

- Cuộc di tản lớn nhất thế kỷ 20 mà hàng triệu người Việt bỏ quê hương tìm Tự Do và Dân Chủ, vào năm 1975 và những năm sau đó.

- Sau ngày “Saigon thất thủ”, Cộng Sản Bắc Việt đã cầm tù,

từ 1 triệu đến 2.5 triệu quân dân cán chính, các vị lãnh đạo tinh thần liên quan đến chế độ Miền Nam, trong các trại tù mà họ gọi là “Học Tập Cải Tạo”. Câu hỏi đặt ra là CSBV phải chăng đã vi phạm điều luật quốc tế về tù binh? Khi họ cầm tù những người đã chiến đấu chống chủ thuyết Cộng Sản trong những điều kiện nhân sinh thật tồi tệ? (**)

Trên đây, chỉ là vài điều chánh yếu nếu không kể đến những chiến thắng oai hùng của QLVNCH, mà phim của Ken Burns đã không nhắc đến; mặc dù được thực hiện trong 10 năm, với tài khoản 30 triệu Mỹ kim và ra mắt công chúng năm 2017! Có mãnh lực chính trị hay lý do nào khác cố tình bóp méo vo tròn sự thật, khi sự thật cần được trình bày trung thực trong phim tài liệu, là chất liệu quan trọng cấu tạo nên lịch sử?!

Chúng ta đều biết lịch sử nhân loại từng chứng minh rằng: *“Thắng một trận chiến, không phải là thắng cuộc chiến tranh; và thắng một cuộc chiến tranh không có nghĩa là thắng ý-thức-hệ”*. CS Việt Nam không đáp được nguyện vọng “Tự Do và Dân chủ” của người dân; đó là nguyên nhân hàng triệu người Việt rời bỏ quê hương đi tìm Tự Do - Dân chủ khắp cùng năm châu.

Xin chúc mừng Ban Giám Đốc và toàn thể nhân viên trong dự án hoàn thành phim “Through Our Eyes - The Vietnam War “XỬ DỤNG ĐỆ NHẤT QUYỀN TRONG HIẾN CHƯƠNG HOA KỲ” TỰ DO NGÔN LUẬN; để trình bày cho toàn thể giới về sự thật của chiến tranh VN, mà bộ phim “The Vietnam War của Ken Burns” đã không làm được.

Lịch sử luôn luôn được căn cứ vào dữ kiện và sự thật.

Các thế hệ hậu duệ xứng đáng được biết những gì đã xảy ra cho tổ tiên mình.

Người Việt yêu chuộng Tự Do - Dân Chủ khắp cùng năm châu đã, đang, và sẽ sát cánh với quý vị trong dự án đầy ý nghĩa này. Xin cầu chúc quý vị sản xuất phim “Through Our Eyes - The Vietnam War” thành công mỹ mãn.

Cảm Nghĩ Sau Cùng,

Lại một mùa Xuân đến!

Bao nhiêu mùa Xuân đã đi qua đời người chiến sĩ VNCH!

Bao mùa Xuân bị lãng quên vùi dập khi Dân Quân miền Nam bị tù đầy trong các lao tù Cộng Sản!

Bao nhiêu mùa Xuân đã qua từ khi chúng ta rời bỏ quê hương, làng nước đi tìm Tự Do - Dân Chủ khắp cùng năm châu!

Hãy đừng bóp méo sự thật mà chúng tôi đã là chứng nhân, là nạn nhân, từng hy sinh tuổi thanh xuân, hy sinh phần thân thể để đem an bình tự do dân chủ cho người dân Việt.

Khi đẩy chiếc xe lăn đưa người bạn chiến sĩ VNCH, rời buổi tiệc gây quỹ mà lòng nghẹn ngào vì băng đi mấy năm không gặp, nay anh tiêu tụy. Người vợ của anh tuổi tuy thất thập nhưng gắng sức đẩy chiếc xe lăn cho chồng. Bà cũng như ngàn, triệu người vợ lính như chiếc bóng bên chồng đã từng hy sinh trong cuộc chiến ý-thức-hệ; có khi còn khổ hơn chồng khi nuôi con chờ chồng là “người tù không bản án”, bị giam cầm nơi sơn lâm chướng khí nhưng được gán cho danh từ hoa mỹ “học tập cải tạo”.

Buổi tiệc tàn, trên đường về đèn lập lòe vàng-xanh-đỏ bị nhòe dần, vì sương đêm hay vì tôi khóc lúc nào không biết khi nghĩ đến, người bạn tôi vừa đẩy xe lăn rời phòng tiệc, những người bạn chiến sĩ VNCH đã nằm xuống, hay sống khắp cùng năm châu, hay đã gặp vài giờ trước đây trong buổi tiệc; tất cả chúng tôi là nạn nhân của bộ phim tài liệu của Ken Burns. Họ đã lợi dụng sức mạnh truyền thông bôi bác sự hy sinh của chúng ta, của các quân nhân Hoa Kỳ đã từng tham chiến ở Việt Nam. Và tôi băng khuâng khi tự hỏi, sao không có NGƯỜI LÍNH VNCH nào được mời phát biểu vài phút trong chương trình gây quỹ dài 4 giờ đồng hồ; trong khi rất đông anh em LÍNH tham dự “Tiệc Gây Quỹ Phim THROUGH OUR EYES - THE VIETNAM WAR”. Giả sử khách tham dự được nghe

những nhân chứng sống tức người LÍNH VNCH bày tỏ tâm sự suy tư.... thì có lẽ buổi tiệc sẽ thành công hơn; người Việt, con cháu thế hệ hậu duệ sẽ cảm thấy hãnh diện hơn; và sẽ gây ấn tượng tốt hơn đối người ngoại quốc tham dự buổi gây quỹ ngày hôm đó.

(2019)

GHI CHÚ:

(*) “*Ride The Thunder - Cưỡi Ngọn Sấm*” dựa trên câu chuyện thật về tình bạn giữa người lính Cọp Biển Hoa Kỳ John Ripley và Trung tá TQLC Lê Bá Bình, trong cuộc chiến VN. Sau khi Miền Nam thất thủ, Ripley trở về Mỹ trong khi Tr/Tá Bình bị giam cầm trong “trại tù cải tạo” Cộng Sản. Sau khi ra tù, tị nạn đến Hoa Kỳ, ông là nguồn cảm hứng cho cuốn phim, cho thấy người Việt tị nạn ở Mỹ đã vươn lên “*Ride the Thunder*” trở thành người di dân gương mẫu, vì xã hội Hoa Kỳ là cái nôi cơ hội để thăng tiến cho những ai có khả năng, không phân biệt màu da, chủng tộc.

(**) *Tù binh chiến tranh (POWs)* phải được đối xử nhân đạo trong mọi hoàn cảnh. Họ được bảo vệ chống lại bất cứ hành động bạo lực nào, cũng như chống lại sự đe dọa, lăng mạ của công chúng. IHL (International Humanitarian Law) cũng xác định các điều kiện giam giữ tối thiểu bao gồm các vấn đề như chỗ ở, thực phẩm, quần áo, vệ sinh và chăm sóc y tế.

Hành Quân Đức Thắng I

TRẬN ẤP BẮC

Tổ Quyên, K16

(Tiếp theo)

Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù

Ngày 2/1/63, TĐ8ND ứng chiến nhảy cho cuộc HQ Phi Hỏa ở khu vực Bầu Tràm trong chiến khu C, Tây Ninh. Từ 0500g sáng, cả TĐ đã nằm dài dưới cánh máy bay tại phi trường Tân Sơn Nhất (TSN). Các SQ thì một số trò chuyện, một số lật tấm bản đồ khu vực ứng chiến HQ họ nhận lãnh hồi sáng ra nghiên cứu và bàn tán. Cả ngày có vẻ êm ả cho đến gần 1700g. Xe của kho dù đã ra đậu gần đó để chuẩn bị thu dù mang về cất ở kho LĐND. Chỉ ít phút nữa là hết thời gian ứng chiến số 1 và TĐ sẽ lên xe về doanh trại. Vì đúng ngày ĐĐ83 thượng phiên gác 1 số trạm gác của căn cứ Hoàng Hoa Thám mà BCH/ LĐND giao cho TĐ trách nhiệm, nên Tr/ Ủy Tăng Thường Lực, ĐĐT, đã cho lệnh Thường Vụ ĐĐ tập hợp đọc tên binh sĩ trong danh sách gác.

Đang lúc trò chuyện ồn ào vì sắp được ngủ 1 đêm an lành thì Tr/ Đội Trưởng Truyền Tin đang trực bên máy chạy vội ra chỗ TĐT đứng cho biết TĐ có lệnh nhảy HQ. Đ/Ủy/TĐT Trần Văn Hai, sau khi nói chuyện trên máy đã ra lệnh cho cả TĐ lãnh, kiểm soát, và mặc dù. Riêng các ĐĐT thì tụ tập quanh xe jeep của Đ/Ủy Hai để chờ họp. Khoảng 1715g, Đ/Tá Nguyễn Đức Thắng, Trưởng Phòng Kế hoạch HQ Bộ TTM đi xe jeep đến. TĐT, TĐP, và Đ/Ủy Ng. Văn Nghiêm, SQ/HQ ra đón Đ/

Tá Thắng để nhận thêm chi tiết về cuộc HQ. Chuẩn Ủy Lê Xuân Vinh, Trưởng Ban 2/TĐ tới xe Đ/Tá Thắng lãnh bản đồ.

Thấy các ĐĐT xì xầm khi nhận bản đồ của vùng HQ loại tỉ lệ 1:100,000, Đ/Tá Thắng biết họ thắc mắc nên nói lớn giải thích cho họ biết vì lệnh HQ khẩn cấp ở 1 vùng không ưu tiên nên Phòng Bản Đồ bộ TTM không chuẩn bị sẵn loại bản đồ tỷ lệ lớn 1:50,000 cho khu vực sắp nhảy HQ này như thông lệ. Ngay sau khi xe Đ/Tá Thắng rời phi đạo, Đ/Ủy Hai hợp BCH và các ĐĐT. Đ/Ủy Nghiêm cho biết tình hình diễn tiến trong ngày tại trận địa rồi Đ/Ủy Hai ban lệnh HQ.

Đợt nhảy đầu gồm 2 ĐĐ do Đ/Ủy TĐP Nguyễn Đình Vinh chỉ huy gồm ĐĐ 81 của Tr/Ủy Phạm Huy Sảnh, và ĐĐ 84 của Tr/Ủy Hoa Hải Đường. BCH nhẹ của Đ/Ủy Vinh có Th/Ủy Ng. Hữu Luyện, SQ ban 5/TĐ, cùng Tr/Ủy Y sĩ Hoàng Cơ Lân thuộc ĐĐ/ QYND tăng cường.

Đợt hai sẽ là thành phần còn lại của TĐ gồm BCH/ TĐ, Đ/Ủy Hai, TĐT, Đ/Ủy Ng. Văn Nghiêm, SQ/ HQ/ TĐ, ĐĐ 80 của Tr/Ủy Nguyễn Nghiêm Tôn, ĐĐ 82 của Tr/Ủy Nguyễn Văn Nghi, ĐĐ 83 của Tr/Ủy Tăng Thường Lực, và Trung Đội QY của Y sĩ Tr/Ủy Bùi Thiệu, Y sĩ trưởng TĐ8/ ND.

Đúng 1800g, 7 phi cơ vận tải C123 Fairchild do phi hành đoàn Hoa Kỳ điều khiển rời phi đạo và khoảng 1830g phi cơ bay đến trận địa và bắt đầu thả đợt đầu tại phía Tây áp Bắc. Loại phi cơ này mỗi chiếc thả được 40-45 quân nhân và thả dù bằng 2 cửa hông khác với loại C47 chỉ có 1 cửa hông và tối đa chỉ thả được 25 người.

Khi các cánh dù còn đang lơ lửng giữa trời thì đạn lửa từ trong ấp đạn chằng chịt không trung. Chiếc dù càng gần mặt đất thì lưới đạn càng dày đặc nên khi chân vừa chạm đất các quân nhân ND đều phải tìm bờ con lộ đất để ẩn núp. Gió dưới bãi khá mạnh nên các chiếc dù bay tán lác khá xa, nửa TĐ rơi tán mác trên chiều dài 1km và có một số ít chiếc dù bị gió đưa vào trong ấp khiến những quân nhân này hy sinh oan uổng.

Lúc đó trời đã bắt đầu tối, tầm nhìn xa bị giới hạn, lại thêm địa thế sinh lầy, nước ngập trên khối đầu gối khiến di chuyển nhanh rất khó khăn nhất là hỏa lực địch từ trong ấp vẫn tiếp tục bắn ra như mưa, các viên đạn lửa bay gần sát chiều cao của bờ con lộ đất. Các quân nhân mũ đỏ trên ruộng phải khom người dưới lưới đạn của địch mò mẫm từng bước dưới ruộng lầy cố tìm về vùng tập hợp của từng đơn vị ở dưới bãi, họ di chuyển rất khó khăn.

Trong khi các trung đội trưởng lo gom quân thì Đ/Úy Vinh cùng 2 ĐĐT bàn kế hoạch để đưa đơn vị thoát ra khỏi khu



Tải thương tại mặt trận Ấp Bắc

vực quá hiểm nghèo này. Qua liên lạc truyền tin với BCH/HQ SĐ7, Đ/Úy Vinh được thông báo vì lý do trời tối và nhất là gió đêm dưới bãi không bảo đảm an toàn cho việc nhảy dù ban đêm nên KQHK không chịu thả nốt TĐ (-) còn kẹt lại tại phi trường TSN.

Khi quân số tập hợp được tạm đủ để có thể bắt đầu tấn công, đơn vị Dù đã 3 lần tìm cách tiến chiếm tuyến phòng thủ của địch gần ta nhất ở góc phía Tây Nam ấp Bắc song đều bị đẩy lui. Không yểm trên MT1 không có, lại thêm địa thế sinh

lầy khiến việc tiến quân hết sức khó, nhắc chân lên khỏi bùn đã vất vả nói gì phải vừa tác xạ, vừa chạy hết sức nhanh khi xung phong. Vũ khí cộng đồng¹⁴ cơ hữu mạnh nhất của mỗi ĐĐ là ĐL 30 để trấn áp và tiêu diệt các ổ súng máy của địch, song xạ thủ súng ĐL gần như rất khó tìm được bờ ruộng cao nào để đặt chân ba càng của súng ngổ hầu tác xạ yểm trợ cho đơn vị xung phong. Còn súng cối 60mm của 2 ĐĐ tác chiến hầu như không sử dụng được, vì địa thế đồng ruộng sinh lầy không có chỗ để đặt bàn tiếp hậu của súng, cũng như thiếu đạn do chưa tập hợp được các quân nhân tải đạn bị tán lạc vì dù bị gió đưa đi quá xa.

Cuối cùng thấy trời gần sáng Đ/Úy Vinh cho lệnh bố trí tại chỗ theo tuyến bám dọc bờ ruộng để chờ sáng hẳn khi có không yểm sẽ điều quân. Địch nằm trong ấp vẫn bắn ra hướng chúng nghi ngờ ta xâm nhập. Khi trời rạng sáng thì tiếng súng từ trong ấp bắt đầu thưa dần rồi ngưng hẳn.

Sáng ngày 3/1/63, khi đơn vị Dù tập hợp đủ quân số và tiến quân vào ấp Bắc thì dân trong ấp cho biết địch quân đã từ từ rút lui vào lúc 2200g đêm qua¹⁵

Tổn thất của TĐ8/ND: tử thương 31, bị thương 33 kể cả Trung sĩ Smith Kopplin, cố vấn ĐĐ81. Thiệt hại nặng nhất là các toán nhảy dọt đầu của ĐĐ81 với 23 tử thương trong đó có 6 quân nhân bị gió đưa dù của họ bay vào trong ấp. (3 xác bị địch băm nát mặt và 3 không tìm thấy xác.)¹⁶

Tổn thất:

* Theo Đ.Úy R. Ziegler¹⁷, cố vấn Phòng 3/SĐ7 thì tổn thất:

Bạn: 63 tử thương, 109 bị thương. Phía HK có 3 tử thương và 6 bị thương. Về trực thăng có 4 CH-21 và 1 UH-1A bị bắn rơi tại trận địa.

Địch: 41 tử thương, bị thương không rõ, tù binh 36.

* Theo Tr.Tá Paul Vann¹⁸ thì

Bạn- 80 tử thương và trên 100 bị thương. Phía cố vấn và phi

hành đoàn trực thăng HK có 3 chết và 8 bị thương.

Trực thăng: 2 CH-21 và 1 UH-1 bị rơi tại trận.

Tổn thất địch: 18 tử thương.

Tuy vậy sau chiến thắng ấp Bắc thì 2 ĐĐ/ Đồng Khởi của VC phân động là lính mới của Ba Đào ở Bến Tre đưa lên mất tên luôn. Số còn sống sót trốn về quê hết sạch. Hai ban chỉ huy chỉ sống sót một ĐĐP nhưng cũng bị thương cưa cụt chân²¹

Phụ chú:

¹ Theo Đoàn Thêm trong “Hai mươi năm qua Việc từng ngày 1945-1964” nxb. Xuân Thu, tr.232.

² Để phân biệt với ấp Bắc (2) nằm sát phía Nam lộ 221 và ấp Bắc (3) ở khu vực Diêm Hy

³ Năm 1945 Việt Minh lấy tên của tên “chủ tịch tỉnh” Mỹ Tho đã hy sinh trong cuộc chiến chống Pháp để thay tên cũ của kinh là Tổng Đốc Lộc. Theo tài liệu xưa, năm 1896, triều vua Thành Thái, Tổng Đốc Trần Bá Lộc, một viên quan Nam triều rất đắc lực của chính phủ Bảo Hộ Pháp, theo kế hoạch phát triển Nam Kỳ của viên Toàn Quyền Rousseau đã cho đào 1 con kinh dài khoảng 47km nối từ rạch Ruộng phía sông Tiền Giang (là con rạch phân chia 2 tỉnh Định Tường và Kiến Phong ngày nay) đến kinh Bà Bèo (đào từ thời Tây Sơn). Tháng 4 năm 1897, Tỉnh Trưởng Mỹ Tho Bocquillon làm lễ khánh thành để ghe thuyền bắt đầu thông thương. Toàn Quyền Đông Dương năm đó là Paul Doumer nhân dịp kinh lý Nam Kỳ vào tháng 7/1897 đã cho đặt tên kinh là kinh Tổng Đốc Lộc.

⁴ a/ [Theo 1 tài liệu CS] Thực tế lúc xảy ra trận ấp Bắc, lực lượng địch ở đây gồm khoảng 350 tay súng của ĐĐ1/514 của Mười Điệp, ĐĐ1/261 của Bảy Đen (tên thật: Đặng Minh Nhuận, tập kết, xâm nhập Nam VN năm 1962), Tr/ Đội huyện Châu Thành, và 1 khẩu đội súng cối 61mm. Các đơn vị này được đặt dưới sự chỉ huy của Hai Hoàng (tên thật là Nguyễn

Văn Điều) là TĐT/TĐ địa phương. Lực lượng này nhiều hơn gấp 3 lần tin tình báo. ĐĐ nào của địch cũng được trang bị hỏa lực hùng hậu, ngoài súng trường CKC, còn có carbine 7,62mm Mosin Nagant Liên xô, có Đại liên 30. Trung đội nào cũng có 2 thượng liên. Đêm 31/12/1962, ĐĐ1/514 địa phương (Mỹ Tho) và ĐĐ1/261 [TĐ261 thuộc lực lượng chủ lực QK8], theo kế hoạch di chuyển xuống phía Đông kinh “sông Mỹ Tho” (VC gọi: kinh Nguyễn Tấn Thành) để yểm trợ cho lực lượng nằm vùng tấn công áp chiến lược Giồng Dứa, đồng thời phục kích quân tăng viện theo hướng kinh Năng.

Cũng theo tài liệu này thì khoảng gần cuối tháng 12/1962, CSBV dùng tàu biển chuyên chở 1 lượng vũ khí vào Nam để trang bị cho các đơn vị tân lập tại đây. Vì tàu chở vũ khí bị phát giác nên TĐ Tây Đô phải chuyển vận số vũ khí này từ Trà Vinh lên miền Đông và cấp tốc phát cho lực lượng địa phương Mỹ Tho và Bến Tre vừa mới tập trung để thành lập đơn vị chủ lực Khu 2 Đồng Tháp. Đơn vị chủ lực này sẽ do Lê Quốc Sản từ Bắc vào làm tư lệnh. Vì TĐ Tây Đô lúc đó đang đóng tại kinh Năng, nên ĐĐ1/514 phải đóng tại ấp Tân Thới và ĐĐ1/261 phải quay lại đóng quân tại ấp Bắc. Trung đội địa phương huyện Châu Thành, Mỹ Tho sau khi đánh quấy rối áp chiến lược Giồng Dứa cũng kéo về đóng chung với ĐĐ1/261.

b/ Theo Đ/Tá Harry G. Summers Jr., một SQ lực quân và phân tích gia viện nghiên cứu chính sách VN của HK, trong cuốn [*“Historical Atlas of the Vietnam War”* Boston, New York, 1995, tr.80] thì trong vùng HQ có 350 VC kể cả các thành phần của TĐ261.

c/ Theo Tướng Don A. Starry trong cuốn [*“Mounted Combat in Vietnam”* Blanford Press, Dorset, 1981, tr.25] thì vùng Ấp Bắc được 3 ĐĐ chính qui VC, trang bị súng đại liên, súng cối 60mm, cùng 1 số đơn vị du kích tại địa phương tổ chức tuyến phòng thủ dọc theo kinh Cống Lương, từ ấp Tân Thới xuống tận Ấp Bắc.]

⁵ Trong thời gian này Quân Đoàn IV đang được thành lập nên bộ TTM đã ra lệnh thăng cho SĐ.

[Ngày 1/7/1952 lãnh thổ quân sự do Pháp chuyển giao được tái tổ chức như sau:

- Đệ Nhất Quân Khu gồm các tỉnh miền Nam.
- Đệ Nhị Quân Khu gồm các tỉnh duyên hải miền Trung.
- Đệ Tam Quân Khu gồm các tỉnh miền Bắc.
- Đệ Tứ Quân Khu gồm các tỉnh cao nguyên Trung Phần.]

Sau hiệp định Genève, lãnh thổ quân sự của VNCH ở Nam vĩ tuyến 17 được sửa đổi qua nhiều thời kỳ để phù hợp với nhu cầu quân sự:

- QKI: gồm các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam phần. BTL đặt ở Sài Gòn. Sau đó QKI được chia thành 2 là QKI chỉ còn gồm các tỉnh miền Đông Nam phần và QKV gồm các tỉnh miền Tây của Nam phần...

Thêm:

- QKII: các tỉnh cực Bắc Trung Phần từ Quảng Trị vào đến Quảng Ngãi. BTL đặt ở Huế.

- QKIII thành lập năm 1957, gồm các tỉnh Pleiku, Kontum, Phú Bổn, Phú Yên và Bình Định. BTL đặt ở Pleiku.

- QKIV gồm Ban Mê Thuột, Quảng Đức và các tỉnh duyên hải TV từ Phú Yên vào đến Bình Thuận. BTL đặt tại BMT.

Hệ thống 5 QK này duy trì cho đến năm 1959 khi QKIII giải tán.

Do chiến sự mở rộng từ đầu năm 1960, Bộ TTM quyết định thay thế tổ chức Quân Khu bằng tổ chức Vùng Chiến Thuật và tổ chức lực lượng cấp Quân Đoàn lần lượt được thành lập và QĐ đảm nhiệm luôn Vùng Chiến Thuật.

* QĐI được thành lập ngày 1/6/1957. BTL/QĐI và Vùng I/CT được đặt tại Đà Nẵng.

* QĐII được thành lập ngày 1/10/1957. BTL/QĐII lúc đầu

đặt tại Biên Hòa, đến mùa hè năm 1959 mới dời lên Pleiku.

* QĐIII được thành lập ngày 1/9/1959. BTL/QĐIII lúc đầu đặt tại Sài Gòn. Đầu năm 1966 mới dời lên Biên Hòa.

* QĐIV được thành lập ngày 1/1/1963. BTL/QĐIV đặt tại Cần Thơ.]

⁶ Ngày 22/12/1962, Trung Tá Bùi Đình Đạm, đang là TMT kiêm Tư Lệnh Phó/ SĐ7, được thăng cấp Đại Tá đồng thời được bổ nhậm làm TL/SĐ7 thay Thiếu Tướng Huỳnh Văn Cao.

⁷ Đ/Tá Huỳnh Văn Cao, nguyên TL/SĐ7, vừa được vinh thăng Thiếu Tướng ngày 5/12/ 1962, được bổ nhiệm TL/QĐIV ngày 1/1/63, muốn tổ chức 1 cuộc HQ với chiến thắng lớn để mừng sinh nhật Tổng Thống Ngô Đình Diệm (3/1/63) [*“Đôi Dòng Ghi Nhớ”*, của Phạm Bá Hoa, nxb. Ngày Nay, 1995, trg.1-25]. Nhân khi SĐ7 được lệnh của Bộ TTM cho hành quân tiêu diệt địch và tìm triệt hạ điện đài, Đ/Tá Huỳnh Văn Cao liền ra lệnh cho Đ/Tá Đạm, vị tân TL đơn vị cũ của ông, soạn kế hoạch làm sao để SĐ7 bao vây diệt gọn địch không để lọt tên nào chạy thoát.

Đ/Tá Đạm cấp tốc cùng Trung Tá John Paul Vann, Cố Vấn Trưởng SĐ7BB, soạn thảo kế hoạch hành quân (Đức Thắng I) và giao cho Tr/Tá Trương Văn Bưởi, Tr/ĐT/Tr/Đ11/ SĐ7BB. Đ/Tá Đạm cho lệnh Tr/Tá Bưởi chọn 1TD cứng nhất của Tr/Đ để làm nỗ lực chính, thực hiện kế hoạch HQ này với sự yểm trợ trực tiếp của 1 đơn vị trực thăng của SĐ2KQ/ Lục quân Hoa Kỳ.

Thoạt đầu Bộ Tham Mưu /SĐ định khai diễn cuộc HQ vào ngày 1/1/1963 nhưng vị tân Tư Lệnh muốn ngày N được hoãn lại 24 giờ. [Theo tác giả Neil Sheehan trong *“A Bright Shining Lie”*, tr. 204 thì Đ/Tá Đạm cho rằng sẽ không khôn ngoan, té nhị khi bắt phi hành đoàn Hoa Kỳ thức dậy vào lúc 0400g sáng để bay hành quân khi đầu óc họ còn vẫn vương với cuộc vui đón giao thừa đêm trước.]

Có lẽ do sự đình hoãn này mà nội tuyến CS đã thông báo cho đồng bọn để chúng kịp thời phản ứng. Ngoài lý do trên, giới chức quân sự VN cho rằng việc chuẩn bị HQ của các đơn vị BB [như đơn vị cắm trại và mua lương thực cho lính tại chợ địa phương v.v...] và việc 71 xe GMC chở đạn được vào Mỹ Tho cũng đủ để tai mắt địch tại địa phương báo cáo cho chúng và dĩ nhiên chúng biết sắp có cuộc HQ trong vùng. Thực tế cho thấy chúng đã đưa bộ phận điện đài ra khỏi ấp Tân Thới, mang đi nơi khác.

⁸Theo [“*Thép và Máu*”, Đại Tá Hà Mai Việt, nxb. Việt Hà, 2005, trg.415] Theo chiến thuật mới về tác chiến lúc đó là sử dụng TVX/ M113 với khả năng “băng đồng vượt sông” cao để chở BB tiến nhanh sát vào MT, rồi *hạ chiến* (chạy ra khỏi xe để tác chiến) xung phong tấn công địch. Dưới hỏa lực yểm trợ của đại liên 30 và 50, súng phóng hỏa tiễn, và súng cối 60mm gắn trên TVX, bộ binh sẽ nhanh chóng diệt địch và chiếm được mục tiêu.

Hai ĐĐ Cơ giới M113 (Mechanized Rifle Company) đầu tiên được thành lập vào tháng 4/1962. ĐĐ7 Cơ giới trực thuộc SĐ7, do Đ/Úy Lý Tòng Bá chỉ huy, tham dự các cuộc HQ tại Khu Chiến Thuật/ Tiền Giang. Còn ĐĐ21 Cơ giới trực thuộc SĐ21BB, do Tr/Úy Huỳnh Văn Tám chỉ huy, hoạt động trong vùng trách nhiệm của SĐ này.

Về tổ chức, mỗi ĐĐ có 15 M113 được phân phối như sau:

Trung đội Chỉ huy (2 M113), 3 trung đội khinh binh mỗi trung đội (3 M113) và 1 trung đội yểm trợ (4 M113). Hỏa lực của ĐĐ trên TVX gồm 15 khẩu ĐL50, 18 khẩu ĐL30, và 4 súng cối 60mm cùng 3 súng phóng hỏa tiễn 3.5 inch. [Số súng cối và súng phóng hỏa tiễn này được đặt trên TVX của trung đội Yểm Trợ.] Thành ra xe nào cũng gắn 1 ĐL30 và 1 ĐL50. Xa đội gồm 1 HSQ trưởng xa, 1 tài xế và xạ thủ đại liên.

Mỗi M113 của trung đội khinh binh đều chở 1 tiểu đội BB thuần túy được tuyển lựa tại SĐ cơ hữu và được huấn luyện tại

trường Thiết Giáp Thủ Đức. Do đó quân số của 1 ĐĐ Cơ giới là trên 101 người. Sau thời gian trải nghiệm khoảng 3 tháng từ tháng 7 đến 30/9/1962, ĐĐ7 và ĐĐ21 Cơ giới được cải danh thành **Chi Đoàn 4** thuộc Thiết Đoàn 2 Kỵ Binh và **Chi Đoàn 5** TVX thuộc Thiết Đoàn 9 Kỵ Binh. Tuy nhiên các đơn vị này vẫn thường được gọi tên nguyên thủy của ĐĐ.

⁹ Bảo An là danh xưng của 1 lực lượng bán quân sự địa phương. Trước năm 1955, danh xưng này khác nhau tùy từng khu vực Bắc, Trung, hay Nam Việt mà lực lượng này đồn trú và dưới quyền vị Thủ Hiến của mỗi khu vực nói trên. [Quốc trưởng Bảo Đại bổ nhiệm 3 vị Thủ Hiến cho Bắc Việt, Trung Việt, và Nam Việt vào ngày 3/7/1949.] Ở BV gọi là Bảo Chính Đoàn, ở TV là Việt Binh Đoàn, và ở NV là Vệ Binh Nam Việt. Sau Hiệp định Genève, một số lớn đơn vị Bảo Chính Đoàn vào Nam và từ 1955 các đơn vị này hợp nhất với danh xưng Bảo An và đặt dưới quyền của vị Tổng Giám đốc Bảo An. Đến năm 1964, tổ chức này mang tên Địa Phương Quân. (Theo *“Hai mươi Năm Qua” Việc từng ngày (1945-1964)* của Đoàn Thêm, nxb. Xuân Thu, 2000.)

¹⁰ Theo Chuẩn Tướng Lý Tòng Bá tường thuật chi tiết trong bài [*“Trận Ấp Bắc. Thực Tế và Huyền Thoại”* Sài Gòn Nhỏ Houston, 2001, trg. 38-39]: ĐĐ7/M113 phải đối diện với việc băng qua con kinh thiên nhiên không có bờ, ác nghiệt... mà nông dân địa phương gọi là con “kinh Lạn”, và về việc lo tiếp cứu cho phi hành đoàn, tôi phân vân chưa biết xử trí ra sao? Có lần tôi đưa ra ý kiến lên ban cố vấn cũng như BCH/ HQ là nên chỉ thị cho 1 cánh quân bạn nào gần đó mở cuộc hành quân bộ đến nơi chiếc trực thăng bị rơi, dù chậm nhưng chắc hơn là xử dụng ĐĐ7/M113. Lý do là không làm sao chúng tôi biết được việc vượt qua kinh Lạn để tiến tới mục tiêu phải mất bao nhiêu thời gian.

Xa đội chúng tôi thay nhau từng bước mò mẫm dọc theo con kinh nhưng không lần nào cho xe băng ngang được vì lòng kinh toàn là bùn không đáy. Vì không hiểu và nhận ra yếu

tổ đặc biệt này mà phía cố vấn Mỹ đã hiểu lầm cho tôi là thiếu tinh thần trách nhiệm, không hăng hái chiến đấu, không muốn đụng độ với địch quân.

¹¹ Trong buổi sáng ngày 2/1/63, khai diễn cuộc HQ Phi Hỏa tại vùng III, 16 oanh tạc cơ B26 và 28 khu trục cơ T28 của KQ/ HK cùng 26 khu trục cơ AD6 của KQ/VN cùng hiện diện trên không phận “Bầu Tràm”, Phú Khương, Tây Ninh để yểm trợ cho 2 TĐ/ND và 1 TĐ/BĐQ được trực thăng vận vào 9 cơ sở VC tại Chiến khu C nơi đặt Trung Ương Cục miền Nam (Cục R). Bầu Tràm nằm trong khu rừng ở ven lộ 244, phía Tây là trảng rộng hơn 2km², 3 phía còn lại là rừng già bạt ngàn... Biên giới Miên ở 17km phía Bắc, một khúc sông Sài Gòn ở 10km phía Nam và thị xã Tây Ninh ở 25km phía Tây Nam. Một hệ thống đường mòn xuyên rừng tụ hội về đây, quả là một vị trí lý tưởng để Cục R trú ngụ.

Sau 1 tiếng đồng hồ oanh tạc liên tục ác liệt khiến địch do bất ngờ bị thiệt hại nặng nề về nhân mạng, nên khi các đơn vị HQ được trực thăng vận đến chiến trường đã không gặp sự kháng cự đáng kể nào. Kết quả ta tịch thu nhiều vũ khí đạn dược và số địch tử thương ước lượng từ 400-800 người. Vì ưu tiên KQ cho mặt trận này nên hầu như mặt trận vùng ấp Bắc lúc buổi sáng chỉ có 5 chiếc trực thăng vũ trang của Lục Quân HK, là lực lượng không yểm duy nhất. [*Các phi cơ AD6 của Phi đoàn 2 Khu trục tại Biên Hòa đang dồn hết nỗ lực để không yểm cho cuộc HQ lớn ở vùng Tây Ninh (Quân sử KQ/ VNCH. Liên hội Ái hữu KQ Úc Châu, Văn Lương, Melbourne, Australia. 1/7/2005. Trang 85-86).*]

Khác với VNCH, mỗi quân chủng của quân lực HK đều có phi cơ của quân chủng mình.

¹² Phi cơ T28 lúc đầu dùng để huấn luyện sau tùy nhu cầu chiến trường đã được cải biến để thành khu trục cơ hạng nhẹ hoặc oanh tạc cơ hạng nhẹ. (Quân sử KQ/ VNCH, Liên hội Ái hữu KQ Úc Châu, Văn Lương, Melbourne, Australia.

1/7/2005. Trg. 56)

¹³ Trước năm 1964, M113 không được trang bị pháo tháp chắn đạn cho đại liên 50. Bởi vậy trong khi tác chiến, người xạ thủ đã để lộ từ ngực đến đầu nên dễ triệt hạ loại hỏa lực ác liệt này, VC hoặc tập trung mọi loại súng bắn vào mục tiêu này hoặc sử dụng thiện xạ bắn tia. Nhiều xạ thủ đại liên do đó đã tử thương hoặc bị thương ngay trong những phút chạm súng đầu tiên. M113 lúc đầu được sản xuất mục đích để chuyên chở Bộ Binh. Hơn nữa đại liên 50 trên thiết giáp nói chung thường dùng để phòng không nên không chế tạo thêm lá chắn để khi sử dụng phòng không bắn phi cơ dễ xoay trở. (*“Thép và Máu”* Hà Mai Việt, nxb. Việt Hà, 2005. Trg. 27.)

¹⁴ Binh chủng Nhảy Dù lúc đó là lực lượng Tổng Trừ Bị duy nhất của quân đội. Lữ Đoàn ND khi đó có 6 TĐ tác chiến (các TĐ 1, 3, 5, 6, 7, 8). Ngoài trừ những đơn vị đang HQ, tại Sài Gòn hằng ngày đều có 2 TĐND ứng chiến. Một TĐ ứng chiến số 1 [HQ Nhảy dù (Air alert)] tức ưu tiên HQ 1.

Từ 0500g sáng, toàn TĐ ra nằm sẵn ở phi trường Tân Sơn Nhất. Sau khi lĩnh dù, các quân nhân xếp dù và ba lô của mình thành hàng dài dọc theo lề phi đạo và tụ tập tránh nắng dưới cánh các phi cơ vận tải ngay gần chỗ xếp dù. Khi có lệnh là mặc dù và lên phi cơ bay ngay đến nơi hữu sự và nhảy xuống tham chiến với đơn vị đang đánh nhau dưới đất. Nếu không có chuyện gì xảy ra trong ngày thì 1700g là trả dù và lên xe về lại doanh trại.

Ngoài TĐ ứng chiến HQ nhảy còn 1TĐ ứng chiến số 2 [HQ bộ (Ground alert)] với 1 đoàn xe GMC đậu sẵn trong doanh trại. Ba lô đựng hành trang cá nhân của các quân nhân ND được xếp thành hàng trong sân ĐĐ. Khi có lệnh trong khi các ĐĐT họp HQ tại BCH/ TĐ thì Thường Vụ ĐĐ cho quân nhân lãnh súng trong kho và chỉ ít phút sau khi ĐĐT họp xong quay về là toàn bộ đơn vị lên xe đi ngay. (Theo kinh nghiệm bản thân Tổ Quyên: Mãn khóa Tổ Quyên về trình diện LĐND

ngày 7/1/1963 và được chuyển về TĐ8ND. Sau khi trình diện Đ/Úy TĐT, Trần Văn Hai tại BCH/TĐ, Tổ Quyên được bổ nhiệm về ĐĐ/83 và là Trung Đội Phó Trung Đội 3.)

¹⁵ Theo bài viết “*Trận Ấp Bắc, Ký ức của một Quân y sĩ*” của Bác Sĩ Hoàng Cơ Lân, người đã nhảy dù xuống Ấp Bắc theo TĐ8 ND tường thuật lại: “Gần 6 giờ chiều ngày 2-1-1963, TĐ8 ND mới vội vã tập hợp để lên phi cơ, Đ/Tá Triplett, cố vấn LĐND, đứng quan sát, lắc đầu và nói: Quá muộn! Quá muộn! (Too late! Too late!) Sau khi BS Lân nhảy xuyên qua mạng lưới hỏa lực của VC từ dưới bắn lên và xuống tới đất thì

“Lúc đó vào khoảng 6 giờ 30 chiều, trời bắt đầu tối, tầm nhìn xa bắt đầu giới hạn... Trời đã tối hẳn, khi tôi chạy từ anh thương binh này sang anh thương binh kia, tôi cũng được các anh này cho biết là chỉ có nửa tiểu đoàn nhảy mà thôi, phần còn lại cùng ông Tiểu Đoàn Trưởng kẹt lại tại phi trường TSN, vì trời tối nên máy bay không thả được nữa. Tình thế lúc đó thật là éo le: Hai ĐĐ của TĐ8 ND nằm dài hơn một cây số ngoài đồng ruộng, tập hợp rất khó khăn, không có yểm trợ phi pháo. Hỏa lực cơ hữu ngoài vũ khí cá nhân chỉ có mấy khẩu đại liên 30, súng cối của đơn vị (60 hay 81ly). Một mặt xạ thủ và phụ xạ thủ hay tải đạn tản mác do dù của họ khi xuống đất rơi cách nhau khá xa, một mặt ruộng xình lầy không đặt bàn tiếp hậu được... Sau khi kiểm điểm sơ qua về tổn thất, 18 (quân nhân Nhảy Dù) tử thương và độ 30 bị thương.”

¹⁶ Theo “*Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập*”, Ng. Đức Phương, nxb. Làng Văn, trg. 64.

¹⁷ Theo Đ/Tá Phạm Huy Sảnh từ Seattle, Washington, qua điện thoại nói chuyện với Tổ Quyên lúc 8 giờ tối ngày 12 tháng 6 năm 2013.

¹⁸ Theo “*Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập*”, Ng. Đức Phương, nxb. Làng Văn, trg. 64. Tác giả Ng. Đức Phương đã tham khảo từ cuốn “*A Bright Shining Lie*” của N. Sheehan, nxb. Jonathan Cape Ltd., London, 1989.

¹⁹ Theo “Vietnam Decisive Battles” của John Pimlott, nxb. Barnes & Noble Books, 1999, các trg. 28-29.

²⁰ Theo “*Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập*”, Ng. Đức Phương, nxb.

²¹ Theo “*Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập*”, Ng. Đức Phương, nxb. Làng Văn, trg. 70. Tác giả Ng. Đức Phương tham khảo trong cuốn “*Hai Ngàn Ngày Đêm Trấn Thủ Củ Chi*” Xuân Vũ & Dương Đình Lôi, nxb Trời Nam, Texas, 1993, Tập 3, trg. 35.

Tài liệu xem thêm về Trận Ấp Bắc

Trong các trang 88-89 cuốn “**Đồng Bằng Gai Góc**” của tác giả Xuân Vũ, thời theo lời của một cán binh Cộng Sản tham dự trận Ấp Bắc (1) tên Bình, chức vụ Tiểu đội phó, thì đơn vị của y có quân số khoảng 200 người, và bị thiệt hại khoảng 150 người. Hầu hết ban chỉ huy đều tử trận. Cả TĐ chỉ còn lại 50 người.

Tiểu đội phó Bình cũng cho biết trận Ấp Bắc là một chuyện không biết nên nói là may, hay rủi. May là vì đoàn tải vũ khí từ Trà Vinh về ngang Mỹ Tho thì bị quân đội Quốc Gia bao vây. Vũ khí này được đưa về để thành lập một đơn vị chủ lực Khu II của CS do Lê Quốc Sản ở ngoài Bắc về làm Tư Lệnh. Sản là trung tá được phong đại tá để tương xứng với các Tư Lệnh Vùng của CS.

Sản về, vừa đến Tháp Mười chưa giờ trò gì được thì chết. Xuân Vũ có nói đến cái chết của y trong hồi ký Củ Chi. Cùng lúc với Nguyễn Văn Bảo, Chánh Ủy Sư Đoàn 330 của VC về làm Chánh Ủy Khu IV, Nguyễn Hoài Pho, Tư Lệnh Khu III của VC, cả ba mạng đều bỏ mạng. Bị bao vây, đoàn vận tải phải phân phát một số vũ khí ra cho bộ đội CS ở Mỹ Tho, Bến Tre vừa mới tập trung để hình thành chủ lực khu, nhưng có một số vũ khí mới chưa ai biết xử dụng được nên phải chôn giấu và bị quân đội Quốc Gia móc lấy hết./.

Chiều Buồn Biên Giới

VI VÂN, K20/1

Mỗi lần nhìn hình ảnh bão lụt ở miền Nam Việt Nam, nhất là nơi gần biên giới với một vùng nước mênh mông trắng xóa, làm ngập chìm bao nhà cửa, ruộng vườn, gia súc lẫn cỏ cây hoa lá, lòng tôi chợt nghe chua xót, ngậm ngùi nhớ về nơi tôi có một trời kỷ niệm yêu dấu, một trời buồn thương chất ngất không bao giờ có thể lãng quên...



Tôi có một người dì bà con lấy chồng xa xứ nên chưa từng gặp mặt. Vào năm tôi 18 tuổi, dì bỗng xuất hiện với người con gái 21, tuổi tên Cẩm Hương đang theo học trường Sư Phạm tại Vĩnh Long. Tôi và chị Hương quen thân nhau nhanh chóng. Chị đã mời chúng tôi xuống quê chị chơi nếu có dịp và cơ hội đó đã đến với tôi vào cuối mùa hè năm ấy.

Nơi dì ở là một làng quê thuộc quận Tân Châu tỉnh Châu Đốc, gần sát biên giới Miên-Việt. Tôi được biết qua vài tỉnh

miền Tây và Sài Gòn nhưng chưa bao giờ nhìn thấy những căn nhà như ở đây. Nhà cất trên nền sàn cao chừng hai mét, mỗi nhà đều có bậc thang đi lên giống như leo lên lầu. Ở miền rừng núi đồng bào Thượng cất nhà như thế để tránh hổ, báo, chó sói vào nhà, nhưng ở đây... chung quanh là sông nước, đồng ruộng, cây cối xanh tươi sao có chuyện lạ lùng như vậy? Tôi không khỏi tò mò, hiếu kỳ vội hỏi chị Hương:

- Chị ơi, sao người ta cất nhà cao như vậy? Chắc có cọp vào nhà ban đêm hả?

Chị Hương, vốn vui tính và tinh nghịch, mỉm cười bảo tôi:

- Em cứ ở lại chơi lâu lâu rồi sẽ biết. Bí mật mà, không cho em biết bây giờ đâu.

- Em được phép ở lại chơi một tháng, liệu bí mật đó có được giải đáp không?

Chị đưa mấy ngón tay tính toán lẩm bẩm rồi nói:

- Được chứ, khoảng ba tuần nữa em sẽ biết thôi.

Tôi cảm thấy sợ sệt, bất an vì chỗ này kỳ quái, đầy bí hiểm nhưng cố làm ra vẻ thản nhiên vì sợ bị chê là đùa nhát gan.

Dì tôi có bốn người con: anh Thiên Tường, chị Cẩm Hương, Thúy Hạnh, và Ngọc Lan - cô gái út mới 10 tuổi. Chồng dì mất đã 8 năm rồi. Anh Tường là con trai lớn và duy nhất nên được miễn dịch vì lý do gia cảnh. Anh lo về tài chánh cho gia đình, trang trải chi phí học hành cho hai chị Hương, Hạnh được gửi đi học xa nhà rất tốn kém. Khi nghỉ hè, họ mới được trở về nhà. Thật là gánh nặng cho người thanh niên mới 25 tuổi đời. Tôi lấy làm tiếc cho anh Tường, một thanh niên khỏe mạnh, tuấn tú, hoạt bát lại chôn cuộc đời nơi heo hút này. Những ngày ở đây tôi được anh hướng dẫn đi chơi nhiều lần và được nghe tâm sự của anh.

Anh đã học xong Tú Tài 2. Tuy được miễn dịch nhưng anh không xin làm việc ở các công sở vì lương không đủ trang trải cho gia đình. Anh theo bạn bè đi buôn, theo những chuyến

“hàng lậu” từ Campuchia vượt qua biên giới về Việt Nam. Hàng lậu có nghĩa là trốn đóng thuế, đi qua bằng đường rừng hay đồng ruộng tránh gặp Quan Thuế ở biên giới. Nếu hàng đi trót lọt sẽ có lời thật nhiều, nếu bị họ bắt gặp. Phạt nặng thì lỗ to, xem như một canh bạc.

Có lần Tường dẫn tôi đi chơi chung quanh trong làng. Buổi trưa vùng quê miền biên giới êm ả, có tiếng chim ríu rít trên cành, tiếng lá xạc xào trở mình trong nắng, tiếng ru trẻ thơ hòa theo nhịp võng đưa kẽo kẹt nghe buồn man mác... Tôi không nhận thấy bóng dáng chiến tranh nơi đây dù đang trong thời kỳ loạn lạc. Bằng giọng trầm trầm anh kể cho tôi nghe về những chuyến đi buôn, có những lúc nguy hiểm trùng trùng, có những lần êm xuôi trót lọt... Nét mặt anh lộ vẻ đắm chiêu, nhiều suy tư. Tôi tuy có ái ngại cho anh nhưng tôi biết anh không còn sự lựa chọn khác. Anh nói:

- Vội hy vọng kiếm thêm ít tiền, anh sẽ ra tỉnh mở một tiệm chụp hình vì anh rất đam mê nghệ thuật hội họa. Anh chỉ cần đủ nuôi sống gia đình là được. Nhiều lúc anh cũng cảm thấy xấu hổ với bạn bè vì việc làm ăn của mình.

Nói xong anh hướng mắt nhìn ra xa xa trông thật buồn bã, đáng thương. Ngoài kia dòng sông đang cuộn cuộn chảy, âm vang rầm rầm rì rì. Dòng sông này chắc đã nhiều lần đưa đón anh qua, lại với những chuyến buôn âm thầm. Chợt đâu đây có giọng hát huyền hoặc, đầy ma lực của Lệ Thu từ máy hát nhà ai loáng thoáng bên tai:

*“Chiều buồn len lén tâm tư, mơ hồ nghe lá thu mưa.
Dạt dào tựa những âm xưa, thiết tha ngân lên lời xưa.*

...

Lòng cuồng điên vì nhớ. Ôi đâu người, đâu ân tình cũ?”

Tường đưa mắt nhìn tôi:

- Em có nghe bài hát đó không?

- Dạ có. Không ngờ ở nơi miền quê như vậy mà người ta cũng biết hưởng thụ quá nhỉ?

Tường cười:

- Tuy là vùng quê nhưng họ không nghèo đâu. Một đứa bé 12, 13 tuổi cũng kiếm được tiền dễ dàng. Chỉ cần nó ôm một bao cát thuốc lá thơm hay thuốc Tây qua được lần ranh biên giới là kiếm khá tiền rồi.

- Thật vậy sao?

Anh gật đầu, anh đã đưa tôi từ ngục nhiên này đến ngục nhiên khác. Ở đây đầy bí hiểm, tôi bắt đầu thấy lạnh xương sống. Tường như đọc được ý nghĩ trong đầu tôi nên nói:

- Anh cũng là người đi “buôn lậu” như họ vậy. Em có sợ và khinh anh không?

Tôi an ủi anh:

- Không đâu, chính anh cũng biết việc làm ăn của mình không được tốt nhưng vì hoàn cảnh mà. Anh sẽ thực hiện được mong ước của mình sớm thôi. Hy vọng lần sau em đến thăm gia đình anh, anh là một ông chủ tiệm gì đó.

Anh dẫn tôi ra về, tôi để ý quan sát chung quanh. Người dân ở đây có vẻ sung túc, đầy đủ vật chất qua cách ăn mặc, qua nếp sống, qua những gương mặt bình thản, vô tư. Như anh Tường cho biết phần lớn họ cũng buôn bán như anh. Tôi thờ dài, không biết mình nên vui hay buồn. Đất nước chiến tranh, cuộc sống khó khăn... phải thông cảm cho họ thôi.

Chị Hường vừa ra trường, nhận Sự Vụ Lệnh đi dạy học ở Long Xuyên nên chị thu xếp lên đường sớm để tìm chỗ ăn, ở cho tương lai. Thúy Hạnh không hợp với tôi lắm nên ít chuyện trò với nhau. Bé Lan thì quá nhỏ nên ngoài dì ra tôi chỉ có anh Tường quan tâm và chăm sóc tôi.

Một hôm anh Tường dẫn về nhà một người lính trẻ tên Minh Hiền. Anh là bạn học ngày trước của anh Tường và gia đình anh cũng ở gần đây. Người thanh niên có dáng cao gầy, có đôi mắt sáng với mái tóc ngắn, gương mặt khôi ngô đầy đặn phong sương đã chiếm được cảm tình tôi ngay từ buổi đầu. Tôi không biết tôi thích Hiền vì anh là bạn của anh Tường

hay vì một lý do gì khác. Chỉ biết tôi có nhiều thiện cảm với Hiền.

Những ngày Minh Hiền lui tới nhà dì, tôi được biết về anh nhiều hơn. Hiền hiện là một trung úy thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh đóng quân ở Sa Đéc, đang về phép thăm gia đình. Ba anh không còn, mẹ anh có mảnh vườn và tiệm tạp hóa nhỏ đủ nuôi hai cậu em trai của anh còn đi học. Hiền nói năng hòa nhã, lịch sự, tế nhị, và nét phong trần của anh rất dễ lấy cảm tình của người đối diện. Tôi quen anh chưa lâu nhưng chúng tôi thấy như thân thiết với nhau tự thuở nào. Những ngày anh Tường theo đoàn buôn đi xa, có khi 2, 3 ngày mới về, Hiền thường đến chơi và dẫn tôi đi xem phong cảnh nơi quê hương anh. Có lần Hiền nghĩ ý dặt tôi đi “chợ trời biên giới”. Tôi rất muốn biết nơi đó ra sao, họ buôn bán, trao đổi hàng hóa thế nào nên sốt sắng nhận lời đi ngay.

Đến nơi tôi rất thất vọng vì nó không giống như những gì tôi từng nghĩ trong đầu. Đó chỉ là một khu chợ nhỏ, không rộng lớn, không tấp nập như những chợ của ta. Hàng hóa thì tầm thường như: dầu gió xanh, vải lãnh đen, vải sọc xà rong, và các thứ khác cũng là những loại hàng thường thấy ở các chợ của Việt Nam thôi. Đặc biệt giữa chợ là một hàng rào bằng cây, cao khoảng trên dưới một mét, có thể bước qua, lại được. Anh Hiền cho biết đó là lằn ranh biên giới, nửa chợ bên kia là của Campuchia, nửa chợ bên này của Việt Nam. Sự mua bán, đổi trao chỉ được diễn ra trong khu chợ thôi nếu bước sâu vào trong ranh giới sẽ bị đối phương bắt giữ ngay. Ôi! Tôi thật sự thất vọng vì tôi nghĩ rằng đường ranh biên giới phải là cái gì thật to lớn, thật kiên cố để ngăn ngừa ngoại bang xâm lấn lãnh thổ, giống như Vạn Lý Trường Thành của Trung Hoa mà tôi được thấy trong phim vậy.

Anh Hiền không đoán được ý nghĩ trong đầu tôi, có lẽ anh đã quen sống nơi đây từ bé nên không ngạc nhiên gì cả. Thấy tôi không mua sắm gì nên anh dẫn tôi về bằng con đường tắt trên ruộng. Mùa này lúa lên tươi tốt như giải lụa màu

xanh mênh mông, bát ngát. Mây trắng bông bênh trôi về một phương xa nào, trên lưng chừng trời từng đàn chim đang luân vũ, tiếng gió ngàn rì rào thổi than cùng sông núi... Tôi như ngây như dại, mê man trước vẻ đẹp thiên nhiên đó. Qua khỏi khu ruộng Hiền đưa tôi sang con đường khác, một con đường đất bằng phẳng còn in dấu ngựa và xe hai bánh. Đến một tảng đá lớn anh dừng lại bảo tôi:

- Như ngồi xuống đó nghỉ mệt rồi hãy đi tiếp.

- Như không mệt đâu, nhưng ngồi đây chơi cũng được vì tất cả những gì nơi đây đều làm cho Như thích thú.

Anh Hiền chỉ mỉm cười không nói gì cả. Bỗng anh đưa tay chỉ về phía trước, nơi có con sông và chiếc cầu bắc ngang, anh nói:

- Em thấy cây cầu đó không? Tuy không sát biên giới nhưng lúc nhỏ mẹ anh thường căn dặn mỗi khi tụi anh đi chơi:

- “Các con đừng qua bên kia cây cầu đó nghe.

- Tại sao vậy mẹ?

- Tại vì bên kia là biên giới. Nếu các con qua khỏi cầu đó, đi sâu hơn một chút người Miên sẽ bắt tụi con, mẹ không tìm thấy được.”

Hiền mỉm cười nói tiếp:

- Kể từ đó bọn nhỏ tụi anh đã coi cây cầu đó như là đường ranh biên giới mặc dù nó vẫn còn nằm trên lãnh thổ của Việt Nam mình.

- Thật sao? Đến nơi đây Như thấy thật nhiều thú vị.

Sau đó cả hai chúng tôi ngồi yên lặng thật lâu. Hiền nhìn về phía chiếc cầu như đang suy tư, hồi tưởng điều gì trong quá khứ. Anh bỗng cao hứng cất giọng hát nho nhỏ:

“Ngồi đây soi bóng bên dòng nước lũ. Cầu cao nghiêng dốc bên dòng sông sâu.

Sầu vương theo sóng xuôi về cuối trời. Một vùng đau thương chốn làng cũ quê xưa.

*Em đến thăm tôi một chiều khi nắng phai rồi. Nắng ngừng bên chiếc cầu biên giới... ”***

Tôi lặng nhìn Hiền. Đến khi anh dứt bài hát, tôi tò mò:

- Anh Hiền có tâm sự à? Có phải ai đó đã hát bài này cho anh nghe rồi không?

Anh gật đầu:

- Như đoán đúng. Bài ca này cô ấy từng hát cho anh nghe nhưng nay thì...

- Bây giờ cô ấy ở đâu?

Anh nhìn tôi lắc đầu:

- Thôi, đừng nhắc nữa.

Tôi càng hiếu kỳ muốn biết về mối tình trước kia của anh nên tỏ vẻ giận:

- Anh đã nói thì phải nói cho hết. Cô ấy ra sao?

Hiền nhìn tôi, ngập ngừng giây lát rồi nhỏ giọng:

- Cô ấy theo một người con trai khác vào mặt khu rồi. Đúng lúc đó anh cũng nhập ngũ, hai hướng đời, hai lối đi. Cuộc đời lính chiến của anh nhiều nguy hiểm, phong sương dày dạn, ngược xuôi khắp nơi. Thịnh thoảng có chút băng khuâng, hoài niệm thoảng qua hồn, nhưng giờ anh không còn luyện lưu gì cô ấy nữa.

Tôi nhìn Hiền ái ngại, không ngờ anh có một mối tình buồn như vậy. Bất giác tôi nắm lấy tay Hiền như muốn truyền sự thông cảm chân thành của tôi cho anh:

- Thôi hãy quên đi anh ạ! Anh sẽ gặp một người con gái khác chung thủy và thương yêu anh hơn nàng ấy.

Hiền cười buồn:

- Anh cũng hy vọng như vậy.

Chúng tôi tiếp tục đường về, cảnh vật chung quanh tôi không còn nên thơ đẹp đẽ nữa. Tôi nghĩ đến mối tình éo le của Hiền mà thương xót cho anh, cầu mong anh được vui vẻ trong

những ngày sắp tới.

Hôm đó khi tôi trở về thì anh Tường cũng vừa về nhà sau hai ngày vắng bóng. Tôi ngạc nhiên khi anh trao cho tôi một gói quà và bảo:

- Anh tặng cho Như, nhưng đừng nói cho mẹ anh biết nhé!

- Anh giấu đi tặng cho em sao? Thôi em không nhận đâu.

Tường nhăn nhó phân trần:

- Không phải mẹ anh ích kỷ, nhỏ nhặt gì nhưng anh không muốn mẹ tò mò...

- Tò mò việc gì? Anh chưa từng mua quà cho người trong gia đình à?

- Chuyện này anh sẽ nói cho em nghe sau. Em mở ra xem coi có thích không?

Tôi nghe lời anh mở gói quà. Trong đó có bốn xấp vải lụa bông của Pháp loại vải đắt tiền và đang thịnh hành ở Việt Nam, một chai nước hoa Chanel #5, và hai cây son môi L'Oréal màu hồng. (Vào thời này tại Campuchia hàng hóa của Pháp rẻ hơn bên Việt Nam.)

Anh chọn quà đúng tâm lý một cô gái mới lớn nên tôi rất cảm động và rối rít cảm ơn anh. Tôi nhìn Tường, mặt anh lộ vẻ vui mừng hơn cả tôi.

Sau bữa cơm tối Tường rủ tôi đi dạo cùng anh. Hai đứa lang thang trên con đường nhỏ dọc bờ sông, thật lâu sau chúng tôi tìm được một băng ghế gỗ dưới tàng cây nên cùng ngồi xuống đó. Tường bỗng cởi áo khoác của anh khoác lên vai tôi. Trời sắp sửa vào Thu, cơn gió đêm mang chút se se lạnh từ bên kia biên giới đưa về. Trăng hạ tuần đã lên tự lúc nào ở cuối chân trời, ánh sáng nhạt nhòa, bằng bạc mong manh không đủ soi rõ gương mặt Tường lúc đó nhưng tôi đoán chắc anh đang căng thẳng vì giọng nói run run:

- Như à, anh tặng quà cho em không phải vì... Như là em gái của anh mà anh nghĩ mình tặng quà cho... bạn gái.

- Ô, cái anh này. Anh nói gì vậy? Chúng ta là bà con mà.

- Bà con xa lắm, mẹ em và mẹ anh chỉ là bạn bè thôi. Tại sao anh và em không thể yêu nhau chứ? Tuyệt Như, hôm nay anh phải lấy hết can đảm mới dám nói với em là “anh yêu em”. Anh đã thấy mến em ngay khi vừa gặp mặt. Anh không thể im lặng để nhìn em yêu người khác.

Tôi nghe như sét đánh ngang tai. Anh nói gì? Anh yêu tôi sao? Trời ơi! Không thể nào như thế.

Tôi cố lấy bình tĩnh vì tôi biết lòng Tường đang rối loạn:

- Anh Tường, hãy nghe em nói. Thật sự chúng ta chỉ là họ hàng rất xa. Đứng ra nếu chúng ta yêu nhau cũng không có tội. Nhưng việc này đến quá bất ngờ với Như nên anh cho em suy nghĩ lại, xét lại lòng mình rồi mới trả lời anh nhé!

- Ô, anh chờ câu trả lời của em.

Tôi không dám ngồi lâu hơn nơi này nên đứng lên:

- Thôi mình về đi anh.

Tôi ngược nhìn lên, vầng trăng đã ở giữa đỉnh trời, đêm xuống lâu rồi, cả khung trời mờ mịt mù sương, gió biên thùy chợt làm tâm tư tôi buốt giá. Những lời nói của Tường như từng tiếng đàn gõ nhịp trong tim tôi, tôi không biết được cảm giác của mình lúc đó ra sao.

Đêm ấy tôi không thể nào ngủ được. Hình ảnh chiếc cầu lẻ loi nằm gần biên giới với dòng nước mênh mang chảy, với mây trời thênh thang, với không gian bát ngát. Hình ảnh tôi và Minh Hiền đi bên nhau trên cánh đồng xanh biếc, đôi mắt u ầu buồn cùng giọng ca nồng ấm của anh. Rồi hình ảnh của Thiên Tường lại lồng lộng hiện ra với gương mặt thanh tú, với nụ cười ngọt ngào, triu mến... Tất cả quay cuồng, hỗn loạn, không thứ tự cứ hiện ra trong đầu tôi làm tôi lên cơn sốt. Tôi mê man, chập chờn vào giấc ngủ.

Khi có tiếng gọi của dì và Tường tôi mới mở mắt ra nhưng không thể ngồi dậy nổi, tôi thật sự ngã bệnh rồi. Tường lo lắng, cuống quýt, anh hỏi han tôi đủ điều nhưng tôi nghĩ tôi chỉ bị

cảm lạnh thôi. Dì tôi bảo:

- Tại thằng Tường tôi qua dẫn con ra ngoài chơi về muộn nên con bị “trúng gió” rồi. Để đi đi kiếm lá cây nấu “nước xông” cho con nghe.

- Dạ thôi dì à, con không sao đâu.

Mặc dù tôi ngăn cản nhưng dì cứ bỏ đi. Còn lại Tường, anh ngồi xuống bên tôi ái ngại nói:

- Tại anh nên em bệnh phải không? Anh xin lỗi, anh sẽ đền cho em.

Tường bước ra ngoài, một lúc sau anh trở vào với thau nước ấm và khăn. Anh kéo tôi ngồi dậy và lau mặt mũi cho tôi rồi anh biến mất. Thật lâu sau anh lại trở vào với một mâm gồm cháo, nước cam vắt, và mấy viên thuốc. Tường bảo:

- Ở đây xa bác sĩ nên anh phải tự chăm sóc mình và người nhà mỗi khi bị bệnh. Em phải tin anh, anh sẽ chữa hết bệnh cho em.

Tường bắt tôi ăn cháo, uống thuốc, và nước cam rồi ép tôi nằm nghỉ. Anh ngồi bên giường nhìn tôi, nét mặt bình thản như chưa từng xảy ra chuyện gì. Sự chăm sóc tận tình của Tường làm tôi cảm động và suy nghĩ miên man. Tôi phải làm sao đây? Mới gặp được Hiền, chút cảm tình vừa nhen nhúm, tôi nghĩ mình sẽ có dịp tiến xa hơn với anh ta, nhưng Hiền chưa nói gì cả. Trái lại Tường đã thổ lộ tình cảm với tôi rồi, tôi không biết tính sao!

Bệnh của tôi kéo dài suốt ba hôm. Ba hôm liên Tường túc trực chăm sóc tôi khiến dì tôi cũng bắt đầu chú ý. Đang lúc tôi bối rối thì Hiền xuất hiện và mời tôi sang nhà anh dùng cơm với mẹ anh. Tôi nhận lời ngay vì tôi nghĩ đây cũng là dịp để tôi cân nhắc, quyết định dứt khoát những gì đã dày vò tôi suốt mấy ngày qua. Vừa khi đó Tường lại phải theo đoàn buôn ra đi nữa, thật tội nghiệp cho anh! Tôi nghe lòng xót xa thương cảm cho người con trai còn rất trẻ mà gánh gia đình oằn nặng đôi vai.

Hiền đến đón tôi và đưa về nhà anh không xa lắm. Đó cũng là một căn nhà sàn như bao nhiêu nhà khác. Nhà tuy không sang trọng nhưng sạch sẽ, ngăn nắp. Đặc biệt là mẹ của Hiền rất dễ mến, từ tốn, dịu dàng khác hẳn những người đàn bà ở đây. Nghe nói ngày xưa bà cũng xuất thân từ gia đình có học vấn. Mẹ Hiền vốn vã với tôi:

- Bác nghe Hiền nói mới quen cháu, cháu xuống thăm bà con ở đây phải không? Nhìn cháu thật đúng như lời Hiền nhận xét: cháu nhu mì, dễ thương lại xinh đẹp nữa.

- Bác khen làm cháu xấu hổ. Anh Hiền đã quá lời rồi đó bác.

- Thôi mời cháu vào bàn ăn cơm với gia đình bác đi, đừng khách sáo nghe.

Hôm ấy ăn ở nhà Hiền tôi mới biết thêm những loại rau lạ mà dân ở đây thường ăn chung với bánh xèo như lá điều chua, lá xoài non, lá bằng lăng non...v à đặc biệt là món “gỏi lá Sầu Châu “, gỏi trộn với cá lóc nướng, và khô cá lóc xé nhỏ, ăn cùng nước mắm me. Món này mới ăn vào thì đắng nhưng khi ăn quen sẽ ghiền vì hương vị đặc biệt của nó.

Từ giã mẹ Hiền ra về tôi rất cảm kích sự hiếu khách của bà. Hiền càng tỏ vẻ thân thiết, quý mến tôi hơn. Khi đưa tôi về Hiền nói:

- Anh sắp trở lại đơn vị rồi. Tuyệt Như có thể cho anh địa chỉ để viết thư thăm Như không? Anh thật sự muốn kết bạn với Như, mong rằng tình cảm chúng ta sẽ sâu đậm hơn sau này.

Tôi nhìn Hiền:

- Thì chúng ta đã là bạn rồi mà, đâu cần nói gì nữa. Như sẽ rất vui để chờ đọc thư anh.

Tôi cho anh địa chỉ nhà tôi. Anh tỏ vẻ lưu luyến không nỡ rời chân nhưng rồi cuối cùng chúng tôi vẫn phải chia tay. Nhìn theo bóng anh cô đơn trên con đường đất nhỏ, khuất dần sau rặng cây xanh tôi chợt nghe lòng bồi hồi xúc động. Người

lính ấy chỉ có sa trường và máu lửa thôi. Còn niềm vui nào nữa không anh? Anh đã đem cả tuổi thanh xuân hiến dâng cho đất nước mà chưa được đền bù gì cả, ngoài mỗi tình buồn làm hành trang nơi trận tuyến.

Sáng hôm sau khi tôi thức dậy một cảnh tượng khiến tôi kinh hoàng ngỡ mình đang trong giấc chiêm bao. Một vùng nước trắng xóa mênh mông ngập tràn cả thôn xóm. Thì ra đây là “bí mật” mà chị Hương nói khi tôi mới đến. Mực nước dâng cao lên sát mí nhà sàn của dì tôi, các nhà chung quanh đều như thế. Dì tôi bảo đây là chuyện mà hàng năm dân chúng vùng này phải chịu đựng, nhưng khi mực nước rút xuống thì tất cả trở lại bình thường tuy có những thiệt hại không đáng kể.

Mùa này tôm, cá từ Biển Hồ trên Nam Vang theo dòng nước lũ đổ về đây sông nên đó cũng là niềm an ủi cho họ. Nhà nào cũng tìm mọi cách bắt cá, tôm làm mắm hoặc khô, để dành thức ăn cho những ngày tháng tới. Đưa con gái nhỏ của dì tôi ra ngồi ngay trước cửa nhà buông câu xuống cũng bắt được mấy con cá Leo thật to. Những bữa ăn lúc đó toàn là tôm: tôm nướng, tôm kho, gỏi tôm, tôm luộc. Còn cá thì có cá nướng, cá hấp, cá chiên, cá nấu canh chua rau muống, nấu canh chua hoa súng... Riêng tôi từ kinh sợ, ngạc nhiên rồi trở nên thích thú với những gì xảy ra nơi đây.

Hai ngày sau anh Tường về nhà, anh lại đưa cho dì một số tiền lớn. Tuy nhiên tôi không thấy dì vui vẻ, trái lại dì có vẻ buồn, lo lắng và như có cái gì làm dì ray rứt. Tôi hiểu nỗi lòng của người mẹ khi con mình dần thân vào nguy hiểm để lo gia đình.

Gặp lại Tường tôi phân vân khó xử vì phải trả lời về sự quyết định của mình. Tôi cố tránh mặt Tường nhưng anh đâu dễ tha cho tôi. Buổi tối nhân lúc mọi người không để ý anh nắm tay tôi hỏi:

- Em đã suy nghĩ kỹ chưa? Trả lời anh đi, anh nôn nóng lắm rồi.

Thật khó xử cho tôi, tôi gỡ tay anh ra và nói:

- Anh cho em chút thời gian đi. Em muốn suy nghĩ thật chính chắn rồi mới trả lời anh. Dù sao anh vẫn là người em mến thương nhất.

Tường thở dài buồn bã:

- Em sắp về nhà rồi anh không sốt ruột sao được. Biết đâu khi em về thành phố vui vẻ, có nhiều bạn bè nên chẳng còn nhớ gì tới anh.

- Không đâu, em đã lớn, biết phân biệt mọi việc tốt xấu chớ không phải là trẻ con nữa. Em hứa sẽ trả lời anh sớm.

Hai hôm sau đến kỳ hạn tôi phải trở về. Mực nước sông vẫn chưa rút xuống, đi tôi ngó ý muốn tôi ở chơi thêm. Nhưng tôi bỗng thấy nhớ nhà, tôi muốn rời nơi đây sớm để tâm trí được bình tĩnh, để suy xét, để có thời gian phán đoán tình cảm của mình. Tường đưa tôi ra tận tỉnh Châu Đốc bằng tàu “tắc ráng” với nhiều quà cáp. Tôi biết quà của dì chỉ có một ít, còn quà dành cho tôi thì rất nhiều, phần lớn là những món quà anh mua bên Nam Vang cho tôi. Với nhạy cảm của người con gái tôi biết anh đã yêu tôi sâu đậm. Điều này làm cho tôi càng khó xử thêm. Tại bến xe Tường quyến luyến không thể dời chân, tôi cũng bùi ngùi không muốn xa anh, thật là “người tiễn biệt không đành tiễn biệt, kẻ ra đi không nỡ ra đi”. Bỗng nhiên Tường ôm chầm lấy tôi và đặt vội một cái hôn lên má tôi, tôi cúi đầu bước nhanh lên xe không dám nhìn anh. Xe từ từ chuyển bánh, tôi quay lại thấy anh vẫn đứng đó, đáng cô đơn thật buồn...

Tôi trở về nhà tiếp tục cuộc sống bình thường nhưng tâm tư không còn bình thường nữa, nhiều xáo trộn, nhiều suy tư, nhiều thương nhớ. Hình bóng hai chàng trai tôi quen biết trong chuyến nghỉ hè vừa qua luôn ám ảnh tôi trong từng giấc ngủ. Tôi nhận liên tiếp những lá thư của hai anh. Thư Minh Hiền thì ấm áp, ngọt ngào, thiết tha, ân cần mong đợi. Thư Thiên Tường lại dạt dào thương nhớ, ray rứt xót xa, nồng nàn tình cảm. Tôi chưa hiểu được lòng mình, chưa dám quyết định thế nào. Thư của Tường đến với tôi hằng tuần, còn Hiền thì cả tháng mới có một lá và anh cũng không viết nhiều như Tường.

Thật sự Hiền chưa nói gì với tôi cả, chúng tôi vẫn chỉ là bạn mà thôi.

Mỗi khi đọc thư Hiền tôi thấy vui vui vì những câu chuyện anh kể, thư anh loáng thoáng chút tình cảm vu vơ, chút hy vọng... Còn thư Tường làm tôi rơi nước mắt mỗi lần đọc. Ngoài những nhớ nhung Tường dành cho tôi còn những câu chuyện hiểm nguy thâm lắng mà anh phải đương đầu, sự cô đơn buồn bã không người chia sẻ. Những lúc không nhận được thư của Hiền tôi băng khuâng, lo lắng nhưng không nhận được thư Tường tôi nôn nóng, sốt ruột ngồi đứng không yên. Tôi biết tình cảm của mình đã nghiêng về Thiên Tường rồi. Trong giấc ngủ của tôi tràn đầy hình bóng anh với nỗi nhớ nhung da diết. Những lời nói, cử chỉ, ánh mắt, nụ cười cùng sự chăm sóc ân cần của anh đã giữ chặt được trái tim cô con gái nhỏ, đã làm cô ngã gục trước tình yêu đầu đời. Cứ như thế tôi phải chịu đựng suốt một năm dài, âm thầm một mình không thể than thở cùng ai. Rồi bỗng nhiên tin tức về Tường vắng bật gần ba tháng, tôi viết thư cho di cũng không thấy hồi âm. Không thể chờ đợi lâu hơn nữa, tôi lấy vé xe đi ngay xuống nhà di để mong được gặp Tường.

Khi đến nhà di, vừa bước lên sân nhà điều tôi nhìn thấy trước tiên là bức ảnh của Tường được họa lớn đặt trên bàn thờ giữa nhà. Tôi kinh hoàng, cảm thấy như trời đang sập xuống, đầu óc tôi hoảng loạn, tim nghẹt thở. Tôi chỉ kịp kêu hai tiếng “trời ơi” rồi quy xuống trên tay di.

Khi tôi gượng dậy được liền hỏi di:

- Di ơi, sao anh Tường chết vậy? Con không thể nào tin đây là sự thật. Người như anh ấy sao trời nỡ đánh cướp đi mạng sống lúc tuổi còn quá trẻ.

Di diu tôi ngồi xuống ghế rồi lấy mấy nhang châm lửa đưa cho tôi và bảo:

- Con đốt nhang cho nó đi. Nói với nó vài lời vì nó thương con lắm, lúc nào cũng nhắc đến con. Di là mẹ thì làm sao không hiểu con mình. Di định sẽ bàn chuyện đó với mẹ con, nhưng bây giờ đã muộn rồi.

Dì nói xong đưa khăn lau nước mắt, nước mắt của người mẹ đau khổ trong cảnh “tre già khóc măng non”. Tôi nghe cay xé tâm can, xót xa đau đớn như ai cắt từng đoạn ruột. Tôi hụt hẫng, chới với trước sự thật nào lòng này. Tường ơi, tại sao anh không chờ em? Tại sao anh lừa dối em? Anh hứa sẽ thương yêu và lo lắng cho em suốt đời mà!

Tôi như ngây như dại ngồi lắng nghe dì kể lại sự việc đã xảy ra cho Tường:

“Ngày hôm đó mấy người bạn thường đi buôn chung với Tường đến nhà bảo rằng có đường dây làm ăn tận bên Nam Vang tốt và đáng tin cậy lắm. Nếu chuyến hàng này thành công thì sẽ kiếm lời thật nhiều. Tường nói với dì:

- Con đi buôn chuyến này là lần cuối vì con đã dành dụm đủ tiền để mở tiệm chụp hình như ý nguyện. Sau đó, con sẽ... cưới vợ và lo phụng dưỡng mẹ.

- Có nguy hiểm không con?

- Thật ra hàng hóa của tụi con buôn cũng là hàng hóa thường xài, chỉ có trốn thuế thôi chứ không phải hàng quốc cấm đâu mẹ. Các hàng này là nước hoa, thuốc lá và một số thuốc Tây thông dụng từ Thái Lan về. Con sẽ không sao đâu.

Rồi sau đó mấy ngày liền dì không thấy Tường về. Dì chạy đi dò hỏi khắp nơi, đến gia đình của mấy người bạn nó, nhưng không ai có tin tức gì. Đến ngày thứ năm thì hai đứa trong bọn nó trở về mặt mũi hốc hác tiêu tụy như trở về từ ngục tù. Chúng cho biết rằng chúng phải qua biên giới để nhận hàng, trên đường về bị Cảnh Sát của Campuchia bắt gặp, rượt đuổi theo. Tụi nó sợ bỏ chạy nên họ đã nổ súng vào chúng. Khi hai đứa kia được an toàn thì thất lạc hết ba đứa, chúng chờ nghe ngóng tin tức hết mấy ngày không có nên nghĩ rằng tụi kia đã chết rồi mới quay về nhà báo tin. Dì và cha mẹ hai đứa kia đành xây mấy ngôi mộ giả gần biên giới cho chúng và thường đến đó cúng kiến, viếng thăm.”

Câu chuyện về cái chết của Tường do dì kể là như thế. Vừa

nghe xong tôi bỗng có ý nghĩ là Tường chưa chết, có thể anh bị thương đang điều dưỡng hoặc bị Cảnh Sát Campuchia bắt hay đang trốn tránh, ẩn náu đâu đó để chờ ngày tìm đường về nhà.

Buổi chiều dì dẫn tôi ra nơi có ngôi mộ đất nằm hiu quạnh trên cánh đồng gần biên giới. Một tấm bia bằng gỗ đơn sơ với tên Lê Thiên Tường mất tháng... năm... không có ngày vì dì tôi không biết anh mất ngày nào. Dù không chắc chắn Tường đã chết nhưng tôi không khỏi đau lòng xót xa rơi lệ. Kỷ niệm về anh còn sâu đậm trong tôi, từng lời nói, từng cử chỉ âu yếm yêu thương như hiện ra lòng lộng. Tôi nhìn vào ngôi mộ giả thì thào với anh:

- Tường ơi, nếu còn sống sót anh hãy trở về, em đang chờ đợi anh, đang nhớ thương anh từng giây từng phút. Nếu như



Sông nước miền Tây.

anh chết rồi thì hãy báo mộng cho em biết, đừng dằn vặt em trong hoang mang đau khổ thế này. Đến giờ này em mới thật sự hiểu được lòng mình, mới biết chắc rằng em đã yêu anh, nhưng anh nào nghe thấy.

Tôi ngồi lặng yên rất lâu ở đó, không tin là Tường đã ra đi vĩnh viễn. Biên cương chiều nay khói sương mờ mịt buồn tênh, trời đất lên cơn sầu như khóc tiễn đưa ai. Những cánh

hải âu la đà trên sóng nước cất tiếng kêu lạc loài, buồn bã như còn nuôi tiếc khoảng trời cao rộng của trùng dương. Tôi nghe mơ hồ, loáng thoáng, bàng bạc đâu đây có tiếng ai thổn thức. Không dần được xúc động tôi cất tiếng gọi lớn:

- Anh Tường ơi! Hãy về nhà đi, em đang chờ anh, em đang nhớ anh mà.

Tiếng kêu của tôi như tiếng gió bay vào sa mạc, không vọng về một chút dư âm. Bên kia bờ sông là biên giới, đi qua bên đó là một đất nước mà tôi không quen, nhưng sao nữ ôm giữ thân xác Tường không trả anh về cho tôi? Tự nhiên tôi thấy căm giận người Miên, hận kẻ đã lấy mạng sống của Tường và... tôi cúi đầu ôm mặt khóc. Tôi khóc cho anh, hay khóc cho tôi? Hay khóc cho một mối tình chưa hò hẹn mà đã ly tan? Tôi nảo nề, thất thủ theo chân đi ra về, lòng trĩu nặng sầu thương.

Mỗi buổi hoàng hôn, tôi đều nhờ dì dắt tôi ra thăm mộ Tường. Dì ngăn cản:

- Sao con cứ muốn đi vào buổi chiều vậy? Nguy hiểm lắm vì đường sá vắng vẻ, không biết chuyện gì sẽ xảy ra.

- Vì con hy vọng sẽ gặp được anh Tường dù là ảo ảnh hay hồn ma bóng quế. Buổi chiều có nhiều hy vọng hơn dì ạ!

Dì lắc đầu:

- Con ơi, ở đó chỉ là nấm mộ tượng trưng thôi, thân xác nó không biết bây giờ ở đâu. Nếu nó linh thiêng dù con ở nhà nó vẫn cho con gặp.

Mặc cho dì khuyên thế nào tôi vẫn một mình đi thăm Tường mỗi khi trời vừa nhạt nắng. Nhưng rồi tôi không thể lưu lại nhà dì lâu hơn được. Buổi chiều cuối cùng tôi đến từ già anh với tâm tư rạn nứt khổ đau. Không nén được nỗi sầu thương, tôi đã khóc và kể lể tâm sự với anh rất nhiều. Tôi cứ ngồi đó mặc cho bóng chiều nhạt nhòa cảnh vật, tôi không còn biết sợ sệt, tôi miên man nghĩ về Tường. Bỗng đâu có một bàn tay dài từ phía sau đưa tới... chậm chậm bóp xuống vai tôi... làm tôi

giật mình kinh hãi gần ngất xỉu. Khi tôi định thần nhìn lại thì nhận ra là Minh Hiền, tôi vừa mừng vừa giận:

- Trời ơi, tại sao anh không lên tiếng trước? Anh dọa chết em rồi đó.

- Thấy em nhập tâm suy nghĩ quá nên anh không dám gây tiếng động.

Tôi nhìn Hiền:

- Anh về hồi nào? Đi phép hay công tác ngang đây?

- Anh nghe tin Tường mất nên xin phép về thăm nó. Anh nghĩ cũng có thể gặp được em vì thế nào em cũng xuống đây. Anh biết chuyện của Tường vì hắn đã thổ lộ với anh hết rồi.

- Thật sao anh?

Hiền khẽ gật đầu. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao Hiền lại giữ khoảng cách với tôi mặc dù ngay từ buổi đầu gặp mặt chúng tôi đã có nhiều thiện cảm cho nhau.

Tôi nhìn Hiền thăm cảm phục, anh thật cao cả. Hiền diu tôi đứng lên:

- Thôi mình về đi em. Trời tối rồi không nên ở đây lâu.

- Dạ, mình về.

Gió bỗng thổi lên lồng lộng, tiếng chim kêu “cú cú cú” trên cây nghe sao rờn rợn não nùng. Âm vang tiếng sóng đưa về từ bờ sông như hờn như oán, như mang nỗi niềm u uất chưa tan của một linh hồn lạc loài, cô đơn bất hạnh. Vàng trắng cũng vừa nhô lên ở cuối chân trời, trăng hạ tuần mờ nhạt như đêm nào hai đứa ngồi bên nhau tâm sự. Giờ đây, tôi đang chết cả tâm hồn còn anh về một phương nào? Tường ơi, Tường ơi!

Bên tai tôi Minh Hiền nói rất nhiều, nói miên man gì đó tôi không nghe hết, tôi chỉ nghe được câu cuối:

- Anh sẽ chờ em, Như ạ! Chờ đến khi em quên hết chuyện đã qua.

Tôi không trả lời anh nhưng thầm nghĩ:

- Chắc anh sẽ chờ lâu lắm, Hiền ơi! Chờ đến khi nào em

quên được buổi chiều nay, một buổi chiều buồn nhất trong đời em.

Hiền kéo tay tôi đi nhanh giữa khi màn đêm bao phủ. Đầu óc tôi bỗng đau nhức, tôi lên cơn sốt và cảm thấy lâng lâng, mơ màng... Hình như có tiếng nhạc từ đâu văng vẳng:

*“Chờ nhau hoài cổ nhân ơi.
Sương buồn che kín nguồn đời.
Hẹn nhau một kiếp xa xôi.
Nhớ nhau muôn đời mà thôi...”*

Trước mắt tôi hình ảnh của Tường đang chập chờn, nghiêng ngả, mờ mờ ảo ảo không rõ rệt. Tôi thấy mình như đang bay lơ lửng giữa ngàn mây. Tôi trôi bồng bềnh, thênh thang... bay mãi vì không có lối quay về.

Cali mùa hè 2019.

** Hoài Cảm - Cung Tiến.*

*** Bên Cầu Biên Giới - Phạm Duy.*



Hồi Ký:

Quân Trường Võ Bị Quốc Gia Thân Yêu Không Còn Nữa!

Trần Xuân Hiện, Văn Hóa Vụ.

Đứng trong hàng ngũ dự lễ tốt nghiệp của các Khóa 28 và 29 SVSQ, tôi cảm thấy đau lòng khi hiểu rõ tình hình đất nước đang bị đất diễn ra từng ngày. Vùng 1 đã mất vào tay Cộng Sản. Chúng ta đã bỏ những tỉnh cao nguyên của Vùng 2. Quân đội VNCH và dân chúng chạy loạn đang co dần về phía Nam. Tin xấu càng ngày càng nhiều. Không biết những ngày kế tiếp ra sao?

Ngược lại với tình hình chiến sự bi đát đang xảy ra, hàng ngũ của Trung Đoàn SVSQ, trên thao trường trong ngày mãn khóa, vẫn chỉnh tề và không kém oai phong như trước đây. Tôi có cảm giác những SVSQ sắp mãn khóa như đoàn quân Kamikaze của Nhật vào những giờ phút sau cùng của Chiến Tranh Thế Giới Thứ 2, được tung ra mặt trận trong nỗi tuyệt vọng cuối cùng của Đế Chế Nhật Bản. Trong giờ phút tang thương hấp hối từng ngày, từng giờ, những tân thiếu úy sẵn sàng nhận lãnh nhiệm vụ. Ai mà không cảm động, thương tâm trước tình cảnh này? Chẳng bao lâu, có lẽ họ sẽ không còn gì cả. Quân trường thân yêu, bộ lễ phục đẹp đẽ của thời sinh viên sĩ quan sẽ để đằng sau. Có lẽ họ cũng không còn chính họ.

Tôi cũng không khỏi liên tưởng đến hình ảnh của Đại Chiến

Thứ Hai, khi quân đội Đồng Minh tấn công vũ bão vào thành phố Berlin, các lực lượng quân đội cổ thủ đã được lệnh từ cấp chỉ huy rất cao là bảo vệ từng tấc đất!

Đầu năm 75, để nâng đỡ tinh thần quân đội, Bộ Quốc Phòng đặc cách thăng thưởng một số sĩ quan trong đó có các sĩ quan của trường Võ Bị. Sau buổi lễ chào cờ cuối cùng ở căn cứ Long Thành, một vị trung tá đọc nhật lệnh danh sách các sĩ quan được thăng cấp. Chỉ có thế, buổi lễ đã không được tổ chức long trọng hơn!

Đúng như tôi đã tiên đoán, con đường Vũng Tàu-Saigon bị cắt đứt sau ít ngày. Chẳng bao lâu, Saigon cũng mất.

Hiệp định Paris được chính thức ký kết gồm nhiều điều khoản bất lợi cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Tổng thống Nixon sau khi thành công trong kế hoạch chia rẽ Nga Sô và Trung Cộng và giành được ảnh hưởng của khối Á Rập Trung Đông, ông bắt đầu giải quyết chiến tranh VN. Ông là một người chống Cộng triệt để và binh vực cuộc tranh đấu của VNCH, nhưng trước sự đòi hỏi của dân chúng Hoa kỳ phải giải quyết hoà bình gấp và áp lực của Quốc Hội Hoa Kỳ, ông buộc lòng phải ký kết Hiệp Định Paris vào ngày 27/1/73 với những điều khoản bất lợi cho VNCH.

Trong hội nghị hòa đàm Paris một số điều khoản được thông qua dễ dàng, trừ hai điều quan trọng mà cả hai phe bàn cãi dây dưa trong bốn năm hòa đàm là:

1. Giải tán chính phủ Nguyễn Văn Thiệu để thành lập chính phủ gồm ba thành phần.

2. Quân đội Hoa Kỳ phải đơn phương rút lui.

Trong thời gian hòa đàm Hoa Kỳ đã tổn thất thêm 25.000 quân. Cuối cùng 2 phe đi đến thỏa thuận:

- (1) Chính phủ Nguyễn Văn Thiệu vẫn cầm quyền, và sẽ có một cuộc bầu cử gồm ba phe tham dự.

- (2) Quân đội ngoại quốc rút ra khỏi miền Nam. (Quân đội

Cộng Sản không phải là ngoại quốc vẫn được quyền ở trên lãnh thổ miền Nam.)

Những điều khoản bất lợi này không được chính phủ VNCH chấp nhận. Chính phủ Nixon ở vào cái thế không đứng được, phải ông Kissinger sang thuyết phục TT Thiệu. Ông Thiệu không chịu, khiến Kissinger về tay không và thú nhận,

- *“Trong cuộc đời chính trị hơn 15 năm, tôi chưa bao giờ gặp cảnh ngộ như vậy.”* (1)

Sau đó Tướng Alexander Haig, phụ tá Cố vấn An Ninh Quốc Gia được phái qua thuyết phục Tổng thống Thiệu. Ông Thiệu vẫn giữ lập trường không nhượng bộ và đã hỏi lại ông Haig,

- *“Ông là tướng, tôi cũng là tướng. Giả sử có cuộc xâm lăng Nga Xô trên lãnh thổ Hoa Kỳ, nếu có một cuộc ngưng chiến, ông có chấp nhận để quân đội Nga Xô ở lại trên đất Mỹ hay không?”* (2)

Lần thứ 2, Tổng Thống Nixon lại phái ông Kissinger sang Saigon với một lá thư cảm tay cam kết chính phủ Hoa Kỳ sẽ can thiệp mạnh nếu Cộng Sản vi phạm hòa ước. Tin vào lời cam kết của tổng thống của một nước đồng minh siêu cường, cuối cùng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đồng ý ký kết hiệp định Paris.

Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27/1/73. Không may những biến cố bất lợi khác đối với VNCH dồn dập xảy ra. Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua việc cắt giảm viện trợ kinh tế và quân sự; tiếp theo tháng 6/73 không cho sử dụng Không Lực Hoa Kỳ ở VN, Lào, và Kampuchea; tháng 7/73 với đạo luật War Power Act không cho gửi quân đội Hoa Kỳ ra ngoại quốc. Cuối cùng, Tổng Thống Nixon phải từ chức của vì vụ Watergate vào tháng 8/74. Số phận miền Nam coi như đã bị định đoạt. Việc Hoa Kỳ rút chân hoàn toàn khỏi VN đã diễn tiến theo “Road Map”, phải được theo đúng lịch trình. Giờ đây VNCH phải tự chiến đấu bằng chính đôi tay của mình.

Ngược lại với tình hình khó khăn của miền Nam Việt Nam, Cộng Sản Bắc Việt vẫn tiếp tục được khôi Cộng Sản viện trợ hùng hậu kể cả vũ khí và lương thực, để chuẩn bị chiến tranh đánh chiếm miền Nam.

Sau trận mùa Hè Đỏ Lửa 1972, Cộng Sản bị thiệt hại nặng nề và gặp khó khăn về tiếp liệu, vì Hải Quân Hoa Kỳ gài mìn phong tỏa vịnh Bắc Việt và Không lực Hoa Kỳ oanh tạc nặng. Nhưng sau Hiệp định Paris 73, lợi dụng Hiệp Định



Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo và Đại Tá Ngô Văn Minh tại Trung Tâm Hành Quân (Trận Xuân Lộc, tháng 4 năm 1975).

Paris, Tướng Cộng Sản Văn Tiến Dũng cùng cố lại tất cả các sư đoàn ở vùng giới tuyến, cũng như trang bị lại tất cả sư đoàn với vũ khí tối tân. CSBV đã xây cất những đường xá mới, thiết lập những ống dẫn dầu để yểm trợ cho công việc tiếp vận vào miền Nam, sửa sang lại đường mòn Hồ Chí Minh, thiết lập những trung tâm huấn luyện, dựng lên những trung tâm sửa chữa, dự trữ đồ tiếp liệu, và thành lập những đơn vị cứu thương, vào đầu 74. Cho đến cuối năm, quân đội Cộng Sản không còn sợ vấn đề tiếp liệu nữa và sẵn sàng tung quân xâm lấn miền Nam Việt Nam.

Lê Duẩn và Lê Đức Thọ thúc giục Tướng CS Văn Tiến Dũng

mở cuộc tấn công miền Nam, nhưng Ủy Ban Quốc Phòng gồm Tướng CS Giáp và Dũng tỏ ra e dè. Trong buổi họp Bộ Chính Trị năm 74, Dũng tiên liệu phải mất nhiều năm để xâm chiếm miền Nam vì sự can thiệp của Không Lực Hoa Kỳ. Trước khi mở cuộc tổng tấn công miền Nam, Văn Tiến Dũng chọn tỉnh Phước Long cách Saigon 40 dặm phía Đông Bắc để đánh giá tình hình quân lực miền Nam. Vào ngày 26/12/74 Dũng cho hỏa lực pháo kích. Sau đó, vào ngày 5/2/75, Dũng tung 2 sư đoàn với Thiết Giáp và Pháo Binh yểm trợ tấn công thị xã. Máy bay B52 không xuất hiện, còn không lực VNCH quá yếu nên Phước Long mất ngày 6/2/75. Thấy Hoa Kỳ không can thiệp, Bộ Chính Trị Cộng Sản chỉ thị cho Văn Tiến Dũng mở cuộc tấn công Ban Mê Thuột.

Chiến lược của Dũng là giương Đông kích Tây, nghĩa là khuấy rối chỗ này, rồi tập trung lực lượng đánh chỗ kia. Dũng cho một đơn vị khuấy rối Pleiku, trong khi tung 3 sư đoàn đánh Ban Mê Thuột. Cuộc tấn công bắt đầu ngày 10/3/75 và Ban Mê Thuột thất thủ ngày 11/3/75. Tình hình chưa đến nỗi bi quan theo một số nhà quân sự ngoại quốc, thì ông Thiệu có những quyết định vội vàng và hoảng sợ, bỏ Pleiku và Kontum để phản công lại Ban Mê Thuột; và bỏ Quảng Trị và Huế để cố thủ Đà Nẵng (3). Đà Nẵng rơi vào tay CS ngày 29/3. Như vậy CS đã chiếm trọn Vùng 1 Chiến thuật, Dũng tiếp tục xua quân chiếm vùng 2 Chiến Thuật. Quân đội VNCH sụp đổ nhanh chóng.

Ngày 25/3 Bộ Chính Trị Cộng Sản Bắc Việt ra lệnh cho Văn Tiến Dũng chiếm Saigon trước mùa mưa vào giữa tháng 5. Dũng, đề nghị với Bộ Chính Trị gọi chiến dịch này là chiến dịch HCM, tung 16 sư đoàn bộ binh, hàng trăm chiến xa, trọng pháo và hỏa tiễn, súng phòng không vào thành phố Saigon.

Vào đầu tháng 4/75, lực lượng Cộng Sản gồm 18 sư đoàn tiến về Saigon theo 5 mũi dùi với mục đích đánh chiếm thành phố chớp nhoáng để tránh cuộc ác chiến giành từng khu phố. Bất lực, ông Thiệu từ chức trao lại chính quyền cho cụ Trần

Văn Hương và rời VN ngày 21/4 giữa lúc Xuân Lộc, cửa ngõ vào Saigon rơi vào tay Cộng Sản.

Saigon trong những ngày đầu tháng 4/75 bao trùm không khí chiến tranh, thành phố và các vùng phụ cận đầy nghẽn dân chúng di tản từ cao nguyên và các tỉnh miền Trung về. Họ ngơ ngác như những kẻ mất hồn vì gia đình thất lạc, tài sản tiêu tan, hoàn cảnh thật đau thương. Có người lạc vợ hay mất chồng; có người bỏ mạng vì chen lấn, hay chết đói, chết khát trên những tàu cũ kỹ thiếu an toàn di tản từ Đà Nẵng vào Sài Gòn một cách liều lĩnh. Có người rơi xuống biển hay chết thê thảm khi chiếc tàu kéo theo đứt dây trôi ra biển cả. Giữa lúc đó tin tức thất trận các nơi gởi về hàng ngày khiến dân chúng càng hoang mang. Đồng thời có những tin đồn thất thiệt như chính phủ Hoa Kỳ đang điều đình ngưng chiến, hay phi cơ B52 sẽ xuất hiện vào giờ cuối cùng, hay Trung Cộng đang làm áp lực ở biên giới Bắc Việt để Cộng Sản rút quân, trong khi một số người tìm cách vào sân bay Tân Sơn Nhất để di tản ra ngoại quốc với các kiều dân và nhân viên Hoa Kỳ.

Cụ Trần Văn Hương được mời ra lập chính phủ. Buổi lễ bàn giao được TV Saigon trực tiếp truyền hình. Cụ trông già nua, mái tóc bạc phơ. Giọng run run như khóc, cụ thống thiết kêu gọi dân chúng siết chặt hàng ngũ sau lưng quân đội, và nguyện hy sinh hơi thở cuối cùng của tấm thân già để phục vụ đất nước. Bài phát biểu của cụ chẳng mang lại được chút hy vọng nào cho mọi người.

Tình hình Saigon càng nguy ngập hơn, các trục lộ nối liền với Tây Ninh, Vũng Tàu, và Cần Thơ đều bị cắt đứt.

Được non một tuần cụ Trần Văn Hương nhường lại cho Tướng Dương Văn Minh vào ngày 28/4 để điều đình ngưng bắn với Cộng Sản. Trong khi đó một phi đội phản lực Cộng Sản, gồm 5 chiếc A37S tịch thu được của Không Lực VNCH, dội bom xuống phi trường Tân Sơn Nhất phá tan kế hoạch di tản nhân viên Hoa Kỳ bằng không vận. Siết chặt vòng vây

Saigon, sáng 29/4 Cộng Sản bắt đầu pháo kích hỏa tiễn 220 ly vào trung tâm thành phố. Tiếng đạn nổ rền trời, một quả rơi xuống xóm Bùi Viện gây nên một đám cháy lớn, một quả khác rơi xuống sân chùa Chà cuối đường Lê Thánh Tôn khiến cả khu phố rung rinh. May không gây thiệt hại gì cả.

Sáng 30/4/75, Tướng Dương Văn Minh tuyên bố trên đài phát thanh Saigon lúc 10:15 giờ trao chính quyền lại cho Cộng Sản để tránh đổ máu.

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam di tản từ Đà Lạt về đồn trú ở căn cứ Long Thành trên đường đi Vũng Tàu. Sinh viên sĩ quan hai Khóa 30 và 31 vẫn hiện diện gần như đầy đủ, nhưng Bộ Chỉ Huy hầu như không còn hoạt động. Như rắn mất đầu, chúng tôi không biết phải làm gì, ngoài việc ngồi chờ mệnh lệnh. Tôi về Saigon thăm gia đình, và khi trở lại đơn vị thì trực lộ Saigon-Vũng Tàu bị cắt đứt nên tôi bị kẹt ở Saigon.

Đứng trên sân thượng ngôi nhà ở phố Nguyễn Phi gần chùa Chà, tôi nghe tiếng chiếc trực thăng cuối cùng rời tòa Đại Sứ Hoa Kỳ Sài Gòn vào chiều ngày 29 tháng 4. Tôi cũng sờ không ngờ Saigon mất quá đột ngột và cảm thấy như kẻ bị bỏ rơi trên hoang đảo. Saigon đã bị cắt đứt với thế giới bên ngoài. Sáng hôm 30 tháng 4 khi nghe tiếng xe tăng của quân đội Cộng Sản chạy vào thành phố, tôi run người lên. Trước viễn ảnh một cuộc tắm máu ở Saigon như ở Phnom Penh, tôi lấy kéo cắt vụn tấm thẻ căn cước sĩ quan bọc nhựa và thủ tiêu những tấm hình mặc quân phục với hy vọng ngày ngộ có thể tẩy xóa cuộc đời lính của mình. Suốt mấy ngày tôi không dám ra đường, lòng lo sợ như người mất hồn. Tôi nghĩ thầm, khi cuộc chiến tranh tàn phe Quốc Gia bại trận chắc chắn phải chịu những trừng phạt và trả thù không lường được của phe Cộng Sản. Tôi đang thất thom chờ đợi một hình phạt mà không biết xảy ra khi nào.

Một tháng sau, tôi cũng như tất cả cán bộ quân dân chính đi trình diện “học tập”. Tôi trình diện ở trường Gia Long. Nghe đi học tập vợ tôi tưởng như đi học chính trị nên vẫn đi thăm bà

ngoại đau nặng ở Nha Trang. Tôi mang theo mũn mền, hai bộ áo quần, bàn chải, kem đánh răng, chén đũa và tiền ăn tiêu trong 10 ngày như được thông báo. Tôi bớt lo sợ vì thấy trước đó binh sĩ chỉ đi học ba ngày tại phường, rồi được về nhà.

Tôi hôn 3 đứa con và nói các con hãy ngoan ngoãn, ba sẽ về cuối tháng. Chiếc xe Lam đồ xuống trước chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quan, tôi xuống xe và bước trên lề đường đến trường Gia Long, người trình diện đi tùm năm, tùm ba trông giống như thí sinh đi thi tú tài, nhưng một điều không giống là thay vì cầm bút mực thì người nào người nấy đều cầm một cái xách tay hay mang một cái sắc trên vai.

Tôi đứng nối hàng trước chiếc cửa hông trường Gia Long. Một tên bộ đội thân nhận giấy trình diện, hễ ai nộp giấy tức là cửa ngục khép lại. Ai dại dốt đến hỏi dù không phải là hạng đi học tập là tự nộp mình một cách oan uổng. Có tiếng chào,

- “Thầy Hiện! Thầy cũng trình diện ở trung tâm này?”

Tôi thấy mặt quen, nhưng không nhớ gặp ở đâu. Sau này ở cùng một tổ mới biết đó là anh Nghĩ, Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 23.

Ban đêm chúng tôi đâu bàn lại làm giường ngủ. Tôi đang loay hoay treo chiếc mũn ngắn cũn cỡn thì một người bên cạnh nói,

- “Chiếc mũn của tôi rộng, anh cùng ngủ với tôi, anh khỏi treo.”

Thì ra đây là tình huynh đệ đùm bọc lẫn nhau.

Suốt ba ngày, chúng tôi hết chờ ăn lại ngủ mà chẳng thấy động tĩnh gì cả. Đến tối cuối, tất cả chúng tôi được gọi ra sân tập hợp và được lùa lên những chiếc xe Zil đã đậu sẵn từ khi nào không hay trên đường Phan Thanh Giảng. Mỗi xe khoảng 40 người. Chiếc Zil nhỏ hơn chiếc GMC, nên chúng tôi phải đứng chen nhau, dầm chân lên hành lý phải bỏ xuống sàn, trước khi mui xe được buông xuống. Đoàn xe chạy theo

đường Phan Thanh Giảng, rồi biến mất trong đêm chẳng biết phương hướng nào. Xe bị bùng chặt chội, vì số người quá đông. Người thì kiễng chân, một tay níu trần xe; có người mỗi chân nằm liềm trên đồng hành lý; có người buông mình mặc cho người khác xô đẩy. Không khí ngột ngạt, thỉnh thoảng có tiếng người văng tục...

Xe chạy suốt đêm. Tôi chọn mất khi nào không hay vì mệt mỏi và thời tiết nóng nực. Khi nghe tiếng ồn huyền não tôi choàng tỉnh, thì hay đã đến nơi. Mui xe được vén lên, và mọi người nhảy xuống. Có người đi loạng choạng, có người tê chân ngồi một chốc mới đi được. Vì trời tối, tôi chẳng biết đây là chỗ nào. Tôi thoáng nghe được tiếng nói nhỏ,

- Đây là căn cứ của Sư Đoàn 25 ở Trảng Lớn, Tây Ninh.

Trảng Lớn! Đây là chặng đầu trong chuỗi đảo “học tập”, của tháng ngày tù đầy đau khổ không thể nào quên.

Chú Thích:

1. Kissinger, Walter Isaacson, Simon & Schuster., New York, 1992.

2. Ibid.

3. “Vitory At Any Cost”, Cecil B Currey, Aurum Press Limited, 1997.

Anh Niên Trưởng Đáng Nhớ.

Trần Văn Trữ, K19

Một buổi chiều ngày Chúa Nhật vào mùa Hè năm 1970, tôi được nghỉ ở nhà thì có hai người đàn bà đến thăm. Đây là lần đầu tôi gặp hai bà này. Sau khi giới thiệu hóa ra họ là bà con gần. Ba của hai cô này là cậu Đốc Hoàng, em bà con với mẹ đẻ của tôi người làng Quảng Điền, mẹ là em mẹ Dích của tôi ở làng Đại Hòa. Vì hoàn cảnh giặc già, gia đình tôi lâm cảnh túng thiếu. Cái mặc cảm nghèo nàn này làm tôi không dám đến nhà ai. Bà thứ nhất là O Nghè Cấn và bà thứ hai là nhà văn Nguyễn Thị Hoàng. Họ đến nhờ tôi giúp cho chồng là Nguyễn Phúc Bửu Sum đang bị bắt đi lính. Tôi rất ngạc nhiên vì không ngờ một nhà văn nổi tiếng như vậy lại đến nhờ vả mình. Nhớ lại thời trước, dính líu vào vụ scandal Cung Giũ Nguyên mà khi ra tòa bà Hoàng đã nhận lỗi về mình,

- “Tôi thấy ông Cung Giũ Nguyên thông minh nên xin ông ta một đứa con.”

Nhờ sự can đảm này mà Ông Nguyên thoát nạn, báo giới thời đó đã bàn tán rất nhiều về chuyện này. Ông Nguyên là người viết truyện lưu loát bằng Pháp Văn đầu tiên của Việt Nam. Bỏ Nha Trang lên Đà Lạt dạy học, bà lại vương vào vòng tay của người học trò tên Mai Tiên Thành và tạo nên tác

phẩm rất nổi tiếng “Vòng Tay Học Trò”. Năm đó tôi đang học năm thứ hai của trường Võ Bị Đà Lạt. Hàng tuần được phép ra phố, tôi đến ngay nhà sách để mua tờ Bách Khoa có đăng từng khúc đoạn truyện này. Tôi say mê đọc “*Em còn gì cho anh nữa đâu!*” Già tuổi tác, già khổ đau, già nhảm lẫn, và già hư hỏng (Vòng Tay Học Trò). Tự thú về mình như vậy, theo tôi, thật là can đảm vì ngay cả tuổi đời các bà vẫn cố giấu. Có lẽ vì cách trình bày chân thật đến trần trụi như vậy làm nhiều người chẳng những thông cảm cho nhà văn, mà lại thích đọc văn bà này nữa.

Bà nổi tiếng vì dám vượt quá ranh giới cấm kỵ của truyền thống đạo đức xã hội, khi viết về tình yêu giữa cô giáo và học trò lại pha lẫn tình dục trong đó. Thật quá hiện sinh! Ngay cả xứ văn minh như Mỹ, nếu cô giáo phạm phải lỗi lầm như vậy thì cũng phải khốn đốn vào tù ra khám mấy lần. Hồi đó trước 1975, miền Nam có bốn nhà văn nổi tiếng bậc nhất: Nhã Ca, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, và Nguyễn Thị Hoàng. Cách viết mỗi người rất khác nhau, nhưng văn phong của bà Thụy Vũ cũng tài tình bay bướm không kém,

“Một tiếng chim hót trên đầu cành thông gần mái nhà. Trâm nhìn ra vòm trời xanh mênh mông in hình nét đồi cong thoai thoải sáng rực nắng chiều. Một đám mây trắng sắp sửa nhô lên sau ngọn đồi thấp nhất. Hình ảnh của những buổi chiều yên tĩnh, cuộc đời cô quạnh buồn lãng mạn và nên thơ thoáng qua trong trí nhớ Trâm. Nàng chợt vừa sợ, vừa thích nổi cô đơn hiện tại.” (*Vòng Tay Học Trò*)

Một bài thơ khác cũng nổi tiếng một thời ở Huế, bài “Chi Lạ Rứa”.

*Chi lạ rứa chiều ni tui muốn khóc.
Ngó chi tui đồ cỏ mọn hoa hèn.
Nhìn chị tui nhìn đom đóm trong đêm.
Cho tui tui bên ni bờ cô tịch...*

hoặc:

Ngó chi tui chi lạ rửa hững hờ...

hoặc:

Bởi vì rằng ai biết được người hề...

Và:

Bên ni bờ, vẫn trong trắng chơi vơi.

Mà bên nó trăm ngâm đâu có kể.

Toàn thổ ngữ miền Sông Hương núi Ngự đặc sệt nghe mà chạnh cả lòng. Thú vị quá! Nghĩ đến cô này tôi thấy con người tài hoa như thế mà hồng nhan đa truân. Ngoài ra, anh Sum còn là một giáo sư của đại học Vạn Hạnh một thời nên tôi hứa sẽ giúp. Được biết anh Sum hiện đang ở TĐ 2/3 của anh Thiếu Tá Huỳnh Ngọc Chát, K16 VB, một vị đàn anh tôi rất quý trọng, tôi lại càng mừng hơn.

Nhớ lại thời gian trước lúc anh Chát còn làm Tiểu Đoàn Trưởng 2/2 tận Đông Hà vùng địa đầu giới tuyến, mỗi khi có dịp vào Huế là rủ tôi đi chơi, đi nghe nhạc, hoặc thả hồn trên các con thuyền nhỏ trôi lững lờ trên giòng sông Hương vào các đêm trăng sáng, hầu quên đi những cuộc đụng địch đầm máu những ngày qua. Có lần chúng tôi “đụng” với lính Hải Thuyền, anh Chát mang Colt đứng lên, oai phong lẫm liệt, làm cho tụi nó phải rút êm. Ông anh của tôi như thế đó, anh dũng can trường với kẻ địch, là một trong những vị tiểu đoàn trưởng xuất sắc của Sư Đoàn 1 Bộ Binh, không quá sợ cấp chỉ huy nhưng lại rất tình cảm với bạn bè, những người thân yêu quen thuộc. Có lần bà xã tôi dùng xe đồ ra Quảng Trị thăm nhà. Gặp lúc VC phá đường khiến mọi người phải xuống xe đi bộ. Anh Chát hiện đang đóng quân gần đó thấy vậy đến và bảo với vợ tôi,

- “Thằng Trữ đâu mà để cho mụ đi một mình nguy hiểm như thế?”

Vợ tôi thưa với anh là,

- “Anh Trữ em đang học ở Mỹ.”

Tôi nghĩ đến chân tình của ông dành cho tôi như vậy có thể nhờ ông giúp. Tôi bảo hai cô cứ về nhà đi, rồi có gì tôi xin báo sau.

Hàng ngày, tôi theo dõi báo cáo của Trung Tâm Hành Quân để biết tình hình và vị trí đóng quân đêm của toàn bộ Sư Đoàn. Vài ngày sau, tôi được biết Tiểu Đoàn 2/3 đóng quân gần cây số 17. Đoán đêm đó thể nào anh Chắt cũng về thăm gia đình tại chợ Tây Lộc, tôi liền đến chờ hai cô đó đi theo. May mắn thay, chúng tôi đã gặp anh Chắt tại nhà lúc 9 giờ đêm. Anh Chắt nở nụ cười và hỏi,

- “Cụ mi muốn gì?”

Sau khi tôi giới thiệu thân thế nhất là nhà văn Nguyễn Thị Hoàng và xin anh giúp cho trường hợp này, anh Chắt có lẽ vốn chỗ thân quen với tôi và nhất là thấy hoàn cảnh thật đáng thương của bà này nên không ngần ngại nhận lời ngay mà không đòi một điều kiện nào cả. Anh Chắt còn hỏi bây giờ muốn điều gì trước. Cô Hoàng xin cho chồng được giấy phép về thăm nhà kéo mấy lâu nay xa vắng.

Mãi sau này tôi mới biết đây là kế hoạch đã vạch sẵn. Anh ta chỉ cần có giấy phép lên phi trường Phú Bài về Sài Gòn, rồi đào ngũ luôn. Không biết anh Chắt hồi đó có hiểu rõ như vậy không? Còn riêng tôi thì ngu ngơ lắm. Chuyện này anh Chắt không lấy một đồng nào cả, tôi xin cam chắc như vậy. Riêng tôi có hơn 20 cuốn sách của nhà xuất bản Hoàng Đông Phương, do hai vợ chồng bà này điều hành lúc trước mà nay thì đã đóng cửa, gửi tặng. Tôi biết thừa với ông anh của tôi như thế nào đây? Ông nghĩa làm sao mà trả hết được? Rốt cuộc vì tôi mà anh Chắt mất đi một người lính chiến đấu.

Có điều tôi hơi vui về việc này, nhất là sau khi đọc “Giai Thoại Hồng” của Hồ Trường An, được biết vào thời đó cô ta rất khổ. Chồng trốn tránh lính, bốn đứa con còn nhỏ dại, phải viết lách suốt ngày đêm để kiếm sống. Có lúc cô phải về Long Xuyên ở trong căn chòi để trốn nợ. Như vậy việc làm của tôi

có một chút ý nghĩa hơn?!

Hiện nay cuộc sống của cô ta ở VN lại còn khổ sở hơn xưa gấp bội. Hồng nhan đa truân. Thật tiếc cho một người đẹp tài hoa mà số phận quá nghiệt ngã.

Hôm nay viết những dòng chữ này, tôi muốn gọi tên ông anh của tôi:

- Anh Chất ơi, đàn em mang ơn anh nhiều lắm./.

Những Ngày Vui Xưa

Hữu Hiền, K18

(Kỷ niệm tuổi học trò)

Xưa kia cái tuổi học trò
Nhớ ơi là nhớ, trời cho vẫn còn
Xa xôi quê mẹ nước non
Tuổi thơ cắp sách, lon ton đến trường
Ê a ngồi học cửu chương
Thầy cho toán đố vẫn thường làm mau
Một hôm bài toán thật rầu
Không xong thầy khẽ lên đầu ngón tay
Thế mà Tết vẫn lễ thầy
Bởi không thầy chẳng, đồ mày làm nên
Cuối năm linh thường gọi tên
Hè không phải học, lớp lên thế rồi

*Với bè với bạn rong chơi
Nhặt hoa phượng nở, lấy vôi đá voi
Hay tìm tanh tách để chơi
Đấu lên vai bạn để rồi cười vang*

Hè đi... Thu lại, Đông sang
Lớn thêm một tuổi rộn ràng đón Xuân
Hợp nhau bích báo, dán tường
Báo Xuân khệ nệ, đến trường... dừng chân

*Bóng ai thấp thoáng ngoài sân
Dáng em thon ngả, gió vờn tóc bay
Trưng Vương dạo ấy tháng ngày
Gia Long một thuở tình say học trò...*

Thế rồi cát bụi mịt mờ
Nước non ngàn dặm, cõi bờ lâm nguy
Giã từ sách vở ta đi
Lên non, xuống biển xá gì... thân trai

*Chiều chiều ra đứng non đồi
Nhớ ơi là nhớ... những ngày vui xưa!*





**TỔNG HỘI CSVSQ TVBQGVN
KHOÁ 26 CSVSQ**

THƯ MỜI

Trân trọng kính mời:

- Quý Sĩ Quan Cán Bộ Quân Sự Vụ,
- Quý Giáo Sư Văn Hóa Vụ,
- Quý Niên Trưởng, Quý Niên Đệ & Quý Chị
- Quý Cựu SVSQ K26 và gia đình,
- Các cháu TTNDH

vui lòng bớt chút thời giờ quý báu đến tham dự dạ tiệc

**KỶ NIỆM 50 NĂM NHẬP TRƯỜNG CỦA KHÓA 26
SVSQ TRƯỜNG VĨ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM**

được tổ chức vào lúc **6:00 chiều**
Chúa Nhật 30 tháng 6 năm 2019
tại

**Paracel Seafood Restaurant, 15583 Brookhurst St,
Westminster, CA 92683.**

Phone: (714) 697-8614

Sự hiện diện của quý vị là niềm khích lệ và vinh dự lớn
lao cho toàn thể Cựu SVSQ Khóa 26, Khóa Cố Trung Tướng
Nguyễn Việt Thanh.

Trưởng Ban Tổ Chức,

Cựu SVSQ Nguyễn Phước Ái Đình
Đại Diện Khóa 26

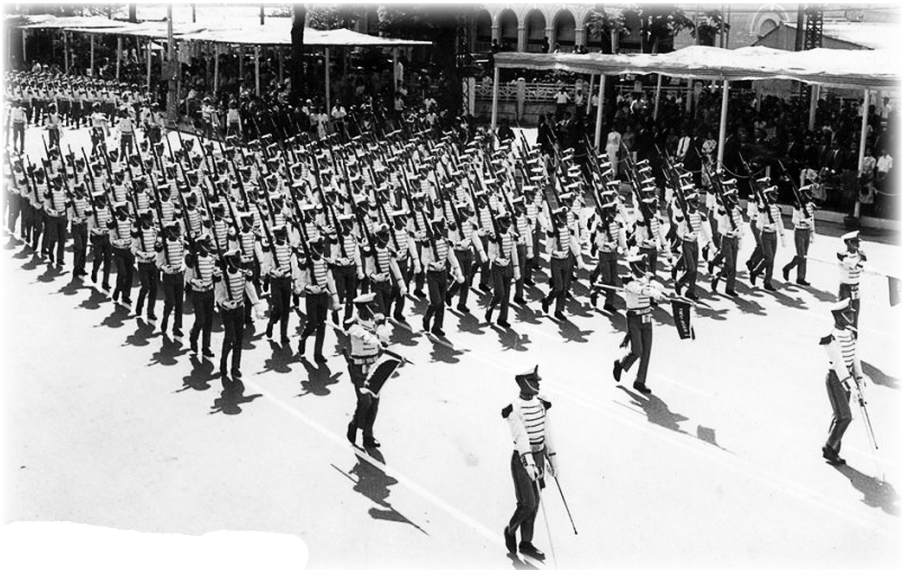
Để tiện việc tiếp đón và sắp xếp, xin vui lòng hồi đáp trước ngày 15 tháng 6, 2019:

Tel. (714) 350-8909; E-mail: aidinh2003@yahoo.com

* Yểm trợ phân dạ tiệc: \$35.00/1 người

Liên lạc:

- CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình, K26
(714) 350-8909; aidinh2003@yahoo.com
- CSVSQ Đào Quý Hùng K26,
(714) 657-4681; daohungk26@yahoo.com
- CSVSQ Bùi Văn Hoàng, K26
(714) 865-1914; hoangvb2013@gmail.com
- CSVSQ Trương Văn Thanh K26,
(714) 468-3198; ttruongrealestate@gmail.com



Diễn hành nhân ngày Quân Lực 19 tháng tại Saigon.

ĐẠI HỘI KHÓA 26
KỶ NIỆM 50 NĂM GIA NHẬP TVBQGVN
(1969-2019)

Ngày 29 & 30 tháng 6 năm 2019

* * *

CHƯƠNG TRÌNH



1. Thứ Bảy 29/6/2019:

- 09:00 - 10:00: Đặt Vòng Hoa Tưởng Niệm tại Đài Tưởng
Niệm Chiến Sĩ Việt Mỹ,

Sid Goldstein Freedom Park

14180 All American Way, Westminster, CA 92683

- 10:00 - 13:00: Khóa 26 và Gia Đình Hợp Mặt tại tư gia
CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình,

8971 Mac Alpine Rd., Garden Grove, CA 92641

Phone: (714) 350-8909

2. Chúa Nhật 30/6/2019:

- 18:00 - 23:00: Tiệc Liên Hoan, Văn Nghệ & Dạ Vũ
tại:

Paracel Seafood Restaurant,

15583 Brookhurst St, Westminster, CA 92683.

Phone: (714) 697-8614

*** Yểm trợ phân dạ tiệc:**

\$35.00/1 người (thu nhận tại nhà hàng).

*** Liên lạc:**

- CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình, K26

(714) 350-8909; aidinh2003@yahoo.com

- CSVSQ Đào Quý Hùng K26,

(714) 657-4681; daohungk26@yahoo.com

Trích Đăng:

Bạn Hữu Đọc “Nửa Đường” của Tô Văn Cấp

*“Sự nghiệp đang công đeo đuổi.
Thôi cũng dành gián đoạn nửa đường.”**

* * *

Đọc Truyện Của TQLC Tô Văn Cấp

Ấu Tím.

Tôi chần chừ mãi chưa mài mực ghi xuống giấy, những cảm nghĩ của tôi về tác phẩm của tác giả Philato.

Trong cuộc sống tất bật này, biết đến nhau, hiểu được nhau là do một cơ duyên nào đó. Được biết đến tác giả Philato tôi có đến những hai cơ duyên:

- Duyên may thứ nhất, anh là niên trưởng của nhà tôi trong trường Võ Bị Quốc Gia, lại cùng Bình Chung Thủy Quân Lục Chiến.

- Duyên may thứ hai, anh say mê viết giống tôi: viết để kể, để giữ lại, viết để nhận định



không khuyen nhũ, không loại bỏ và không để thành nhà văn. Hai anh em chúng tôi cùng yêu hai mươi bốn chữ cái, những dấu huyền sắc hỏi ngã nặng nhẹ phân minh, dấu phẩy, chấm, chấm than, chấm hỏi, yêu chúng nên anh em chúng tôi cùng viết.

Anh viết đã lâu trên các đặc san Quân Đội, sau đó tôi thấy trên Việt Báo, cách viết đúng là của anh. Các bài anh đã viết từ 1990 đến nay, 2017, đã khá nhiều, bài nào cũng làm đọc giả buồn mà phải cười, nhưng tôi khóc khi đọc bài “Bà Mẹ Quê” qua lớp bụi tro trong xó bếp:

- “Bếp nhà quê đun bằng rơm rạ, có tiếng nổ lép-bép làm bắn ra những tia lửa nhỏ tựa pháo bông, kéo theo tro bụi phủ lên người ngồi nấu. Bu tôi đứng dậy khê phui tro tàn trên khăn tang trắng, rồi lấy củ khoai lang ở cái thúng treo sau lưng, vùi vào đám tro giữa ba “ông đầu rau.”

- “Người ta thường dùng chữ “ban” để nói về những “hồng ân” mà Thượng Đế, Chúa, Phật ban cho con chiên, phật tử, nhưng bu tôi đã “ban” cho tôi củ khoai nướng vùi bếp tro giữa đêm Đông giá lạnh mà xung quanh bếp chỉ có rơm rạ, tro bụi, bóng tôi và tình mẹ con...”

Tôi yêu bài viết này của anh nhất, tất cả mọi sự trên đời này bắt buộc phải khởi đi từ MẸ, do đó khi đã đọc, đã ngắm kỹ từng chi tiết bức tranh Philato tả về Mẹ của anh bằng chữ, tôi hiểu nhiều hơn lý do anh viết những bài Bông Hồng Tặng Các Chị Vợ Lính, Cháu Ông Nội Tôi Bà Ngoại, Nồi Cá Nục Kho và dường như trong tất cả các bài anh viết đều có phảng phất lòng trân trọng các Bà Mẹ - các vị nữ lưu, cho dù họ có là Bông Hồng một thuở Có Gai của anh.

Những bài anh viết ngọt ngào lời cuốn, chẳng sợ ai mà không dám nói, chẳng bình ai mà phải ngại ngùng, đây là điều tôi thật sự trân quý khi đọc các bài anh viết. Tác giả viết như đùa vui với thầy bạn cũ, nhưng anh dùng chữ để kêu gào cộng đồng, van xin các cựu quân nhân mở lòng giúp các Thương

Bình còn khốn khó ở quê nhà, chẳng cần nhiều, chỉ là tấm lòng còn nhớ đến nhau đã một thời mặc chung màu áo, từng bình chung trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Nhân hậu - nhân bản là điều tồn tại trong lòng người đọc, tôi hy vọng, tác phẩm của Tô Văn Cấp – Philato sẽ được lưu giữ khắp nơi, không chỉ trên giấy mà trên các trang mạng, nơi tuổi trẻ còn sống tại Việt Nam cùng đọc, các cháu thế hệ thứ hai vẫn còn giữ gìn tiếng Việt tìm đọc để quý Cha thương Mẹ.

Vào Thu

* * *

Tô Văn Cấp Và Tôi.

Vương Mộng Long.

Tô Văn Cấp lớn hơn tôi (Vương Mộng Long) một tuổi. Chúng tôi cùng quê Bắc Việt, cùng sinh ra và lớn lên trong chiến tranh. Năm 1954, tuổi đời còn nhỏ, chúng tôi đã bỏ lại nơi chôn rau cắt rốn sau lưng để chạy vào Nam tị nạn Cộng Sản. Nhưng cuộc sống bình an nơi đất lành chưa kéo dài được bao lâu, thì giặc Cộng đã ào vào. Đất nước lâm nguy, chúng tôi đành gác chuyện sách đèn, lên đường cứu nước. Năm 1962 anh Cấp tình nguyện vào Võ Bị Khóa 19, một năm sau, tôi theo bước chân anh vào Khóa 20.

Năm 1964 anh Cấp trở thành một Thủy Quân Lục Chiến, và năm sau, tôi trở thành một Biệt Động Quân, chúng tôi sát vai nhau, xông vào lửa đạn.

Anh Cấp và tôi đã từng nhiều lần đổ máu, ngã xuống nơi chiến trường, dù vết thương vừa lành, chúng tôi đã vội vàng quay trở lại tiếp tay cho đồng đội, bảo vệ quê hương. Cứ như vậy, ròng rã suốt mười năm, vào sinh, ra tử, chúng tôi chiến đấu hăng say, miệt mài.

Nhưng trời chẳng chiều người, ngày 30/4/1975, chúng tôi

thua trận, đánh mất quê hương. Quê hương rơi vào tay giặc, chúng tôi đi tù. Tô Văn Cấp bị giam giữ trong trại tù VC 10 năm, còn tôi thì bị giam giữ 13 năm.

Những tháng năm dài trong cảnh tù đầy, chúng tôi không than van, không đổ lỗi cho ai, mà chỉ biết cố gắng giữ tư cách một người quân nhân Việt Nam Cộng Hòa biết tự trọng. Rồi chúng tôi vĩnh viễn mất Việt Nam khi lên đường sang Hoa Kỳ tị nạn theo chương trình HO dành cho các cựu tù “cải tạo”.

Không phải cứ đặt chân tới Mỹ là một bước tới thiên đường đâu! Với dân HO thì nước Mỹ không thể coi như nơi dành cho họ thi thố tài năng, vì đa phần dân HO đã luống tuổi rồi, nhưng nước Mỹ là cơ hội, là cái nền, cái móng vững chắc cho thế hệ thứ hai mạnh mẽ vươn lên.

Giờ đây cuộc sống mới đã ổn định, con cái chúng tôi đã thành người. Những lúc rảnh rang, chúng tôi hồi tưởng lại những kỷ niệm đời mình, chợt thấy rằng mình là người trực tiếp chứng kiến những biến cố đã xảy ra trên quê hương mình nên tự thấy có trách nhiệm phải viết.

Chúng tôi đã viết, và sẽ viết tiếp, kể cho bạn bè mình, con cháu mình và đồng bào mình biết thế hệ của chúng tôi đã sống, đã chiến đấu, và đã yêu như thế nào trong chiến tranh, đã trải qua những nhọc nhằn tủi nhục thế nào trong ngục tù, và hiện nay đang sống ra sao?

Không phải cứ mang danh “rắn rì” thì bài viết nào cũng là chiến công, những huy chương, những vòng hoa! Cuộc đời lính chiến của thế hệ chúng tôi gồm đủ niềm vui chiến thắng pha lẫn những ngậm ngùi chiến bại, cũng ví như tấm huy chương óng ánh, mặt trước là những nụ cười sáng láng, rạng ngời, những vòng hoa tươi, mặt sau là những tấm poncho cuộn gọn xác đồng đội vừa nằm xuống, những vành tang trắng, những dòng lệ tuôn rơi.

“Nửa Đường” chính là một phần đời của TQLC Tô Văn Cấp.

Đọc “Nửa Đường” để thấy tình mẹ bao la nhường nào qua bài “Bà Mẹ Quê”, thấy mặt trái của tâm huy chương trong “Trâu Diên và Cỏ Vần Mỹ”, để mỉm cười thích thú khi nghe xong truyện “Xé Lá Thư Tình” rồi ngậm ngùi tiếc nuối một thời son vàng đã qua, sau cuộc đời đời với “Thầy Cũ Trường Xưa”, và sẽ chợt nhớ ra còn rất nhiều đồng đội thương tật của mình hiện nay đang sống lây lất từng ngày nơi quê nhà sau khi đọc “Lão Lượm Về Chai” v.v..

Những bài viết của Tô Văn Cấp là những lời tâm sự rất chân thành, là những bức tranh đời sống động. Điều đặc biệt, trong văn Tô Văn Cấp, chúng ta thấy rõ phong cách “rất” Việt Nam Cộng Hòa, không bao giờ độc giả có thể “bói” ra một chữ hay một danh từ Việt Cộng nào cả.

Dĩ dóm cũng là đặc tính riêng của anh, chuyện gì dù nghiêm trọng tới đâu Tô Văn Cấp cũng tìm cách chen vào đôi chữ, đôi câu, làm cho ta cảm thấy đôi chút thoải mái, để thở phào một cái.

Tôi và Tô Văn Cấp còn là anh em kết nghĩa. Tôi nhỏ nhút, anh Cấp xếp hạng nhì, đại ca của hai đứa tôi là Biệt Động Quân Nguyễn Văn Đại (K8 Võ Bị). Đại Tá Nguyễn Văn Đại vốn tính khiêm nhường, khi nói chuyện với ai cũng hạ mình, tự xưng là “Dân Ngu”. Lúc sinh thời anh Sáu Đại thường tâm sự với tôi rằng:

“Dân Ngu mà có hai đứa em kết nghĩa là chú Tô Văn Cấp và chú Vương Mộng Long thì quả là hạnh phúc nhất trần đời rồi!”

Anh Sáu Đại cứ hỏi thúc tôi và Tô Văn Cấp gom góp những bài đã viết in thành tuyển tập, để cho anh ấy:

“Có hai quyển sách gối đầu giường, đọc mỗi ngày, để thấy yêu đời hơn, muốn sống hơn!”

Tiếc thay anh Sáu đã sớm ra đi trước khi hai thằng em của anh thực hiện được lời ước nguyện của anh. Nay ở thế giới bên kia, anh Sáu Đại chắc sẽ mỉm cười khi “Nửa Đường” ra

mắt bạn đọc, và chắc chắn anh sẽ rất vui khi đọc được trên đó có in đôi lời giới thiệu của Vương Mộng Long.

** Trích trong “Truyện Truyen Thống” của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam do Đại Tá Trần Ngọc Huyền soạn thảo khi ông làm chỉ huy trưởng tại đây.*

Chú Thích: Các độc giả muốn đọc thêm các phần nhận xét, bạn hữu của tác giả và muốn order sách “Nửa Đường”, xin liên lạc trực tiếp với tác giả, theo các chi tiết ghi dưới:

Tô Văn Cáp

Nửa Đường
chuyện nhà • chuyện tình • chuyện người

In và phát hành lần thứ nhất - Tháng 6/2019
Orange County, California, Hoa Kỳ.

Liên lạc với tác giả:

CAP TO <captovank19@yahoo.com>
(714) 897 - 3521

Chi phiếu xin gửi về:

Cap Van To
13521 Vinewood St.
Westminster, CA 92683
Hoa Kỳ

Memo: Tac Pham Nua Duong

© Tác Giả Xuất Bản & Giữ Bản Quyền.

Giá 20 US dollars + 5 US dollars
(Cước phí gửi sách trong nước Mỹ.)

Ghi chú thêm:

Buổi ra mắt sách dự trù tổ chức vào:

**Ngày Chủ Nhật, 2 tháng 6 năm 2019;
từ 11 giờ sáng đến 3 giờ chiều.**

Tại:

WESTMINSTER COMMUNITY SERVICE

8200 Westminster Blvd

Westminster, CA 92683

Hoa Kỳ.

(Vào cửa tự do.)



BẢO CÁO TÀI CHÍNH

CÂY MÙA XUÂN 2019

(Tổng kết tới ngày 10 tháng 4 năm 2019)

Số TT	Họ & Tên		Khóa/ Thân Hữu	Số tiền
127	Mr.	Dương Cao Sơn	10	100
128	Mr.	Trần Thượng Khải	12	50
129	Mr.	Vũ Minh Bội	12	50
130	Mr.	Ngô Như Nguyên Vũ	12/2	200
131	Mr.	Ngô Như Nguyên Vĩnh	12/2	100
132	Ms.	Ngô Như Quỳnh Chi	12/2	100
133	Mr.	Phiêu Bồng	13	50
134	Mr.	Nguyễn Minh Chánh	16	50
135	Mrs.	Trần Minh Vũ	17/1	50
136	Mr.	Lại Đình Đán	18	100
137	Mr.	Bùi Văn Miều	18	30
138	Mr.	Trần Gia Trai	18	20
139	Mr.	Nguyễn Ngọc Khoan	18	50
140	Mrs.	Tammy Huỳnh	19/2	50
141	Mr.	Hoàng Như Liêm	20	50
142	Mr.	Trần Tâm	20	20
143	Mr.	Lê Quang Liễn	20	50
144	Mr.	Nguyễn Cao Nghiêm	20	50
145	Mr.	Nguyễn Đào Đoán	21	50
146	Mr.	Nguyễn Đào Đoán	21	50
147	Mr.	Dương Hiễn Tòng	22	50
148	Mr.	Nguyễn Minh Thanh	22	50
149	Mr.	Tăng Khải Minh	23	50
150	Mr.	Cao Văn Hải	25	100
151	Mr.	Phùng Hữu Châu	25	50
152	Mr.	Vũ Hữu Nghị	25	50
153	Mr.	Trần Gia Tăng	25	50

154	Mr.	Hoàng Long	26	50
155	Mr.	Nguyễn Đăng Mộc	26	200
156	Mr.	Nguyễn Đình Lập	28	50
157	Mr.	Ẩn danh	28	50
158	Mr.	Nguyễn Đình Tình	29	50
159		Liên Hội VN Châu Âu		114
160		Phân Hội Đông Bắc AC		114
161		Phân Hội Tây Nam AC		114
162		Liên Đoàn TTNDH Âu Châu		114
163		Khanh Trang PARIS		200
164		Một số CSVSQ		300
165		Quỹ Tổng Hội		100
		* Từ Đa Hiệu số 115 chuyển sang		12920
		TỔNG CỘNG		16046

Sau khi tổng kết, Ban Xã Hội hãnh diện ghi nhận số tiền được đóng góp là **16,046** dollar Mỹ. Số tiền này đã được phân phối đến 121 CSVSQ hoặc gia đình của họ, qua đại diện khóa hoặc gửi trực tiếp, như một món quà Xuân bày tỏ lòng tương thân, tương ái của tất cả các CSVSQ cùng xuất thân từ trường Mẹ.

Khóa 12	8	Khóa 17	5	Khóa 18	25
Khóa 19	8	Khóa 20	32	Khóa 21	12
Khóa 23	7	Khóa 25	7	Khóa 26	2
Khóa 27	3	Khóa 28	2		

Thay mặt Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN, chúng tôi chân thành cảm ơn các NT, các phu nhân, các anh chị trong đại gia đình Võ Bị, và các mạnh thường quân đã có nhã ý yểm trợ cho chương trình này. Xin cảm ơn tất cả quý vị.

Hoàng Như Cầu, K28
Ủy Viên Xã Hội

Phan Văn Lộc, K30
Thủ Quỹ.

CSVSQ & THÂN HỮU

YẾM TRỢ ĐA HIỆU 115



(Tính tới ngày 10 tháng 4 năm 2019)

Số TT	Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số tiền
1	Mrs. Bùi Đình Đạm	1	100.00
2	Mr. Nguyễn Văn Lợi	3	50.00
3	Mr. Huỳnh Thao Lược	3	100.00
4	Mr. Phạm Tất Thống	3	100.00
5	Mr. Từ Cát	5/1	100.00
6	Mr. Nguyễn Xuân Cung	6/1	50.00
7	Mr. Huỳnh Thanh Tâm	6	30.00
8	Mr. Nguyễn Văn Thịnh	6	50.00
9	Mr. Dương Đình Thụ	6	50.00
10	Mr. Lò Cẩm Bảo	8	30.00
11	Mr. Điều Ngọc Chánh	8	30.00
12	Mr. Phạm Thế Vinh	9	50.00
13	Mr. Nguyễn Kim Biên	10	34.64
14	Mr. Hạ Bá Chung	10	50.00
15	Mr. Nguyễn Văn Đã	10	30.00
16	Mr. Huỳnh Đạt Kính	10	30.00
17	Mr. Nguyễn Văn Lạc	10	30.00
18	Mr. Nguyễn Lộc	10	50.00
19	Mr. Phạm Văn Môn	10	30.00
20	Mr. Nguyễn Đạt Phong	10	30.00
21	Mr. Võ Thành Quan	10	30.00
22	Mr. Dương Cao Sơn	10	50.00
23	Mr. Nguyễn Xuân Thảo	10	30.00
24	Mr. Ngô Thanh Vân	10	100.00
25	Mr. Trần Trọng Ngọc	10	50.00
26	Mr. Mai Ngọc Sương	10/2	34.20
27	Mr. Trần Văn Tom	10/ P	20.00
28	Mr. Huỳnh Quang Minh	11	33.40

29	Mr.	Đèo Văn	Sin	11	30.00
30	Mr.	Hoa Hải	Thọ	11	30.00
31	Mr.	Vũ Minh	Bôi	12	50.00
32	Mr.	Hoàng Mộng	Cây	12	30.00
33	Mr.	Nguyễn Cửu	Đắc	12	30.00
34	Mr.	Lê Ngọc	Diệp	12	50.00
35	Mr.	Nguyễn Văn	Sắc	12	20.00
36	Mr.	Nguyễn Văn	Tăng	12	30.00
37	Mr.	Lê Bá	Trị	12	50.00
38	Mr.	Nguyễn Đức	Vy	12	20.00
39	Mr.	Lê Văn	Giàu	12	30.00
40	Mr.	Võ Văn	Anh	13	30.00
41	Mr.	Nguyễn Văn	Bồng	13	20.00
42	Mr.	Ngô Tài	Chiêu	13	30.00
43	Mr.	Nguyễn Quốc	Đổng	13	50.00
44	Mr.	Đỗ Huy	Huệ	13	30.00
45	Mr.	Đặng Ngọc	Minh	13	30.00
46	Mr.	Phạm Phú	Quốc	13	30.00
47	Mr.	Vũ Văn	Bình	14	30.00
48	Mr.	Bửu	Khải	14	30.00
49	Mr.	Nguyễn	Khiêm	14	33.40
50	Mr.	Trần Quang	Mẫn	14	30.00
51	Mr.	Trần Quang	Minh	14	20.00
52	Mr.	Nguyễn Ngọc	Thạch	14	25.00
53	Mr.	Trần Văn	Một	15	20.00
54	Mr.	Đoàn Thê	Cường	15	30.00
55	Mr.	Nguyễn Ngọc	Ánh	16	50.00
56	Mr.	Vĩnh	Đắc	16	50.00
57	Mr.	Hồ Khắc	Đàm	16	50.00
58	Mr.	Nguyễn Hồng	Diệm	16	34.64
59	Mr.	Nguyễn Như	Phú	16	20.00
60	Mr.	Trần Như	Tang	16	50.00
61	Mr.	Trịnh Quang	Tuyền	16	33.40
62	Mr.	Nguyễn Văn	Úc	16	50.00
63	Mr.	Châu Hoàng	Vũ	16	33.40
64	Mr.	Nguyễn Tấn	Danh	16	30.00
65	Mr.	Nguyễn Xuân	Thắng	16	40.00
66	Mrs.	Tôn Thất	Chung	16/1	20.00

67	Mr.	Bùi Đức	Cẩn	17	30.00
68	Mr.	Võ Phi	Hỗ	17	30.00
69	Mr.	Đinh Văn	Mãng	17	30.00
70	Mr.	Hoàng Đình	Ngoạn	17	30.00
71	Mr.	Phan Văn	Ninh	17	100.00
72	Mr.	Nguyễn Xuân	Tám	17	20.00
73	Mr.	Nguyễn Quang	Thành	17	20.00
74	Mr.	Nguyễn Văn	Dục	17	50.00
75	Mrs.	Nguyễn Duy	Long	17/1	20.00
76	Mrs.	Trần Minh	Vũ	17/1	20.00
77	Mrs.	Nguyễn Tiến	Đức	17/1	50.00
78	Mr.	Phan Văn	Bàng	18	50.00
79	Mr.	Nguyễn	Bê	18	50.00
80	Mr.	Nguyễn Thiên	Công	18	34.64
81	Mr.	Tôn Thất	Đường	18	30.00
82	Mr.	Đoàn Lưu	Em	18	34.64
83	Mr.	Huỳnh Văn	Giai	18	50.00
84	Mr.	Nguyễn Đức	Hạnh	18	34.64
85	Mr.	Lê Ngọc	Hung	18	50.00
86	Mr.	Nguyễn Ngọc	Khoan	18	100.00
87	Mr.	Nguyễn Khoa	Lộc	18	30.00
88	Mr.	Văn Đình	Phụng	18	30.00
89	Mr.	Nguyễn Thanh	Thăng	18	40.00
90	Mr.	Nguyễn Văn	Thiệt	18	50.00
91	Mr.	Hoàng Xuân	Thời	18	30.00
92	Mr.	Lã Quý	Trang	18	50.00
93	Mr.	Trịnh Bá	Tứ	18	30.00
94	Mr.	Nguyễn Văn	Xuân	18	30.00
95	Mr.	Nguyễn Công	Khanh	18	50.00
96	Mr.	Nguyễn Xuân	Toàn	18	30.00
97	Mrs.	Quách Xuân	Hương	18/1	50.00
98	Mr.	Nguyễn	Chí	19	30.00
99	Mr.	Đỗ	Đăng	19	30.00
100	Mr.	Nguyễn Vĩnh	Giám	19	34.20
101	Mr.	Hồ Văn	Hạc	19	30.00
102	Mr.	Phạm Kim	Khôi	19	20.00
103	Mr.	Đặng Đình	Liêu	19	50.00
104	Mr.	Nguyễn Hồng	Miên	19	50.00

105	Mr.	Lê Kim	Ngọc	19	30.00
106	Mr.	Nguyễn Thành	Phúc	19	50.00
107	Mr.	Kâng Tum	Son	19	30.00
108	Mr.	Nguyễn Phước	Tây	19	30.00
109	Mr.	Bùi Dương	Thanh	19	69.29
110	Mr.	Lý Văn	Thế	19	34.64
111	Mr.	Phan Văn	Thìn	19	50.00
112	Mr.	Nguyễn Hữu	Thuận	19	50.00
113	Mr.	Nguyễn Hồng	Trọng	19	20.00
114	Mr.	Trần Văn	Trữ	19	30.00
115	Mr.	Trần Cẩm	Tường	19	33.40
116	Mr.	Nguyễn Anh	linh	19	30.00
117	Mrs.	Hoàng Gia	Thái	19/1	25.00
118	Mrs.	Lương Thành	Lập	19/1	34.20
119	Mr.	Nguyen	Thomas	19/2	50.00
120	Mr.	Trần Kim	Bảng	20	20.00
121	Mr.	Trần Hữu	Bảo	20	40.00
122	Mr.	Phạm	Cang	20	50.00
123	Mr.	Nguyễn	Hai	20	50.00
124	Mr.	Nguyễn Thành	Hiếu	20	30.00
125	Mr.	Trần Thanh	Liêm	20	133.94
126	Mr.	Lê Quang	Liễn	20	30.00
127	Mr.	Ngô Đình	Lợi	20	30.00
128	Mr.	Trịnh Văn	Minh	20	33.40
129	Mr.	Nguyễn Cao	Nghiêm	20	30.00
130	Mr.	Hoàng Văn	Ngọc	20	30.00
131	Mr.	Nguyễn Cảnh	Nguyễn	20	50.00
132	Mr.	Võ	Nhẫn	20	50.00
133	Mr.	Hà Mạnh	Son	20	30.00
134	Mr.	Nguyễn Văn	Vọng	20	20.00
135	Mr.	Nelson	Chau	20	30.00
136	Mr.	Phan Thanh	Miên	20	50.00
137	Mr.	Nguyễn Hữu	Cước	21	50.00
138	Mr.	Võ Minh	Hòa	21	100.00
139	Mr.	Chiêm Thành	Hoàng	21	30.00
140	Mr.	Gia	Liên	21	30.00
141	Mr.	Cao Văn	Lợi	21	30.00
142	Mr.	Cao Mạnh	Nhẫn	21	50.00

143	Mr.	Hồ	Sắc	21	50.00
144	Mr.	Nguyễn Ngọc	Tùng	21	30.00
145	Mr.	Nguyễn Trung	Việt	21	50.00
146	Mr.	Nguyễn Thành	Chức	22	30.00
147	Mr.	Nguyễn Tấn	Hùng	22	30.00
148	Mr.	Trương Văn	Phổ	22	30.00
149	Mr.	Trương Văn	Quan	22	33.40
150	Mr.	Trương Văn	Tăng	22	50.00
151	Mr.	Phạm Xuân	Thiệp	22	34.20
152	Mr.	Trần Văn	Tiến	22	50.00
153	Mr.	Nguyễn Ngọc	Trạng	22	34.64
154	Mr.	Trần	Tham	22	30.00
155	Mr.	Đặng Văn	Anh	23	200.00
156	Mr.	Ngô Công	Cầm	23	34.64
157	Mr.	Nguyễn Văn	Cát	23	33.40
158	Mr.	Trần Như	Dy	23	33.40
159	Mr.	Lê	Hoành	23	50.00
160	Mr.	Trần Việt	Huân	23	34.20
161	Mr.	Tô Công	Minh	23	50.00
162	Mr.	Trương Tấn	Thiện	23	33.40
163	Mrs.	Trần Vĩnh	Thuần	23/1	50.00
164	Mr.	Bùi Văn	Tre	23	30.00
165	Mr.	Đỗ Mạnh	Trường	23	50.00
166	Mr.	Trần Văn	Tỷ	23	30.00
167	Mr.	Quách Vĩnh	Niên	24	50.00
168	Mr.	Ngô Hồng	Sương	25	50.00
169	Mr.	Nguyễn Văn	Bên	26	50.00
170	Mr.	Phạm Thanh	Bình	26	25.00
171	Mr.	Nguyễn	Đức	26	34.64
172	Mr.	Nguyễn Văn	Huân	26	33.40
173	Mr.	Nguyễn Quang	Lac	26	50.00
174	Mr.	Nguyễn Văn	Lương	26	100.00
175	Mr.	Nguyễn Đăng	Mộc	26	20.00
176	Mr.	Hoàng Trung	Nghĩa	26	100.00
177	Mr.	Phùng Công	Phước	26	34.64
178	Mr.	Vũ Thế	Thủ	26	30.00
179	Mr.	Đinh Đồng	Tiến	26	34.64
180	Mr.	Nguyễn Văn	Trí	26	50.00

181	Mr.	Phan Anh	Tuấn	26	50.00
182	Mr.	Cao Hồng	Đức	27	34.40
183	Mr.	Trần Văn	Hỗ	27	40.27
184	Mr.	Trương Văn	Hón	27	30.00
185	Mr.	Lương	Kiệt	27	20.00
186	Mr.	Châu	Lân	27	30.00
187	Mr.	Nguyễn Tấn	Long	27	30.00
188	Mr.	Nguyễn Duy	Niên	27	40.00
189	Mr.	Nguyễn Văn	Phụng	27	34.64
190	Mr.	Nguyễn Đức	Phương	27	50.00
191	Mr.	Quy Thiên	Quang	27	20.00
192	Mr.	Cái Hữu	Sáu	27	100.00
193	Mr.	Diệp Quốc	Vinh	27	50.00
194	Mr.	Vũ Văn	Chương	28	33.40
195	Mr.	Nguyễn Đình	Đức	28	33.40
196	Mr.	Nguyễn Trung	Long	28	100.00
197	Mr.	Lưu Văn	Lượng	28	27.72
198	Mr.	Trần Quang	Minh	28	30.00
199	Mr.	Nguyễn Trọng	Thuần	28	50.00
200	Mr.	Nguyễn Anh	Tuấn	28	50.00
201	Mr.	Lê Tấn	Tươi	28	34.64
202	Mr.	Nguyễn Đình	Lập	28	50.00
203	Mr.	Lê Văn	A	29	20.00
204	Mr.	Tsu A	Cầu	29	100.00
205	Mr.	Hồ	Đề	29	34.20
206	Mr.	Nghiêm Đoàn	Hiển	29	30.00
207	Mr.	Phạm Tấn	Lộc	29	20.00
208	Mr.	Đặng Thành	Long	29	30.00
209	Mr.	Phạm Kim	Ngọc	29	69.29
210	Mr.	Quách Vĩnh	Thọ	29	30.00
211	Mr.	Nguyễn	Trữ	29	30.00
212	Mr.	Trần Ngọc	Anh	30	30.00
213	Mr.	Cao Hữu	Hiển	30	34.20
214	Mr.	Võ Văn	Phước	30	34.64
215	Mr.	Trần Việt	Trung	30	50.00
216	Mr.	Hoàng Tôn	Long	31	34.20
217	Mr.	Lê Hồng	Phong	31	34.64
218	Mr.	Võ Tất	Thắng	31	50.00

219	Mr.	Trần Xuân	Hiền	VHV	69.29
220	Mr.	Lê Trọng	Lập	VHV	30.00
221	Mr.	Huỳnh Thu	Tâm	VHV	30.00
222	Mr.	Hà Đức	Bản	TH	60.00
223	Mr.	Đỗ Kim	Bảng	TH	15.00
224	Ms.	Nguyễn Thị	Bê	TH	50.00
225	Mr.	Cô Tấn Tinh	Châu	TH	50.00
226	Mr.	Lâm Ngọc	Chiêu	TH	25.00
227	Mr.	Trương	Cơ	TH	30.00
228	Mr.	Nguyễn Thành	Điều	TH	30.00
229	Mr.	Lê Đức	Hiền	TH	20.00
230	Ms.	Trần Thị	Hoa	TH	40.00
231	Ms.	Nguyễn Thị	Huệ	TH	50.00
232	Ms.	Nguyễn Thị Dạ Lan	Hương	TH	114.00
233	Mr.	Lâm Văn	Khánh	TH	50.00
234	Mr.	Lê Đặng	Khoa	TH	30.00
235	Mrs.	Lê	Nancy	TH	20.00
236	Mrs.	Nguyễn Thị Huyền	Nga	TH	50.00
237	Mr.	Nguyễn Văn	Ngàn	TH	20.00
238	Mr.	Lê	Nghiêm	TH	20.00
239	Mr.	Đặng Đức	Nghiêm	TH	50.00
240	Mr.	Nguyễn Thanh	Phong	TH	25.00
241	Mr.	Lê	Quang	TH	50.00
242	Mr.	Trương Văn	Thình	TH	20.00
243	Mr.	Vũ Đình	Thọ	TH	30.00
244	Mr.	Trần Ngọc	Thức	TH	50.00
245	Mr.	Bùi Ngọc	Tô	TH	25.00
246	Mrs.	Vũ Thị	Vân	TH	50.00
247	Mr.	Lưu Đức	Tín	TH	50.00
248	Mr.	Nhữ Văn	Hải	TH	100.00
249	Tổng Đoàn TTNDH				100.00
250	Hội VB Pennsylvania & Phụ Cận				200.00

TỔNG CỘNG 10570.60

Bảng Tổng Kết

(Tính tới ngày 10 tháng 4 năm 2019)

1. Chi phí cho Đa Hiệu 115:

- Ấn Loát	6,000.00
- Bru Phí trong Hoa Kỳ	1,746.20
- Bru Phí ngoài Hoa Kỳ	1,445.80
- Lệ Phí Ngân Hàng	119.80
- Chuyên Chở	350.00
- Hộp thư Đa Hiệu	182.00
- Phát Hành, Âm Thực & Linh tinh	580.00
- Bru Phí Phụ Trội + Dịch Vụ TS, VP Phẩm	692.75

Cộng = **11,116.55**

2. Thu:

- Quỹ còn lại sau Đa Hiệu 115	14,784.67
- Thu	10,570.60

Cộng = **25,355.27**

3. Tồn quỹ

25,355.27 - 11,116.25 = 14,239.02

Thưa các NT, các anh chị, và các độc giả,

Số tiền đang tồn quỹ là **\$14,239.02**. Trong phần này, **chi phí cho Tập San Đa Hiệu 116 mà quý vị đang cầm trên tay chưa được tính đến**. Chúng tôi mong được sự ủng hộ tài chánh mạnh mẽ của các độc giả. Sự quan tâm của quý vị đến hoạt động của Tập San Đa Hiệu luôn là động lực khích lệ chúng tôi.

*Trưởng Ban Trị Sự kiêm Thủ Quỹ Đa Hiệu.
Trần Trí Quốc, K 27*

Cám Ơn!

CSVSQ & THÂN HỮU

YẾM TRỢ ĐA HIỆU 115



(Tính tới ngày 10 tháng 4 năm 2019)

Số TT	Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số tiền
1	Mrs. Bùi Đình Đạm	1	100.00
2	Mr. Nguyễn Văn Lợi	3	50.00
3	Mr. Huỳnh Thao Lược	3	100.00
4	Mr. Phạm Tất Thống	3	100.00
5	Mr. Từ Cát	5/1	100.00
6	Mr. Nguyễn Xuân Cung	6/2	50.00
7	Mr. Huỳnh Thanh Tâm	6	30.00
8	Mr. Nguyễn Văn Thịnh	6	50.00
9	Mr. Dương Đình Thụ	6	50.00
10	Mr. Lò Cẩm Bảo	8	30.00
11	Mr. Điều Ngọc Chánh	8	30.00
12	Mr. Phạm Thế Vinh	9	50.00
13	Mr. Nguyễn Kim Biên	10	34.64
14	Mr. Hạ Bá Chung	10	50.00
15	Mr. Nguyễn Văn Đã	10	30.00
16	Mr. Huỳnh Đạt Kính	10	30.00
17	Mr. Nguyễn Văn Lạc	10	30.00
18	Mr. Nguyễn Lộc	10	50.00
19	Mr. Phạm Văn Môn	10	30.00
20	Mr. Nguyễn Đạt Phong	10	30.00
21	Mr. Võ Thành Quan	10	30.00
22	Mr. Dương Cao Sơn	10	50.00
23	Mr. Nguyễn Xuân Thảo	10	30.00
24	Mr. Ngô Thanh Vân	10	100.00
25	Mr. Trần Trọng Ngọc	10	50.00
26	Mr. Mai Ngọc Sương	10/2	34.20
27	Mr. Trần Văn Tom	10/ P	20.00
28	Mr. Huỳnh Quang Minh	11	33.40

29	Mr.	Đèo Văn	Sin	11	30.00
30	Mr.	Hoa Hải	Thọ	11	30.00
31	Mr.	Vũ Minh	Bôi	12	50.00
32	Mr.	Hoàng Mộng	Cây	12	30.00
33	Mr.	Nguyễn Cửu	Đắc	12	30.00
34	Mr.	Lê Ngọc	Diệp	12	50.00
35	Mr.	Nguyễn Văn	Sắc	12	20.00
36	Mr.	Nguyễn Văn	Tăng	12	30.00
37	Mr.	Lê Bá	Trị	12	50.00
38	Mr.	Nguyễn Đức	Vỵ	12	20.00
39	Mr.	Lê Văn	Giàu	12	30.00
40	Mr.	Võ Văn	Anh	13	30.00
41	Mr.	Nguyễn Văn	Bồng	13	20.00
42	Mr.	Ngô Tài	Chiêu	13	30.00
43	Mr.	Nguyễn Quốc	Đổng	13	50.00
44	Mr.	Đỗ Huy	Huệ	13	30.00
45	Mr.	Đặng Ngọc	Minh	13	30.00
46	Mr.	Phạm Phú	Quốc	13	30.00
47	Mr.	Vũ Văn	Bình	14	30.00
48	Mr.	Bửu	Khải	14	30.00
49	Mr.	Nguyễn	Khiêm	14	33.40
50	Mr.	Trần Quang	Mẫn	14	30.00
51	Mr.	Trần Quang	Minh	14	20.00
52	Mr.	Nguyễn Ngọc	Thạch	14	25.00
53	Mr.	Trần Văn	Một	15	20.00
54	Mr.	Đoàn Thê	Cường	15	30.00
55	Mr.	Nguyễn Ngọc	Ánh	16	50.00
56	Mr.	Vĩnh	Đắc	16	50.00
57	Mr.	Hồ Khắc	Đàm	16	50.00
58	Mr.	Nguyễn Hồng	Diệm	16	34.64
59	Mr.	Nguyễn Như	Phú	16	20.00
60	Mr.	Trần Như	Tang	16	50.00
61	Mr.	Trịnh Quang	Tuyền	16	33.40
62	Mr.	Nguyễn Văn	Úc	16	50.00
63	Mr.	Châu Hoàng	Vũ	16	33.40
64	Mr.	Nguyễn Tấn	Danh	16	30.00
65	Mr.	Nguyễn Xuân	Thắng	16	40.00
66	Mrs.	Tôn Thất	Chung	16/1	20.00

67	Mr.	Bùi Đức	Cẩn	17	30.00
68	Mr.	Võ Phi	Hồ	17	30.00
69	Mr.	Đinh Văn	Mãng	17	30.00
70	Mr.	Hoàng Đình	Ngoạn	17	30.00
71	Mr.	Phan Văn	Ninh	17	100.00
72	Mr.	Nguyễn Xuân	Tám	17	20.00
73	Mr.	Nguyễn Quang	Thành	17	20.00
74	Mr.	Nguyễn Văn	Dục	17	50.00
75	Mrs.	Nguyễn Duy	Long	17/1	20.00
76	Mrs.	Trần Minh	Vũ	17/1	20.00
77	Mrs.	Nguyễn Tiến	Đức	17/1	50.00
78	Mr.	Phan Văn	Bàng	18	50.00
79	Mr.	Nguyễn	Bê	18	50.00
80	Mr.	Nguyễn Thiên	Công	18	34.64
81	Mr.	Tôn Thất	Đường	18	30.00
82	Mr.	Đoàn Lưu	Em	18	34.64
83	Mr.	Huỳnh Văn	Giai	18	50.00
84	Mr.	Nguyễn Đức	Hạnh	18	34.64
85	Mr.	Lê Ngọc	Hung	18	50.00
86	Mr.	Nguyễn Ngọc	Khoan	18	100.00
87	Mr.	Nguyễn Khoa	Lộc	18	30.00
88	Mr.	Văn Đình	Phụng	18	30.00
89	Mr.	Nguyễn Thanh	Thăng	18	40.00
90	Mr.	Nguyễn Văn	Thiệt	18	50.00
91	Mr.	Hoàng Xuân	Thời	18	30.00
92	Mr.	Lã Quý	Trang	18	50.00
93	Mr.	Trịnh Bá	Tứ	18	30.00
94	Mr.	Nguyễn Văn	Xuân	18	30.00
95	Mr.	Nguyễn Công	Khanh	18	50.00
96	Mr.	Nguyễn Xuân	Toàn	18	30.00
97	Mrs.	Quách Xuân	Hương	18/1	50.00
98	Mr.	Nguyễn	Chí	19	30.00
99	Mr.	Đỗ	Đăng	19	30.00
100	Mr.	Nguyễn Vĩnh	Giám	19	34.20
101	Mr.	Hồ Văn	Hạc	19	30.00
102	Mr.	Phạm Kim	Khôi	19	20.00
103	Mr.	Đặng Đình	Liêu	19	50.00
104	Mr.	Nguyễn Hồng	Miên	19	50.00

105	Mr.	Lê Kim	Ngọc	19	30.00
106	Mr.	Nguyễn Thành	Phúc	19	50.00
107	Mr.	Kâng Tum	Son	19	30.00
108	Mr.	Nguyễn Phước	Tây	19	30.00
109	Mr.	Bùi Dương	Thanh	19	69.29
110	Mr.	Lý Văn	Thế	19	34.64
111	Mr.	Phan Văn	Thìn	19	50.00
112	Mr.	Nguyễn Hữu	Thuận	19	50.00
113	Mr.	Nguyễn Hồng	Trọng	19	20.00
114	Mr.	Trần Văn	Trữ	19	30.00
115	Mr.	Trần Cẩm	Tường	19	33.40
116	Mr.	Nguyễn Anh	linh	19	30.00
117	Mrs.	Hoàng Gia	Thái	19/1	25.00
118	Mrs.	Lương Thành	Lập	19/1	34.20
119	Mr.	Nguyen	Thomas	19/2	50.00
120	Mr.	Trần Kim	Bảng	20	20.00
121	Mr.	Trần Hữu	Bảo	20	40.00
122	Mr.	Phạm	Cang	20	50.00
123	Mr.	Nguyễn	Hai	20	50.00
124	Mr.	Nguyễn Thành	Hiếu	20	30.00
125	Mr.	Trần Thanh	Liêm	20	133.94
126	Mr.	Lê Quang	Liễn	20	30.00
127	Mr.	Ngô Đình	Lợi	20	30.00
128	Mr.	Trịnh Văn	Minh	20	33.40
129	Mr.	Nguyễn Cao	Nghiêm	20	30.00
130	Mr.	Hoàng Văn	Ngọc	20	30.00
131	Mr.	Nguyễn Cảnh	Nguyễn	20	50.00
132	Mr.	Võ	Nhẫn	20	50.00
133	Mr.	Hà Mạnh	Son	20	30.00
134	Mr.	Nguyễn Văn	Vọng	20	20.00
135	Mr.	Nelson	Chau	20	30.00
136	Mr.	Phan Thanh	Miên	20	50.00
137	Mr.	Nguyễn Hữu	Cước	21	50.00
138	Mr.	Võ Minh	Hòa	21	100.00
139	Mr.	Chiêm Thành	Hoàng	21	30.00
140	Mr.	Gia	Liên	21	30.00
141	Mr.	Cao Văn	Lợi	21	30.00
142	Mr.	Cao Mạnh	Nhẫn	21	50.00

143	Mr.	Hồ	Sắc	21	50.00
144	Mr.	Nguyễn Ngọc	Tùng	21	30.00
145	Mr.	Nguyễn Trung	Việt	21	50.00
146	Mr.	Nguyễn Thành	Chức	22	30.00
147	Mr.	Nguyễn Tấn	Hùng	22	30.00
148	Mr.	Trương Văn	Phổ	22	30.00
149	Mr.	Trương Văn	Quan	22	33.40
150	Mr.	Trương Văn	Tăng	22	50.00
151	Mr.	Phạm Xuân	Thiệp	22	34.20
152	Mr.	Trần Văn	Tiến	22	50.00
153	Mr.	Nguyễn Ngọc	Trạng	22	34.64
154	Mr.	Trần	Tham	22	30.00
155	Mr.	Đặng Văn	Anh	23	200.00
156	Mr.	Ngô Công	Cầm	23	34.64
157	Mr.	Nguyễn Văn	Cát	23	33.40
158	Mr.	Trần Như	Dy	23	33.40
159	Mr.	Lê	Hoành	23	50.00
160	Mr.	Trần Việt	Huân	23	34.20
161	Mr.	Tô Công	Minh	23	50.00
162	Mr.	Trương Tấn	Thiện	23	33.40
163	Mrs.	Trần Vĩnh	Thuần	23/1	50.00
164	Mr.	Bùi Văn	Tre	23	30.00
165	Mr.	Đỗ Mạnh	Trường	23	50.00
166	Mr.	Trần Văn	Tỷ	23	30.00
167	Mr.	Quách Vĩnh	Niên	24	50.00
168	Mr.	Ngô Hồng	Sương	25	50.00
169	Mr.	Nguyễn Văn	Bên	26	50.00
170	Mr.	Phạm Thanh	Bình	26	25.00
171	Mr.	Nguyễn	Đức	26	34.64
172	Mr.	Nguyễn Văn	Huân	26	33.40
173	Mr.	Nguyễn Quang	Lac	26	50.00
174	Mr.	Nguyễn Văn	Lương	26	100.00
175	Mr.	Nguyễn Đăng	Mộc	26	20.00
176	Mr.	Hoàng Trung	Nghĩa	26	100.00
177	Mr.	Phùng Công	Phước	26	34.64
178	Mr.	Vũ Thế	Thủ	26	30.00
179	Mr.	Đinh Đồng	Tiến	26	34.64
180	Mr.	Nguyễn Văn	Trí	26	50.00

181	Mr.	Phan Anh	Tuấn	26	50.00
182	Mr.	Cao Hồng	Đức	27	34.40
183	Mr.	Trần Văn	Hỗ	27	40.27
184	Mr.	Trương Văn	Hón	27	30.00
185	Mr.	Lương	Kiệt	27	20.00
186	Mr.	Châu	Lân	27	30.00
187	Mr.	Nguyễn Tấn	Long	27	30.00
188	Mr.	Nguyễn Duy	Niên	27	40.00
189	Mr.	Nguyễn Văn	Phụng	27	34.64
190	Mr.	Nguyễn Đức	Phương	27	50.00
191	Mr.	Quy Thiên	Quang	27	20.00
192	Mr.	Cái Hữu	Sáu	27	100.00
193	Mr.	Diệp Quốc	Vinh	27	50.00
194	Mr.	Vũ Văn	Chương	28	33.40
195	Mr.	Nguyễn Đình	Đức	28	33.40
196	Mr.	Nguyễn Trung	Long	28	100.00
197	Mr.	Lưu Văn	Lượng	28	27.72
198	Mr.	Trần Quang	Minh	28	30.00
199	Mr.	Nguyễn Trọng	Thuần	28	50.00
200	Mr.	Nguyễn Anh	Tuấn	28	50.00
201	Mr.	Lê Tấn	Tươi	28	34.64
202	Mr.	Nguyễn Đình	Lập	28	50.00
203	Mr.	Lê Văn	A	29	20.00
204	Mr.	Tsu A	Cầu	29	100.00
205	Mr.	Hồ	Đề	29	34.20
206	Mr.	Nghiêm Đoàn	Hiển	29	30.00
207	Mr.	Phạm Tấn	Lộc	29	20.00
208	Mr.	Đặng Thành	Long	29	30.00
209	Mr.	Phạm Kim	Ngọc	29	69.29
210	Mr.	Quách Vĩnh	Thọ	29	30.00
211	Mr.	Nguyễn	Trữ	29	30.00
212	Mr.	Trần Ngọc	Anh	30	30.00
213	Mr.	Cao Hữu	Hiển	30	34.20
214	Mr.	Võ Văn	Phước	30	34.64
215	Mr.	Trần Việt	Trung	30	50.00
216	Mr.	Hoàng Tôn	Long	31	34.20
217	Mr.	Lê Hồng	Phong	31	34.64
218	Mr.	Võ Tất	Thắng	31	50.00

219	Mr.	Trần Xuân	Hiền	VHV	69.29
220	Mr.	Lê Trọng	Lập	VHV	30.00
221	Mr.	Huỳnh Thu	Tâm	VHV	30.00
222	Mr.	Hà Đức	Bản	TH	60.00
223	Mr.	Đỗ Kim	Bảng	TH	15.00
224	Ms.	Nguyễn Thị	Bê	TH	50.00
225	Mr.	Cô Tấn Tinh	Châu	TH	50.00
226	Mr.	Lâm Ngọc	Chiêu	TH	25.00
227	Mr.	Trương	Cơ	TH	30.00
228	Mr.	Nguyễn Thành	Điều	TH	30.00
229	Mr.	Lê Đức	Hiền	TH	20.00
230	Ms.	Trần Thị	Hoa	TH	40.00
231	Ms.	Nguyễn Thị	Huệ	TH	50.00
232	Ms.	Nguyễn Thị Dạ Lan	Hương	TH	114.00
233	Mr.	Lâm Văn	Khánh	TH	50.00
234	Mr.	Lê Đặng	Khoa	TH	30.00
235	Mrs.	Lê	Nancy	TH	20.00
236	Mrs.	Nguyễn Thị Huyền	Nga	TH	50.00
237	Mr.	Nguyễn Văn	Ngàn	TH	20.00
238	Mr.	Lê	Nghiêm	TH	20.00
239	Mr.	Đặng Đức	Nghiêm	TH	50.00
240	Mr.	Nguyễn Thanh	Phong	TH	25.00
241	Mr.	Lê	Quang	TH	50.00
242	Mr.	Trương Văn	Thình	TH	20.00
243	Mr.	Vũ Đình	Thọ	TH	30.00
244	Mr.	Trần Ngọc	Thức	TH	50.00
245	Mr.	Bùi Ngọc	Tô	TH	25.00
246	Mrs.	Vũ Thị	Vân	TH	50.00
247	Mr.	Lưu Đức	Tín	TH	50.00
248	Mr.	Nhữ Văn	Hải	TH	100.00
249	Tổng Đoàn TTNDH				100.00
250	Hội VB Pennsylvania & Phụ Cận				200.00

TỔNG CỘNG 10570.60

Bảng Tổng Kết

(Tính tới ngày 10 tháng 4 năm 2019)

1. Chi phí cho Đa Hiệu 115:

- Ấn Loát	6,000.00
- Bru Phí trong Hoa Kỳ	1,746.20
- Bru Phí ngoài Hoa Kỳ	1,445.80
- Lệ Phí Ngân Hàng	119.80
- Chuyên Chở	350.00
- Hộp thư Đa Hiệu	182.00
- Phát Hành, Âm Thực & Linh tinh	580.00
- Bru Phí Phụ Trội + Dịch Vụ TS, VP Phẩm	692.75

Cộng = **11,116.55**

2. Thu:

- Quỹ còn lại sau Đa Hiệu 115	14,784.67
- Thu	10,570.60

Cộng = **25,355.27**

3. Tồn quỹ

25,355.27 - 11,116.25 = 14,239.02

Thưa các NT, các anh chị, và các độc giả,

Số tiền đang tồn quỹ là **\$14,239.02**. Trong phần này, **chi phí cho Tập San Đa Hiệu 116 mà quý vị đang cầm trên tay chưa được tính đến**. Chúng tôi mong được sự ủng hộ tài chánh mạnh mẽ của các độc giả. Sự quan tâm của quý vị đến hoạt động của Tập San Đa Hiệu luôn là động lực khích lệ chúng tôi.

*Trưởng Ban Trị Sự kiêm Thủ Quỹ Đa Hiệu.
Trần Trí Quốc, K 27*

Cám Ơn!

TRẢ LỜI THƯ TÍN



Đỗ Mạnh Trường, K23

1. Trả lời chung:

a. Ban Biên Tập đã nhận được các sáng tác của các NT, các sĩ quan Văn Hóa Vụ và Quân Sự Vụ, các phu nhân, anh chị thuộc đại gia đình Võ Bị, trong đó có các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu. Tuy nhiên, vì khuôn khổ tờ báo có giới hạn, chúng tôi không thể kịp đăng một số bài. Nếu trường hợp này xảy ra, rất mong quý vị thông cảm và lượng thứ. Chúng tôi sẽ xem xét lại khi chuẩn bị phát hành số tới.

b. Các độc giả đã có cơ hội đọc lướt qua những bút ký và các nhận định liên quan đến biến cố Tháng Tư Đen 1975, được đăng trong số báo này. Một giai đoạn đầy thương đau đã xảy ra cho mỗi gia đình và cho đất nước, cách đây 44 năm, mà kẻ gây ra chính là Cộng Sản Việt Nam. Một lần nữa quá khứ không thể nào quên lại hiện ra trong tâm trí của chúng ta mà định mệnh khắc nghiệt đã đè nặng lên thân phận con người, kẻ cả quốc gia đã được định đoạt qua bàn cờ chính trị tàn bạo của thế giới.

c. Đa Hiệu 117 dự trù sẽ được phát hành vào **tháng 9, 2019**. Ban Biên rất mong mỗi đón nhận các sáng tác của quý vị chậm nhất là ngày **1 tháng 8 năm 2019**. Tuy nhiên, chúng tôi mong mỗi sẽ nhận được bài của các cộng tác viên sớm hơn hạn chót để có thì giờ chuẩn bị kỹ lưỡng.

Như thường lệ, chúng tôi vẫn mong mỗi đón nhận những bài có nội dung liên quan đến cuộc chiến tranh Quốc Cộng,

đến thân phận người dân trước và sau cuộc chiến, đến gương anh dũng hy sinh của các chiến sĩ VNCH, ở các Quân Binh Chung, ở khắp mọi nơi, đặc biệt từ các CSVSQ/ VB. Ngoài ra chúng tôi cũng mong đón nhận các sáng tác về nhiều đề tài mà các cộng tác viên quan tâm.

BBT vẫn luôn khuyến khích và mong mỗi nhận thêm nhiều bài vở của các thể hệ kế thừa, của TTNDH với những chủ đề khác nhau mà các anh chị quan tâm. Các sáng tác mới của các anh chị luôn là những đề tài quan trọng. Độc giả của Tập San ĐH muốn nhìn thấy các hình ảnh của các anh chị nhiều hơn nữa. Các anh chị đang làm gì, đóng góp ra sao cho xã hội mới trên khắp thế giới và cho quê hương Việt Nam? Thành công của anh chị và gia đình cũng chính là thành công của cộng đồng tỵ nạn Việt Nam trên toàn thế giới.

e. Các sáng tác của các cộng tác viên có thể được đánh máy gửi qua email, hoặc viết tay. Quý vị có thể dùng mọi software tiếng Việt, có dấu hoặc không dấu, với mọi loại font chữ và không cần thiết phải format. Xin cho biết xuất xứ, hoặc khóa nếu là CSVSQ, để chúng tôi tiện xưng hô, cũng như nếu có thể cho chúng tôi số điện thoại, hoặc email để tiện liên lạc.

2. Bà Bùi Đình Đạm, K1/1:

Chúng tôi đã nhận được check của bà gửi tặng Tập San Đa Hiệu. Mặc dù thời gian đã trôi qua, bà vẫn không quên nhớ đến Tập San và vẫn muốn vun bồi cho sinh hoạt của các CSVSQ Võ Bị. Đối với chúng tôi, NT Đạm luôn là con chim đầu đàn và luôn nhận được lòng kính trọng của các đàn em hậu tiến. Cảm ơn bà.

3. Anh Nguyễn Xuân Cung, K6/2 Đình Bộ Lĩnh:

Anh đã viết: *“Tôi chúc Đa Hiệu sẽ sống mạnh để chúng ta còn được nhìn thấy một nước Việt Nam tự do, đa đảng (không Cộng Sản), tôn trọng dân chủ, và tự do ngôn luận.”*

Cảm ơn anh về nhận xét tích cực dành cho Tập San. Những lời chúc của anh cũng là những ước vọng mà chúng tôi mong

sẽ thực hiện được.

4. NT Lê Ngọc Diệp, K12:

Thật cảm động khi đọc được vài lời nhận xét của NT đối với Tập San Đa Hiệu. Lời khích lệ của NT đã khiến chúng tôi vô cùng cảm kích và giúp chúng tôi làm việc tích cực. Cảm ơn NT đã quan tâm đến Tập San Đa Hiệu.

5. Cô Cao Xuân Thanh Ngọc, K14/2:

Tôi có dịp đọc bài viết của cô “**VÀI NHẬN XÉT VỀ BỘ PHIM CHIẾN TRANH VIỆT NAM CỦA KEN BURNS & LYNN NOVICK**”, gần đây. Tôi vô cùng thích thú về những nhận xét này. Bài viết cho thấy những lý luận chính xác và hợp lý của cô trả lời tính cách “thiếu công bằng” của người làm bộ phim trên. Mong cô vững vàng tiến bước trên con đường tranh đấu cam go cho một Việt Nam độc lập, no ấm, và đầy đủ nhân quyền.

6. NT Nguyễn Văn Dục, K17:

Cám ơn NT và Hội VB Pennsylvania về những yểm trợ không thể thiếu cho Tập San Đa Hiệu. Nhân dịp tổ chức Tân Niên 2019, NT và Hội Võ Bị Pennsylvania cũng vẫn không quên tổ chức đóng góp ủng hộ cho quỹ Tập San. Đa Hiệu tiếp tục hoạt động được cũng là nhờ những đóng góp tích cực của các độc giả, cũng như của quý Hội và NT. Chúng tôi thật may mắn luôn nhận được những khuyến khích và cổ vũ của NT.

7. NT Nguyễn Trần, K19:

Tôi đã nhận được các bài thơ của NT gửi cho Đa Hiệu. Những bài thơ rất hay này đã diễn tả được tâm trạng của một chiến binh VNCH trong lửa đạn, trong đó lý tưởng phục vụ đất nước và tình yêu lứa đôi được hòa lẫn với nhau. Các bài thơ này sẽ được tuần tự đăng trong các số Đa Hiệu sắp tới. Cảm ơn NT.

8. CSVSQ Phan Anh Tuấn, K26:

Cám ơn anh về tinh thần lạc quan và thái độ tích cực dành

cho Tập San. Mong có dịp gặp anh.

9. Giáo Sư Trần Xuân Hiện, Văn Hóa Vụ:

Cám ơn Giáo Sư đã luôn quan tâm đến Tập San ĐH và gửi bài đăng. Bài viết của Giáo Sư luôn gây ngạc nhiên và thích thú cho độc giả khi biết rằng tác giả ở một nơi rất xa của nước Mỹ, ở tận Châu Úc của Nam Bán Cầu, nơi mọi người mong muốn có dịp ghé thăm. Xin chúc Giáo Sư nhiều sức khỏe.

10. Ông **Vũ Văn** (thuộc gia đình của các NT Vũ Thế Mẫn và Vũ Thế Minh, K15):

Ông viết, “*Trong bài Ngắn Gọn về TVBQGVN, khi viết về anh em ruột theo học cùng một khóa, đã thiếu: Khóa 15 có một cặp, vì Vũ Thế Minh và Vũ Thế Mẫn là hai anh ruột của tôi.*”

Anh Mẫn đã tử trận năm 1967 khi đang là Quận Trưởng Quận Triệu Phong, Quảng Trị. Thi hài, ba ngày sau mới lấy được ra khỏi mặt trận, về tới Saigon trong “hòm gỗ cài hoa” trên trục thẳng!!! “

Chúng tôi cảm ơn lời góp ý của ông. Chúng tôi sẽ thêm vào bài viết phần bổ túc này và điều chỉnh ngay trên website. Việc góp ý của các độc giả, luôn quan trọng, đã giúp chúng tôi bổ túc những phần còn thiếu sót cho Lịch Sử TVBQGVN.

Khi đọc đến NT Mẫn đã hy sinh, chúng tôi không khỏi bồi hồi và xúc động. Xin cho chúng tôi được nghiêng mình tưởng nhớ đền gương hy sinh cao cả đó.

11. Chiến Hữu Lê Tấn Lực, Biệt Cách Dùi:

Anh viết: “*Tôi thật sự hân hoan, khi nhận điện thư của anh thông báo: “ĐH115 đã được phát hành vào Chủ Nhật 13/1/2019.” Tôi xin chân thành cảm ơn anh đã cho tôi thỉnh thoảng, được kể lại những chiến tích của Liên Đoàn 81 BCND, trên mảnh đất nhiều “trăm hoa đua nở” của Đa Hiệu.*”

Thân chúc Đa Hiệu Năm Mới 2019 phát triển tốt đẹp và là gạch nối hữu hiệu, thắt chặt tình Đồng Môn bất biến của một

Quân Trường đào tạo sĩ quan tiêu biểu bậc nhất của Quân Lực VNCH.”

Cám ơn anh Lực đã luôn quan tâm đến Tập San Đa Hiệu và đã gửi bài đăng. Đúng như anh viết, những sáng tác mới của anh đã tăng thêm hương sắc cho Tập San Đa Hiệu và thể hiện tình thân đồng đội luôn gắn bó của các cựu quân nhân QLVNCH với nhau, trong đó có chúng ta. Cám ơn anh về ước muốn tốt đẹp dành cho chúng tôi. Chúng tôi đang cố gắng làm như vậy.

12. Chị Nguyễn Thị Huyền Nga, thân hữu:

Chị viết, *“Ước mong mỗi kỳ báo đều có bài viết của TTNDH, đã đem lại rất nhiều hy vọng ở thế hệ tương lai của một Việt Nam Tự Do và không Cộng Sản.*

Những bài viết bài thơ luôn đem lại những cảm xúc buồn vui, những thương nhớ kỷ niệm ngày xưa, kể cả những hiểu biết về tin tức, thời sự...”

Cám ơn chị! Đa Hiệu thật may mắn có một độc giả như chị. Sau mỗi số báo, chị thường gửi cho chúng tôi những nhận xét về từng tác giả. Rất may mắn chị đều có lời khen tặng họ, mà tôi không thể đăng ra hết.

Hẹn Gặp Lại!



PHÂN ƯU

Cựu Thiếu Tướng **LÊ NGỌC TRIỂN**, K2/ TVBQGVN

Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh (1969-1972)

Tham Mưu Phó Hành Quân Bộ Tổng Tham Mưu,
Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Từ trần ngày 17 tháng 1 năm 2019

Tại Indio, California, Hoa Kỳ

Hưởng đại thọ 93 tuổi.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Sự ra đi vĩnh viễn của các CSVSQ, hoặc thân nhân đã nêu trên là những tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị và cho gia đình mỗi người.

Nguyện cầu linh hồn những người đã khuất sớm được về cõi vĩnh hằng.

Ban Chấp Hành Tổng Hội

Ban Tư Vấn và Giám Sát

Đại diện 31 khoá CSVSQ TVBQGVN

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

PHÂN ƯU



CSVSQ PHẠM VĂN HÂN, K2/ TVBQGVN

Từ trần ngày 24 tháng 1 năm 2019

Tại Westminster, California, Hoa Kỳ

Hưởng thượng thọ 96 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN HỮU PHỤNG, K5/ TVBQGVN

Pháp danh THIÊN AN

Từ trần ngày 03 tháng 01 năm 2019

Tại Shoreline, Washington, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 90 tuổi.

CSVSQ ĐỖ VĂN DIỄN, K5/ TVBQGVN

Đã được Chúa cất về ngày 20 tháng 2 năm 2019

Tại Melbourne, Úc Đại Lợi

Hưởng thọ 86 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN ĐÌNH AN, K5/ TVBQGVN

Pháp danh: Nhuận Bình

Đã từ trần ngày 20 tháng 2 năm 2019

Tại San Bernadino, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 88 tuổi.

CSVSQ BÙI NGỌC ANH, K7/ TVBQGVN

Từ trần lúc 8:00 sáng ngày 09 tháng 03 năm 2019.

Tại Dallas, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 87 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN HỮU BIỂU, K10/ TVBQGVN

Đã từ trần ngày 28 tháng 2 năm 2019

Tại Raleigh, North Carolina, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 84 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN NGỌC ẮN, K10/ TVBQGVN

Từ trần vào ngày 24 tháng 3 năm 2019

Tại Renton Washington, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ TRẦN NGỌC HUỲNH, K12/ TVBQGVN

Đã mất ngày 1 tháng Hai, 2019 lúc 3:30 sáng

Tại Houston, Texas.

Hưởng thọ 87 tuổi.

Hiên thê của cô **CSVSQ Nguyễn Vy, K14/ TVBQGVN**

Bà **HỒ THỊ HUỆ**

Đã từ trần ngày 29 tháng 01 năm 2019

Tại Orange County, California, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 81 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN MỸ UẤN, K15/ TVBQGVN

Từ trần ngày 30 tháng 1 năm 2019

Tại Westminster, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 82 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN ÁNH LÊ, K16/ TVBQGVN

Từ trần ngày 27 tháng 3 năm 2019

(nhằm ngày 21 tháng 02 năm Kỷ Hợi)

Tại Saint Louis, Missouri, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 81 tuổi.

CSVSQ TRẦN VĂN THUẬN, K17/ TVBQGVN

Từ trần vào ngày 22 tháng 2 năm 2015

Tại Herndon, Virginia, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 80 tuổi.

Nhạc phụ **CSVSQ Vũ Cao Phan, K19/ TVBQGVN**

Cụ Ông Phê-Rô **NGUYỄN NGÔ QUYẾN**

Từ trần ngày 18 tháng 2 năm 2019

Tại Lynnwood, Washington, Hoa Kỳ.

Hưởng thượng thọ 92 tuổi.

CSVSQ HỒ VĂN ĐẠI, K20/ TVBQGVN

Vừa từ trần ngày 19 tháng 01 năm 2019

Tại San Jose, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 80 tuổi.

CSVSQ TRƯƠNG DUỠNG, K20/ TVBQGVN

Vừa từ trần ngày 12 tháng 2 năm 2019

Tại Boynton Beach, Florida, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 77 tuổi.

CSVSQ Phaolo NGUYỄN XUÂN HÒE, K20 / TVBQGVN

Đã được Chúa gọi về ngày 6 tháng 3 năm 2019

Tại Nam California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 76 tuổi

CSVSQ VÕ CÔNG DANH, K20/ TVBQGVN

Từ trần vào ngày 22 tháng 3 năm 2019

Tại San Diego, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 75 tuổi.

CSVSQ TÔ CÔNG MINH, K23/ TVBQGVN

Từ trần ngày 02 tháng 4 năm 2019

Tại Mountain View, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 76 tuổi.

CSVSQ PHẠM MINH TÂM, K25/ TVBQGVN

Pháp danh: Trung Tín

Tốt nghiệp niên khóa 1974 tại Trường V.B. West Point, Hoa Kỳ

Vừa từ trần ngày 28 tháng 2 năm /2019

Tại Montgomery County, Maryland, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 70 tuổi.

Nhạc Phụ của CSVSQ Võ Khôi, K25/ TVBQGVN

Cụ ông **NGUYỄN MINH THIỆN**

Pháp danh Nhật Khai

Mãn phần ngày 6 tháng 3 năm 2019

Tại Nam California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 92 tuổi.

CSVSQ NGÔ VĂN LẠ, K27/ TVBQGVN

Từ trần ngày 21 tháng 2 năm 2019

Tại Phan Thiết, Bình Thuận, Việt Nam

Hưởng thọ 70 tuổi.

CSVSQ NGÔ VĂN LIÊM, K27/ TVBQGVN

Vừa từ trần ngày 28 tháng 2 năm 2019

Tại Châu Đốc, Việt Nam

Hưởng thọ 68 tuổi.

Hiên thê của CSVSQ Trần Hữu Đức, K29/ TVBQGVN

Bà MARIA NGUYỄN THỊ NGỌC VINH

Đã được Chúa gọi về ngày 20 tháng 01 năm 2019

Tại bệnh viện Stanford, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 65 tuổi.

Thân Phụ CSVSQ Nguyễn Gia Thiếu, K30/ TVBQGVN

Cụ Ông GIUSE MARIA NGUYỄN GIA QUYẾN

Vừa từ trần ngày 15 tháng 3 năm 2019

tại San Jose, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 84 tuổi

Thân mẫu của CSVSQ Nguyễn Ngọc Báu, K31/ TVBQGVN

Cụ bà TRẦN THỊ TỴ

Pháp danh Diệu Tâm

Từ trần ngày 4 tháng 2 năm 2019

Tại tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 90 tuổi.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Sự ra đi vĩnh viễn của các CSVSQ, hoặc thân nhân đã nêu trên là những tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị và cho gia đình mỗi người.

Nguyện cầu linh hồn những người đã khuất sớm được về cõi vĩnh hằng.

Ban Chấp Hành Tổng Hội

Ban Tư Vấn và Giám Sát

Đại diện 31 khoá CSVSQ TVBQGVN

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

THANH THIẾU NIÊN



ĐA HIỆU